

# Kim Cang Tông Thông

NAM NHẠC SƠN TRƯỞNG KIM GIẢN  
TĂNG PHỤNG NGHI THUẤN TRÙNG  
*THIỆT ĐỀ.*



*THÍCH NHUẬN CHÂU*  
*chuyên ngữ Việt văn.*

Hạ An cư-2006

**Tựa**



Kinh Kim Cang Là bộ Kinh quan trọng của tư tưởng Đại thừa.

Từ tư tưởng chủ đạo của Kinh này mà hình thành nên những tông phái như Trung quán, Duy thức, Tam luận tông. Những pháp môn tu tập như Thiên tông, Tịnh độ tông, Mật tông... đều rút tĩa những tư

tướng chính trong Kinh để hành trì nhằm nhận ra chân tâm, hàng phục vọng tâm và an trụ trong bản tâm. Và chính là qua Kinh này mà giáo lý Bát-nhã được nghiên cứu cũng như hành trì sâu rộng.

Chúng ta biết được sự truyền thừa của kinh này qua việc ấn chứng từ Ngũ tổ Hoằng Nhãn cho ngài Huệ Năng. Trước đó, từ Sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma truyền cho ngài Huệ Khả, ngài truyền Kinh Lăng Già để làm tâm ấn. Nhưng từ Ngũ tổ Hoằng Nhãn, Thiên tông đã khởi sắc và phát triển theo một chiều hướng mới để thích nghi với căn cơ và nền tảng văn hóa Trung Hoa, nên Ngài mới dùng Kinh Kim Cang để truyền thừa thay vì kinh Lăng-già. Từ đó, Kinh Kim Cang đã đóng một vai trò đặc biệt rất then chốt trong sự lan toả mạnh mẽ của Phật giáo cũng như Thiên tông Trung Hoa và sau đó lan rộng ra các nước Đông Nam Á.

Khi Thiên tông đã đưa Phật giáo Trung Hoa đến đỉnh cao nhất thì cũng là lúc Kinh Kim Cang được chú ý đến nhiều nhất của mọi giới, từ giới hành trì tu chứng cho đến giới trí thức học giả chuyên nghiên cứu Phật giáo. Trào lưu này đã đẩy mạnh việc phiên dịch Kinh Kim Cang đến chỗ hoàn chỉnh nhất với sáu bản dịch từ tiếng Sanskrit sang Hán văn. Và số bản dịch ấy, cho đến ngày nay vẫn không tăng thêm một bản nào được xem là có giá trị ngang tầm với 6 bản đó, đã chứng thực cho nhân định này.

Sáu bản dịch đó, được sắp xếp theo thời gian như sau:

1. Cưu-ma-la-thập (s: Kumārajīva): nhan đề Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, được dịch đầu thế kỷ 5 (Đại Chính Tạng, tập 8).

2. Bồ-đề Lưu-chi (s: Bodhiruci): Nhan đề Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh. Dịch đầu thế kỷ 6—Niên hiệu Vĩnh Bình nguyên niên –508)

3. Chân Đế (s: Paramārtha; 499-569. Nhan đề Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh. Dịch vào giữa thế kỷ 6—

4. Cấp-đa, (s: Dharmagupta, (590-619), Hán dịch Pháp Mật). Tên kinh Kim Cang Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh. Dịch vào cuối thế kỷ 6

5. Huyền Tráng: Tên kinh Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh, Dịch vào giữa thế kỷ 7.

6. Nghĩa Tịnh (635-713). Tên kinh Phật Thuyết Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh. Dịch vào đầu thế kỷ 8.

Dịch từ Sanskrit sang tiếng Anh: Có 1 bản dịch: của Edward Conze, Luân đôn,

1957. Bản dịch Việt của Lê Pháp.

Còn nhiều bản dịch tiếng Anh của nhiều tác giả khác, nhưng phần nhiều đều dịch từ bản tiếng Hán của ngài Cưu-ma-la-thập. Chỉ có bản của dịch của Edward Conze là dịch từ tiếng Sanskrit, có tính nguyên uỷ hơn, và tất nhiên được giới nghiên cứu căn cứ nhiều hơn.

Khi một bản Kinh đã có sự định hướng cũng như khơi động rất mạnh tận chiều sâu tâm thức con người như vậy, tất sẽ có các pháp môn tu tập hình thành từ Kinh Kim Cang, từ đó phải cần có những luận giải, chú thích, giảng luận về bộ kinh này để đáp ứng cho việc hành trì. Chính Lục tổ Huệ Năng, đương thời cũng đã dùng Kinh Kim Cang để giảng giải và sau này, môn đệ đã ghi chép lại thành một tập, nhan đề là Kinh Kim Cang Khẩu quyết.

Các bản luận giải tạm ghi nhận như sau:

*\*Tiếng Sanskrit:*

- *Bát thập kệ của Bồ-tát Di-lặc. Còn gọi Di-lặc Bồ-tát tụng.*

- *Kim cang Bát-nhã Luận* của Ngài Vô Trước. K

- *Kim cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh Luận* của Ngài Thế Thân. K

- *Kim cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh Phá thủ tướng Bất hoại Giả danh Luận* của ngài Công Đức Thi K

*\*Tiếng Hán:*

- *Kim cang kinh chú* của ngài Tăng Triệu, đời Hậu Tần.

- *Kim cang Kinh nghĩa sớ* của ngài Cát Tạng. Đời Tuỳ.
  - *Kim cang Kinh sớ* của ngài Trí Khải. Đời Tuỳ.
  - *Kim cang kinh Chú sớ* của ngài Huệ Tịnh. Đời Đường.
  - *Kim cang Kinh Lược sớ*, của ngài Trí Nghiễm, Đời Đường.
  - *Kim cang kinh toán thuật*, của ngài Khuy Cơ, Đời Đường.
  - *Kim cang kinh giải nghĩa, Kim Cang Kinh Khẩu Quyết*, của Lục tổ Huệ Năng, Đời Đường.
  - *Kim cang Kinh Sớ luận Toàn yếu*, của ngài Khuê Phong Tông Mật, Đời Đường.
  - *Kim cang Bát-nhã ba-la-mật kinh giảng kí*, của ngài Ân Thuận, thời cận đại.
- Về các luận giải từ tiếng Sanskrit, chúng ta

thấy một điều đặc biệt là các nhà tạo luận đều là tỳ tổ của Du-già hành tông (Yogācāra), hay còn gọi là Duy thức hay Pháp tướng tông. Cho chúng ta thấy qua cái nhìn của các vị này, từ khởi thủy của nền học thuật và tư tưởng trên chính mảnh đất quê hương Ấn Độ, Kinh Kim Cang đã có một vai trò rất lớn trong Du-già hành tông. Nên chẳng ngạc nhiên gì khi ngài Huyền Trang đã có một bản dịch rất đặc sắc về kinh này. Và sau đó, môn đệ của ngài là Khuy Cơ cũng góp phần bằng một bản luận giải. Nhưng điều đáng chú ý là Khuy Cơ đã không dùng bản dịch của ngài Huyền Trang, thầy mình, mà lại dùng bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập để chú giải.





## VỀ TÁC GIẢ VÀ CÁC LUẬN GIẢI ĐƯỢC DÙNG TRONG SÁCH NÀY

Tăng Phụng Nghi là một Cư sĩ Phật giáo người Trung Quốc, sống vào đời Minh, quê ở Hành Châu (nay là huyện Hành Dương, tỉnh Hồ Nam), tự là Thuần Trung, hiệu Kim Giản. Làm quan đến chức Lễ Bộ Lang Trung.

Ông rất thông minh và hiếu học, chuộng lý học của Lục Tượng Sơn. Sau khi lui về quê ẩn cư, ông lập trường giảng dạy, môn đồ rất đông. Tình cờ gặp một vị tăng. Hai người tranh luận, trải ba ngày ông mới chịu khuất phục. Từ đó ông kính tin Phật pháp, giữ giới ăn chay, nghiên cứu kinh luận, nỗ lực tham cứu. Một hôm thấy mặt trăng lặn, mặt trời mọc, hoát nhiên đại ngộ,

nghi ngại tiêu sạch, được ý chân thật của cả Nho và Phật. Sau đó viết sách, lập thuyết lưu truyền.

Tác phẩm của ông gồm có: Thủ-lăng-nghiêm Kinh Tông Thông, Lãng-già Kinh Tông Thông, Kim Cang Tông Thông Kinh.<sup>1[1]</sup>

Tất cả ba tác phẩm của ông đều có tên là Tông thông. Ý nghĩa được trình bày qua bài Duyên khởi trong Thủ-lăng-nghiêm Kinh Tông Thông:

*Nhờ các vị Lão túc để làm rõ nghĩa kinh chứ chẳng phải tự nơi tôi, và lấy việc tỏ ngộ của chư tổ thiên tông để soi sáng kinh, chớ chẳng phải lấy văn tự kiến giải mà giảng. Bèn đặt tên là Tông thông. Tông thông cùng với thuyết thông, phải tự đắc bản tâm thì mới cùng với các bậc Lão túc*

---

<sup>1[1]</sup>Theo: Hành Châu Phủ Chí.

*mặc áo gặp nhau*.<sup>2[2]</sup>

Và Duyên khởi trong Kinh Kim Cang Tông Thông của ông:

*Nói rằng (thiền) tông tức giáo, đó là lời nói hiển nhiên, lời nói không ngăn ngại, đều thuộc về sự giải thích rõ ràng. Nói giáo tức tông (thiền), là Như Lai thiền, Tổ sư thiền, tất cả đều được xếp cạnh nhau, đều gom về tiêu dung trong tự kỷ. Niêm hoa cùng với cử lên các câu kệ có gì khác nhau. Thấu rõ mỗi bên, cái thấy cái nghe có gì là khác nhau. Ở đây ắt tông thông tức là chìa khoá để mở bày ý kinh, thuyết thông tức là cánh cửa để thể nhập vào chứng ngộ.*

(Duyên khởi Kim Cang Tông Thông Kinh)

*Như vậy là bản ý của Tông thông đã rõ ràng, như lời của ngài Vĩnh Gia Huyền Giác trong Chứng Đạo Ca:*

<sup>2[2]</sup>Bản dịch tiếng Việt của Nhãn Tế Thiền sư (Thubten Osall Lama), chùa Tây Tạng Bình Dương. Năm 1997.

*Tông diệc thông thuyết diệc thông*  
 宗亦通說亦通  
*Định huệ viên minh bất trệ không.*  
 定慧圓明不滯空

Về Kinh văn, Tăng Phụng Nghi đã dựa vào bản dịch tiếng Hán của ngài Cưu-ma-la-thập, có một vài đoạn, ông có đối chiếu thêm bản dịch của ngài Huyền Trang để làm rõ nghĩa hơn ý của kinh văn, đồng thời lấy đó làm chỗ y cứ cho phần chú giải của ông.

*Nếu như ngài Cưu-ma-la-thập tự dịch theo ý mình, thì nghiệp quả sẽ thị hiện niềm tin ở cái lưỡi;<sup>3[3]</sup> mà minh chủ vua Diêm-la thấy có linh nghiệm, nên ban chiếu bổ túc những thiếu sót khắc vào trong đá. Chúng sinh khi mạng chung, huệ mạng nhờ đó được tăng trưởng. Cho đến thấy sắc nghe tiếng, nên còn lưu lại bài kệ bốn câu: Như lộ diệc như điển. Lại càng thiếu sót ba*

<sup>3[3]</sup>Do phát nguyện của Cưu-ma-la-thập, nếu dịch kinh khế hợp ý Phật thì khi tịch, sau khi trà tì thì cái lưỡi của người vẫn còn nguyên vẹn.

*duyên. Luận giải về bài kệ đã rõ ràng. Kinh văn làm sao lược bớt được. Lấy thêm bản dịch của Ngài Huyền Trang để hoàn bị thêm cho cái nhìn thấu đáo, dịch thêm phần bài kệ, và ghi chú thêm ở phần cuối.*

(Duyên khởi Kim Cang Tông Thông Kinh)

Về các luận giải dùng trong sách này, về các tác giả Ấn Độ, Tăng Phụng Nghi đã trích dẫn nhiều nhất là Bát thập kệ của Bồ-tát Di-lặc, còn gọi Di-lặc Bồ-tát tụng. Bản thứ hai là *Kim cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh Phá thủ tướng Bất hoại Giả danh Luận* của ngài Công Đức Thi, do Sa-môn Địa-bà-ha-la 沙門地婆訶羅 dịch vào đời Đường.

Các luận giải của các Tăng sĩ Trung Hoa được Tăng Phụng Nghi dùng trong tập sách này là *Lương Triều Phó Đại sĩ tụng*

*Kim Cang Kinh*.<sup>4[4]</sup> Về tác giả này, có nhiều nét khá kỳ đặc xin ghi nhận vài điều như sau:

Phó Đại sĩ (497-569), tên là Phó Hấp. Còn gọi: Thiện Huệ Đại Sĩ, Ngự Hành Đại Sĩ, Song Lâm Đại Sĩ, Đông Dương Đại Sĩ, Ô Thương Cư sĩ.

Cư sĩ Trung Quốc sống vào đời Lương thuộc Nam Triều, người Ô Thương, Đông Dương (nay là huyện Nghĩa Ô, Chiết Giang), tự Huyền Phong, hiệu Thiện Huệ, cùng với Ngài Bảo Chí (Chí Công) được tôn xưng là hai vị Đại Sĩ đời Lương.

Khi chưa gặp đạo, ngài thường cùng người làng lưới cá, mỗi lần được cá thì đựng vào lồng tre, dìm sâu xuống nước và nói: “Con nào muốn đi thì đi, không muốn đi thì ở lại.” Người đời cho Ngài là ngu. Năm 16 tuổi, Ngài cưới con gái họ Lưu là Diệu

<sup>4[4]</sup>梁朝傅大士頌金剛經 No. 2732 [cf. No. 235]

Quang sanh hai con là Phở Kiến, Phở Thành. Năm 24 tuổi, lúc đang đánh cá ở sông Nghi, Ngài gặp được vị tăng Ấn Độ là Tung Đầu-đà ( có thuyết cho đó là ngài Đạt-ma) liền bỏ ngư cụ đi vào núi Tùng, huyện Ô Thương, kết am dưới cây song đào tu tập.

Đời Lương, năm 534, Ngài sai đệ tử là Phó Vãng dâng thư lên vua Vũ Đế hiến sách lược về ba điều lành thượng, trung, hạ. Tháng 12 nhuận, Vua mời Ngài vào cung, giảng kinh ở điện Trùng Vân. Vua đích thân đến nghe. Mọi người thấy Vua đến đều đứng dậy, chỉ mình Ngài ngồi im, quần thần gạn hỏi, Ngài nói: “Đất pháp nếu động thì tất cả chẳng an.” Việc này về sau được truyền tụng thành giai thoại trong Thiền lâm.

Năm 535, Ngài về núi Tùng, năm năm sau lại đến Chung Sơn, bàn luận chân đế với

Vua ở điện Thọ Quang, làm kệ tụng trình Vua. Năm 540 có thuyết nói năm 539, Ngài xây cất điện Phật, tháp gạch 9 tầng giữa các cây song đào ở núi Tùng, tức chùa Song Lâm, ở tại đây Ngài biên chép hơn 1000 quyển kinh, luật.

Đời Trần, năm 569, Ngài nhóm đệ tử lại răn dạy xong, ngồi kiết-già thị tịch, thọ 73 tuổi. Đệ tử an táng trên đỉnh núi Song Lâm, hiệu là Di-lặc Hạ Sanh.

Tác phẩm gồm có Tâm Vương Minh, Ngũ Lục 4 quyển, Hoàn Nguyên Thi.

Luận giải thứ hai của các Tăng sĩ Trung Hoa được Tăng Phụng Nghi dùng trong tập sách này là *San định ký*<sup>5[5]</sup> của ngài Tử Tuyên. Ngài là một Cao Tăng Trung Quốc (965-1038), thuộc tông Hoa Nghiêm, sống vào đời Bắc Tống, người ở Tiền Đường, Hàng Châu (có thuyết nói là Gia Hưng, Tú

<sup>5[5]</sup> 宋 嘉禾長水法師 子璿 金剛刊定記



Châu), Trung Quốc, họ Trịnh, hiệu Đông Bình, còn gọi là Trường Thủy Đại Sư.

Năm 9 tuổi, Sư thờ ngài Khế Tông chùa Phổ Huệ làm thầy, chuyên trì tụng Kinh Lăng Nghiêm. Năm 13 tuổi Sư thọ giới Cụ túc. Lúc đầu, Sư học giáo pháp Hoa Nghiêm nơi ngài Tú Châu Hồng Mẫn, sau tham yết ngài Lang Da Huệ Giác mà có tỉnh ngộ, ngài Huệ Giác bảo sư trở về quê mở mang giáo pháp Hoa Nghiêm. Sư trụ trì chùa Trường Thủy, lập giảng đường dạy Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm. Đồ chúng đến ngàn vị. Sư có công rất lớn trong việc chấn hưng lại tông Hoa Nghiêm đời Tống. Năm 1013, Hàn Lâm học sỹ Tiền Công Dị tâu vua ban cho Sư tử y đồng thời ban hiệu Trường Thủy Sớ Chủ Lăng Nghiêm Đại Sư.

Sư thị tịch năm 1038, thọ 74 tuổi.

Tác phẩm gồm có: Thủ-lăng-nghiêm Nghĩa Sớ Chú Kinh 20 quyển, Thủ-lăng-nghiêm Kinh khoa 2 quyển, Kim Cang Bát Nhã Kinh Toàn Yếu Khoa 1 quyển, Đại Thừa Khởi Tín Luận Bút Tước Ký 20 quyển.

Về bố cục trong sách này, đã dựa theo cách đề ra 27 mối nghi về tư tưởng Kinh Kim Cang từ trong Luận giải của Thế Thân nhan đề Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh Luận. Như Tăng Phụng Nghi trình bày trong phần duyên khởi:

*Cùng theo đó là phụ lục của Bồ-tát Thế Thân, phân tích 27 mối nghi ắt phải đoạn sạch. Chủ yếu là phô bày pháp thể, phá trừ khái niệm, phàm đã có tướng đều cho là không. Thứ đến ý chỉ phá trừ các tướng lại càng vi tế, mà cái thấy như huyễn dần dần càng trở nên ẩn mật khi đã nhập vào trú địa.*

(Duyên khởi Kim Cang Tông Thông Kinh)

Sau mỗi đoạn, Tăng Phụng Nghi lại dùng những tác công án, những niềm tụng của thiền sư, được trích trong các Ngũ lục quan trọng của Thiền tông. Về các tác phẩm này và các Thiền sư, chúng tôi có chú thích ở dưới để người đọc tiện theo dõi.

Về duyên khởi hình thành tập sách này của Tăng Phụng Nghi, ông có ghi rõ như sau:

*Khoảnh khắc hữu duyên của tiên quân chợt hết, nên mỗi ngày đều tụng Kinh Kim Cang. Nhân nơi mộ thứ mà tham cứu, nên viết thành sách này. Mong mỗi được thấm nhuần sương móc, hầu mong được thấm nhuần hình hài khô lạnh, nương nơi Kim Cang để gom chứa thể hình.*

(Duyên khởi Kim Cang Tông Thông Kinh)

Chúng tôi vẫn chưa rõ được tiên quân mà

Tăng Phụng Nghi đề cập trong này là ai. Xin chờ sự bổ khuyết cho của các bậc thức giả.

Chúng tôi cũng chỉ theo dấu người xưa để làm cái việc chẳng xứng chút nào với công hạnh của các ngài. Chỉ mong mạo muội chuyển được ý các ngài qua chữ nghĩa. Chắc hẳn là các ngài sẽ có lắm phiền trách. Con xin cúi đầu nhận tội vì tài hèn sức mọn, không thể nào chuyển hết tâm nguyện của các ngài, xin các Ngài từ bi lượng thứ.

Trân trọng cầu thỉnh các bậc thức giả cùng người đọc bổ khuyết cho những điều còn bất toàn trong bản dịch này.



Thích Nhuận Châu  
Tịnh Thất Từ Nghiêm  
Hạ An Cư, 2006.



CHÁNH

VĂN

# KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT- ĐA KINH TÔNG THÔNG



## Thông rằng:

Nhan đề của Kinh này là Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã là đệ nhất trong các Ba-la-mật. Các Đức Như Lai vì những người phát tâm Đại thừa, vì những người phát tâm tối thượng thừa mà giảng nói kinh này, nên chẳng thể đem trí huệ tầm thường mà luận bàn được. Và lại Tu-bồ-đề tán thán Như Lai khéo hộ niệm các Bồ-tát, khéo phó chúc cho hàng Bồ-tát, vì chỉ trong giai vị Bồ-tát mới chân thực phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác (A-nậu-đa-



la Tam-miêu tam-bồ-đề). Hộ niệm các Bồ-tát là để thể hiện tâm thường trú; phú chúc là để thuận tiện trong việc độ thoát chúng sinh. Cần phải có trí huệ vi diệu để hàng phục được tâm, mới mong chúng được Vô thượng bồ-đề của Như Lai, nên Đức Phật mới nói Kinh Kim cang Bát-nhã cho hàng Bồ-tát. Do hàng Bồ-tát khi tu tập đến tư lương vị, gia hạnh vị, đã chứng tam không, được vô sanh pháp nhẫn; đến thông đạt vị, tức hàng sơ địa Bồ-tát, chúng được từng phần chân như mà vẫn còn câu sanh ngã chấp; Bồ-tát đến hàng bát địa, đã xả bỏ tàng (thức), vẫn còn câu sanh pháp chấp. Hai thứ chấp này (ngã chấp, pháp chấp), mỗi thứ đều có sở tri ngu vi tế. Trong pháp chấp vẫn còn cái sở tri ngu rất vi tế này, đến Đẳng giác mới đoạn sạch được. Để dứt trừ được nó, chỉ có Kim cang như huyền tam-muội thậm thâm mới đủ để gọi là pháp

đổi trị. Lên đến sơ địa, nhị địa lại phá trừ tiếp. Đạt đến nhị địa, tam địa phá trừ tiếp. Càng tiến dần lên các địa, đến giai vị Đẳng giác mới không còn gì để phá nữa. Nên nói: *Kim cang đạo hậu dị thực không* (đạt được giai vị Kim cang đạo rồi mới chín muồi các ý niệm về *không* này) là do nghĩa trên.

Lại nữa, trong 10 dụ thâm diệu của Kim cang, khi nói như huyền như mộng, đến như sương móc, như điện chớp..., trong bài kệ cuối bản kinh, nhân đó, ngay nơi báo thân, hoá thân, pháp thân, vẫn còn lấy huyền mộng làm đối tượng quán sát, chẳng phải do trí thức sâu sắc mà quán sát được như vậy! Do điều này mà Tu-bồ-đề cảm động rơi nước mắt, mừng vì nghe được điều chưa từng nghe.

*San định ký* nói rằng: Kim cang là chày

báu của vua trời Đế Thích,<sup>6[6]</sup> có đầy đủ hai nghĩa, rất cứng và rất bén. Nghĩa rất cứng là sao? Là không có vật nào có thể phá hoại nó được. Sao gọi là rất bén? Vì nó có thể đập nát các vật khác. Nếu còn có một vật phá hoại được nó, thì đó không phải là vật rất cứng; nếu còn có một vật mà chày báu này không thể đập nát ra được; thì đó không phải là vật rất bén. Như sắt và bạc tuy là (kim loại) cứng, nhưng khi gặp lửa có thể chảy tan; đao kiếm tuy bén, chặt đá ắt phải mẻ, nên chẳng phải là nghĩa rất bén.

Bát-nhã<sup>7[7]</sup> có hai nghĩa: *thật tướng Bát-*

<sup>6[6]</sup> Đế Thích (s: Śakra Devānām-indra): Dịch âm là Thích-đề-hoàn-nhân-đà-la 釋迦提桓因陀羅. Gọi tắt là Thích-đề-hoàn-nhân 釋提桓因、Thích-ca-đề-bà 釋迦提婆. Còn gọi là Thiên Đế Thích 天帝釋, Thiên chủ 天主. Còn có các tên gọi khác là Nhân-đà-la 因陀羅, Kiêu-thi-ca 憍尸迦, Ta-bà-bà 娑婆婆, Thiên nhãn 千眼. Là vua cõi trời Đao lợi, một trong 12 vị trời thủ hộ Phật pháp, trấn giữ phương Đông. Vị trời này ở tại thành Thiện Kiến trên núi Tu-di. Vốn là vị thần của Ấn Độ giáo. Nguyên Đế Thích là một người Bà-la-môn của nước Ma-già-đà 摩伽陀, do tu các hạnh bố thí v.v... mà được sinh lên cõi trời Đao-lợi và làm thiên chủ cung trời này. Hình tượng Đế Thích là hình cỡi voi trắng, tay phải cầm chày tam cổ, tay trái đặt trên thất lưng. Trong Kim cương thai tạng giới của Mật giáo còn có các hình tượng Đế Thích tạc theo hình các thần vương.

<sup>7[7]</sup> *Prajñā* do động từ căn *jñā*, có nghĩa là nhận thức, hiểu biết, liễu tri. *Prajñā*, Hán chuyển âm là Bát-nhã (ban nhược), dịch nghĩa là *trí tuệ* hoặc *tuệ minh*. Trí tuệ có khả năng soi chiếu để thấy rõ căn nguyên của sự vật. *Prajñā* cũng được dịch là *không trí* hoặc *không tuệ*.

*nhã* và *quán chiếu Bát-nhã*, là có đủ nghĩa rất cứng và rất bén. Cứng là *thật tướng Bát-nhã*, dù có trải qua nhiều kiếp thăng trầm trong lục đạo, mà giác tánh vẫn không mất, chưa từng sinh diệt, chưa từng tổn giảm, nên gọi là cứng chắc. Sắc bén tức là *quán chiếu Bát-nhã*, nghĩa là khi trí huệ này hiện tiền, liền hiển bày rõ pháp không; các kiết sử phiền não, vô minh mê mờ không có thứ gì không bị phá hoại, nên gọi là sắc bén. Do hai nghĩa này giống như tính chất của Kim cang, nên lấy tính cứng chắc của Kim cang để dụ cho thể của Bát-nhã, lấy tính sắc bén của Kim cang để dụ cho dụng của Bát-nhã, dụ về pháp có tính chiếu diệu viên mãn. Nên gọi là Kim cang Bát-nhã.

Ba-la-mật-đa<sup>8[8]</sup> là tiếng Sanskrit. Hán dịch

---

<sup>8[8]</sup> *Pāramitā*. *Pāram* có nghĩa là ở ngoài, ra ngoài, ở một bên bờ, ở thế giới bên kia. *Ita* có nghĩa là đã qua rồi, đã đến rồi. Còn dịch là cứu cánh hoặc viên mãn. Vậy, *Pāramitā* là đã vượt ra khỏi và đã

là đáo bỉ ngạn, tức đến bờ giải thoát. Có nghĩa là rời khỏi bờ sinh tử bên này của chúng sinh, đưa chúng sinh từ giữa dòng sông lớn phiền não, đến bờ giải thoát niết-bàn của chư Phật ở bờ bên kia. Nhưng nhận ra được sinh tử vốn không, phiền não vốn chẳng có, tức là đến được bờ bên kia, chẳng phải thật có khác nhau bên này (thử) và bên kia (bỉ), riêng đến bờ bên kia chẳng phải không có sự nhanh chậm đó sao! Nhanh có nghĩa là khi huệ vừa phát khởi, thấy năm uẩn đều là không, chỉ trong một sát-na, liền đến bờ bên kia. Do không cần phải trải qua nhiều thời gian, nên gọi là đốn. Tiệm là tuy có thể thấy ngay pháp không, nhưng vẫn còn nhiều tập khí trong nhiều đời, nhiệm vận vẫn còn nhiều trong

---

đến nơi. Đã siêu việt thế gian, siêu việt vọng tưởng và đã đến nơi an tịnh, viên mãn của niết-bàn vô dư y. Hán chuyển âm *Pāramitā* là Ba-la-mật và dịch là “độ khứ” - tức là đã vượt qua, hoặc “đáo bỉ ngạn” là đến bờ bên kia.

chấp trước, nên không được tương ưng trong mỗi niệm, nên cần phải nghe và học theo chánh pháp, tư duy nghĩa lý, thúc dục trí huệ vừa mới phát ấy, giác sát vọng tình, trừ sạch nhiều lần, cho đến khi không còn nữa, thế mới rốt ráo đến bờ bên kia. Do phải trải qua nhiều thời gian, nên gọi là tiệm. Nhanh chậm có khác nhau, đều có nghĩa là trí huệ để đến bờ giải thoát.

Tu-đa-la là tiếng Sanskrit. Hán dịch nghĩa là Khế kinh. Có nghĩa là khế lý và khế cơ. Khế lý nghĩa là nói sự phải đúng như sự, nói lý phải đúng như lý. Khế cơ là khiến cho người nghe hiểu được và thâm nhập, hoan hỷ tin nhận và hành trì. Kinh có nghĩa là quán (xuyên suốt) và gom giữ (nhiếp). Giáo nghĩa thông suốt, đáp ứng cho mọi người nghe, gom chứa đựng những điều giáo hoá mọi căn cơ chúng sinh. Để sau khi Đức Phật diệt độ hơn

2000 năm, mọi chúng sinh đều được nghe chánh pháp, đều là lực nhiếp trì thông suốt. Thiên Trúc (Ấn Độ) có Bồ-tát Vô Trước,<sup>9[9]</sup> ngài nhập Hoả quang tam-muội, lên cung trời Đâu-suất, học đạo với ngài Di-lặc Bồ-tát.<sup>10[10]</sup> Ngài Di-lặc Bồ-tát giảng cho ngài Vô Trước nghe 80 bài kệ để hiển bày ý chỉ của kinh. Ngài Vô Trước đem những bài kệ này truyền cho người em ruột

<sup>9[9]</sup> Vô Trước 無著; S: Asaṅga; dịch âm là A-tăng-già (阿僧伽), dịch nghĩa là Vô Trước, nghĩa là không bị ô nhiễm, cấu uế, vướng mắc; ~ tk. 4;

Theo thuyết của Cao tăng Tây Tạng Tā-rā-nā-tha (t: kun-dgaḥ sñyin-po), Sư đến nhiều vùng tại Ấn Độ và xiển dương giáo lí Đại thừa Duy thức, thành lập khoảng 25 tu viện. Thời gian hoằng hoá của Sư được xem là nằm trong thế kỉ thứ tư, đặc biệt là trong những vùng Tây Bắc Ấn Độ, bây giờ thuộc về Pakistan.

<sup>10[10]</sup> Di-lặc 彌勒; S: maitreya, P : metteyya; dịch nghĩa là Từ Thị (慈氏), cũng có tên là Vô Năng Thắng (無能勝; s, p: ajita), hoặc theo âm Hán Việt là A-dật-đa; Một vị Đại Bồ-tát và cũng là vị Phật thứ năm và cuối cùng sẽ xuất hiện trên trái đất. Trong Phật giáo Tây Tạng, Phật Di-lặc được thờ cúng rất rộng rãi. Cõi giáo hoá của Ngài hiện nay là trời Đâu-suất (s: tuṣita). Theo truyền thuyết, Phật Di-lặc sẽ giáng sinh trong khoảng 30.000 năm nữa. Tranh tượng hay vẽ Ngài ngồi trên mặt đất, biểu tượng sẵn sàng đứng dậy đi giáo hoá chúng sinh. Tại Trung Quốc, Phật Di-lặc cũng hay được biểu tượng là một vị mập tròn vui vẻ, trẻ con quần quít xung quanh. Theo truyền thuyết thì đó chính là hình ảnh của Bồ Đại Hoà thượng, một hoá thân của Di-lặc ở thế kỉ thứ 10. Nếu năm đức Phật xuất hiện trên trái đất nói trên được xem là hoá thân của Ngũ Phật thì Phật Di-lặc được xem như hoá thân của Thành sở tác trí. Có thuyết cho rằng, chính Ngài là người khởi xướng Đại thừa Phật giáo hệ phái Duy thức. Một số học giả cho rằng, vị này chính là Mai-tre-ya-na-tha (s: Maitreya-nātha), thầy truyền giáo lí Duy thức cho ngài Vô Trước (s: Asaṅga). Truyền thống Phật giáo Tây Tạng cho rằng, Ngài là tác giả của 5 bài luận (s: sāstra), được gọi là Di-lặc (Từ Thị) ngũ luận: 1. Đại thừa tối thượng (đát-đặc-la) tan-tra (s: mahāyānottaratantra); 2. Pháp pháp tính phân biệt luận (s: dharmadharmatāvibaṅga); 3. Trung biên phân biệt luận (s: madhyāntavibhāga-sāstra); 4. Hiện quán trang nghiêm luận (s: abhisamayālaṅkāra); 5. Đại thừa kinh trang nghiêm luận (s: mahāyānasūtralaṅkāra).

mình là Bồ-tát Thế Thân.<sup>11[11]</sup> Ngài Thế Thân theo những bài kệ này tạo thành bộ luận gồm ba quyển, giản ước, gạn trừ các mối nghi ngờ và chấp trước, để giải thích nghĩa chính của Kinh Kim Cang. Kẻ học giải nếu bỏ qua điều này không đạt chỗ thấu đáo, ắt đó là tà thuyết. Tôi (TPN) nhân có được bản luận giải của ngài Công Đức Thi Bồ-tát tạo, tham khảo thêm ở bản *San định ký* của ngài Tử Tuyên,<sup>12[12]</sup> gạn lọc những lời dạy theo cơ duyên của các bậc lão túc rồi tập hợp lại, đặt tên là Tông thông.

Có vị tăng hỏi Thiền sư Trí Môn:<sup>13[13]</sup> Thế nào là thể của Bát-nhã?

<sup>11[11]</sup> Thế Thân 世親; C: shìqīn; J: seshin; S: vasu3ndhu; ~ 316-396; cũng được dịch là Thiên Thân (天親), gọi theo Hán âm là Bà-tu Bàn-đầu;

Sư cũng là tác giả của Duy thức tam thập tụng, luận giải quan điểm của Duy thức tông, cũng như tác giả của nhiều bài luận về các tác phẩm của Vô Trước và về giáo lý Đại thừa như Thập địa, kinh Kim cương, Diệu pháp liên hoa, Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm (s: sukhāvati-vyūha).

<sup>12[12]</sup> 金剛經纂要刊定記.

<sup>13[13]</sup> Trí Môn Quang Tô

智門光祚; C: zhīmén guāngzuò; J: chimon kōso; ?-1031;

Thiền sư Trung Quốc, thuộc tông Vân Môn. Sư nổi pháp Hương Lâm Trường Viễn. Trong 30 người đệ tử nổi pháp của Sư thì Tuyết Đậu Trọng Hiên là danh tiếng nhất.

Sư là một trong những Thiền sư đầu tiên làm kệ tán tụng những lời dạy của các vị tiền nhân và trong lĩnh vực này thì Sư có một vị đệ tử xuất sắc là Tuyết Đậu nổi đời, người đã trứ *tác Bích nham lục*.



Trí Môn đáp: Con trai (bạng) nuốt trọn trời đất.

Tăng lại hỏi: Thế nào là dụng của Bát-nhã?

Trí Môn đáp: Thở mẹ mang thai.

Tuyết Đậu<sup>14[14]</sup> có lời tụng:

*Nhất phiến hư ngưng tuyết vị tình  
 Nhân thiên từng thử kiến Không Sinh  
 Bạng hàm huyền thố thâm thâm ý  
 Tăng dữ thiên gia tác chiến tranh.*<sup>15[15]</sup>

Tạm dịch::

<sup>14[14]</sup>Tuyết Đậu Trọng Hiên

雪竇重顯; C: xuédòu chóngxiǎn; J: setchō jūken; 980-1052;

Thiền sư Trung Quốc, thuộc tông Vân Môn, môn đệ của Trí Môn Quang Tô. Sư được biết đến là nhờ việc sưu tầm biên soạn 100 Công án, sau này được Thiền sư Viên Ngộ bổ sung thêm thành bộ *Bích nham lục*. Dòng Thiền của Sư được Thiền sư Thảo Đường truyền qua Việt Nam trong thế kỉ 11. Nối Pháp của Sư là Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài.

Sư họ Lí, quê ở phủ Toại Ninh, theo sư Nhân Săn ở viện Phổ Am xuất gia. Sau khi thụ giới cụ túc, Sư đến những nơi giảng kinh luận, nghiên cứu cận kề giáo lí. Sư lúc này đã nổi danh là biện luận lanh lẹ, là pháp khí Đại thừa. Sau khi trải qua nhiều từng lâm, Sư gõ cửa nơi Thiền sư Quang Tô ở chùa Trí Môn. Sư nhân đây đại ngộ, ở với Trí Môn thêm năm năm.

Sau Sư đến trụ trì một ngôi chùa ở Động Đình – một hòn đảo rất đẹp và Sư cũng có làm một bài tụng về cảm xúc khi dời đến nơi này trong công án thứ 20 của Bích nham lục.

Sau, sư đến trụ trì tại Tứ Minh sơn, trên ngọn Tuyết Đậu. Một hôm, Sư dạo núi nhìn xem bốn phía rồi bảo thị giả: 'Ngày nào lại đến ở đây.' Thị giả biết Sư sắp tịch, cầu xin kệ di chúc. Sư bảo: 'Bình sinh chỉ lo nói quá nhiều.' Hôm sau, Sư đem giày dép, y hậu phân chia và bảo chúng: 'Ngày bảy tháng bảy lại gặp nhau.' Đúng ngày mồng bảy tháng bảy năm Hoàng Hựu thứ tư (1058) đời nhà Tống, Sư tắm gội xong nằm xoay đầu về hướng Bắc an nhiên thị tịch. Vua sắc thụy là Minh Giác Đại sư.

明州雪竇山禪師，名重顯，字隱之，從所住號為雪竇。嗣法於智門祚。宋仁宗皇祐

四年寂，壽七十三。賜號明覺大師。見續傳燈錄二

<sup>15[15]</sup> Bích Nham Lục, Tác 90 T48; *Trí Môn Bát-nhã thể*.

*Một phiến rỗng rang bật nghĩ bàn  
 Người, trời từ đó thấy Không Sanh (Tu-  
 bồ-đề)*

*Trai ngậm, thỏ huyền thâm ý tuyệt  
 Từng với thiên gia dậy chiến tranh.*

*Viên thành thật tánh của Pháp Nhãn có lời  
 tụng rằng:*

*Lý cực vong tình vị  
 Như hà đặc dụ tề  
 Đáo đầu sương dạ nguyệt  
 Nhậm vận lạc tiên khê  
 Quả thực kiêm viên trọng  
 Sơn diêu tợ lộ mê  
 Cử đầu tàn chiếu tại  
 Nguyên thị trú cư tây.*

*Tạm dịch:*

*Cùng lý sạch thức tình*

*Làm sao ví von được  
 Quay đầu sương trắng lạnh  
 Nhậm vận lối khe trong  
 Quả chín vượn mừng giữ  
 Núi xa tợ đường mê  
 Ngẩng đầu trăng đã lặn  
 Vốn vẫn ở trời Tây.*

Học giả nên tham cứu thấu đạt những lời nói này, mới biết được chỗ thân thiết của Bát-nhã. Đừng mất công tranh luận vô ích!

**CHÁNH VĂN**

Kinh văn:

如是我聞。一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。與大比丘眾千二百五十人俱。爾時世尊食時,著衣持鉢,入舍衛大城乞食。於其城中次第乞已。還至本處飯食訖。收衣鉢洗足已敷座而坐。

*Như thật tôi nghe, một thuở nọ Đức Phật ở thành Xá-vệ, vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc, cùng chúng đại tử-khưu một ngàn hai trăm năm mươi người đến dự. Lúc ấy đến giờ thọ trai, Đức Thế Tôn đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Trong thành, các vị tử-khưu khát thực theo thứ tự rồi trở về tinh xá. Thọ trai xong, các vị thu dọn y bát, rửa chân, trải tòa ra ngồi.*

Thông rằng:

Bộ Kinh Bát-nhã này tất cả gồm 600 quyển, gồm 16 hội giảng kinh ở 4 nơi. Một

là ở núi Linh Thứu thành Vương xá, gồm 7 hội. Hai là ở vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc, gồm 7 hội. Ba là tại Điện Ma-ni Bảo tạng thuộc Tha hoá thiên cung gồm 1 hội. Bốn là tại vườn Trúc lâm, hồ Bạch lộ, thành Vương xá, gồm 1 hội. Tiếp đến có 9 hội phóng quang. Những ai thấy được hào quang này đều chứng được A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Hào quang này tức trí tuệ quang minh. Đức Phật nói kinh này là điều thậm thâm vi diệu, sao không phóng quang? Đức Phật vì thể hiện trí huệ bình đẳng, nghĩa là hằng phóng quang trong thể tánh bình đẳng mà chúng sinh không biết.

*Lúc ấy đến giờ thọ trai, đức Thế Tôn đáp y, mang bát : tức là Thế tôn phóng quang từ tay của ngài.*

*Vào thành Xá-vệ khát thực: tức là Thế tôn phóng quang từ chân của ngài.*

*Trong thành, các vị tỳ-kheo khát thực theo thứ tự* : tức là Thế tôn phóng quang từ mắt của ngài.

*Trở về tinh xá thọ trai* : tức là Thế tôn phóng quang từ miệng của ngài.

*Thu dọn y bát, rửa chân, trải toà ra ngồi*: tức là Thế tôn phóng quang từ toàn thân của ngài.

Lại nữa, kinh này nhằm đề hộ niệm và phó chúc cho hàng Bồ-tát, nên nói về pháp môn lục độ vô tướng. Khát thực là để dạy cho chúng sinh pháp bố thí. Đắp y, mang bát là dạy cho chúng sinh pháp trì giới. Khát thực theo thứ tự là để làm sáng tỏ hạnh nhân nhục. Chân không dính bụi trần mà lại rửa chân là để hiển bày hạnh tinh tấn. Trở về bốn xứ trải toà ra ngồi là để chỉ bày pháp thiên định. Ở Kỳ viên rồi vào thành khát thực, trong thành khát thực rồi

trở về bốn xứ. Nhất nhất đều không trụ nơi tướng, tất cả đều hiển hiện từ Bát-nhã thâm thâm.

Nếu có bậc thượng căn lợi trí, nhận ra được Thế tôn phóng quang như vậy, tức vị ấy có được Kim cang tam-muội như huyền đề đến bờ bên kia (ba-la-mật), thì còn nương vào đâu để khai thị nữa đây!

*San định ký* nói rằng: Phần tự gồm có 2 phần, một là Chứng tín tự, hai là Phát khởi tự. Bắt đầu từ *Như thật tôi nghe* cho đến *một ngàn hai trăm năm mươi vị*, là phần Chứng tín tự,<sup>16[16]</sup> có nghĩa là nói rõ nơi chốn và thời gian giảng kinh, mỗi mỗi đều rõ ràng, để chứng thật chứ không hư dối. *Một thuở nọ* tức là lúc Như Lai giảng pháp, đại chúng lắng nghe. *Đức Phật*, là chủ của hội giảng kinh. *Rừng cây* là nơi Thái tử

---

<sup>16[16]</sup>Đối chiếu Lục chủng thành tự: Tín thành tự, Văn thành tự, Thời thành tự, Chủ thành tự, Xứ thành tự và Chứng thành tự

Kỳ-đà đã cúng dường, vườn do trưởng giả Cấp Cô Độc mua lại, là địa điểm diễn ra pháp hội giảng kinh. Cùng *chúng đại tỷ-khưu*, là đại chúng dự nghe giảng pháp. *Đến dự*, cùng nghĩa với nhất thời, nhất xứ ở trên. Dùng những lời dẫn nhập như vậy để mở đầu cho kinh văn. Do sau khi Như Lai diệt độ, ngài A-nan hỏi Đức Phật rằng khi mở đầu các bộ kinh nên ghi như thế nào? Đức Phật đáp: Nên dùng câu *Như thị ngã văn nhất thời (Như thật tôi nghe, một thuở nọ)*,<sup>17[17]</sup> Phật tại xứ đó, cùng chúng đó số chúng, chẳng phải chỉ riêng giáo pháp của Như Lai giảng nói mới như vậy, mà chư Phật trong ba đời cũng giảng nói pháp như vậy. Nên ngài A-nan tuân theo lời dạy của Đức Phật, dùng lời dẫn nhập như vậy để mở đầu cho kinh văn, chứng tỏ những gì A-nan truyền lại không phải là tà

---

<sup>17[17]</sup>S: evaṃ mayā śrutam ekasmin samaye.



thuyết ngoại đạo.

Từ đoạn *Lúc ấy đến giờ đến trái tào ra ngòi*, là nhập định. Giới giúp cho định trưởng dưỡng, định khiến cho huệ được phát; do giới và định mà phát khởi Bát-nhã chính tông. *Lúc ấy đến giờ thọ trai (thực thời)*, từ giờ dần đến giờ mao<sup>18[18]</sup> là chư thiên thọ thực; giờ tị, ngọ, mùi là loài người thọ thực; giờ thân, dậu, tuất, quý thần thọ thực; giờ hợi, tí, sửu, giờ súc sinh ăn. Nay đang đến giờ của loài người dùng cơm, việc khát thực không khó. Nếu phi thời mà khát thực, muốn bố thí cũng không có. Không bố thí được sẽ sinh lòng hổ thẹn, khiến tâm phiền não; khát thực mà không có, mất thời gian lại bị đói, tự mình sinh phiền não. *Đáp y*: đáp đại y 25 điều. *Mang bát* : mang bình bát thời xưa khi khi Thế tôn thành đạo, Tứ thiên vương dâng

<sup>18[18]</sup> Giờ Dần: 3g-5g sáng; giờ Mão 5g-7g sáng.

cúng bình bát bằng ngọc lưu ly. Tuy nhiên, việc đắp y, mang bát là để lìa xa hai hai cực đoan khổ và vui. Giới tại gia thích áo quần lụa là bằng thứ sang quý, chỉ làm thêm lớn tâm phóng dật và rơi vào cực đoan hưởng lạc. Giới xuất gia theo ngoại đạo, chủ trương khổ hạnh ép xác, lại rơi vào cực đoan khổ hạnh. Đức Phật hành xử theo trung đạo, nên đắp y, mang bát.

Thành Xá-vệ (Śrāvastī), Hán dịch là Văn vật, có nghĩa là trong thành nhiều người có tài đức và danh tiếng, có nhiều vật quý hiếm. *Đại Đường Tây vực ký*<sup>19[19]</sup> có ghi: Thành này chu vi hơn 60 dặm (lý), trong thành rộng 20 dặm, nên gọi là thành lớn.” *Trí độ luận* ghi: Gia cư gồm 9 ức, nên gọi là người đông. Đức Phật khi vào đại thành Xá-vệ khát thực, không bỏ qua nhà nghèo

<sup>19[19]</sup>Của ngài Huyền Trang. (12 quyển). Đồi Đường , Huyền Trang thuật, Biện Cơ (辯機) soạn. T. 51, Tr. 867, Sh. 2087

đề đến nhà giàu, không bỏ qua người bần tiện đề đến người giàu sang, mà với tâm đại từ bình đẳng, không có sự lựa chọn. *Trở về tinh xá* là việc hoá duyên đã xong, trở về vườn Kỳ hoàn. *Thọ trai*, là Đức Phật muốn cho những người bố thí đạt được đầy đủ phước báo. Có thuyết nói rằng thức ăn vừa vào miệng, có Đại oai đức thiên ảnh hình đứng một bên, tiếp lấy rồi đưa đến bố thí cho các nơi khác để làm Phật sự, ở đây chỉ là thị hiện có tướng ăn, chứ không phải là thực có việc ăn. *Thu dọn y bát*, tức dừng bặt mọi phan duyên, tâm không còn lao lự nữa. *Rửa chân*, là thanh tịnh thân nghiệp, không nhiễm trần luy. Hai việc này đều là phép tắc cho đời sau. Nên đó cũng là sự thị hiện. *Trải tòa ra ngồi*, tự trải tọa cụ, ngồi kiết già, thân trang nghiêm an trụ, chánh niệm không lay động, thị hiện tướng sắp thuyết pháp.

Trong mỗi pháp hội Như Lai giảng Kinh Bát-nhã, ngài đều tự mình trải toà ra ngồi. Vì Bát-nhã là nơi xuất sinh chư Phật, tức là mẹ của chư Phật, để biểu hiện lòng tôn kính Bát-nhã, nên ngài tự trải toà ra. Trí Giả Đại sư tụng rằng:

*Pháp thân bốn phi thực,  
 Ứng hoá diệt như nhiên  
 Vi trường nhân thiên phước,  
 Từ bi tác phước điền  
 Thân y tức lao lự  
 Tẩy tức ly trần duyên  
 Dục chứng tam không lý  
 Già phu thị nhập thiên.*

Tạm dịch:

*Pháp thân vốn không ăn  
 Ứng hoá cũng như nhiên  
 Để lớn phước trời người*

*Từ bi làm ruộng phước  
 Thâu y, dừng lao lự  
 Rửa chân, lià duyên trần  
 Muốn chứng lý tam không  
 Ngồi kiết già toạ thiền.*

Ngày xưa Thiên sư Long Đàm Sùng Tín<sup>20[20]</sup> hỏi ngài Thiên Hoàng: “Con từ khi đến đây, không được nghe Thầy chỉ dạy tâm yếu.” Ngài Thiên Hoàng đáp: “Từ khi con đến đây, ta chưa từng có việc không chỉ dạy tâm yếu cho con.” Sùng Tín hỏi: “Thưa, thầy chỉ dạy chỗ nào?” Thiên Hoàng đáp: “Con dâng trà, ta tiếp lấy. con đem cơm đến, ta ăn; Khi con xưng lời *hoà nam*, ta liền cúi đầu lễ bái. Có lúc nào ta không từng chỉ dạy tâm yếu cho con?”

<sup>20[20]</sup>Long Đàm Sùng Tín 龍潭崇信; C: lóngtán chóngxìn; J: ryūta sōshin; tk. 8/9; Thiên sư Trung Quốc, môn đệ của Thiên sư Thiên Hoàng Đạo Ngộ. Môn đệ lừng danh của Sư là Đức Sơn Tuyên Giám. Sư con nhà bán bánh, mỗi ngày đem bánh đến cúng dường Thiên sư Đạo Ngộ. Mỗi lần nhận bánh, Đạo Ngộ lại để lại một cái cho Sư, nói: ‘Ta cho người đệ ân huệ cho con cháu.’ và cứ thế một thời gian. Sư thấy lạ hỏi thì được trả lời: ‘Bánh của người đem đến, ta cho lại người có lỗi gì?’ Sư nghe hiểu diệu ý liền xin xuất gia. Đạo Ngộ vì thấy Sư có hảo tâm cúng dường, ban pháp danh Sùng Tín. Sau Sư đến trụ tại Long Đàm, dạy môn đệ. Không biết Sư mất năm nào.

Sùng Tín cúi đầu im lặng hồi lâu. Thiên Hoàng nói: “Thấy thì ngay dưới lời nói là nhận ra liền, do dự liền sai.” Sùng Tín ngay đó nhận ra, sau đó hỏi: “Làm sao để bảo nhậm?” Thiên Hoàng đáp: “Mặc tình tiêu dao, tùy duyên phóng dật, chỉ cần sạch phạm tâm, chẳng cần thánh giải.”

Về sau Sùng Tín dừng trụ ở Long Đàm, có Thứ sử Lý Cao<sup>21[21]</sup> đến hỏi: Thế nào là chân như Bát-nhã?

Sùng Tín đáp: Ta không có chân như Bát-nhã.

Lý Cao nói: Thật may mắn được gặp Hoà thượng. Sùng Tín nói: Cái đó vẫn còn là lời nói bên ngoài.

Lại có vị tăng hỏi ngài Triệu Châu: Học tăng vừa mới nhập tùng lâm, thỉnh sư cho

<sup>21[21]</sup>李翱刺史(772-841) Cư sĩ đời Đường, tự là Tập Chi, người Lũng Tây, Thành Ki (nay ở phía tây Tân An, Cam Túc), có thuyết cho là người đất Triệu Quận (nay là huyện Triệu, tỉnh Hà Bắc) Trung Quốc. Từ thuở nhỏ học Nho uyên bác, hiếu cổ. Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 14 (798) đậu Tiến sĩ. Lần lượt nhậm chức Hiệu thư lang, Quốc tử Bác sĩ, Sứ quán tu soạn, Gián nghị đại phu, Trung thư Xá nhân, Tiết độ sứ Đông Đạo ở Sơn Nam, cùng với thầy là Hàn Dũ, tài văn chương được đương thời khen ngợi. Theo Thiên sư Dược Sơn Duy Nghiễm học hỏi lí thiên cổ chỗ tổ ngộ. Có soạn tác phẩm: *Phục Tĩnh Thư*.

lời chỉ thị.

Triệu Châu đáp: Ăn cháo chưa?

Tăng đáp: Ăn rồi!

Triệu Châu nói: Rửa bát đi! Vị tăng nhân đó khê ngộ. Thiên Đồng có bài tụng:

*Chúc bãi linh giáo tẩy bát vu  
Hoát nhiên tâm địa tự tương phù  
Nhi kim tham bảo tòng lâm khách  
Thả đạo kỳ gian hữu ngộ vô.*

Tạm dịch::

*Ăn xong liền dạy rửa bát ngay  
Bỗng nhiên tâm địa tự hợp nhau  
Đến tham tòng lâm đà thoả mãn  
Nói rằng giữa đó ngộ có, không.*

Từ hai chuyện này mà quán sát, ắt thấy được rằng Như Lai tự mình đắp y mang bát cho đến trái toà ngò, là để nói về cảnh

giới chân như Bát-nhã, chứ chẳng nói chuyện gì khác.

Kinh văn:

時長老須菩提在大眾中。即從座起偏袒  
右肩右膝著地。合掌恭敬而白佛言。希  
有世尊。如來善護念諸菩薩。善付囑諸  
菩薩。世尊。善男子善女人。發阿耨多  
羅三藐三菩提心。應云何住云何降伏其  
心。佛言。善哉善哉。須菩提。如汝所  
說。如來善護念諸菩薩。善付囑諸菩薩  
。汝今諦聽。當為汝說。善男子善女人  
。發阿耨多羅三藐三菩提心。應如是住  
如是降伏其心。唯然世尊。願樂欲聞。

*Lúc ấy Trưởng lão Tu-bồ-đề từ chỗ ngồi*



trong đại chúng đứng dậy, bày vai áo bên phải, quỳ gối phải, cung kính chấp tay bạch Phật rằng: “Thế Tôn, thật ít có! Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo dặn dò cho các vị Bồ-tát.

“Thế Tôn! Nếu có những thiện nam, tín nữ lòng lành, phát tâm cầu đạo Vô thượng Bồ-đề, nên trụ tâm như thế nào, hàng phục tâm như thế nào?

Đức Phật dạy: “Lành thay! Lành thay! Tu-bồ-đề, đúng như ông vừa hỏi. Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo dặn dò cho các vị Bồ-tát. Nay hãy lắng nghe, Như Lai sẽ vì các ông mà giảng nói.

“Nếu có thiện nam, tín nữ lòng lành, phát tâm Bồ-đề, nên trụ tâm như thế này, nên hàng phục tâm như thế này.”

“Bạch Thế Tôn! Xin nguyện lắng nghe.”

Thông rằng:

Tu-bồ-đề<sup>22[22]</sup> vốn là Đông Phương Thanh Long Đà Phạt, thị hiện tướng Thanh văn nhập vào chúng hội của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, vốn hiểu nhiều về lý Không (s: *sūnyatā*), nhưng chỉ chứng được *thiên không*,<sup>23[23]</sup> và nghe được *Bảo minh không hải*, ban đầu chứng *không* nhưng phải là bậc đại A-la-hán mới thể nhập được vào *không*. Trú ở địa thứ tám, ở đó gọi là Bất động địa, hay còn gọi là Trụ địa Bồ-tát, sau đó tiến lên Cửu địa, Thập địa, tùy duyên thuyết pháp độ sanh mà trụ chỗ không trụ! Ở đây Tu-bồ-đề mở ra mối nghi để phá trừ thiên chấp cho hàng Bồ-tát. Các vị Bồ-tát đã phát tâm Vô thượng bồ-đề từ sơ địa trở lên, phần nhiều có ý thú hướng tịch tĩnh, mong cầu tiến lên các trú địa. Khi các ngài đã có được hiện pháp lạc trú rồi, chư Phật

<sup>22[22]</sup>Tu-bồ-đề 須菩提; S, P: subhūti; Hán dịch: Thiện Hiện, Thiện Cát, Thiện Nghiệp; Một trong Mười đại đệ tử của Phật. Tôn giả là người nổi tiếng về phép thiên quán về lòng Từ. Trong bộ kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa, Tôn giả là người giải thích tính Không (s: *sūnyatā*) ưu việt nhất.

<sup>23[23]</sup>Thiên chấp về Không.

trong mười phương lại quở trách họ rằng: Hãy đứng dậy, này bậc trượng phu! Hãy nên độ thoát chúng sinh, từ trí tuệ hãy chuyển hướng sang tâm từ bi, hãy chuyển tịnh sang động, trong đó đừng nên khởi tâm động niệm, nếu không hàng phục được tâm ấy, ắt là trái với với nghĩa trụ! Nếu một chiều lạc vào đường tử, dính mắc vào chỗ trụ, ắt là trái với ý nguyện độ sanh! Trong việc độ sanh mà vẫn thường hàng phục tâm mà không bỏ mất ý an trụ, thì tuy động mà lại tịnh.

Thử hỏi nên an trụ tâm như thế nào? Làm sao để hàng phục tâm?

Gọi là trụ, là chẳng trụ nơi tướng, như chỗ trụ của hàng phàm phu; cũng chẳng trụ ở không, như chỗ trụ của hàng Nhị thừa. Cho đến (chẳng trụ) chân như thật tế, chẳng phải giả chẳng phải không; mà an trụ trong chân đế trung đạo.

Nói hàng phục tâm, chẳng phải là đè nén, uốn nắn sáu thức như pháp tu tập của hàng phàm phu, cũng chẳng phải đoạn diệt thức thứ bảy như pháp tu tập của hàng Nhị thừa. Cho đến tập khí vi tế từ mảnh đất tâm là thức thứ tám, lấy chân như mà huân tập, khiến chuyển thức ấy thành trí. Ví như hàng phục giặc cướp thành người lương thiện, mới gọi là hàng phục. Điều này như ngài A-nan không trải qua nhiều a-tăng-kỳ kiếp mà chứng được pháp thân, mong cầu trừ được những sai lầm vi tế; ngoài Tu-bồ-đề ra không ai có thể đạt chỗ rốt ráo. Đây chẳng phải là việc nói suông!

*San định ký* nói rằng: Từ *Lúc ấy Trưởng lão* cho đến *khéo dặn dò lại các vị Bồ-tát*. Là nghiêm chỉnh, trang nghiêm thân tướng để tán thán Đức Phật. Đức hạnh cao cả gọi là *Trưởng*; tuổi nhiều gọi là *Lão*. Tu-bồ-đề, Hán dịch là Không sanh, còn gọi là Thiện

Hiện. Từ chỗ ngồi trong đại chúng đứng dậy, là thể hiện đạo thầy trò có sự phân biệt rõ tôn ti thứ tự. Nếu muốn thưa hỏi điều gì, không thể ngồi mà hỏi. Bày vai áo bên phải, gồi phải quỳ xuống đất, chấp tay nghĩ thâm, đều là biểu hiện lòng cung kính.

Có thể phối hợp thành ba nghĩa: đứng dậy, bày vai áo bên phải, chấp tay, là chỉ cho thân nghiệp. Cung kính, là ý nghiệp. Bạch Phật, là chỉ cho khẩu nghiệp.

Hy hữu có đầy đủ bốn nghĩa: Một là thời hy hữu, hai là xứ hy hữu, ba là đức hy hữu, bốn là sự hy hữu.

Thế tôn là một trong 10 hiệu của chư Phật, thường khiến cho bốn thứ ma sợ hãi.

Như Lai trong ba a-tăng-kỳ kiếp tu tập phước trí viên mãn, là Đấng như vậy mà đến. Còn gọi là từ chân như mà thành

chánh giác rồi hoá độ chúng sinh.

*Hộ niệm* có hai nghĩa, một là nhiếp giữ các căn cho thuần thực để ngộ nhập thể tánh chân thật và thành tựu hạnh tự lợi; hai là để chuyển hoá vô lượng chúng sinh, tức thành tựu hạnh lợi tha.

*Phó chúc* cũng gồm hai nghĩa: một là thương xót hàng chúng sinh căn tánh chưa thành thực, phát tâm an trú trong Phật pháp, khiến cho họ được tăng trưởng, hai là giúp cho những người chưa có phát sinh niềm tin vào giáo pháp thù thắng, khiến cho niềm tin ấy được phát sinh.

Đem các vị Bồ-tát sơ phát tâm giao phó cho các vị đại Bồ-tát dạy bảo. Nhắc nhở các vị đại Bồ-tát siêng dạy bảo các vị vị Bồ-tát sơ phát tâm, như cha mẹ di chúc lại cho con cháu.

Di-lặc Bồ-tát có kệ tụng rằng:<sup>24[24]</sup>

*Xảo hộ nghĩa ưng tri.*

*Gia bị thân đồng hành.*

Tức là gia bị thêm cho hàng Bồ-tát hạnh tự lợi và lợi tha.

*Bất thối đắc vị đắc,*

*Thị danh thiện phó chúc.*

Nghĩa là những ai đã được tâm bất thối chuyển thì càng tăng trưởng, những ai chưa được tâm bất thối thì sẽ phát tâm dũng mãnh thù thắng.

Bồ-tát<sup>25[25]</sup> là tiếng Sanskrit, Hán dịch Giác hữu tình. Nói tóm tắt là, điều mình ước nguyện thành tựu là giác, hữu tình là đối tượng mình phát tâm cứu độ.

Từ câu *thiện nam tử* về sau là chính thức bắt đầu vấn đề muốn hỏi.

<sup>24[24]</sup>Trong *Bát thập kệ của Bồ-tát Di-lặc*. Còn gọi là *Di-lặc Bồ-tát tụng*.

<sup>25[25]</sup>S: bodhi-sattva; p: bodhi-satta.

A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề<sup>26[26]</sup> tâm, Hán dịch là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, là đem chánh trí giác ngộ chân thật như lý về chân đế mà vận hành, chẳng phải là trí giác tà vọng của hàng phàm phu; là tính giác ngộ thông suốt tục để hành xử, tức chẳng phải là cái biết thiên lệch của hàng Nhị thừa.

Theo *Trí độ luận*:<sup>27[27]</sup> Từ nhân đến quả, có 5 loại bồ-đề:

1. Phát tâm bồ-đề: tức là hàng Bồ-tát thập tín.
2. Phục tâm bồ-đề: tức hàng Bồ-tát đã đến bậc tam hiền.
3. Minh tâm bồ-đề: tức hàng Bồ-tát từ sơ địa đến thất địa.

<sup>26[26]</sup>S: anuttara-samyak-sambodhi; p: anuttara-sammāsambodhi.

<sup>27[27]</sup>大智度論; S: mahāprajñāpāramitā-sāstra;

Một tác phẩm luận giải của ngài Long Thọ về bộ kinh *Bát-nhã ba-la-mật-đa* (s: prajñāpāramitā-sūtra). Bộ luận này là một trong những bộ luận căn bản tâm cở nhất của Phật pháp và là một trong hai bộ luận quan trọng nhất của Long Thọ song song với luận Trung quán (s: madhyamaka-sāstra).

Luận này bao gồm 100 quyển, 90 phẩm, được ngài Cưu-ma-la-thập (s: Kumārajīva) dịch sang Hán ngữ năm 402. Luận này giảng giải nhiều vấn đề như học thuyết, tư tưởng, và đặc biệt trích dẫn rất nhiều kinh sách. Taishō:



4. Xuất đạo bồ-đề: tức hàng Bồ-tát từ bát địa đến thập địa.

5. Vô thượng bồ-đề: tức Như Lai.

Nay nói gọn, năng phát tâm, tức thuộc vào hạng thứ nhất kể trên. Chỗ hướng đến khi phát tâm (sở), tức thuộc hàng thứ năm. Phối hợp năng sở mà luận, tức xuyên suốt cả trước sau.

Nên trụ tâm như thế nào? Khi chưa phát tâm, tức trụ vào lục trần; khi phát tâm rồi, niềm tin đã thích nghi nhờ sự cải đổi thói quen cũ, vậy thì trụ vào cảnh giới nào?

Hàng phục tâm như thế nào? Khi chưa phát tâm, vọng tâm khởi liền theo vọng; khi phát tâm rồi thì không thể theo vọng nữa, thì nên lấy gì mà hàng phục? Nên ý của Đức Phật trả lời rằng, xưa trụ ở cảnh giới lục trần, nay trụ vào bốn cảnh giới của tâm; xưa dính mắc vào tướng, nay không

còn chấp trước vào tướng. Như vậy mới gọi là chân thật tu hành, phát bồ-đề tâm. Làm sao quên mất được?

Đức Phật dạy: “Lành thay! Lành thay! Là lời khuyến khích.

*Đúng như ông vừa hỏi:* là sự ấn chứng của Đức Phật. Hộ niệm và phó chúc là để cho hạt giống Phật không dứt tuyệt, việc này là tất nhiên. Ngài Không Sinh (Tu-bồ-đề) phát ra lời nói đều xứng hợp với công hạnh [của Như Lai], nên đức Điều ngự mới ấn chứng và khen tặng.

Nay ông hãy lắng nghe, Đức Phật dạy hãy lắng nghe.

Như Lai sẽ vì các ông mà giảng thuyết. Như Lai hứa sẽ chỉ bày cho các ông. *Đế*<sup>28[28]</sup> có nghĩa là nghĩa sâu màu chân thật, ý

<sup>28[28]</sup> 諦 satya, 巴 sacca, 藏 bden-pa. Chân lí chắc thật. Sự thực. Có hai loại:

1. S: samvṛti-satya; còn gọi là Thế tục đế; Chân lí qui ước

Là chân lí tương đối của thế giới hiện tượng, ngược lại với Chân đế (chân lí tuyệt đối; s: paramārtha-satya). Quan điểm »hai chân lí« (Nhị đế; s: satyadvaya) này được nhiều tông phái Phật giáo chủ trương, nhưng cũng có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau.

là muốn cho Tu-bồ-đề thâm nhập vào chân lý sâu mầu, hãy dùng tâm thanh tịnh mà lắng nghe.

*Nếu có thiện nam, tín nữ, Là nêu ra đối tượng.*

*Nên trụ tâm như thế này, là lời khuyến khích. Ý là sẽ nói, tức là còn để lửng lời đáp ở vãn sau, vì trong an trụ đã có hàng phục, nếu không hàng phục được tâm thì không thể an trụ trong Đại thừa. Nên (Như Lai) sẽ vì tâm uẩn khúc vi tế như vậy như vậy của các ông mà giảng nói.*

Thừa hai tiếng *Dạ vâng (duy nhiên)* xong, ngài Thiện Hiện đứng chờ lắng nghe. Chữ *duy* 唯 hay nặc 諾 đều có nghĩa là thuận lòng. Hoa Nghiêm Thập địa phẩm nói:

*“Như khát tư lãnh thủy, như cơ tư mỹ thực,*

---

2. S: paramārtha-saṭya: Đệ nhất nghĩa đế 第一義諦 tức Chân lý tuyệt đối; cũng được gọi là Thánh đế đệ nhất nghĩa, Chân đế, Chân lý cao nhất, Chân lý tuyệt đối;

*như bệnh tư lương được, như chúng phong y mật, ngã đẳng diệc như thị, nguyện văn cam lồ pháp—*

Như người khát nghĩ đến nước mát, như người đói mong được thức ăn ngon, như người bệnh cầu thuốc hay, như loài ong tìm mật. Chúng con cũng như vậy, nguyện nghe được giáo pháp như vị cam lồ.”

Ong hút nhị trăm hoa làm thành mật, người tu tập vạn hạnh để chứng chân. Ong làm thành mật rồi, nhờ mật mà sống. Người chứng chân rồi, nương trụ trong thể tánh chân thật. Việc mong được nghe (nguyện văn) cũng giống như vậy.

Chương Tế ma vương truyền tụng trong quyển thuộc, một ngàn năm theo Kim Cang Tế Bồ-tát, tìm chỗ móng khởi [niệm tướng] mà không được. Bỗng nhiên một hôm thấy ra, bèn hỏi rằng: “Ngài đang an

trụ ở chỗ nào? Tôi ngàn năm nay tìm chỗ móng khởi [niệm tưởng] của ngài mà không được.” Kim Cang Tế Bồ-tát đáp: “Tôi không nương vào chỗ trụ mà an trụ, không nương vào chỗ vô trụ mà an trụ, chỉ như vậy mà an trụ.” Chương Tế ma vương nói: “Lành thay, lành thay! Nếu theo chỗ trụ mà an trụ như vậy, mỗi mỗi đều là chỗ dòm ngó của Chương Tế ma vương, đây mới chân thật là bậc hàng phục tâm!” Do lời nói của Kim Cang Tế Bồ-tát hầu như khéo khế hợp với nghĩa Kim Cang Bát-nhã, nên nhân đó mà có tên gọi!

Kinh văn:

佛告須菩提。諸菩薩摩訶薩應如是降伏其心。所有一切眾生之類。若卵生若胎生若濕生若化生。若有色若無色。若有

想若無想。若非有想非無想。我皆令入  
 無餘涅槃而滅度之。如是滅度無量無數  
 無邊眾生。實無眾生得滅度者。何以故  
 。須菩提。若菩薩有我相人相眾生相壽  
 者相。即非菩薩。

*Phật bảo Tu-bồ-đề: “Các vị đại Bồ-tát nên  
 hàng phục tâm như thế này: ‘Đối với tất cả  
 các loài chúng sanh: hoặc sanh từ bào  
 thai, hoặc sanh từ trứng, hoặc sanh nơi ẩm  
 thấp, hoặc do biến hóa sanh ra, hoặc có  
 sắc, hoặc không có sắc, hoặc có tướng,  
 hoặc không tướng, hoặc chẳng phải có  
 tướng chẳng phải không tướng, Như Lai  
 đều độ thoát, khiến nhập vào Vô dư niết-  
 bàn. Độ thoát cho vô số chúng sanh như  
 vậy, mà thật không có chúng sanh nào  
 được độ thoát.*

*“Vì sao vậy? Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, thì chẳng phải là Bồ-tát.*

Phó Đại sĩ có bài tụng:

*Không Sinh sơ thỉnh vấn,  
Thiện Thệ ứng cơ thù,  
Tiên đáp vân hà trụ,  
Thứ giáo như thị tu.  
Thai sanh noãn thấp hoá,  
Hàm linh bi trí thâm;  
Nhược khởi chúng sinh kiến,  
Hoàn đồng trước tướng cầu.*

Nghĩa là: Không Sinh (Tu-bồ-đề) vừa mới hỏi, Thiện Thệ (Như Lai) liền ứng theo căn cơ mà đáp, ban đầu trả lời cách an trụ, tiếp đến chỉ bày cách tu. Các loài chúng sanh từ thai trứng, âm thấp, biến hoá mà sinh ra, đều gồm chung là loài hàm linh có từ bi trí

tuệ. Nếu khởi cái thấy có chúng sinh tức là cũng như chấp tướng mà cầu [Nhu Lai]”.

Thông rằng:

Đoạn này chính là để đáp lại câu hỏi của Tu-bồ-đề. Hỏi rằng trong an trụ đều đã gồm cả hàng phục, nay chỉ nêu lên hàng phục là sao? Vì Vô thượng bồ-đề vốn không có tướng trạng, vốn là xa năng sở. Người phát bồ-đề tâm muốn có được tính thường trụ này, đạt được tâm không thối thất, [phải biết] điều khó nhất là lực phan duyên vào vi tế vô minh âm thầm khởi phát, chỉ khởi một niệm là liền rời xa bản vị, không thể gọi là an trụ được! Nếu miễn cưỡng ngăn che không cho niệm khởi, tức rơi vào ngăn che, không được gọi là an trụ! Nếu mỗi niệm đều tương ưng, nhưng niệm chấp trước vào an trụ không xả bỏ được, thì lại rơi vào trụ trước, không được gọi là an trụ! Duy chỉ có tự thể chân như là đây



đủ trí huệ Kim cang, đủ để chiếu phá và hàng phục tâm. Kinh này chủ yếu là dụng của trí huệ Bát-nhã, nên lấy việc hàng phục tâm làm cương lĩnh cho tông chỉ. Nếu có trí huệ hàng phục này, không chỉ hàng phục được tâm không an trụ, mà còn có thể hàng phục niệm sai sử an trụ, tức là tâm mong cầu chỗ trụ, cũng có thể hàng phục cả niệm sai sử vô trụ. Vô trụ mà trụ, mới thật là chân thật an trụ.

Riêng nói hàng phục, nghĩa là an trụ một cách tự tại trong tâm ấy, riêng nói an trụ mà thiếu hàng phục thì an trụ không thành, nên chỉ nêu hàng phục mà thôi!

Dụng của hàng phục rất lớn! Tâm hẹp hòi nên muốn được rộng lớn, tâm thấp nhỏ nên muốn được cao thượng, tâm thích thiện lành thì muốn mọi sự bình thường, tâm điên đảo thì mong có trí huệ chân chính, phải là người phát bồ-đề tâm mới có đầy

đủ bốn tâm này, mới mong được tương ứng với Bồ-đề tâm, mới được gọi là giác hữu tình.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Quảng đại độ nhất thường,  
Kỳ tâm bất điên đảo,  
Lợi ích thâm tâm trụ,  
Thử thừa công đức mãn.*

Tạm dịch::

*Tâm rộng lớn thường nhất  
Vốn chẳng hề điên đảo  
Trụ lợi ích thâm sâu  
Nhờ công đức viên mãn.*

Ở đây chỉ bày bốn loại thâm tâm tương ứng của hàng Bồ-tát với kết quả làm lợi ích chúng sinh, các Bồ-tát nên phải an trụ tâm như vậy.

Sao gọi là quảng đại tâm? Như trong tất cả

các loài chúng sinh, nghĩa là loài thụ bầm hơi thở phong khí tức là gồm trong loài biết có tình thức, nếu loài sinh từ trứng như là các loài chim, loài sinh từ thai như người, loài sinh trong môi trường âm thấp là côn trùng, loài hoá sinh như là chư thiên cõi trời. Tất cả các loài trong tứ sinh lục đạo đều có nhiều tộc loại, vậy các loài chúng sinh này trụ trong chỗ nào? Như loài có sắc tướng thì cõi dục và các tầng trời cõi sắc là chỗ nương trụ của họ. Còn loài vô sắc thì các cõi vô sắc giới và các cõi trời của không vô biên xứ là chỗ nương trụ của họ. Lại còn một số loài nữa, như loài hữu tướng thì các tầng trời của thức vô biên xứ, khi khởi tướng về không thì đây chính là chỗ nương trụ của họ. Như loài vô tướng thì các tầng trời của vô sở hữu xứ, khi khởi niệm lìa xa chút tướng thì đây chính là chỗ nương trụ của họ. Như loài

phi hữu tướng phi vô tướng tức là cõi trời hữu đánh phi phi tướng, nơi không có tướng thô chỉ có những tướng rất vi tế là chỗ nương trụ của họ. Chúng sinh trong ba cõi đều dung nhiếp trọn trong đây, tất cả chúng loại như vậy, đều là đối tượng độ thoát của mình. Tâm ấy rộng lớn biết bao!

Sao gọi là Đệ nhất tâm? Độ chúng sinh không khó, đưa chúng sinh thể nhập niết-bàn mới là khó. Độ chúng sinh nhập niết-bàn không khó, đưa tất cả chúng sinh thể nhập vô dư niết-bàn mới là khó.

Niết-bàn có bốn loại:

1. *Tự tánh niết-bàn*: phạm thánh đều có.
2. *Hữu dư y niết-bàn*: tức hàng Nhị thừa đã ra khỏi phiền não chướng nhưng còn cái khổ khi còn nương vào thân.
3. *Vô dư y niết-bàn*: tức hàng Nhị thừa đã khô thân diệt trí, thân đã ra khỏi cái

khổ sinh tử không còn lưu lại điều gì.

4. *Vô trụ xứ niết-bàn*: trí huệ đều gồm đủ. Không trụ ở hàng Bồ-tát biến dịch sinh tử, không trụ ở hàng Nhị thừa vào niết-bàn với tro tàn mất hẳn, mới chân thật là vô trụ xứ.

Ba dạng niết-bàn trước là Hữu dư y niết-bàn. Dạng Niết-bàn sau cùng là Vô dư y niết-bàn, tức cảnh giới của chư Phật. Do đây mà độ thoát chúng sinh, ý nguyện muốn cho hết thảy chúng sinh gồm 9 loài trong 3 cõi, loài hữu tánh và vô tánh đều thành Phật đạo, đó là nghĩa tối thượng của đệ nhất tâm.

Sao gọi là bình thường tâm? Hết thảy chúng sinh cho đến thân mình đều bình đẳng không sai biệt trong thể tánh chân như. Độ thoát vô lượng chúng sinh như vậy đều nhập vào vô dư niết-bàn, nhưng

thật không có chúng sinh nào được diệt độ. Kinh Tịnh Danh<sup>29[29]</sup> nói: Hết thấy chúng sinh đều vốn có tướng rỗng lặng, vậy không trở nên tịch diệt lại nữa. Nếu còn thấy chúng sinh có thể được diệt độ, tức là còn tâm ưa thích, còn muốn đến đi, tức không phải là bình thường tâm. Chỉ cần phải nhiếp phục cái tâm ưa thích, dù độ hay không độ chúng sinh, tâm này vẫn chẳng phải hai, nên gọi là bình thường tâm.

Chúng sinh diệt độ chẳng khác tự thân, nếu nơi tự thân khởi lên niệm tướng khác, như còn thấy một chúng sinh do mình độ thoát, thì điều này có gì sai trái? Do không nhận ra đệ nhất nghĩa nên khởi lên ngã tướng, nhân tướng chúng sinh tướng, thọ giả

<sup>29[29]</sup>Tức Kinh Duy-ma-cật. Có các bản dịch với các tên gọi:

1. *Phật Thuyết Duy Ma Cát Kinh* (2 quyển) Ngô Chi Khiêm dịch . T. 14, Tr. 519, Sh. 474  
佛說維摩詰經 (二卷) (吳支謙譯

2. *Thuyết Vô Cấu Xưng Kinh* (6 quyển). Huyền Trang dịch. T. 14, Tr. 557, Sh. 476 說無垢稱經 .

tướng, quay lưng với tánh giác mà hiệp với cảnh trần, nên đều gọi là điên đảo. Nói điên đảo, tức là chỉ cho hàng phàm phu, chẳng phải là Bồ-tát. Nếu có người chứng được đệ nhất nghĩa đế chân thật, thì bốn tướng tướng về chúng sinh, ngã, nhân, thọ giả nhất định sẽ không sanh khởi. Như hàng Dự lưu không còn sinh khởi thân kiến. Đã không có quan niệm tướng của riêng mình (*tự tướng*) rồi, tức chẳng thấy có tướng của chúng sinh (*tha tướng*); tự tha đều bình đẳng, thì thấy hết thấy tướng chúng sinh đều bất khả đắc.

Ngài Chí Công nói:

*Dĩ ngã thân không chư pháp không,*

*Thiên phẩm vạn loại tất giai đồng*

Nghĩa là:

*Do thân không nên các pháp không,*

*Muôn ngàn phẩm loại tất chung đồng.*

Là nghĩa này.

Chánh trí cùng với *nhĩ diệm*<sup>30[30]</sup> không đồng. *Nhĩ diệm* phiên âm từ tiếng Sanskrit. Hán dịch là *sở tri chướng*. Còn *sở tri chướng* tức gọi là điên đảo; không còn *sở tri chướng* tức gọi là chánh trí. Đã là chánh trí thì không còn tâm phân biệt, nhưng *nhĩ diệm* (*sở tri chướng*) thì còn tâm phân biệt. Như bốn tướng nói trên, khi chứng ngộ rồi mới biết rõ, chính là do biết được cái *sở tri chướng* (*nhĩ diệm*) trong mình.

Còn thấy có niết-bàn để chứng đắc, tức là còn ngã tướng. Nhận ra rằng *sở chứng* chính là không, tức là nhân tướng; việc liễu đạt chứng ngộ cũng phải lìa xa, đó là chúng sinh tướng; vẫn còn giữ cái biết về liễu tri, đó là thọ giả tướng. Bốn tướng này cùng với trong kinh Viên Giác không khác.

<sup>30[30]</sup> S: *jñeya*. Ý dịch là Sở tri 所知, Cảnh giới 境界, Trí mẫu 智母, Trí cảnh 智境, Thanh minh 聲明, Công xảo minh 工巧明, Y phương minh 醫方明, Nhân minh 因明, đều có thể khiến phát sinh cảnh giới trí huệ. Nên gọi là Nhĩ-diệm.



*Thâm trừ vi tế hoặc*<sup>31[31]</sup> chính là điều này.

Bồ-tát đã phát tâm, thường độ chúng sinh, được gọi là ma-ha-tát. Đại Bồ-tát này còn có một phần sinh tướng vô minh, chưa xả bỏ được chúng sinh tướng. Trong đó thật không có một chúng sinh được diệt độ, mà độ thoát chính là tự hàng phục tâm mình. Nếu thấy có một chúng sinh được diệt độ, tức dính mắc vào tướng chúng ngộ liễu giác, là chẳng phải chánh trí, nên còn có việc hàng phục. Hàng phục bốn tướng tức tự an trú trong vô dư niết-bàn và còn có thể khiến chúng sinh được an trú trong vô dư niết-bàn.

Ở ngay trong sinh tử nhưng không bị xoay chuyển bởi sinh tử nên gọi là vô thượng niết-bàn. Ở trong phiền não mà không bị lay chuyển bởi phiền não, đó gọi là bồ-đề. Đây gọi là hai thứ chuyển y, chính là quả

---

<sup>31[31]</sup>*Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc* (Kinh Thủ-lăng-nghiêm)

vị viên mãn ở trong Phật địa. Nên nói là “*Thử thừa công đức mãn—Nhờ vào đây mà có được công đức viên mãn.*” Nếu không có nhân là trí huệ Bát-nhã, làm sao có được điều này!

Sư Sơn Nhân hỏi Thiền sư Khuê Phong:<sup>32[32]</sup> Các kinh đều nói độ thoát chúng sinh, mà chúng sinh là chẳng phải chúng sinh, có sao lại phải cực nhọc độ thoát?

Khue Phong đáp: Chúng sinh nếu là thật, thì độ chúng sinh là khó nhọc. Đã tự nói là chúng sinh tức chẳng phải chúng sinh, tại sao không ví như độ mà chẳng độ.

Lại hỏi: Trong kinh nói Phật thường trụ,

<sup>32[32]</sup>Khue Phong Tông Mật 圭峰宗密; C: guīfēng zōngmì; J: keihō shūmitsu; 780-841; Thiền sư Trung Quốc dòng Hà Trạch Thần Hội và cũng là Tổ thứ 5 của Hoa nghiêm tông. Sư tìm cách phối hợp giáo lý của Hoa nghiêm tông và cách thực hành của các vị Thiền sư. Sư luận giải giáo lý của Hiền Thủ Pháp Tạng – Tổ thứ ba của Hoa nghiêm tông – bằng ngôn ngữ dễ hiểu hơn. *Hoa nghiêm nguyên nhân luận* của Sư là một trong những tác phẩm tiêu chuẩn mà những vị tăng ở Nhật Bản phải học qua.

Sư họ Hà, quê ở Quả Châu, lúc đầu quy y ở Toại Châu nơi Thiền sư Viên. Nhân dịp đọc kinh Viên Giác, Sư bỗng ngộ yếu chỉ. Sau khi đọc Hoa nghiêm sớ, Sư đến yết kiến Pháp sư Thanh Lương Trừng Quán và sau trở thành Tổ thứ năm của Hoa nghiêm tông. Danh tiếng của Sư lan tràn khắp nơi và vua Đường Văn Tông ban cho Sư áo ca-sa tía (tử y). Ngày 6 tháng giêng năm Hội Xương, Sư ngồi thị tịch. Vua sắc phong là Định Huệ.

Một tác phẩm nổi tiếng khác của Sư là *Thiền nguyên chú thuyết tập đô* tự cũng thường được nhắc đến, trong đó Sư phân chia Thiền thành năm thể loại, được gọi chung là Ngũ vị thiền.

hoặc là nói Phật nhập diệt. Đã thường tức là bất diệt. Diệt tức chẳng thường, có trái nhau chẳng?

Khuê Phong đáp: Lìa xa các tướng tức gọi là chư Phật. Sao lại có tướng sanh ra đời rồi nhập diệt! Thấy có sinh ra rồi mất đi là do ở cơ duyên. Khi cơ duyên tương ứng, ắt thấy có tướng (Phật) thị hiện dưới cây bồ-đề; khi hết cơ duyên, ắt nhập niết-bàn tại rừng sa-la. Vốn khi nước trong lặng cũng như vô tâm, chẳng có tướng nào mà không hiện ra. Còn vật từ bên ngoài đến rồi đi, tướng ấy chẳng phải là Phật thân, làm sao mà Như Lai có tướng sinh khởi rồi biến mất!

Hai đoạn vấn đáp trên, đủ phân tích rõ ý nghĩa sâu màu của đoạn kinh này!

Cư sĩ Bàng Uẩn thường dạo chơi chợ búa, tùy hỷ theo (tinh thần) kinh Kim Cang, đạt

đến chỗ vô ngã vô nhân. Ông nghe giảng Kinh Kim Cang, liền hỏi: Toạ chủ! Đã vô ngã vô nhân, vậy ai giảng ai nghe?

Toạ chủ không đáp được.

Cư sĩ Bàn Uẩn nói: Tôi tuy là kẻ tục, tâm trí thô thiển nhưng cũng có niềm tin để hướng đến.

Toạ chủ hỏi: Ý cư sĩ như thế nào?

Bàn Uẩn dùng kệ đáp:

*Không ngã lại không nhân,*

*Làm sao còn sơ thân,*

*Xin ngài thôi nói suông,*

*Đừng như chân cầu chân.*

*Tánh Kim cang Bát-nhã,*

*Ngoài dứt mảy bụi trần,*

*Tôi nghe đều tin nhận,*

*Đều chỉ bày giả danh.*

Tọa chủ nghe kệ lòng cảm khái, trân trọng tán thán: “Như cư sĩ thật là BỒ-tát tái lai!”

Kinh văn:

復次須菩提。菩薩於法應無所住行於布施。所謂不住色布施。不住聲香味觸法布施。須菩提。菩薩應如是布施不住於相。何以故。若菩薩不住相布施。其福德不可思量。須菩提。於意云何。東方虛空可思量不。不也世尊。須菩提。南西北方四維上下虛空可思量不。不也世尊。須菩提。菩薩無住相布施福德。亦復如是不可思量。須菩提。菩薩但應如所教住。

*Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát theo đúng pháp,*

*nên lấy tâm không chỗ trụ mà làm việc bố thí. Nghĩa là chẳng nên trụ nơi hình sắc mà bố thí, chẳng nên trụ nơi âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp tướng mà bố thí.*

*Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên không trụ nơi tướng như vậy mà bố thí.*

*Sao vậy? Nếu Bồ-tát bố thí với tâm không trụ tướng, phước đức ấy chẳng thể suy lường.*

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Hư không phương đông có thể suy lường được chăng?”*

*Bạch Thế Tôn, chẳng thể được.”*

*Tu-bồ-đề! Hư không các phương nam, tây, bắc, bốn phương phụ, phương trên, phương dưới có thể suy lường được chăng?”*

*Bạch Thế Tôn, chẳng thể được.”*

*Tu-bồ-đề! Bồ-tát bố thí với tâm không trụ tướng, phước đức cũng như vậy, chẳng thể suy lường.*

*Tu-bồ-đề! Bồ-tát chỉ nên trụ tâm theo như điều đã chỉ dạy.*

Phó Đại sĩ có bài tụng:

*Nhược luận vô tướng thí,  
 Công đức cực nan lường,  
 Hành bi tế bản pháp,  
 Quả báo bất tu vọng,  
 Phạm phu tình hành liệt,  
 Sơ thả lược xưng dương;  
 Dục tri đàn tràng mạo,  
 Như không độc thập phương.”*

Tạm dịch:

*Bố thí mà vô tướng  
 Công đức lớn vô cùng*

*Tâm bi hành từ tế*  
*Quả báo chẳng trông cầu*  
*Phàm phu tình thức yếu*  
*Ban đầu lược nêu lên*  
*Muốn biết thực bố thí*  
*Hư không khắp mười phương.*

Thông viết:

Bồ-tát vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh nên tu tập lục độ vạn hạnh; trong lục độ ba-la-mật-đa thì Bát-nhã độ đứng hàng đầu. Tu tập Bát-nhã là nhân của pháp thân, tu tập năm độ còn lại là nhân của báo thân và hoá thân. Trên đã nói về hàng phục bốn tướng vi tế, nhưng đó chỉ mới hàng phục trên phương diện *lý thể*; từ đây trở về sau là nói về việc tu hành lục độ ba-la-mật-đa, tức là hàng phục trên phương diện *sự tướng*. Nếu tu phước mà không tu huệ, thì pháp thân không được viên mãn. Nếu tu



huệ mà không tu phước, thì báo thân và hoá thân không được viên thành. Nên Bát-nhã độ thường được tôn trọng trong năm độ còn lại. Nếu thực hành năm độ mà không tu Bát-nhã, thì không thể nào đến được bờ giải thoát bên kia (đáo bỉ ngạn).

Trước đã nói về tâm rộng lớn (quảng đại tâm), đê nhất tâm, bình thường tâm, tâm không điên đảo, nếu có đủ bốn tâm này chính là hàng phục được tâm. Đã hàng phục được tâm rồi, tức có thể liả hẳn các tướng; đã liả hẳn các tướng rồi, tức có thể thực hành bố thí mà không trụ tướng. Vậy nên việc tu hành tức là thể hiện sự tương ưng của hàng phục và an trụ tâm.

Sao gọi là tương ưng? Chỉ làm việc bố thí, trì giới, v.v... thì chưa được gọi là tương ưng. Không tu tập bố thí, trì giới, đều chẳng được gọi là tương ưng. Ngay nơi tu tập bố thí, trì giới, v.v... mà liả hẳn các

tướng, là các tướng mà thực hành bồ thí, trì giới, v.v... mới được gọi là tu hành có tương ưng. Nên kinh nói BỒ-tát trong Phật pháp không nên trụ trên sự tướng mà thực hành bồ thí.

Bồ thí có 3 loại, nghĩa bao hàm trong lục độ:

- Một là bồ thí bằng tài vật.
- Hai là vô úy thí, nghĩa là bồ thí sự không sợ hãi.
- Ba là pháp thí, bồ thí giáo pháp.

Tư sanh thí nghĩa là đem tiền bạc của cải ra bồ thí. Vô úy thí, nghĩa là nhờ thực hành trì giới, nhẫn nhục nên không còn tâm hại vật, nếu có oán cừu cũng không nghĩ đến báo thù, không đem lại sự khiếp sợ cho người khác. Pháp thí nghĩa là do thực hành hạnh tinh tấn, với các việc lành tâm không lui sụt; do tu tập thiên định, như gương soi

nước lặng, thấu đạt lý tình. Nhờ tu tập trí huệ mà không còn điên đảo, như lý như sự mà tùy duyên thuyết pháp.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Đàn nghĩa nhiếp ư lục,  
Tư sanh vô úy pháp,  
Thử trung nhất nhị tam,  
Danh vi tu hành trụ.*

Tạm dịch:

*Bồ thí nhiếp trong sáu (độ)  
Tài , vô úy, pháp thí  
Một, hai, ba trong sáu (độ)  
Gọi là tu hành trụ.*

Một là tư sanh (tài thí), hai là vô úy thí, ba là pháp thí.

Thế nào là không trụ nơi tướng? Tức là không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; thực hành bồ thí mà không có ý mong cầu

bên ngoài. Một là do thương quý thân mình hiện tại mà không dám bố thí, hai là do đáp trả ân nghĩa đời trước mà bố thí, ba là mong cầu hy vọng quả báo giàu có trong đời tương lai mà bố thí. Tất cả những điều này cần phải loại trừ, bất luận tâm cảnh có không, dù chỉ khởi tâm động niệm, đều trái với thể tính của pháp. Khi làm việc bố thí, chỉ nên giữ tâm bình đẳng, không phân biệt vật đem bố thí, phân biệt người bố thí, và người nhận vật bố thí, thì mới được gọi là thực hành bố thí không trụ tướng.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Tự thân cấp báo ân,  
Quả báo tư bất trước;  
Hộ tồn kỹ bất thí,  
Phòng cầu ư dị sự.*

Có nghĩa là:

Vì riêng mình mà bố thí, là còn lỗi lầm tâm

vị kỷ chưa xả bỏ được. Bồ thí vì để trả ân, hoặc mong cầu quả báo, là còn mắc sai lầm là mong cầu vào việc khác.

Không trụ vào sắc, chỉ đưa ra một loại trong sáu trần; nếu kể hết, từ năm âm, sáu căn, 18 giới. Mười hai nhân duyên, bốn thánh đế, cùng 37 phẩm trợ đạo, cho đến bồ-đề niết-bàn, gồm 81 khoa, đều chẳng nên trụ chỗ nào cả. Tu hành lục độ ba-la-mật-đa như vậy, nhân đó mà được thanh tịnh, nên gọi là Bồ-tát nên bồ thí không trụ tướng.

Bồ-tát trong đệ nhất nghĩa đế, thấy người bồ thí, người nhận bồ thí và vật đem bồ thí, các niệm tưởng về danh nghĩa, về trí, về cảnh đều không sanh khởi, thì việc hàng phục tâm nhân đó sẽ được thanh tịnh.

Nếu có người gạn hỏi: “Nếu đã ngay nơi bồ thí, v.v...phải rời bỏ các tướng, làm sao

có được phước đức lợi lạc?” Để đáp lại điều này, Bồ thí mà mong sinh được nhiều phước đức, tức là Bồ-tát chưa rời bỏ thế đế mà làm việc Bồ thí. Vốn hằng ở trong đệ nhất nghĩa đế nên không trụ nơi tướng; không trụ tướng chính là hàng phục tâm. Bồ thí với tâm thanh tịnh tức tâm đã an trụ. Tu huệ phải gồm cả tu phước thì huệ mới không bị rơi vào khô huệ (càn huệ). Tu phước phải gồm cả tu huệ thì phước ấy không thể nào so sánh bằng. Ví như hư không trong 10 phương, đông tây nam bắc, tứ duy, trên, dưới, gồm tất cả mọi nơi, cao rộng hơn cả, rớt ráo không cùng, không có sự suy lường nào đến được. Nhưng Bồ-tát tu hành thanh tịnh, thấy không có tướng nào để chứng đắc, vị ấy thấy so sánh quả báo phước đức khó có thể suy tính được cũng do như vậy; phước huệ tròn đầy, gọi là lưỡng tức tôn, đó là quả vị tối cao. Nên

gọi rằng thừa này công đức viên mãn. Nên ở đây có lời kết luận mang ý khuyên tấn rằng: Bồ-tát nên như lời dạy mà trụ tâm. Bản dịch đời Ngụy chép: Chỉ nên như vậy mà thực hành bố thí.<sup>33[33]</sup>

Câu hỏi của Tu-bồ-đề là nên trụ tâm chỗ nào? Chỉ lo không đạt được chỗ trụ như vậy, nên Thế tôn mới dạy hàng Bồ-tát thực hành bố thí không trụ tướng, để khỏi trụ ở chỗ dụng tâm. Có gì tương phản nhau chăng? Vì vốn không trụ mà trụ, tức trụ chân không. Như chim chẳng trụ hư không, mà lại trụ hư không; nếu trụ ở hư không tức là chẳng trụ.

*Kinh Văn-thù Bát-nhã* có ghi: “Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi, nên như thế nào gọi là trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa?”

---

<sup>33[33]</sup> T08n0236ap0752c12 || *Đản ưng như thị hành ư bố thí* (但應如是行於布施)

Bồ-đề Lưu-chi (s: Bodhiruci): Nhan đề *Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh*. Dịch đầu thế kỷ 6–Niên hiệu Vĩnh Bình nguyên niên –508)– 元魏天竺三藏菩提流支譯

Văn-thù-sư-lợi thưa: “Do pháp bất trụ tức là trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thế tôn lại hỏi: “Thế nào là pháp bất trụ mà gọi là trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa?”

Văn-thù-sư-lợi đáp: “Do tướng vô trụ, tức trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa.”

*Tam-muội Kinh* nói rằng: “Pháp Như Lai giảng nói, tất theo chỗ vô trụ; con theo chỗ vô trụ, ngay chỗ vô trụ ấy mà đánh lễ Như Lai. Nên BỒ-tát phải như lời dạy, sẽ được chỗ không trụ mà trụ.”

Xưa ngài Động Sơn<sup>34[34]</sup> hỏi một vị tăng: Từ đâu tới?

<sup>34[34]</sup> Động Sơn Lương Giới 洞山良价; C: dòngshān liángjiè; J: tōzan ryōkai; 807-869; Thiền sư Trung Quốc, Pháp tự của Thiền sư Vân Nham Đàm Thạnh. Cùng với môn đệ là Tào Sơn Bản Tịch, Sư sáng khai tông Tào Động, một dòng Thiền được lưu truyền đến ngày nay. Sư quyền khai ngũ vị để giáo hoá học đồ, đời sau gọi là Động Sơn ngũ vị.

Sư họ Du quê ở Cối Kê. Thuở nhỏ theo thầy tụng Ma-ha bát-nhã ba-la-mật-đa tâm kinh đến câu: »Vô nhận, nhĩ, tĩ, thiết, thân, ý«, Sư lấy tay rờ mặt hỏi thầy: ‘Con có mắt, tai, mũi, lưỡi sao kinh nói không?’ Thầy thấy lạ và giới thiệu Sư đến núi Ngũ Duệ yết kiến Thiền sư Linh Mặc (trước học đắc nơi Mã Tổ, đại ngộ nơi Thạch Đầu). Năm 21 tuổi, Sư đến Tung Sơn thụ giới cụ túc. Sau đó Sư du phương, yết kiến Nam Tuyên Phổ Nguyên.

Khi sắp tịch, Sư cạo tóc tắm gội xong, đắp y bảo chúng đánh chuông, già từ chúng ngồi yên mà tịch. Đại chúng khóc lóc mãi không dứt. Sư chợt mở mắt bảo: ‘Người xuất gia tâm chẳng dính mắc nơi vật, là tu hành chân chính. Sống nhọc thích chết, thương xót có lợi ích gì?’ Đến ngày thứ bảy. Thụ trai cùng chúng xong, Sư bảo: ‘Tăng-già không việc, sắp đến giờ ra đi, chớ làm ồn náo.’ Nói xong Sư vào trượng thật ngồi yên mà tịch. Bảy giờ là tháng ba năm thứ mười, niên hiệu Hàm Thông đời Đường. Sư thọ 63 tuổi, 42 tuổi hạ. Vua sắc phong là Ngô Bản Thiền sư.



Tăng trả lời: Theo đường núi đến?

Động Sơn hỏi: Đã lên tới đỉnh chưa?

Tăng đáp: Lên đến rồi!

Động Sơn hỏi: Trên núi có người không?

Tăng đáp: Không!

Động Sơn hỏi: Như vậy là chưa đến đỉnh hay sao? Tăng đáp: Nếu chưa tới đỉnh, làm sao biết không có người?

Động Sơn hỏi: Sao không tạm dừng trụ?

Tăng đáp: Tôi không từ chối việc dừng trụ, nhưng ở Tây thiên có người không chịu.

Động Sơn hỏi: Ta xưa nay đã nghi ngờ gã này rồi.

Thiên Đồng cử pháp ngữ của Triệu Châu:<sup>35[35]</sup> *Gặp nơi có Phật không được*

<sup>35[35]</sup>Triệu Châu Tông Thẩm 趙州從諗; C: zhàozhōu cóngshěn; J: jōshū jūshin; 778-897; Thiền sư Trung Quốc, môn đệ thượng thủ của Nam Tuyên Phổ Nguyên. Thiền sư Nhật Bản Đạo Nguyên Hi Huyền – nổi tiếng là khó tính trong việc đánh giá mức giác ngộ của các Thiền sư – cũng công nhận Triệu Châu là ‘Đức Phật thân mến.’ Sư có 13 truyền nhân nhưng không mấy ai được gán bằng Sư và dòng này thất truyền chỉ sau vài thế hệ.

Cuộc đời Triệu Châu cho thấy điều mà các Thiền sư hay nhấn mạnh rằng, Kiến tính chỉ là bước đầu của việc tu học Thiền. Triệu Châu đã kiến tính từ năm 18 tuổi nhưng sau đó còn học Thiền 40 năm với Nam Tuyên. Sau khi Nam Tuyên qua đời, Sư vân du độ sức với các Thiền sư khác trong những Pháp chiến. Tương truyền rằng Sư đã tìm gặp khoảng 80 Thiền sư, phần lớn là những môn đệ đặc pháp của Mã Tổ

*dừng lại, gặp nơi không có Phật nhanh chóng đi qua.*

Rồi có bài niêm rằng:

*Trầm không trệ tịch,*

*Phạm thủ thương phong,*

*Câu vị thị nạp tăng khứ tựu.*

*Chân tu mặc nhập nhân hành thị,*

*Mặc toạ tha sàng tháp,*

*Chính bất lập huyền,*

*Thiên bất phụ vật,*

*Phương năng bả trụ phóng hành hữu tự  
do*

*phần.*

Tạm dịch:

*Trầm không trệ tịch*

*Dao nhọn đứt tay*

---

(thầy của Nam Tuyên) để vấn đạo. Đến năm 80 tuổi Sư mới chịu dừng chân tại viện Quan Âm, Triệu Châu. Nơi đây Sư tùy cơ dạy học trò và thọ đến 120 tuổi.  
Sư họ Hác, quê ở làng Hác, thuộc Tào Châu. Sư theo thầy xuất gia khi còn nhỏ. Chưa thụ giới cụ túc, Sư đã đến tham vấn Thiền sư Nam Tuyên

*Đều chẳng phải chỗ nạp tăng lui tới.*

*Chẳng nên đánh bạn với người hàng  
chợ*

*Chẳng ngồi giường người khác.*

*Chân thật thì chẳng cần sâu xa.*

*Nghiêng lệch thì chẳng giúp được vật.*

*Mới có thể nắm lấy sự dừng trụ,*

*Phóng xả hành tướng mà được chút  
phần tự do.*

Hai bậc tôn túc này, làm rõ thêm ý chỉ của dừng trụ, mới biết tông chỉ tối cao của Tào Động. Hai cực đoan đều chẳng lập, cũng chẳng an trụ nơi trung đạo, đó chính là huyết mạch chân thật của Bát-nhã.

Trên là phần đối đáp. Sau đây là phần truy theo dấu tích để trừ nghi.

Thông rằng :

Phần vấn đáp ở trên, là để khiến trừ mối

nghi của Tu-bồ-đề, hiển bày huyết mạch chính tông của Như Lai. Độ khắp chúng sinh, gom về biển Như Lai tạng, tu hạnh vô tướng đồng như pháp thân chư Phật. Bình đẳng với hư không pháp giới, trụ niết-bàn mà không trụ, các pháp hữu vi mà lại vô vi. Phước đức oai lực tất cả đều thành tựu.

Phối hợp phần kết của kinh nhập vào phần lưu thông. Theo mỗi nghi của Tu-bồ-đề, hướng đến tịch tĩnh thì trái với nguyện độ sanh, đề độ sanh thì trái với thú hướng tịch tĩnh. Có tình thức chỉ sinh ra phân biệt mà chẳng được viên dung. Nên Thế tôn lập đại pháp tràng, quyết phá sạch tình thức phân biệt này, nên nói độ mà chẳng độ, ngại gì nơi tịch tĩnh; vì tịch mà chẳng tịch, phương ngại gì đến việc độ. Chủ yếu là khiến cho các hạnh bố thí được điều phục, đều phải lìa xa tâm chấp tướng. Không trụ mà trụ,

tức là thường trụ. Điều vi diệu này thật khó hiểu rõ. Niệm mà vô niệm, có tướng mà chẳng phải tướng, nói mà chẳng nói, chứng mà không chứng. Mọi thứ đều trái nhau, sao mà chẳng nghi! Khi mỗi nghi trước đã trừ được rồi, mỗi nghi sau lại sinh khởi. Tâm nghi chưa dừng, tức là chưa hàng phục được tâm. Nếu đã điều phục được tâm không còn nghi, các chấp trước đã dừng bật rồi, tức là đã thành tâm. Đã thành tâm thì không cần phải trừ diệt, tức là trụ mà chẳng cần chỗ trụ. Nên điều phục mọi thứ chỉ là để trừ dẹp mỗi nghi vi tế này.

Kinh này chỉ nói đến sự đoạn trừ các mối nghi ấy mà không nói đến sự sinh khởi của nó, chỗ sinh khởi của nó rất vi tế, chỉ có Phật nhãn của Thế tôn mới có thể chiếu rõ từng thứ một. Không cần đợi đến hỏi mà âm thầm đoạn trừ nó, đây mới gọi là trí huệ Kim cang, không phải là chỗ đo lường

được của hạng phàm tình!

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Điều phục bĩ sự trung,  
Viễn ly thủ tướng tâm,  
Cập đoạn chủng chủng nghi,  
Diệt phòng sinh thành tâm.*

Tạm dịch:

*Trong sự điều phục ấy  
Khiến lìa tâm chấp tướng  
Trừ các loại lưới nghi  
Ngăn ngừa sinh khởi tâm.*

Bài kệ này Di-lặc Bồ-tát truyền cho ngài Vô Trước, ngài Vô Trước truyền lại cho ngài Thế Thân. Trong kinh này ngài Vô Trước phân ra thành 18 trụ, ngài Thế Thân ngay nơi kinh này phân thành 27 điều để đoạn trừ nghi, hoặc trong một trụ (địa) có hai mối nghi hoặc ba nghi, hoặc trong một

nghi có 3 hoặc 4 trụ. Luận ấy có tên gọi không giống nhau như vậy đó! Ngài Vô Trước lấy trụ địa thứ nhất phối hợp với các giai vị trong Thập phát tâm, lấy trụ địa thứ nhì phối hợp với 6 hạnh đầu trong 10 giai vị của thập hạnh, trụ địa thứ ba phối hợp với giai vị thứ 7 trong Thập hạnh, trụ địa thứ tư phối hợp với giai vị thứ 8, 9, 10 của Thập hạnh; trụ địa thứ năm đến trụ địa thứ 14 phối hợp với Thập hồi hướng; trụ địa thứ 15 phối hợp với Tứ gia hạnh vị; trụ địa thứ 16 tương đương Thế đệ nhất địa; trụ địa thứ 17 tương đương Sơ địa; trụ địa thứ 18 theo Nhị địa trở lên, cho đến Phật địa, đều gọi chung là Như Lai địa. Kinh này đã lấy vô tướng làm tông, sao còn bao hàm các giai vị sâu cạn? Tuy là do phần cảm tính nhẹ dần đi, giai vị các trụ địa chuyển lên cao dần, nghĩa có phần giống nhau, đại lược là phối hợp và dung nhiếp nhau, chưa

từng trở ngại, nhưng khi đưa vào phối hợp với các kinh luận khác thì có phần trệ ngại nơi tướng, nên nghĩa lý thâm sâu của nó bị trái với chỗ uẩn áo của kinh. Sở dĩ bộ luận của ngài Thế Thân này có điểm chủ yếu nêu ra các mối nghi là do ý chỉ của ngài Di-lặc Bồ-tát. Người đời sau khi trì kinh này nên tôn trọng cả hai ngài Vô Trước và Thế Thân.

### **1. Đoạn trừ mối nghi thực hành bồ thí trụ tướng để cầu Phật quả.**

Mối nghi này do văn trước nói rằng bồ thí không nên trụ vào tướng.

*Công Đức Thí Bồ-tát Luận* nói rằng: “Bồ-tát khi bồ thí còn không trụ nơi pháp, sao còn vì thân tướng tốt đẹp mà thực hành bồ thí? Trăm ngàn phước tướng do pháp công đức mà tụ lại nên gọi là Thế tôn, nếu không trụ trong pháp, làm sao thành tựu



được thể tướng như chư Phật?”

Đề khiến trừ mọi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提。於意云何。可以身相見如來不  
?

不也世尊。不可以身相得見如來。何以  
故。如來所說身相即非身相。佛告須菩  
提。凡所有相皆是虛妄。若見諸相非相  
則見如來。

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể dùng  
thân tướng mà thấy Như Lai chăng?*

*Bạch Thế Tôn, chẳng thể được. Chẳng thể  
dùng thân tướng mà thấy Như Lai.*

*Vì sao vậy? Như Lai dạy rằng thân tướng  
thật chẳng phải là thân tướng.*

*Phật bảo Tu-bồ-đề: Phàm những gì có*

*hình tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng thật chẳng phải là tướng, tức là thấy Như Lai.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Như Lai cử thân tướng,  
Vi thuận thế gian tình,  
Khủng nhân sinh đoạn kiến,  
Quyền thả lập hư danh.  
Giả ngôn tam thập nhị,  
Bát thập giả hư thanh,  
Hữu thân phi giác thể,  
Vô tướng nãi chân hình.*

Tạm dịch:

*Toàn thân tướng Như Lai,  
Là thuận thế gian tình,  
Sợ người sinh đoạn kiến,  
Nên tạm lập hư danh.*

*Giả nói ba hai tướng,  
Tám mươi vẻ đẹp phụ.  
Có thân chẳng giác thể,  
Chẳng tướng chẳng chân hình.*

Thông viết:

Pháp thân của Như Lai, đến mà chưa từng đến, nên gọi là Như Lai, hàng phàm phu thấy ngài có đến nên chấp cho là có tướng, hàng Nhị thừa thấy không có tới, nên cho là không có tướng, nên họ trụ nơi cái không, lấy đó mà tu nhân. Hàng Bồ-tát đã biết rõ báo thân hoá thân đều không thật có, đã lìa xa cái kiến chấp của hàng phàm phu; đã biết pháp thân chẳng phải là không, là lìa xa kiến chấp của hàng Nhị thừa; chỉ thú hướng Phật thừa, nhưng vẫn còn ưa thích ở pháp. Nay nghe khi tu lục độ, từ sáu trần cho đến bồ-đề niết-bàn đều không nên trụ trước vào hết thảy các pháp

ấy, vậy lấy gì làm thứ lớp mà chứng pháp thân? Đức Phật dùng pháp thân để ví như tướng, tức từ tướng mà có thể thấy được Như Lai; pháp thân nếu là tướng (mà có), tức là là tướng ắt thấy Phật Như Lai. Pháp thân tức là tướng cũng không đúng, pháp là tướng cũng không phải. Cho nên chẳng nên trụ nơi pháp mà tu chứng pháp thân. Pháp thân chẳng phải tướng, ắt thấy nó chưa từng đến đi. Pháp thân là xa các tướng ắt thấy nó chưa từng chẳng đến đi, nên nói là (thấy tướng) tức thấy Như Lai. Ba nghĩa chân thực đều viên dung, nhân quả khế hợp với nhau như một mối có thể tương ưng cùng Vô thượng bồ-đề .

*San định ký* nói rằng: Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề: Theo ý ông, có thể từ 32 tướng nơi thân mà thấy được pháp thân Như Lai chẳng? Ngài Không Sinh (Tu-bồ-đề) thấy Phật đưa ý niệm hình tướng ra để gạn hỏi,

ngài biết ngay là không thể dùng tướng để mong thấy được Như Lai, nên thưa rằng: “Không thể được, không thể nhờ vào 32 tướng mà thấy được Như Lai.”

Sợ rằng chúng sinh đời mạt pháp không thấu đạt lý này, chấp tướng cho đó là thật, nên lại tự tỏ bày ý mình: Bởi vì sao vậy? Không thể dùng 32 tướng mà thấy pháp thân Như Lai chăng? Vì Như Lai đã nói rằng thân 32 tướng tốt ấy vốn chẳng phải là thể của pháp thân; vì 32 tướng ấy là đo nhiều kiếp tu hành mà thành tựu, tùy số kiếp hữu vi tạo tác, nên có sự thiên lưu trong bốn tướng sinh trụ dị diệt, huống gì đối với căn cơ còn có tính bất định của cái có, cái không, sao có thể lấy tướng này làm pháp thân?

Pháp thân là bản thể Phật, chẳng phải từ đời trước sanh ra, chẳng phải từ đời sau mà có; chẳng bị đổi dời, chẳng thể phá hoại,

khác hẳn hữu vi; cho nên nói 32 tướng chẳng phải là thể pháp thân.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Phân biệt hữu vi thể,  
Phòng bỉ thành trụ đặc,  
Tam tướng dị thể cố  
Ly bỉ thị Như Lai.*

Tạm dịch::

*Thể hữu vi phân biệt  
Khác với sự thành trụ  
Ba tướng, do khác thể  
Lìa tướng tức Như Lai.*

Ba tướng tức là bốn tướng (thành, trụ, dị, diệt), do trụ và dị cùng thời nên hợp thành một. Khi Tu-bồ-đề thấy được điều này, mới hay pháp thân là vô tướng, nhưng Tu-bồ-đề vẫn chưa rõ pháp thân vốn không rời tướng. Như Lai ẩn khả cho việc này nên

nói: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng.*” Hết thấy tướng hữu vi đều do vọng niệm mà sinh khởi. Mà vọng niệm vốn là không, vốn không có tự tánh; niệm còn không có tự tánh, huông hồ cái ánh hiện của nó (vọng niệm) mà lại thật có sao? Không chỉ 32 tướng là như huyễn không thật, mà hết thấy các tướng phàm thánh thế gian và xuất thế gian đều không thật. Tướng đã không thật, thì chẳng phải tướng là thật, đem cái không lìa các tướng hư vọng mà riêng cầu tướng Phật được sao! Nên Đức Phật lại can ngăn: Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng tức là mới thấy được Như Lai.

Nên nói pháp thân vô tướng, chẳng lìa ngoài tướng mà riêng có pháp thân. Vì sắc tức là không, không tức là sắc. Chỉ cần khiến trừ phân biệt, thì tướng tự nó không sanh khởi. Tướng đã không sanh, thì duy

chỉ còn cái thật chân. Cái chân thật này, chính là ở ngay trong hư vọng. Tức chân tức vọng, tức vọng tức chân. Người đời chỉ thấy tướng của nó, ta cũng thấy có tướng của nó. Như có được tướng ngựa là do những gì chẳng phải là tướng của ngựa đực, ngựa cái, ngựa ô, ngựa vàng mà thành.

Bảo Tích Như Lai giải thích rằng: Chân thân của Như Lai vốn không sinh diệt, thường trụ trạm nhiên, gá vào ngũ âm mà thành hình, thiên diễn, biến hoá giống như thân của hàng phàm phu. Nhập thân vào thai mẹ, nên mặc vào mình lớp tướng phàm cách biệt này.

Nên nói nếu thấy các tướng là chẳng phải tướng, tức là thấy Như Lai.

Có bài tụng rằng:

*Phàm tướng diệt thời tánh bất diệt.*



*Chân như giác thể ly trần ai,  
Liễu ngộ đoạn thường căn quả biệt,  
Thử danh Phật nhãn kiến Như Lai.*

Tạm dịch:

*Ngay tướng phàm diệt, tánh bất diệt  
Giác tánh chân như lìa trần ai.  
Rõ biết đoạn thường, nhân quả khác  
Gọi là Phật nhãn, thấy Như Lai.*

Không chỉ do 32 tướng, ngay nơi tướng mà chẳng phải tướng tức gọi là Như Lai. Hết thấy các tướng phàm phu thế gian xuất thế gian, tướng tức là vô tướng, tức pháp thể chân như vô vi, là nhất chân bình đẳng vô dị vô biệt, toàn bộ pháp giới tánh là một pháp thân. Thấy như vậy, do chúng mới biết được, nên không thể đem cái tướng hư vọng để thấy Như Lai, mà phải dùng tánh vi diệu mới thấy Như Lai được. Vốn

không thể dùng tướng để thấy pháp thân, cũng không thể lìa tướng mà thấy được pháp thân. Ất là người cầu Phật, cố nhiên không thể chấp tướng mà cầu, cũng không thể lìa tướng mà cầu. Quả vốn là ở chỗ vô trụ, nhân cũng ở chỗ vô trụ. Nếu có thể lìa xa chỗ mong cầu của chúng sinh, chẳng trụ ở có; cho đến pháp thân cũng là vô sở đắc, chẳng trụ ở không. Chỉ thực hành như vậy, không trụ nơi tướng, tức mau chóng thành tựu viên mãn thân Phật, sao còn nghi nhân quả không tương hợp nhau?

Thiên Đồng niệm rằng:

*“Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai.”*

Pháp Nhãn nói: “Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức bất kiến Như Lai.”

Niệm rằng: “Thế tôn nói Như Lai thiên, Pháp Nhãn nói Tổ sư thiên, hiểu được là

rất kỳ đặc, không hiểu được hãy hẹn nhau.”

Vạn Tùng<sup>36[36]</sup> tự khen hình tượng mình rằng: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng, nếu thấy các tướng là chẳng phải tướng, tức thấy lông mày lông mi trên mắt, không cần phải phí sức lực bình sinh. Theo pháp nhãn của Như Lai mà phân biệt phương tiện giới xứ mạnh yếu, một phen đã thống nhất thiên hạ rồi, chuyện gì chẳng là tốt đẹp! Thiên của Thiên Đồng, thiên của Như Lai hay thiên của Tổ sư, càng chẳng nên vọng sinh phân biệt, hiểu được điểm độc đáo ấy thì còn được, nếu không hiểu, thì dính dáng được điều gì?”

Trên đây là lời của các bậc tôn túc phát

---

<sup>36[36]</sup> 萬松老人 (1166-1246) Thiền sư Trung Hoa, sống vào giữa đời Kim và Nguyên. Sư họ Thái, tự Báo Ân, hiệu Vạn Tùng Lão Nhân, người xứ Hà Nội (nay là phía nam Lạc Dương, tỉnh Hà Nam) Trung Quốc; nối pháp Thiền sư Tuyết Nham Mãn, tông Tào Động. Sư trụ các chùa: Tịnh Độ, Thê Ân. Tác phẩm: *Thung Dung lục*, *Vạn Tùng Lão Nhân Bình Xương Thiên Đồng Giác Hoà thượng Niêm Cổ Thỉnh Ích lục*, *Tổ Đăng lục*, *Minh Đạo tập*, *Tứ Hội ngữ lục*.

minh ra một cách hiểu về các tướng vốn chẳng phải là tướng, mà không trở ngại đến việc phóng xuất các thủ nhãn, chẳng cần đối mặt với Như Lai, nên không cần phải hành xử như vậy.

## **2. Đoạn trừ mỗi nghi nhân quả đều sâu dày khó tin được.**

Mỗi nghi này là do ở hai đoạn văn trước nói vô trụ trước mà thực hành bố thí và nói chẳng theo tướng mà nhận ra Phật.

Không trụ trước mà thực hành bố thí là sâu sắc về nhân. Thấy Phật vốn vô tướng là sâu sắc về quả. Nếu chính chúng ta tự thân hành trì công phu quán chiếu mới mong có thể lĩnh hội được, còn hàng chúng sinh độn căn trong thời mạt thế, làm sao mà tin nhận được? Đã không tin nhận được rồi, lấy cái gì mà nói!

Kinh văn:

須菩提白佛言。世尊。頗有眾生得聞如是言說章句生實信不？

佛告須菩提。莫作是說。如來滅後，後五百歲。有持戒修福者。於此章句能生信心以此為實。

*Tu-bồ-đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Liệu có chúng sanh nào nghe lời thuyết dạy này được sanh lòng tin chân thật chăng?”*

*Phật bảo Tu-bồ-đề: “Chớ nên nói thế. Như Lai diệt độ rồi, năm trăm năm sau nữa có những người tu phước giữ theo giới luật, đối với lời thuyết dạy này thường sanh lòng tin, nhận là chân thật.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Nhân thâm quả diệt thâm,  
Lý mật áo nan tâm*

Đương lại mật pháp thể  
 Duy khủng pháp tương trầm.  
 Không Sinh tình vị đạt,  
 Văn nghĩa khủng nan nhâm  
 Như năng tín thử pháp,  
 Định thị giác nhân tâm.

Tạm dịch:

Nhân sâu quả cũng sâu  
 Lý vi mật khó dò  
 Đòi mật pháp về sau  
 Chỉ sợ pháp tiêu trầm.  
 Không Sinh (Tu-bồ-đề) tình chưa đạt  
 Văn nghĩa sợ khó tin  
 Nếu tin được pháp này  
 Chính là giác ngộ tâm.

Kinh văn:

當知是人於一佛二佛三四五佛而種善根。已於無量千萬佛所種諸善根。聞是章句乃至一念生淨信者。須菩提。如來悉知悉見是諸眾生得如是無量福德。

*Nên biết những người này chẳng phải chỉ ở nơi một, hai, ba, bốn, năm đức Phật gieo trồng căn lành, mà thật đã ở nơi vô số ngàn vạn đức Phật gieo trồng căn lành. Nghe lời thuyết dạy này, dù chỉ một niệm cũng sanh lòng tin trong sạch. “Tu-bồ-đề! Như Lai tất sẽ thấy biết những chúng sanh ấy được vô lượng phước đức.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Tín căn sinh nhất niệm,  
Chư Phật tận năng tri,  
Sinh nhân ư thử nhật,  
Chứng quả vị lai thời.*

*Tam đại kinh đa kiếp,  
 Lục độ cứu an thi  
 Huân thành vô lậu chủng,  
 Phương hiệu bất tư nghi.*

Tạm dịch:

*Sinh một niệm tín căn  
 Chư Phật đều rõ biết  
 Nhân phát sinh hôm nay  
 Chứng quả vào đời sau  
 Ba đời, qua nhiều kiếp  
 Hành lục độ, bố thí  
 Huân thành giống vô lậu  
 Mới gọi bất tư nghi.*

Kinh văn:

何以故。是諸眾生無復我相人相眾生相  
 壽者相。無法相亦無非法相。何以故。



是諸眾生。若心取相則為著我人眾生壽者。若取法相即著我人眾生壽者。何以故。若取非法相。即著我人眾生壽者。

*Vì sao vậy? Những chúng sanh ấy không sanh khởi lại các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, không khởi pháp tướng, cũng không khởi phi pháp tướng.*

*Vì sao vậy? Những chúng sanh ấy nếu tâm chấp giữ tướng, tức mắc vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu giữ lấy pháp tướng tức mắc vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vì sao vậy? Nếu giữ lấy phi pháp tướng, tức mắc vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Nhân không pháp diệt không,  
Nhị tướng bản lai đồng,*

*Độc kế hư phân biệt,  
 Y tha ngại bất thông,  
 Viên thành trâm thức hải,  
 Lưu chuyển nhược phiêu bông.  
 Dục thức vô sinh xứ,  
 Tâm ngoại đoạn hành tung.*

Tạm dịch:

*Nhân không pháp cũng không  
 Hai tướng vốn là đồng  
 Do kế vọng phân biệt  
 Y ngại, chẳng thông  
 Viên thành chìm biển thức  
 Lưu chuyển như gió trời  
 Muốn biết chỗ vô sanh  
 Ngoài tâm dứt cảnh trần.*

Kinh văn:

是故不應取法。不應取非法。

*Vì thế, chẳng nên chấp giữ lấy pháp, cũng chẳng nên chấp giữ lấy phi pháp.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Hữu nhân danh vô hiệu*

*Vô tướng hữu trì danh*

*Hữu vô vô biệt thể,*

*Vô hữu hữu vô hình.*

*Hữu vô vô tự tánh,*

*Vọng khởi hữu vô tình,*

*Hữu vô như cốc hương,*

*Vô trước hữu vô thanh.*

Tạm dịch:

*Có nhân, tức vô hiệu*

*Vô tướng, lại nổi danh*

*Hữu vô, chẳng khác thể*

*Vô hữu, có, vô hình*

*Hữu vô, không tự tánh  
 Vọng khởi, biết hữu vô  
 Hữu vô, vang cốc vắng  
 Chẳng mắc tiếng hữu vô.*

Kinh văn:

以是義故。如來常說汝等比丘。知我說  
 法如筏喻者。法尚應捨何況非法。

*Do nghĩa này, Như Lai thường nói: Các vị  
 tỳ-kheo nên biết, pháp Phật thuyết dạy  
 giống như cái bè. Pháp còn nên xả bỏ,  
 huống chi những gì chẳng phải pháp?*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Độ hà tu dụng phiệt,  
 Đáo ngạn bất tu thuyên,  
 Nhân pháp tri vô ngã,  
 Ngô lý cự lao thuyên  
 Trung lưu nhưng bị nịch*

*Thùy luận tại nhị biên,  
Hữu vô như thủ nhất,  
Tức bị ô tâm điên.*

Tạm dịch:

*Qua sông nên dùng bè  
Đến bờ chẳng cần thuyền  
Nhân pháp đều vô ngã  
Ngộ lý há cần nom? <sup>37[37]</sup>  
Trung lưu còn chìm đắm  
Sao còn luận nhị biên?  
Hữu vô nếu chọn một.  
Liên ô nhiễm đất tâm.*

Thông rằng:

Đoạn kinh này bao quát trọn cả chỉ thú của bộ kinh. Cho nên Phó Đại sĩ có bài tụng rất hay. Kinh này lấy vô tướng làm thể, lấy vô

<sup>37[37]</sup> 筌: thuyên: cái nôm bắt cá. Ý này xuất phát từ thành ngữ: Được cá quên nôm.

trụ làm tông. Cái thể của vô tướng không thể nào dùng ý tướng mà diễn tả đầy đủ được. Cái dụng của vô trụ không thể nào lấy tình thức mà đo lường được. Cổ đức có nói: “Như loài *thái mạt trùng*<sup>38[38]</sup> chỗ nào cũng ở được, chỉ trừ trên ngọn lửa là chúng chịu. Tâm chúng sinh nơi nào cũng phan duyên, duy chỉ với Bát-nhã thì không thể nào bám víu được. Nguyên do việc này rất là sâu sắc! Thế nào là tướng, có nghĩa là không có tướng nhân ngã, hay không có tướng pháp ngã? Thế nào là vô trụ? Là không trụ nơi tướng hay không trụ nơi pháp, không trụ nơi phi pháp? Vô tướng tại sao là quả, vô trụ tại sao nhân?

Pháp thân vốn vô vi, không rơi vào phạm trù danh số, xưa nay vốn vô tướng, chỉ do tâm mà có chỗ trụ, thì ngay nơi thể vô tướng mà không đạt được viên mãn. Nếu

---

<sup>38[38]</sup> 太末蟲

như nhiếp hữu tướng để quy về vô tướng, tức là nhờ do trí quán chiếu. Như *Tượng Hiếp Kinh* <sup>39[39]</sup> nói rằng khi đã ra khỏi sinh tử, chứng đắc cảnh giới niết-bàn, đạt quả vị chẳng mong cầu, đạt cái nhân chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp, hết thảy đều bao quát, tuy chánh nhân chánh quả, đã ở trong sự bao quát tất cả rồi, đây chính là Bát-nhã thậm thâm, chính là pháp rất khó tin nhận.

*San định ký* nói rằng:

Khi Tu-bồ-đề mới nghe nghĩa lý sâu xa về nhân quả, ngài vui mừng không cùng. Ban đầu chỉ nhận ra vô tướng, mà không biết rằng tướng tức là quả sâu xa của vô tướng. Ban đầu chỉ biết thường trụ, mà không biết rằng trụ là quả sâu mầu của vô trụ. Do thời Đức Phật còn tại thế, còn khó hiểu được

<sup>39[39]</sup>象 脅 Còn gọi *Tượng dịch kinh* 象腋經, *Phật thuyết Tượng dịch kinh* 佛說象腋經, 1 quyển, Đam-ma-mật-đa 曇摩蜜多 dịch vào đời Lưu Tông. T. 17, Tr. 781, Sh. 814.

pháp thậm thâm này, làm sao tin được chúng sinh trong thời hiện tại và tương lai có thể nghe được nghĩa này trong kinh văn mà phát khởi niềm tin chân thật? Cho rằng có chuyện này thực hay sao! Đức Phật để khiến trừ mọi nghi này, mới có lời khuyên tấn trách mắng: “*Đừng nên nói rằng.*”

Hết thấy chúng sinh đều có Phật tánh. Nghe pháp mà sanh khởi niềm tin, ai bảo là không có người? Như sau khi Đức Phật diệt độ rồi, sau mỗi thời kỳ 500 năm, 500 đầu là giai đoạn giải thoát kiên cố, 500 năm thứ nhì là tu tập thiên định kiên cố, 500 năm thứ ba là đa văn kiên cố, 500 năm thứ tư là chùa tháp kiên cố, 500 năm thứ năm là đấu tranh kiên cố. Đây là giai đoạn năng lực của giáo pháp dần dần suy thoái. Thời kỳ chính pháp, tượng pháp có nhiều người trì giới tu phước, tu tập thiên định đầy đủ, nên phát được trí huệ, điều này là



sự thật. Họ hiểu rõ nghĩa lý nhân quả thậm thâm mà không có sự sai lầm điên đảo nào.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Thuyết nhân quả thậm nghĩa,  
Ư hựu ác thế thời,  
Bất không dĩ hữu thật,  
Bồ-tát tam đức bị.*

Tạm dịch:

*Nói nghĩa sâu nhân quả  
Vào sau đời ác trược  
Chẳng không, cho là thật  
Bồ-tát đủ ba đức.*

Nếu không có ba đức giới định huệ, ai có thể xem đây là chân thực mà phát khởi tín tâm. Nên biết rằng người ấy đã từng thân cận với chư Phật trong nhiều đời, đã từng nghe và tu học chánh pháp, tất có đủ duyên thù thắng. Đã từng gieo trồng các căn lành.

Đã hàng phục được ba độc tham sân si. Lục độ tăng trưởng, ắt đó là nhân thù thắng. Nhân duyên đều thù thắng, mới phát khởi niềm tin chân thật. Thế mới biết niềm tin chân thật không dễ gì có được. Bất luận nghe nghĩa lý kinh điển nào, đều tin chắc là xưa nay chư Phật vốn thanh tịnh, hết thảy chúng sinh rốt ráo đều thành Phật. Cho đến một niệm thanh tịnh tin vào kinh này, đều là nhân thành Phật, đều là quả vị Phật. Người tin vào kinh như vậy, sẽ đạt được vô lượng phước đức, như hư không trong mười phương không thể tính đếm được.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Tu giới ư quá khứ,  
Cập chúng chư thiện căn,  
Giới cụ ư chư Phật,  
Diệc thuyết công đức mãn.*

Tạm dịch:

*Thời quá khứ trì giới  
Cùng gieo trồng thiện căn  
Giới đầy đủ nơi Phật  
Là viên mãn công đức.*

Như Lai đều thấy biết tất cả. Hàng phàm phu thấy biết do trí phân biệt, cái thấy do nhục nhãn, nên thực là không thấy không biết. Như Lai ngay chỗ thấy liền biết, là do không dùng cái thấy phân biệt, ngay chỗ biết là thấy, chẳng phải như cái thấy của nhục nhãn, nên chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì là không thấy.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Phật phi kiến quả tri,  
Nguyện trí lực hiện kiến;  
Cầu cúng dường cung kính,  
Bỉ nhân bất năng thuyết.*

Tạm dịch:

*Phật chẳng thấy quả mới biết  
Thấy ngay do nguyện trí lực  
Chẳng đề cập đến được.*

Được phước đức có hai nghĩa: Sinh đắc và thủ đắc. Sinh đắc là chân chính tu phước nghiệp, năng sinh các nhân lành, tức tin và hiểu rồi thực hành cùng giảng nói.

Thủ đắc là nay mới huân tập thành chủng tử, sau trong đời vị lai mới có quả báo. Những việc cúng dường cung kính này chẳng phải với trí phân biệt mà thấy được, chẳng phải do nhục nhãn mà thấy được, nên nói là người ấy không thể đề cập đến được (*bỉ nhân bất năng thuyết*).

Do nghĩa như thế nào? Người tin vào kinh như vậy có được vô lượng công đức! Các chúng sinh nào giảng nói kinh như vậy, huân tập kinh như vậy mà không bị vướng

mắc trong các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, là đã đạt được *nhân vô ngã huệ*. Không chấp vào các tướng về pháp hữu vi, không chấp vào phi pháp tướng về pháp vô vi, tức là đạt được *pháp vô ngã huệ*. Nhân pháp đều không, tức đồng như thái hư. Nên phước đức người ấy không thể tính đếm được.

Bốn tướng cố nhiên vẫn là tướng. Pháp lẫn phi pháp đều thuộc về phân biệt. Sao còn gọi đó là tướng? Vì nó vốn là phân biệt, vì nó chẳng rời tướng ngã và ngã sở mà khởi lên các tướng về pháp và phi pháp, chẳng phải nơi mảnh đất vô ngã mà cây cỏ các thứ sinh khởi phân biệt được.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Bỉ thọ giả cập pháp,*

*Viễn ly ư thủ tướng,*

*Diệc thuyết tri bỉ tướng,*

*Y bát bát nghĩa biệt.*

Nghĩa là:

Nhân ngã bốn tướng, pháp ngã bốn tướng, cộng thành 8 nghĩa, lược nói có cạn sâu. Phải biết rằng Bát-nhã viển ly các tướng trong 8 nghĩa này, tức gọi là huệ viên mãn. Nếu như còn chấp vào các thứ ngũ uẩn sai biệt là ngã (*ngã tướng*), cho rằng khi các uẩn không còn nữa, thì lại nhận các cõi giới khác đầu thai làm người (*nhân tướng*); chấp rằng các uẩn lưu chuyển tương tục không dừng mà làm chúng sinh (*chúng sinh tướng*); cho rằng mạng căn một đời là thường trụ cho đó là thọ (*thọ giả tướng*). Những điều chấp trước này của hàng phàm phu được gọi là tướng thô trọng.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Sai biệt tương tục thể,  
Bát đoạn chí mệnh trụ;*

*Phục thù u dị đạo,  
Thị ngã tướng, tứ chủng.*

Tạm dịch:

*Thể tương tục sai biệt  
Chẳng dứt khi mạng trụ  
Lại hướng vào đường khác  
Là bốn tướng: ngã, nhân...*

Là chỉ cho điều này.

Nếu trừ được bốn tướng, tức có thể ngay nơi tướng mà khiến trừ. Vì sao lại không nên trụ nơi pháp tướng và trụ nơi phi pháp tướng? Nếu tâm chấp vào sắc tướng, vào cảnh giới tham luyến trói buộc ngũ dục, lấy đó làm nhân của bốn tứ tướng. Nếu tâm chấp trước vào các pháp hữu vi, bên ngoài cảnh mà cầu tâm, cho đó là nhân, tức là chấp rằng mình đã chính ngộ liễu giác bốn tướng. So sánh để thấy rõ, nếu tâm

chấp trước vào pháp vô vi, thì các pháp vốn là không, cho đó là nhân, tức là rơi vào xả bỏ tạng pháp (pháp căn bản) mà chấp vào bốn tướng, làm sao còn gọi là pháp thân vô tướng được?

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Nhất thiết không vô vật,  
Thật hữu bất khả thuyết;  
Y ngôn từ nhi thuyết,  
Thị pháp tướng tứ chủng.*

Là do nghĩa này.

Hết thấy đều là không, tức là quan niệm về nhân không và pháp không. Nhân pháp đều không, tức là không phân biệt, tức mới thật là bất khả thuyết. Tuy là bất khả thuyết, nhưng đó chẳng phải là ngoan không, chỉ là theo ngôn ngữ thế gian mà nói đó thôi, đó cũng chính là nghĩa trung đạo. Nơi đây nếu có trước có trụ, thì cũng



chẳng rời biển kể sở chấp và y tha khởi, mà viên thành thật tánh lại chìm trong biển thức, không thể chứng được quả vô tướng. Thế nên những người tu chính nhân vô thượng bồ-đề thì không nên thủ chấp vào các pháp. Không nên trụ vào các pháp sinh tử; chẳng được thủ phi pháp, cũng chẳng nên trụ vào các pháp niết-bàn. Đều không trụ hai cực đoan có, không tức là trở về trung đạo. Rốt ráo ở nơi trung đạo cũng không được trụ trước.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Bỉ nhân sanh tín tâm,  
Cung kính sanh thực tướng;  
Thanh văn bất chính thủ,  
Chính thuyết như thị thủ.*

Câu này có nghĩa như thế nào? Nghĩa là nơi Bát-nhã mà sinh khởi niềm tin thanh tịnh, không chấp lấy nghĩa chỉ trên văn tự.

Tuỳ thuận trí huệ từ đệ nhất nghĩa đế, lấy không trụ làm nghĩa.

Như Lai thường nói rằng các tử-khuru khi nghe Như Lai thuyết pháp, cũng ví như chiếc bè, khi muốn qua sông, ban đầu phải dùng đến bè, khi đã đến bờ rồi, thì phải bỏ chiếc bè đi. Muốn qua khỏi dòng chảy phiền não dữ dội, phải nên tu hết thấy thiện pháp. Khi đã đến bên kia bờ niết-bàn rồi, thiện pháp ấy cũng phải xả bỏ. Thiện pháp còn không chấp giữ, thì thật tướng và vô tướng cũng như vậy. Huống gì các thứ chẳng phải pháp, là pháp bất thiện. Nên lià xa cả cái chẳng phải thật tướng! Các pháp hữu vô xưa nay, đều chẳng phải là pháp chân thật, cho nên chẳng cần chấp giữ.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Bỉ bất trú tùy nguyện,  
Ư pháp trung chứng trí,*

*Như nhân xả thuyên phiệt,  
Pháp trung nghĩa diệc nhiên.*

Tạm dịch:

*Đó tùy nguyện chẳng trú  
Chứng trí huệ trong pháp  
Như người bỏ thuyên bè  
Nghĩa trong pháp nghĩa cũng vậy.*

Người được gọi là chứng đắc trí huệ, khi vốn chẳng trú nơi tùy thuận tương ưng với pháp thì chưa được gọi là chứng. Tất phải tùy thuận tương ưng với pháp thì mới được gọi là chứng đắc trí huệ. Như chiếc bè để nương tựa là có thể bao quát ý này. Nhưng với văn tự Bát-nhã, sao lại cũng nên xả bỏ? Là để trừ những mối chấp nhỏ nhặt vi tế của những người quá tin vào kinh. Trước đã có tín tâm thanh tịnh, tức được phước đức vô lượng, chính là do chánh nhân sinh chính quả. Nếu những mối chấp vi tế nếu

không trừ sạch, rốt cục đó sẽ là sự chướng  
ngăn thánh đạo. Nên ngay nơi kinh mà lìa  
kinh, ngay nơi pháp mà lìa pháp. Chỉ trừ  
cái bệnh (chấp kinh), chứ không trừ thể  
của kinh, điếm độc đáo này chính là ý chỉ  
thậm thâm sâu mầu Bát-nhã.

Có vị tăng hỏi Thiền sư Đồng An: “Y kinh  
giải nghĩa, oan ba đời chư Phật. Lìa kinh  
một chữ, cũng như ma nói. Lý ấy như thế  
nào?”

Ngài Đồng An đáp:

*Cô phong huýnh tú,  
Bát quải yên la  
Phiến nguyệt hoành không,  
Bạch vân tự dị.*

Tạm dịch:

*Núi cao tuyết đẹp  
Chẳng vương dây leo*

*Trăng ngang trời không.*

*Mây trắng tự lìa.*

Ngài Đan Hà có bài tụng rằng:

*Vân tự cao phi thủy tự lưu,*

*Hải thiên không khoát dạng hư chu*

*Dạ thâm bất hướng lô loan túc,*

*Huỳnh xuất trung gian dĩ lưỡng đầu.*

Tạm dịch:

*Mây tự bay cao, nước theo dòng*

*Chân trời xa tấp gợn thuyền không*

*Đêm khuya chẳng về neo vịnh vắng*

*Sớm thoát giữa sông lẫn hai bờ.*

Là chỉ cho sự thoát ra khỏi câu nói ở giữa và hai đầu, bao quát ý nghĩa cao siêu của Bát-nhã. Bài tụng của Phó Đại sĩ là dành cho hàng trung lưu nhưng còn bị chìm đắm. Chính là ngay nơi Bát-nhã còn phải xả. Sâu mâu thay!

### 3. Đoạn trừ mỗi nghi: Đã là vô tướng thì làm sao nói được?

Mỗi nghi này là do từ trong mỗi nghi thứ nhất, nghĩa là không thể nào dùng thân tướng mà thấy được Như Lai. Trước nói Phật thân vô tướng, nếu khi chứng được vô tướng, thì pháp lẫn phi pháp đều xả bỏ, tức không bao gồm có chứng đắc, có ngôn thuyết; vì sao Thế tôn lại dùng một niệm tương ưng với chính trí giác ngộ hiện tiền? Trong pháp có gì nói ra được chăng? Nếu nói được tức rơi vào hữu vi, làm sao an trụ được trong vô vi?

Để khiến trừ mỗi nghi này, nên Kinh nói rằng:

Kinh văn:

須菩提。於意云何。如來得阿耨多羅三藐三菩提耶。如來有所說法耶。須菩提

言。如我解佛所說義。無有定法名阿耨多羅三藐三菩提。亦無有定法如來可說。何以故。如來所說法皆不可取不可說。非法非非法。

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Như Lai có chỗ thuyết pháp chăng?*

*Tu-bồ-đề thưa: “Theo như chỗ con hiểu nghĩa Phật đã dạy, không có pháp xác định gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp xác định nào Như Lai có thể thuyết.*

*“Vì sao vậy? Chỗ thuyết pháp của Như Lai thấy đều chẳng thể chấp giữ lấy, chẳng thể nói ra, chẳng phải là pháp, cũng chẳng phải phi pháp.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Bồ-đề ly ngôn thuyết,  
 Tùng lai vô đặc nhân,  
 Tu y nhị không lý,  
 Đương chứng pháp vương thân.  
 Hữu tâm câu thị vọng,  
 Vô chấp nãi danh chân;  
 Nhược ngộ phi phi pháp,  
 Tiêu dao xuất lục trần.*

Tạm dịch:

*Bồ-đề là ngôn thuyết  
 Xưa nay chẳng người được  
 Nên nương hai lý không  
 Mới chứng pháp vương thân  
 Có tâm đều là vọng.  
 Chẳng chấp mới là chân  
 Nếu ngộ không, không pháp*



*Tự tại ngoài sáu trần.*

Kinh văn:

所以者何。一切賢聖皆以無為法而有差別。

*Vì sao vậy? Tất cả các bậc thánh hiền đều dùng pháp vô vi mà có sự sai biệt nhau.*<sup>40[40]</sup>

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Nhân pháp câu danh chấp,*

*Liễu tức nhị vô vi,*

*Bồ-tát năng tề chứng,*

*Thanh văn li nhất phi.*

*Sở tri phiền não tận,*

<sup>40[40]</sup>tat kasya hetoh | asaṃskṛta prabhāvitā hyāryapudgalāḥ

*Vì sao? Vì các thánh nhân đều hiển hiện trên nên tắng vô vi.*

asaṃskṛta: pháp vô vi

Prabhāvitā: Cưu-ma-la-thập dịch là “sai biệt. Bồ-đề Lư-chi dịch là *đắc danh* 得名. Ngài Chân Đế dịch là “*hiển hiện* 顯現; Ngài Cấp Đa dịch là *hiển minh* 顯明; Ngài Huyền Tráng dịch là *sở hiển* 所顯. Ngài Nghĩa Tịnh dịch là *sở hiển hiện* 所顯現. Edward Conze trong bản tiếng Anh, dịch là *exalt* : đề cao, làm cho cao hơn.

Prabhāvitā theo các bản Hán dịch có rất nhiều nghĩa, nhưng ở đây xin hiểu là *thông đạt*. Nghĩa là các bậc Hiền Thánh từ nơi pháp vô vi mà thông đạt thể nào là pháp và thể nào là phi pháp, thể nào là giải thoát, giác ngộ cũng từ đó mà được biểu hiện sai khác

*Không trung vô sở y,  
Thường năng tác sở quán,  
Đắc thánh định vô nghi.*

Tạm dịch:

*Nhân pháp đều là chấp  
Hiếu rõ, đồng vô vi  
Bồ-tát đều biết rõ  
Thanh văn chỉ là một  
Phiền não sở tri hết  
Trong không, chẳng chỗ nương  
Thường quán chiếu như vậy  
Đắc thánh quả chẳng nghi.*

Kinh văn:

須菩提。於意云何。若人滿三千大千世界。七寶以用布施。是人所得福德寧為多不。須菩提言。甚多世尊。何以故。

是福德即非福德性。是故如來說福德多。若復有人於此經中。受持乃至四句偈等為他人說。其福勝彼。何以故。須菩提。一切諸佛及諸佛阿耨多羅三藐三菩提法皆從此經出。須菩提。所謂佛法者即非佛法

*“Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người dùng bảy món báu đây trong cõi ba ngàn đại thiên thế giới mà bố thí, được phước đức nhiều chăng?”*

*Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao vậy? Phước đức, thật chẳng phải là tánh phước đức, nên Như Lai nói là nhiều phước đức.”*

*“Nếu lại có người thọ trì chỉ bốn câu kệ trong kinh này vì người khác mà giảng nói,*

*phước này hơn hẳn phước bố thí kia.*

*“Vì sao vậy? Hết thấy chư Phật và giáo pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các ngài đều từ nơi kinh này mà ra.*

*“Tu-bồ-đề! Vì vậy mà nói rằng: Phật pháp tức chẳng phải là Phật pháp.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Bảo mãn tam thiên giới  
 Trì trì tác phước điền,  
 Duy thành hữu lậu nghiệp,  
 Chung bất ly nhân thiên.  
 Trì kinh thủ tứ cú,  
 Dĩ thánh tác lương duyên,  
 Dục nhập vô vi hải,  
 Tu thừa Bát-nhã thuyền.”*

Tạm dịch:

*Đem đầy cả châu báu*

*Khấp thế giới ba ngàn  
 Ra bố thí tất cả  
 Chỉ thành nghiệp hữu lậu  
 Chẳng lìa cõi trời người.  
 Trì kinh này, bốn câu  
 Tạo duyên lành bậc thánh  
 Phải nương thuyền Bát-nhã.  
 Đổ vào biển vô vi.*

Thông rằng:

Pháp vi diệu vô trụ của Như Lai rất lớn không thể suy lường đến được. Nói đến phương diện thật tế, cũng không thể nào đạt được. Chỉ vì lợi lạc quần sanh mà chư Phật không phương ngại hiện bày vô số hình tướng âm thanh ngôn thuyết. Phạm mỗi người ai đã nghe thấy được rồi, thảy đều có được lợi ích. Thật ra trên bình diện pháp tánh, vốn lìa hẳn các phân biệt, không

do sự tác ý, được tức là chẳng chứng đắc; nói tức là chẳng nói, đó tức là trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Tu-bồ-đề (Không Sanh) chỉ hiểu được bờ mé bên ngoài của pháp thân, nên cho rằng Như Lai vô đắc vô thuyết, hết thấy hiện thánh đều do nơi pháp vô vi mà có sai biệt. Thế tôn mới chỉ ra việc hướng thượng của pháp thân, vốn chẳng quan ngại vì chư Phật đều do đây mà lưu xuất, pháp vô thượng bồ-đề cũng từ đây mà có. Do vậy nên nói Phật và pháp, tức chẳng phải Phật pháp, đều là chẳng sở đắc. Diệu pháp ấy, chỉ nên tin nhận và thọ trì. Nếu được như vậy, phước đức thật là không thể nghĩ bàn.

*San định ký* nói rằng:

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề, Ý ông nghĩ sao? Có cho rằng Như Lai chứng đắc bồ-đề hay Như Lai chẳng chứng đắc? Có nghĩ rằng Như Lai thuyết pháp hay chẳng thuyết

pháp? Tu-bồ-đề chỉ một hướng hiểu về Không, nên không biết Phật có ba thân:

Một là pháp thân Phật, hai là Báo thân Phật, ba là Hoá thân Phật. Thế tôn hiện tiền tức là Hoá thân. Chính đó vốn chẳng phải là thân chứng đắc giác ngộ, cũng chẳng phải là thân thuyết pháp độ sanh, nên chẳng có pháp nhất định gọi là chứng đắc bồ-đề; cũng chẳng phải có pháp nhất định mà Như Lai có thể giảng nói. Điều này do đâu? Nếu cho rằng Như Lai có pháp vô thượng bồ-đề để giảng nói, thì chẳng có tai nào để nghe, nên chẳng chấp giữ được; chẳng có lời nào để có thể nói, nên nói không thể thuyết. Nếu muốn nói đến cái có, thì cái ấy ắt là phải không có hình trạng, không tên gọi. Tất cả các pháp đều không có thể tướng chân thật, vốn chưa từng là thật có, nên gọi là phi pháp. Nếu muốn nói các pháp là không, thì bậc

thánh cho đó là linh, chân như vốn là vô  
 ngã tướng là thật hữu, lại vốn chưa từng là  
 không. Cho nên nói chẳng phải là phi  
 pháp. Cho là pháp ắt lại là phi pháp, chi là  
 phi pháp lại có chẳng phải phi pháp. Ngài  
 nói vốn đã chẳng phải là hai, người nghe  
 cũng chẳng chấp vào nhị biên, nên nói  
 rằng Như Lai chẳng chứng đắc, chẳng hề  
 giảng nói.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Ứng hoá phi chân Phật  
 Diệt phi thuyết pháp giả  
 Thuyết pháp bất nhị thủ,  
 Vô thuyết ly ngôn tướng.*

Tạm dịch:

*Ứng thân và hoá thân  
 Chẳng phải chân thân Phật  
 Cũng không người thuyết pháp*



*Người nói, pháp được nói*

*Cả hai đều chẳng thủ*

*Chẳng nói, là tướng nói.*

*Bất nhị thủ giả:* Chẳng chấp vào nhị biên, tức là chẳng chấp vào pháp, chẳng chấp vào phi pháp. Chẳng phải Như Lai được như vậy, mà các bậc hiền thánh đều nương nơi pháp chân như thanh tịnh mà có tên gọi, đều chính là lưu xuất từ pháp vô vi này. Vô vi là vốn chẳng có gì để làm mà có, nên không thấy cái có (hữu), chẳng thấy cái không (vô). Vô vi tức là không thể phân biệt, nên không thể có cái chứng đặc để giữ lấy, chẳng có cái chứng đặc để nói. Tự tánh của nó, vốn là xa tướng ngôn ngữ, chẳng có thể diễn bày bằng sự tướng. Chỉ các bậc thánh chứng được từng phần nghĩa lý này, từng phần được thanh tịnh.<sup>41[41]</sup>

<sup>41[41]</sup> Theo Thành Dục Thúc Luận: 稽首唯識性, 滿分清淨者

Đến giai vị bậc thánh là đã chứng được hoàn toàn lý này tức *mãn phần thanh tịnh*. Các ngài đều do tu chứng pháp bồ-đề này, mà quả vị lại có sai biệt. Như voi ngựa đều được, miễn là được đưa qua sông. Năng độ có sai khác, nhưng sở độ thì chẳng có gì khác nhau. Thế tôn vì không có chủ đích lập tông thú đối với tất cả pháp vô vi, sợ người đời sau nghe nói đến pháp vô vi này không thể nắm bắt được bằng lời nói, nên liền muốn huỷ bỏ. Các Đức Phật Như Lai chẳng từ chỗ nào khác mà lưu xuất, chẳng phải từ nơi nào khác mà chứng đắc vô thượng bồ-đề, nên gọi đó là Phật pháp, là để khỏi bị rơi vào chấp không.

Ngay đó giáo lượng tính toán công đức trì kinh để hỏi ngài Tu-bồ-đề, *Ý ông nghĩ sao?* Nếu như có người đem cả bảy thứ báu: lưu

---

Mãn thanh tịnh và phần thanh tịnh: *Xu yếu*(p613b29): *Mãn tịnh*, và *phần tịnh*, chỉ đối tượng kính lễ. Phần thanh tịnh, *Thuật ký* (p233a3): “*Thế Thân tuy chưa lên hàng Thập địa, nhưng đã có tín giải quyết định trong Duy thức tánh; tuy chưa chứng Chân, nhưng tùy thuận tu tập mà từng phần sở đắc, do đó được xưng tụng là Phần thanh tịnh.* (Thành Duy Thức Luận–Tuệ Sỹ dịch và chú )

ly, pha lê, xa cừ, mã não, trân châu hồ phách, san hô, đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, từ tiểu thiên cho đến trung thiên, từ trung thiên cho đến đại thiên, mỗi vạn ức mặt trời mặt trăng, vạn ức tứ thiên hạ, đem chùng ấy của báu để bố thí; đúng thật chùng ấy của báu, bố thí rộng lớn đến như vậy, có đạt được phước báo nhiều chăng? Tu-bồ-đề trả lời là rất nhiều. Lấy nghĩa nào để nói nhiều? Phước đức do bố thí số trân bảo ấy chỉ là phần sự tương phước đức, không thể đưa đến quả vị bồ-đề. Đó chẳng phải là chùng tánh phước đức đưa đến trí huệ Bát-nhã. Nếu y theo Bát-nhã mà tu hành, khiến cho tự tánh không lạc vào các cõi hữu, mới chân thật gọi là tánh phước đức, mới có thể gánh vác sứ mệnh Như Lai. Thế tánh trùm khắp cõi giới nhiều như cát bụi, phước đức ấy được tích tụ như vậy, chính là phần lý tánh của phước đức,

không thể nói rằng có phước hoặc không có phước đức. Phước đức vốn đã không có, thì không thể nói là nhiều được. Cái có theo thế gian, là hữu tướng hữu vi, nên có thể nói đó là phước, nên cho là có phước đức, gom lại nói là nhiều. Cho nên Như Lai nói là có phước đức nhiều. Đức Phật liền ấn khả nên nói rằng: “Như lời ông nói, nếu như có người, ngay ở nơi nghĩa lý kinh văn Bát-nhã này mà phát khởi niềm tin thọ trì đọc tụng, thì đó là phần tự lợi. Còn nếu để giảng nói cho nhiều người khác cùng nghe, thì đó là lợi tha. Bất kỳ người nào quán triệt toàn bộ trước sau, cho đến tùy thuận giảng nói chỉ bốn câu kệ mà không rời tự tánh Bát-nhã. Đó mới gọi là công đức. Phước đức ấy lớn hơn người đem trân bảo bố thí vô lượng vô biên, không thể đem tâm thức mà đo lường được.”

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Thọ trì pháp cập thuyết,  
 Bất không ư phước đức,  
 Phước bất thú bồ-đề,  
 Nhị năng thú bồ-đề.*

Tạm dịch:

*Thọ trì, giảng nói kinh  
 Chẳng phải không phước đức  
 Như phước hữu lậu kia  
 Chẳng thú hướng bồ-đề  
 Phước thọ trì, giảng nói  
 Mới thú hướng bồ-đề*

Hai thứ phước đức ở đây là thọ trì và giảng nói.

Về ý nghĩa bốn câu kệ (*Tứ cú kệ*) có nhiều quan niệm không giống nhau: Hoặc là vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả.

Hoặc là câu: *Phàm sở hữu tướng giai thị*

*hư vọng. Hoặc bài kệ:*

*Nhược dĩ sắc kiến ngã,*

*Dĩ âm thanh cầu ngã*

*Thị nhân hành tà đạo*

*Bất năng kiến Như Lai.*

Cho đến bài kệ:

*Nhất thiết hữu vi pháp*

*Như mộng huyễn bào ảnh*

*Như lộ diệt như điện*

*Ứng tác như thị quán.*

Hoặc lấy một câu, hai câu, ba câu cho đến bốn câu, như Lục tổ Huệ Năng lấy câu *Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa* làm tứ cú. Các thuyết từ trước đến nay không đồng, chỉ dùng lời Đức Phật tùy thuận với tứ cú mà ẩn khả, thì tất cả đều là tứ cú, đều có thể trung dẫn khi giảng nói, không nên tranh luận.

Do nghĩa nào mà nói rằng thọ trì giảng nói kinh này được công đức vượt trội những người đem tài sản ra bố thí? Vì vô thượng bồ-đề là do từ kinh này lưu xuất. Lý chân thật vốn không sinh không diệt, khi phiền não che mờ thì lý thể chân thật ấy tạm ẩn, khi trí huệ tròn đầy thì lý thể chân thật ấy hiển lộ. Thọ trì giảng nói kinh này thì trí huệ vi diệu tự sáng rõ, bồ-đề pháp thân tự hiện bày, nên gọi là *liễu nhân*. Do vì các Đức Phật Như Lai đều từ kinh này lưu xuất. Báo thân hoá thân từ xưa nay vốn không thực có, thọ trì giảng nói kinh này, ngoài phần thọ báo, sắc tướng vô biên chỉ để trang nghiêm thân này, được qua lại vô ngại khắp trong mười phương quốc độ, đó gọi là sanh nhân.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Ư thật vi liễu nhân,*

## *Diệc vị dư sinh nhân.*

Công đức trì kinh có thể khiến thành tựu tất cả các pháp bồ-đề của chư Phật như vậy, liệu có các pháp hữu lậu thế gian để cùng so sánh chǎng? Nếu cứ đắm chấp vào công đức trì kinh này, tỏ bày cho thấy đó là pháp thân Phật, thấy có thực tánh, tức là người chưa ngộ được pháp nên càng tăng thêm chướng ngại. Cho nên nói rằng: Phật, pháp, tức là chǎng phải Phật, chǎng phải pháp. Nói Phật, pháp, trên phương diện thế đế dường như có. Còn nói chǎng phải Phật, chǎng phải pháp, là đứng về phương diện đệ nhất nghĩa đế, tức là không. Có nghĩa là trong tục đế, có sự khác nhau giữa mê ngộ, phàm thánh, nhiễm tịnh. Cho nên nói rằng chư Phật và các pháp đều từ kinh này lưu xuất. Còn về lý thể, trên phương diện chân đế, là lìa xa các tướng mê ngộ, phàm thánh, nhiễm tịnh, rốt ráo vốn chǎng có



Phật pháp để chứng đắc.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Duy độc chư Phật pháp,  
Phước thành đệ nhất thể.*

Nghĩa là:

*Chỉ có trong Phật pháp  
Phước là thể đệ nhất.*

Luận về Phật và pháp, phước đức xuất thế vốn không lấy gì để so sánh được. Từ phương diện đệ nhất nghĩa để quán sát, thì hết thảy vốn đều không có, nên gọi là *phước thành tựu đệ nhất thể*. Đó đều là pháp không thể nắm bắt, không thể nghĩ bàn. Điều quy về các pháp vô vi, tợ như là rơi vào chấp không, nhưng đó chính tức Phật pháp mà chẳng phải Phật pháp, vốn chẳng sai với nghĩa trung đạo. Trụ mà không trụ, không trụ mà trụ, đó chính là chỗ chí diệu lại càng chí diệu hơn.

Xưa Thiền sư Tuyết Phong<sup>42[42]</sup> hỏi Đức Sơn:<sup>43[43]</sup> Trong chỗ tông thừa, con nay có được phần nào chăng?

Đức Sơn đánh một gậy, đáp: Nói cái gì?

Tuyết Phong trả lời: Không hiểu!

Sáng hôm sau vào thưa hỏi. Đức Sơn nói:

Tông ta không có ngữ cú, thật không có một pháp để tiếp người.

---

<sup>42[42]</sup>Tuyết Phong Nghĩa Tồn 雪峰義存; C: xuéfēng yìcún; J: seppō gison; 822-908; Thiền sư Trung Quốc, môn đệ của Đức Sơn Tuyên Giám. Từ dòng thiền của Sư xuất sinh ra hai tông lớn của Thiền tông, đó là tông Vân Môn và Pháp Nhãn. Sư Ấn khả cho 56 môn đệ, trong đó các vị Vân Môn Văn Yển, Huyền Sa Sư Bị và Trường Khánh Huệ Lăng là ba vị danh tiếng nhất.

Sư sinh trong một gia đình mộ đạo. Thuở nhỏ Sư không ăn thịt cá, muốn xuất gia nhưng cha mẹ không cho. Năm 12 tuổi, Sư theo cha đến chùa. Xin xuất gia. Sau khi thụ giới cụ túc tại chùa Bảo Sát, U Khê, Sư tham học với nhiều Thiền sư. Ban đầu Sư đến Thiền sư Lương Giới ở Động Sơn làm Điền tọa, sau đến Đức Sơn và được thâm nhận. Sau Sư đến núi Tuyết Phong dựng một am nhỏ ngụ tại đây. Không bao lâu thiền giả mọi nơi đến tham vấn và nơi này trở thành một thiền viện với 1500 người tham thiền. Môn đệ của Sư nổi danh về kỉ luật, trật tự nề nếp tu hành và rất nhiều người ngộ đạo tại đây.

Đời Lương, niên hiệu Thái Bình (908) ngày mùng hai tháng năm, Sư để kệ truyền pháp xong nửa đêm nhập diệt, thọ 87 tuổi, 59 tuổi hạ.

<sup>43[43]</sup>Đức Sơn Tuyên Giám 德山宣鑒; C: déshān xuānjiàn; J: tokusan senkan; 782-865;

Thiền sư Trung Quốc, một trong những Thiền sư lỗi lạc nhất đời Đường. Sư có 9 môn đệ được Ấn khả, trong đó hai vị Nham Đầu Toàn Hoát và Tuyết Phong Nghĩa Tồn đứng hàng đầu. Sư nổi pháp Long Đàm Sùng Tín, thuộc dòng Thanh Nguyên Hành Tự và Thạch Đầu Hi Thiên. Nhân duyên ngộ đạo của Sư là một trong những câu chuyện thường được nhắc lại nhất trong giới Thiền. Sư nổi danh về việc sử dụng cây gậy để giáo hoá (đập) thiền sinh, từ đó mà sinh ra danh từ Bông hát, chỉ cây gậy (bông) ngang dọc của Sư và tiếng hét ( Hát) vọng vang của Lâm Tế.

Sư họ Chu, quê ở Kiên Nam, Gián Châu, xuất gia lúc 20 tuổi. Sư thông Luật tạng và các kinh, luận. Vì thường giảng Kim cương bát-nhã ba-la-mật-đa kinh nên thời nhân gọi Sư là Chu Kim Cương.

Sư có bệnh, bảo chúng: ‘Chụp không tìm tiếng luống nhọc tâm thân các người. Mộng tỉnh, tỉnh rồi trọn không có việc gì.’ Nói xong Sư ngồi yên lặng viên tịch, nhằm đời Đường, niên hiệu Hàm Thông năm thứ sáu, ngày mùng ba tháng chạp năm Ất Dậu. Vua sắc phong Kiên Tĩnh Đại sư.

Tuyết Phong nhân đó tỉnh ngộ. Nham Đầu nghe vậy liền nói: Lão già Đức Sơn này, thân như cành trơ xương cốt, cứng rắn như gang thép, bẻ chẳng gãy. Tuy vậy, nói trong giáo môn, cũng còn chút tạm được.

Pháp Nhãn nói: Chúng quả vị Phật, gọi là trì tụng kinh này. Trong Kinh nói rằng: Hết thầy chư Phật cùng các pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề đều từ kinh này lưu xuất, Hãy nói thế nào là kinh này. Chẳng phải là quyển vàng giấy đỏ là kinh ấy đâu! Chớ nhận định sai lầm.”

Lại có vị Tăng đến hỏi Thủ Sơn:<sup>44[44]</sup> Hết thầy chư Phật đều từ kinh này lưu xuất,

<sup>44[44]</sup>Thủ Sơn Tỉnh Niệm 首山省念; C: shǒushān xǐngniàn; J: shuzan shōnen; 925-993;

Thiền sư Trung Quốc tông Lâm Tế, đệ tử xuất sắc nhất của Phong Huyệt Diên Chiêu. Sư là người gìn giữ tông Lâm Tế trước cơ nguy tàn lụi. Thiền sư Phong Huyệt đã tỏ nỗi lo rằng chính pháp của Lâm Tế sẽ thiên hoá cùng với mình vì không tìm được người nối dõi. Nhưng sau đó Sư đến hội Phong Huyệt và được ân chứng. Trong thời loạn (hậu Đường sang đời Tống), Sư ẩn cư không đề lộ tung tích. Sau khi bình yên lại, Sư mới bắt đầu tụ chúng và giáo hoá. Sư có 16 truyền nhân, trong đó Phân Dương Thiện Chiêu xuất sắc nhất, người đã đưa Thiên tông lên hàng đầu trong các môn phái đạo Phật đời Tống.

Sư họ Dịch, quê ở Lai Châu, xuất gia tại chùa Nam Thiên. Vừa thụ giới cụ túc xong, Sư đi khắp nơi và thường tụng kinh Pháp hoa nên Sư cũng có biệt danh là Niệm Pháp Hoa.

Sau, Sư đến pháp hội của Thiền sư Phong Huyệt và được cử làm Tri khách. Đời Tống, niên hiệu Thuần Hoá năm thứ ba (992), giờ Ngọ ngày mùng 4 tháng chạp, Sư nói kệ, đến chiêu, khi mặt trời vừa xế, Sư ngồi yên thị tịch, thọ 68 tuổi.

Kinh này là thế nào?

Thủ Sơn đáp: Nói khẽ! nói khẽ!

Tăng hỏi: Thọ trì như thế nào?

Thủ Sơn đáp: Đừng nhiễm ô!

Đầu Tử<sup>45[45]</sup> tụng rằng:

*Thủy xuất Côn Lô sơn khởi vân,  
Điếu nhân tiêu phụ muội lai nhân,  
Chỉ tri hồng lãng nham loan khoát  
Bất khảng phao ti khí phủ thanh.”*

Tạm dịch::

*Nước quanh Côn Lô núi chạm mây  
Thuyền câu, tiêu phụ chẳng rõ đâu.  
Chỉ biết sóng vờn quanh vịnh vắng  
Chẳng chịu ném dây, bỏ búa rìu.*

Nếu ném bỏ dây câu, bỏ búa rìu, chỉ một

---

<sup>45[45]</sup> Đầu Tử Đại Đồng Thiền sư 投子大同禪師 Ở viện Tịch Trụ, núi Đầu Tử, huyện Đồng Thành, Thư Châu. Có để lại các ngữ yếu của Thủy Vi tham vấn với sư. Những cơ phong vấn đáp của sư với các vị: Tuyết Phong Nghĩa Tôn, Triệu Châu Tùng Thẩm, Thái thú Y Kiến Phong.

lòng hướng thượng, thì nước tự trong mình sẽ lưu xuất, mây tự trong mình sẽ dậy. Còn nếu đắm chấp ngữ ngôn văn tự tức là tự mình nhiễm ô đó vậy.

#### **4. Đoạn trừ mọi nghi Thanh văn chứng quả còn chấp thủ.**

Mọi nghi này từ đoạn trước nói rằng Phật pháp tức chẳng phải là Phật pháp. Luận của Bồ-tát Thế Thân nói rằng:

“Các bậc Thánh nhân đều do nơi pháp vô vi mà được chứng đắc, do nghĩa ấy, nên các pháp ấy là không thể nắm bắt, không thể diễn nói được. Nếu các bậc Thánh như Tu-đà-hoàn đều tự thủ chứng quả vị, làm sao lại nói là pháp ấy không thể chứng đắc được? Đã như điều sở chứng mà nói, làm sao lại bảo rằng không thể diễn bày?”

Để khiến trừ mọi nghi này, và để xác định đúng là các pháp ấy không thể nắm bắt,

không thể diễn nói được, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提。於意云何。須陀洹能作是念。我得須陀洹果不。須菩提言。不也世尊。何以故。須陀洹名為入流而無所入。不入色聲香味觸法。是名須陀洹。須菩提。於意云何。斯陀含能作是念。我得斯陀含果不。須菩提言。不也世尊。何以故。斯陀含名一往來。而實無往來。是名斯陀含。須菩提。於意云何。阿那含能作是念。我得阿那含果不。須菩提言。不也世尊。何以故。阿那含名為不來而實無來。是故名阿那含。須菩提。

於意云何。阿羅漢能作是念。我得阿羅漢道不。須菩提言。不也世尊。何以故。實無有法名阿羅漢。世尊。若阿羅漢作是念。我得阿羅漢道。即為著我人眾生壽者。世尊。佛說我得無諍三昧人中最為第一。是第一離欲阿羅漢。我不作是念。我是離欲阿羅漢。世尊。我若作是念我得阿羅漢道。世尊則不說須菩提是樂阿蘭那行者。以須菩提實無所行。而名須菩提是樂阿蘭那行。

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Vì Tu-đà-hoàn còn khởi niệm: ‘Ta được quả Tu-đà-hoàn’ chăng?’*

*Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, chẳng thể*

được. Vì sao vậy? Tu-đà-hoàn gọi là ‘nhập vào dòng,’ nhưng thật không có chỗ nhập. Chẳng nhập vào hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp tướng, nên mới gọi là Tu-đà-hoàn.”

“Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Vị Tư-đà-hàm còn khởi niệm: ‘Ta được quả Tư-đà-hàm’ chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, chẳng được. Vì sao vậy? Tư-đà-hàm gọi là ‘một lần trở lại,’ nhưng thật không có trở lại, nên mới gọi là Tư-đà-hàm.”

“Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Vị A-na-hàm còn khởi niệm: ‘Ta được quả A-na-hàm’ chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, chẳng được. Vì sao vậy? A-na-hàm gọi là ‘không trở lại,’ nhưng thật chẳng phải là không trở lại, nên mới gọi là A-na-hàm.”



“Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Vị A-la-hán còn khởi niệm: ‘Ta được đạo A-la-hán’ chẳng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, chẳng được. Vì sao vậy? Thật không có pháp gọi là A-la-hán. Thế Tôn! Nếu vị A-la-hán khởi niệm rằng: ‘Ta được đạo A-la-hán,’ tức là vướng mắc vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

“Thế Tôn! Phật bảo rằng con được phép Tam-muội Vô tránh, cao quý nhất trong loài người, là bậc A-la-hán cao quý nhất lìa bỏ tham dục. Con chẳng khởi niệm này: ‘Ta là bậc A-la-hán lìa bỏ tham dục.’

“Bạch Thế Tôn! Nếu con khởi niệm này: ‘Ta được đạo A-la-hán’, Thế Tôn tất chẳng nói: ‘Tu-bồ-đề ưa thích hạnh A-lan-na.’ Vì con đây thật không vướng mắc ở chỗ làm, nên mới nói rằng: ‘Tu-bồ-đề ưa thích hạnh

*A-lan-na. ’’*

Phó Đại sĩ có bài tụng trước khi chứng đệ tam quả rằng:

*Xả phàm sơ nhập thánh,  
Phiền não tiệt khinh vi,  
Đoạn trừ nhân ngã chấp,  
Sáng thủy chí vô vi.  
Duyên triền cập thân kiến,  
Kim giả nữi tri phi,  
Thất phản nhân thiên hậu,  
Thú tịch bất tri quy.*

Tạm dịch:

*Lìa phàm nhập dòng thánh  
Phiền não dần xem nhẹ  
Đoạn trừ chấp ngã nhân  
Mới gọi đạt vô vi  
Duyên triền và thân kiến*

*Đến nay mới biết không  
Sau bảy lần trở lại  
Thủ tịch, chẳng còn về.*

Và bài tụng về đệ tứ quả:

*Vô sinh tức vô diệt,  
Vô ngã phục vô nhân,  
Vĩnh trừ phiền não chướng,  
Trường từ hậu hữu thân.  
Cảnh vọng tâm diệt diệt,  
Vô phục khởi tham sân,  
Vô bi không hữu trí  
Tiêu nhiên độc nhậm chân.*

Tạm dịch:

*Chẳng sinh tức chẳng diệt,  
Không ngã cũng không nhân,  
Sạch dứt phiền não chướng  
Không còn thân rớt sau*

*Cảnh quên, tâm cũng diệt  
 Chẳng còn khởi tham sân  
 Chẳng bi, cũng chẳng trí  
 Thản nhiên, chỉ thuần chân.*

Thông viết:

Trên đã tin rằng pháp vô vi không thể nắm bắt, không thể diễn nói được, vốn là lời nói của Tu-bồ-đề, tại sao ngay lời mình đã nói rồi lại sinh nghi? Vì Phật pháp chư Phật nói ra, tức vốn chẳng phải Phật pháp, nói vậy chính là để phá trừ pháp vô vi. Các người ấy muốn tiêu tán các pháp để quy về không (vô), chư Phật liền hiện khởi các pháp như là không chỉ bày cái thật có (hữu) của nó, tức là pháp vô vi cũng không hiện bày tính thực hữu của nó. Cho nên Tu-bồ-đề nghi rằng nếu các pháp vô vi cũng là vô tự tánh, thì các bậc hiền thánh, như các bậc đã chứng bốn quả Thanh văn,

mỗi mỗi đều có sai biệt, mỗi vị đều có chỗ sở đắc, tại sao khi đã chứng đạt quả vị rồi, lại nói đó chẳng phải là quả ? Chư Phật cho rằng quả vị chưa từng là không, chỉ do không tự mình tác chứng, tức là không thấy có quả vị để chứng đắc. Cho nên mới dùng phạm trừ tứ quả có hay không để khởi niệm gạn hỏi. Tu-bồ-đề vốn đã tự biết là chẳng có khởi niệm, đã không khởi niệm, làm sao tướng của quả lại có được? Nhưng đã tin những điều Như Lai nói là Phật pháp, tức chẳng phải là Phật pháp, đó chính là diệu pháp vô trụ.

Phần dưới đây sẽ dùng thí dụ Như Lai có pháp sở đắc hay không để hỏi. Tức là biết vốn chẳng có gì sở đắc. Lại dùng ví dụ Bồ-tát trang nghiêm Phật độ để gạn hỏi, tức biết được vốn thật chẳng phải trang nghiêm. Nên Đức Phật ẩn khả rằng: “*Nên như vậy mà sanh khởi tâm thanh tịnh, nên*

*như vậy mà sanh khởi tâm.”* Chẳng phải trụ vào vô vi, mới có thể gọi là pháp của bậc hiền thánh.

*San định ký* nói rằng:

*Ý ông nghĩ sao? Bậc đã chứng Tu-đà-hoàn còn khởi niệm tưởng mình đã chứng đắc quả vị Tu-đà-hoàn hay sao? Tu-bồ-đề* đáp: *Không. Nếu có khởi niệm, làm sao được gọi là chứng quả Tu-đà-hoàn? Từ cảnh giới của hàng phàm phu, nhập vào hàng bậc thánh, mà tâm không thấy có điều sở đắc sở chứng. Sao gọi là không chứng đắc? Là nơi cảnh giới sắc tướng lục trần mà không thủ trước. Nếu đắm chấp lục trần, tức gọi là hàng phàm phu, nghịch với hàng thánh giả. Chỉ không thủ trước, mới nhập được vào dòng thánh, ngược với dòng phàm, nên gọi là Tu-đà-hoàn.*

Trong tứ quả, quả vị đầu gọi là Kiến đạo,

thứ hai gọi là Tu đạo, kế đến gọi là hàng Vô học. Kiến đạo là đem 16 tâm, đoạn trừ 88 hạ phần kiết sử tứ đế trong tam giới. Thế nào là 16 tâm? Là tứ đế trong dục giới, mỗi thứ một nhĩ (khổ pháp trí nhĩ), một trí (khổ pháp trí), thành 8 tâm, lại phối hợp với hai cõi giới trên (Sắc giới, Vô sắc giới) làm một Tứ đế, loại hai dục giới quán đoạn, cũng gọi là nhất nhĩ nhất trí, để thành 8 tâm, tức thành 16 tâm.

Nhĩ tức thuộc về Vô gián đạo,<sup>46[46]</sup> đó chính là lúc đoạn trừ được các lậu hoặc. Trí tức thuộc về giải thoát đạo.<sup>47[47]</sup> Tức là khi đã đoạn trừ các lậu hoặc xong. Gọi là Khổ pháp trí nhĩ, khổ pháp trí Khổ loại trí nhĩ, Khổ loại trí; cho đến Đạo pháp trí nhĩ, Đạo pháp trí; Đạo loại trí nhĩ, Đạo loại trí, đoạn được 15 tâm Đạo loại trí, gọi

<sup>46[46]</sup> Khổ pháp trí nhĩ, khổ loại trí nhĩ, tập pháp trí nhĩ, tập loại trí nhĩ... đều thuộc về Vô gián đạo.

<sup>47[47]</sup> Khổ pháp trí, khổ loại trí, tập pháp trí, tập loại trí ... đều thuộc về Vô gián đạo.

là Sơ quả hương. Cho đến khi khi đạt được 16 tâm thuộc Đạo loại trí, mới được gọi là Sơ quả. Cõi trời, cõi người khác biệt, tất cả bảy lần sinh trở lại. Sao gọi là bảy lần sinh? Do bảy kiết. Thế nào là bảy kiết? Là tham, sân, si trong Dục giới và ái, trạo cử, mạn, vô minh trong Sắc giới và Vô sắc giới. Từ trong đó, lại đoạn trừ sở đoạn hoặc trong Dục giới, gồm có bốn: tham, sân, si, mạn. Đây là lậu hoặc (phiền não) câu sinh vi tế, nhậm vận mà sanh khởi, do khó đoạn trừ, nên phân thành 9 phẩm.

Gọi là bậc thượng thượng cho đến bậc hạ hạ. Chín phẩm lậu hoặc này, đoạn được quả thứ hai thứ ba, đoạn cho đến phẩm thứ năm, gọi là Nhị quả hương. Đến khi đoạn sạch phẩm thứ sáu. Gọi là chứng Nhị quả.

Trong giai vị gọi là *hương*, còn có hai loại *gia gia*, có nghĩa là trời và người. *Thiên gia gia* là trong cõi trời, hoặc cõi trời thứ



nhất, cõi trời thứ hai, thứ ba..., lưu chuyển trong các cõi đó rồi nhập niết-bàn. *Nhân gia gia* là trong cõi người, hoặc là ở châu này, hoặc là ở trong các châu khác. Lưu chuyển trong các châu rồi nhập niết-bàn. Đã không còn trải qua sáu lần sinh tử, chỉ còn một lần sinh nữa thôi, đó là một lần sinh ở cõi trời, lại còn một lần sinh xuống cõi người để đoạn trừ sạch các dư báo. Theo lần lượt như vậy, lại đến đoạn trừ phẩm thứ hai, là sinh ở nhân gian, nhưng thường ở niết-bàn, tức là tam quả hướng (A-na-hàm hướng). Đã đoạn sạch vĩnh viễn chín phẩm, gọi là chứng quả A-na-hàm (đệ tam quả), tức không còn sinh ở Dục giới nữa. Đã lập sạch hết mọi phiền não rồi, nên không sanh trở lại nữa. Đến đây tức là đã chứng được Giai vị Kiến đạo, bát phẩm vô vi. Còn Tu đạo, cửu phẩm vô vi là thể của quả vị này. Quả vị thứ hai, thứ

ba đoạn trừ các lậu hoặc, chỉ như là chặt đứt các cành cây mà thôi.

Như thế cho đến vượt qua cảnh giới sơ thiên ở Dục giới, cho đến giai vị Hữu đánh thuộc cửu phẩm trong Vô gián đạo. Đến đây được gọi là A-la-hán hướng, đây là thuộc Vô gián đạo, còn gọi là Kim cang dụ định, vì có thể phá trừ sạch mọi phiền não tùy miên. Đến Giải thoát đạo thì được gọi là Tận trí, tức Lậu tận trí đồng thời phát sinh. Đến đây mới gọi là trụ quả vị A-la-hán. Tổng quát là lấy 89 phẩm vô vi làm thể của quả vị.

Bất sinh hay Vô sinh có nghĩa là ý niệm sinh khởi về Ngã không còn nữa. Phạm hạnh đã lập xong, những gì cần làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa.<sup>48[48]</sup> Ba câu trước là Lậu tận trí. Ba câu sau là Vô sanh trí, có nghĩa là không hướng vào trong ba

<sup>48[48]</sup>Phạm hạnh dĩ lập, sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu 梵行已立，所作已辦，不受後有。

quả trên mà thọ thân khổ báo. Do đã tiêu trừ tất cả nhân quả thế gian, nhân xuất thế gian đã thành, quả xuất thế gian đã chứng, nên phải làm lợi ích cho mình và cho mọi chúng sinh. Xứng đáng để cho trời người hoan hỷ cúng dường.

Bốn dạng người như vậy đều không khởi niệm tưởng về ngã mà có thể chứng được quả vị. Vì sao? Khi chứng đắc là chẳng có gì để gọi là chứng. Như đã nói là thật không có pháp nào gọi là Tu-đà-hoàn, cho đến chẳng có pháp nào gọi là A-la-hán. Tại sao không được khởi niệm mình đạt được quả vị? Nếu có niệm đó phát sinh, tức là còn có cái chấp về ngã, tức chẳng khác gì hàng phàm phu. Đến tứ quả đều lìa xa thân kiến, nên chẳng còn cái chấp kia. Đã không còn tâm chấp thủ, thì chứng tức là chẳng chứng.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Bất khả thủ cập thuyết,  
Tự quả bất thủ cố.*

Nghĩa là:

*Không chấp giữ và thuyết  
Do quả chẳng thủ trước.*

Đức Phật ngày xưa đã từng nói con (Tu-bồ-đề) đã chứng được Vô tránh tam-muội, không làm não loạn chúng sinh, còn khiến cho chúng sinh không khởi dậy phiền não. Nếu còn cơ hiềm nơi người, tức là còn vì chỗ ngồi, cho đến không còn nhắm đến nhà nghèo mà khát thực, đều là hạnh không não loạn chúng sinh.

Đệ nhất trong số tăng chúng của đệ tử Đức Phật, có nghĩa là, trong hàng đệ tử lớn mỗi vị đều có một khả năng ưu việt, nên gọi là Đệ nhất. Như Ca-diếp là người tu hạnh Đầu đà đệ nhất. A-nan là đa văn đệ nhất, Thiện Hiện (Tu-bồ-đề) là bậc có hạnh Vô

tránh đệ nhất, trong các bậc A-la-hán ly dục, được gọi là đệ nhất. Đức Phật tuy khen ngợi con (Tu-bồ-đề), nhưng lúc đó, tâm niệm vẫn thường như vậy, nếu vào lúc ấy, con còn khởi niệm rằng mình chứng được đạo A-la-hán, đang tu hạnh Vô tránh, tức là chẳng ngộ được lý không, làm sao Như Lai lại khen ngợi con là đệ nhất? Nói đệ nhất an lạc tịch tịch vô tránh, tức là ngộ được lý không. Vì Tu-bồ-đề vốn không có niệm này, vốn thật không có điều để thi tác. Cho nên Đức Phật gọi ngài là bậc Vô tránh đệ nhất. Vô tránh là lìa xa hết thảy các phiền não chướng, cũng rời khỏi tam-muội chướng. Do lìa khỏi phiền não chướng mà chứng được A-la-hán; do lìa xa tam-muội chướng mà được hạnh Vô tránh. Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Y bĩ Thiện Cát giả,*

## *Thuyết ly nhị chủng chương.*

Nghĩa là:

*Theo đó mà Thiên Cát (Tu-bồ-đề)*

*Nói là hai chủng tướng.*

Tu-bồ-đề trụ trong định này, chương tức còn chống trái, đều không tương ứng với định này. Cho nên theo tục đế mà gọi là hạnh Vô tránh. Vô tránh là vốn không khởi niệm có thi tác, làm sao lại còn có mỗi nghi chấp thủ nơi chứng quả. Điều này là Thế tôn khiến cho chúng sinh tự ngộ tự giải, tự nhiên sẽ trừ được mỗi nghi cho mình.

Ngày xưa Thiên sư Thuý Vi Vô Học<sup>49[49]</sup> khi cúng dường các vị A-la-hán, có vị tăng hỏi: “Đan Hà thiêu tượng Phật, sao Hoà

<sup>49[49]</sup>Thuý Vi Vô Học 翠微無學; C: cuìwēi wúxué; J: suibi mugaku; t. 9; Thiên sư Trung Quốc, môn đệ của Đan Hà Thiên Nhiên. Sử sách không ghi lại nhiều về Sư, chỉ kể lại là Sư hoằng hoá giống như thầy mình là Đan Hà, chẳng để ý gì đến tục lệ, chẳng coi trọng hiểu biết sách vở, chỉ tùy cơ dạy chúng nên tự xưng mình là Vô Học. Sư có năm người nội pháp và một trong những người đó là Thiên sư Đầu Tử Đại Đồng.

thượng lại cúng dường A-la-hán?”

Sư trả lời: Thiêu không dính vào chuyện thiêu, cúng dường vẫn cứ cúng dường.

Tăng nói: Cúng dường A-la-hán, nhưng A-la-hán rốt ráo là không?

Sư đáp: Ông mỗi ngày đều ăn cơm chứ?

Tăng không đáp được.

Sư nói tiếp: Ít có người linh lợi.

Thiền sư Trường Khánh<sup>50[50]</sup> nói: Thà nói A-la-hán có tam độc, không nên nói rằng Như Lai có hai lời nói (nhị chủng ngữ). Đừng cho rằng Như Lai không nói, đó chính là nhị chủng ngữ.

Bảo Phước nói: Thế nào là lời nói của Như Lai?

<sup>50[50]</sup>Trường Khánh Đại An 長慶大安; C: chángqìng dàān; J: chōkei daian; tk 8/9; Thiền sư Trung Quốc đặc pháp nơi Bách Trượng Hoài Hải. Hai vị đệ tử của Sư thường được nhắc đến là Đại Tuỳ Pháp Chân và Linh Thụ Như Mẫn (靈樹如敏).

Lúc đầu Sư siêng năng học Luật, sau đó tự nghĩ rằng ‘Lí cùng tột của Phật pháp vẫn chưa được nghe.’ Vì vậy Sư đến Bách Trượng hỏi: ‘Học nhân muốn cầu biết Phật, thế nào là phải?’ Bách Trượng bảo: ‘Giống hệt cỡi trâu tìm trâu.’ Sư hỏi: ‘Khi biết được về sau thế nào?’ Bách Trượng đáp: ‘Như người cỡi trâu về đến nhà.’ Sư hỏi: ‘Chẳng biết trước sau gìn giữ như thế nào?’ Bách Trượng trả lời: ‘Như chú mục đồng cầm roi trông chừng, chẳng cho nó vào lúa mạ của người.’ Sư nhân đây ngộ được ý chỉ.

Khi Thiền sư Linh Hựu đến Qui Sơn khai sáng, Sư đích thân đến phụ tá và khi Linh Hựu tịch, Sư được chúng thỉnh ở lại trụ trì. Vì thế mà Sư cũng thường được gọi là Qui Sơn Đại An

Thiền sư Trường Khánh trả lời: Kẻ điếc mong được nghe.”

Bảo Phước nói: Như ông là đã thuộc về cách thứ hai rồi đó!”

Trường Khánh trả lời: Thế nào là lời nói của Như Lai?

Bảo Phước trả lời: Uống trà đi!

Tuyết Đậu tụng rằng:

*Đầu hệ đệ nhất đệ nhị,  
Ngoạ long bất giám chính thủy  
Vô xứ hữu nguyệt ba tròng,  
Hữu xứ vô phong lãng khởi.  
Lãng thiên khách! Lãng thiên khách!  
Tam nguyệt vũ môn tao điểm ngạch.*

Tạm dịch:

*Đầu, chừ, thứ nhất thứ hai.  
Rỗng nắm chẳng xem nước đứng  
Chỗ không, trăng soi sóng lặng  
Chỗ có, sóng chẳng dậy trời.*



*Thiên khách Lãng! Thiên khách Lãng!  
Tháng ba, vũ môn được điểm trán.<sup>51[51]</sup>*

Hai tác công án này đều có đầy đủ con mắt của Kim cang Bát-nhã chiếu dụng ngay hiện tiền, để hiểu được lời nói của Như Lai.

### **5. Đoạn trừ mỗi nghi Đức Phật Thích ca quyết định có thủ đắc điều gì từ Đức Phật Nhiên Đăng.**

Nội dung đoạn này cũng này là do từ trong ba mỗi nghi từ trước mà làm ra.

*Công Đức Thi Bồ-tát Luận* có nói: “Nếu hàng Dự lưu không thể tự mình chứng đắc quả vị, sao nói Thế tôn gặp Đức Phật Nhiên Đăng là có được Vô sanh nhẫn? Đức Phật Nhiên Đăng vì Đức Phật Thích-ca mà không thể nắm bắt, không thể giữ?” Để khiến trừ mỗi nghi này, nên Kinh nói:

---

<sup>51[51]</sup> Theo tích cá chép thi vượt vũ môn, qua được là hoá thành rồng hoá rồng, được điểm một chấm trên trán.

Kinh văn:

佛告須菩提：於意云何？如來昔在然燈佛所，於法有所得不？不也，世尊！如來在然燈佛所，於法實無所得。

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng có được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?”*

*“Bạch Thế Tôn, chẳng có. Như con hiểu theo nghĩa Phật thuyết, Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng, không có được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Tích thời xưng Thiện Huệ  
Kim nhật hiệu Năng nhân  
Khán duyên duyên thị vọng  
Thức thể thể phi chân.  
Pháp tánh phi nhân duyên*

*Như lí bất tùng nhân  
 Vị đắc Nhiên Đăng kí  
 Ninh như thị hậu thân.*

Tạm dịch:

*Xưa gọi là Thiện Huệ  
 Nay đức hiệu Năng nhân  
 Thấy mọi duyên là vọng  
 Biết thể tánh chẳng chân.  
 Pháp tánh chẳng nhân duyên  
 Như lí chẳng theo nhân  
 Được Nhiên Đăng thọ kí  
 Trong thân sau như vậy.*

*San định ký* nói rằng:

Ý ông nghĩ sao? Nói rằng xưa Như Lai ở trong pháp hội của Đức Phật Nhiên Đăng Như Lai, có pháp sở đắc hay chẳng có pháp sở đắc?

Đáp: Không có! Như Lai hồi xưa ở trong pháp hội của Đức Phật , trong lời thụ ký,

thật chẳng có pháp sở đắc. Vì điều mà Đức Phật Nhiên Đăng nói chỉ là ngôn ngữ. Điều mà Đức Phật Thích-ca nghe, cũng chỉ là ngôn ngữ. Ngôn ngữ thì tùy theo nhân duyên mà có, mà nhân duyên vốn là vô tự tánh. Nên ngôn ngữ nói ra chẳng phải là pháp thủ chứng. Nhưng sở dĩ Đức Phật Thích-ca được thụ kí, chỉ do ngài tự dùng phân biệt trí vốn có của mình để nhận biết cái lí không sai biệt. Trí và lí đạt đến chỗ sâu xa, trong ngoài đều dung hội, chỉ thuần một lẽ chân thực, chẳng còn cành lá. Thử hỏi còn gì là sở thuyết, sở đắc nữa! Mới biết rằng pháp chứng đắc khó có tướng trạng để mô tả, nên nói bất khả thuyết. Pháp chứng đắc cũng khó có tướng trạng để tâm phan duyên, nên nói bất khả thủ.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Phật ư Nhiên Đăng ngữ,  
Bất thủ lí thật trí*

*Dĩ thị chân thật nghĩa  
Thành bĩ vô thủ thuyết.*

Tạm dịch:

*Đức Phật Thích-ca trong lời thọ kí của  
Đức Phật Nhiên Đăng,  
Không chấp thủ dù ngay cả lí của chân  
thật trí*

*Do nơi nghĩa chân thật như vậy  
Thành ra có nghĩa không chấp thủ kia.*

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói rằng:

Lại có kinh nói:

Như Lai có pháp nhưng đều là vô sở đắc. Nếu hàng Thanh văn, Độc giác cùng cho đến Như Lai, nếu dùng ngôn ngữ đều không thể nào có được pháp sở chứng này. Chẳng phải do trí huệ thì không thể nào đạt được pháp này, ngôn thuyết ấy đều trái với ý kinh. Kinh nói đệ nhất nghĩa, nếu không phải là do trí huệ thì đó chẳng phải là chỗ sở hành, huống gì là văn tự? Hơn nữa

trong kinh còn nói rằng, chính Thế tôn tự thâm nhuần trong pháp hội của Đức Phật Nhiên Đăng mà được vô sinh trí nên chẳng thủ chấp nơi pháp. Như trong kinh nói: ‘Hải Huệ nên biết, BỒ-tát có 4 hạng:

1. Sơ phát tâm BỒ-tát.
2. Tu hành BỒ-tát
3. Bất thối chuyển BỒ-tát.
4. Nhất sinh bổ xứ BỒ-tát.

Trong đó hàng Sơ phát tâm BỒ-tát thì thấy được sắc tướng của Như Lai, hàng Tu hành BỒ-tát thì thấy được công đức thành tựu của Như Lai. Hàng Bất thối chuyển BỒ-tát thì thấy được pháp thân của Như Lai. Hàng Nhất sinh bổ xứ BỒ-tát thì thấy chẳng phải sắc tướng, thấy chẳng có công đức thành tựu, thấy chẳng phải pháp thân Như Lai. Sao vậy? Vì các vị BỒ-tát Nhất sinh bổ xứ đã dùng trí huệ thanh tịnh để quán sát, các

ngài đã nương nơi trí huệ thanh tịnh mà an trụ, nương nơi trí huệ thanh tịnh mà tu hành. Trí huệ thanh tịnh vốn là vô sở hành, chẳng phải hí luận, cho nên đó chẳng phải là cái có thể thấy được. Sao vậy? Vì thấy hoặc chẳng thấy đều là nhị biên, phải lìa hẳn nhị biên mới là cái thấy của chư Phật. Nếu ngay nơi tri kiến Phật tức là thấy được tự thân vốn thanh tịnh. Khi đã thấy được Phật tánh thanh tịnh rồi, thì sẽ thấy được tất cả các pháp đều thanh tịnh. Trong cái thấy trí thanh tịnh ấy cũng là thanh tịnh, nên đó gọi là Tri kiến Phật.

Này Hải Huệ! Như Lai có được cái thấy như vậy ở Nhiên Đăng Như Lai nên chứng được Vô sinh nhẫn. Chứng được lí vô đắc và lí chẳng có pháp gì để sở đắc. Nên ngay lúc đó Như Lai liền bay lên hư không cao bảy cây đa-la, trí huệ nhất thiết trí sáng suốt hiện tiền, dứt trừ sạch các cái thấy thứ

lớp, siêu việt phân biệt. Năng phân biệt, sở phân biệt<sup>52[52]</sup> đều không dính mắc vào các tướng trạng của thức, nên Như Lai chứng được sáu vạn tam-muội. Đức Phật Nhiên Đăng Như Lai liền thụ kí cho Như Lai: Ông ở trong đời sau sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Đó là sự thụ kí bằng âm hưởng, chẳng có âm thanh (thanh trần) tiếp xúc với nhĩ căn, cũng chẳng phải là các thứ tri kiến để có thể biết được, cũng chẳng phải ta mê muội mà chẳng biết được hết. Tuy nhiên, nói vô sở đắc cũng chính là chẳng có tướng tướng về Phật,<sup>53[53]</sup> cũng chẳng có ngôn từ để thụ kí, chẳng có tướng tướng về thụ kí; cho đến nói rộng ra.

Nói không có tướng của tướng (*tướng tướng* - 想) tức là để hiển bày trí chứng

<sup>52[52]</sup> 異分別、椽分別: *Đị phân biệt* tức phân biệt cái bên ngoài: *Độc phân biệt* tức tính phân biệt ở bên trong. Tức phân biệt về phía chủ thể và chũ thể phân biệt đối tượng. Chúng tôi tạm dùng *Năng, Sở* vốn đã khá quen thuộc, để chỉ cho hai phạm trù này.

<sup>53[53]</sup> Tướng trong Phật tướng, thụ kí tướng chính là tướng của tướng 想 *Nimita samjñā*, như trong chúng sinh tướng, thụ giả tướng....



nên chẳng phải là cái có thể nắm bắt được. Tướng của tướng chính là tâm pháp, chẳng phải là ngôn ngữ. Nên biết rằng trong lời nói ấy là cảnh giới của trí chúng, cho nên phải dùng con mắt trí huệ thanh tịnh mà quán sát mới được.

Lại nữa, vô sinh nhẫn chính là tâm pháp, chẳng phải là tướng ngôn ngữ.

Lại nữa, chúng được pháp vô đắc và vô sở đắc có nghĩa là, do pháp không có thực tánh, không có thể nắm bắt được, nên lí vô đắc này làm sao sở đắc được! Tất cả đều vô sở đắc, làm sao có trí để nắm giữ được?

Lại nữa, nói dứt trừ cái thấy có thứ lớp, siêu việt các phân biệt, các cái thấy có thứ lớp phân biệt, tức là trí pháp vốn là phi ngữ ngôn văn tự.

Lại nói không trụ vào hết thảy các tướng trạng của thức, không có nghĩa là không

nương vào tất cả các tướng ngôn ngữ, vì nó vốn là không có gì để thủ đắc, nên đó chính là cảnh giới của trí huệ.

Ngoài ra, tại sao các bậc đạo sư nhân đây mà có lời nói như vậy? Xưa có Tôn giả Sư Tử hỏi Tôn giả Hạc-lặc<sup>54[54]</sup> rằng:

- Con muốn cầu đạo. Dụng tâm như thế nào?

Tổ Sư Tử đáp:

- Ông muốn cầu đạo, thì chẳng có chỗ dụng tâm.

Tôn giả Hạc-lặc hỏi:

- Nếu không dụng tâm, thì ai làm Phật sự?

Tổ Sư Tử đáp:

- Ông nếu có chỗ dụng tâm, tức chẳng

<sup>54[54]</sup>S: Haklena-yaśa: Tôn giả Hạc-lặc-na 鶴勒那尊者, Hạc-lặc-na Dạ-xa 鶴勒那夜奢, Tổ thứ 23 thiên tông Ấn Độ. Còn gọi là Hạc-lặc 鶴勒. Đệ tử của Ma-noa-xa Tôn giả được phú chúc đại pháp. Sau gặp Sư Tử tử-khưu, được ngài Sư Tử phú pháp rồi thị tịch.

phải công đức. Còn nếu không làm, thì chẳng phải Phật sự. Kinh nói: ‘Ta có làm công đức, nhưng đó chẳng có ngã và ngã sở.’

Tôn giả Hạc-lặc nghe vậy liền nhập vào Phật huệ. Tổ Sư Tử dùng pháp nhãn mà phú chúc cho Tôn giả Hạc-lặc. Kệ phú chúc như sau:

*Nhận đắc tâm tánh thời,  
Khả thuyết bất tư nghi  
Liễu liễu vô khả đắc.  
Đắc thời bất thuyết tri.*

Tạm dịch:

*Khi nhận ra tâm tánh  
Phải nói khó nghi bàn  
Rõ suốt vô khả đắc  
Không thể nói biết được.*

Pháp vô đắc, vô vi này, Tu-bồ-đề cũng biết

được, nhưng Tu-bồ-đề chưa phải là hàng Bất thối chuyển Bồ-tát để thấy được pháp thân Như Lai. Đức Phật đã nói rằng Nhất sinh bổ xứ Bồ-tát có cái thấy chẳng phải pháp thân (Như Lai). Chính điều này rất lạ! Cho nên Đức Phật mới dùng cái thấy bằng trí huệ thanh tịnh để chỉ bày cho. Nên nói Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp, điều ấy mặc nhiên tự nhận biết. Với trí hiểu biết tầm thường chẳng có thể suy lường được.

## **6. Đoạn trừ ý tưởng trang nghiêm Phật độ, trái với mỗi nghi không thủ trước**

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói:

Nếu trí ấy cũng không nắm bắt được các pháp của chư Phật, tại sao các Bồ-tát lại dùng trí ấy để tạo công đức mà lập nên các thế nguyện?

Để khiến trừ mỗi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！於意云何？菩薩莊嚴佛土不？  
 「不也，世尊！何以故？莊嚴佛土者，  
 即非莊嚴，是名莊嚴。」 「是故須菩  
 提，諸菩薩摩訶薩應如是生清淨心，不  
 應住色生心，不應住聲香味觸法生心，  
 應無所住而生其心。

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Bồ-tát có trang  
 nghiêm cõi Phật chăng?*

*Bạch Thế Tôn, Không! Vì sao? Việc trang  
 nghiêm cõi Phật, thật chẳng phải trang  
 nghiêm, gọi là trang nghiêm.*

*Tu-bồ-đề! Vì vậy mà các vị đại Bồ-tát nên  
 sanh tâm thanh tịnh như thế này: Chẳng  
 nên trụ nơi hình sắc mà sanh tâm, chẳng  
 nên trụ nơi âm thanh, hương thơm, mùi vị,*

*cảm xúc, pháp tướng mà sanh tâm. Nên ở  
nơi không chỗ trụ mà sanh tâm.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Tảo trừ tâm ý địa*

*Danh vi tịnh độ nhân*

*Vô luận phước dữ trí*

*Tiên thả li tham sân*

*Trang nghiêm tuyệt năng sở*

*Vô ngã diệt vô nhân*

*Đoạn thường câu bất nhiễm*

*Dĩnh thoát xuất hiệu trần.*

Tạm dịch:

*Trừ sạch tâm phân biệt*

*Gọi là nhân tịnh độ*

*Chẳng luận phước hay trí*

*Trước phải rời tham sân*

*Trang nghiêm, dứt năng sở*

*Vô ngã cùng vô nhân  
Đoạn, thường đều chẳng nhiễm  
Thông thoát hẳn hồng trần.*

Thông viết:

Tu-bồ-đề nói rằng tất cả các bậc hiền thánh đều do pháp này (pháp vô vi) mà được biện biệt (có sự *thông đạt*).<sup>55[55]</sup>

Tuy biết là các pháp vốn không thể nắm bắt được, là do pháp vô vi ấy mà không thể nắm bắt được. Do đó nên Thế tôn nói Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp. Không thể nắm bắt được, không thể nói năng được, tức là hàm ngụ ở trong Phật pháp đó vậy.

<sup>55[55]</sup>Vì hết thấy hiền thánh từ nơi pháp vô vi mà biện biệt.

Cưu Ma La Thập gọi là: “N hư lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp phi pháp. Sở dĩ giả hà, nhất thể hiền thánh, giai dĩ vô vi pháp, nhi hữu sai biệt Nghĩa là: Pháp được nói bởi Như lai đều không thể nắm bắt, không thể nói năng, không phải là pháp, không phải là phi pháp. Tại vì sao? Vì hết thấy các bậc Hiền Thánh đều từ nơi pháp vô vi mà *biện biệt*.”

Sanskrit:

*yo 'sau tathāgatena dharmo 'bhisambuddho deśito vāgrāhyaḥ so 'nabhilapyah | na sa dharmo nādharmah | tat kasya hetoḥ | asaṃskṛtaprabhāvitā hyāryapudgalāḥ*

Nghĩa là: Pháp giác ngộ ấy được trình bày với Như Lai, pháp ấy không thể nắm bắt, không thể nói năng, pháp ấy không phải là pháp, không phải là phi pháp. Tại vì sao? Vì các bậc Hiền Thánh từ pháp vô vi mà *thông đạt*.

Pháp vô vi mà kinh Kim Cang Bát Nhã đang đề cập ở đây là Chân như vô vi, là pháp tuyệt đối, là pháp không còn có sự đối đãi, nghĩa là pháp ấy tự nó là nó, nó không còn sinh diệt, nó là thực tướng vô tướng. Vô vi tiếng Phạn là *Asamkṛita*, nghĩa là pháp hiện hữu không do quan hệ nhân duyên.

Do riêng chấp trước vào pháp vô vi, nên trong cái bất thủ chính là thủ. Nên ban đầu có nghi rằng bốn quả vị (Thanh văn) chính là thủ trước, tin rằng vốn là không tác ý khởi niệm, tức là có bốn quả vị nhưng mà siêu việt bốn quả vị!

Đã có mỗi nghi việc thọ kí là có cái để được, nhưng tin rằng thực chất của việc ấy là không có gì để sở đắc, tức là thọ kí mà siêu việt thọ kí!

Đã có mỗi nghi về trang nghiêm Phật độ là chấp thủ, nhưng vốn đã tin rằng đó tức chẳng phải là trang nghiêm, tức trang nghiêm mà siêu việt trang nghiêm!

Đã có mỗi nghi về báo thân là chấp thủ, nhưng vốn đã tin rằng Đức Phật đang thuyết giáo là chẳng phải thân, tức là báo thân mà chẳng phải báo thân!

Bốn quả vị, thọ kí, trang nghiêm, báo thân



đều là Phật pháp, tức chẳng phải Phật pháp, là siêu việt cả sự hướng thượng của pháp thân.

Tu-bồ-đề cho rằng pháp thân là có thực, nên muốn có việc an trụ trong đó, có việc hàng phục pháp thân. Nhưng Tu-bồ-đề không biết rằng chính vô trụ là trụ. Vô trụ ở đây chính là tông chỉ, là cương lĩnh của kinh này, là đối với hàng phát tâm tối thượng thừa mà giảng nói, đâu có thể dễ dãi trong việc truyền thụ!

*San định ký* nói rằng:

Đức Thế tôn muốn hiển bày rõ cảnh giới chân thực của pháp tánh, nên đề ra hạnh tạo lập công đức của hàng Bồ-tát. Rộng tu hạnh lục độ rồi hồi hướng, phát tâm trang nghiêm Phật độ, nên dùng điều ấy để hỏi Tu-bồ-đề. Tu-bồ-đề trả lời rằng, Chẳng phải!

Do nghĩa ấy, nên có ý niệm không chấp trước vào tướng trang nghiêm Phật độ. Không cho rằng các hình thức trang nghiêm Phật độ là chân thật.

*Độ* có hai nghĩa:

1. Pháp tướng độ: Nghĩa là hình có hình tướng để có thể nắm bắt được.
2. Pháp tánh độ: Nghĩa là lìa hẳn tất cả tướng, vốn không thể thấy nghe được.

*Trang nghiêm* cũng có 2 nghĩa:

1. Hình tướng trang nghiêm: có nghĩa là đất toàn vàng ròng, trong hồ toàn là các thứ châu báu.
2. Đệ nhất nghĩa tướng trang nghiêm: có nghĩa là do tu tập trí huệ vô phân biệt, thông đạt được tánh duy thức chân thật, lưu chuyển trong trí huệ thanh tịnh, thấy các pháp đều hiển bày do thức, nên hiển bày hằng hà sa công đức

mà trang nghiêm. Đây chính là pháp không thể chấp thủ. Nếu nói rằng có hình thái vật chất, là có tính thủ trước, có ta là người thành tựu quốc độ trang nghiêm thù thắng. Do đây mà thành vọng ngữ.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Trí tập duy thức thông*

*Như thị thủ tịnh độ*

*Phi hình đệ nhất thể*

*Phi nghiêm trang nghiêm ý.*

*Tức phi trang nghiêm:* Tức chẳng phải trang nghiêm, đơn giản như pháp tướng độ, có các sắc tướng, nhưng chẳng phải chân thực trang nghiêm.

*Thị danh trang nghiêm:* Đó mới thực là trang nghiêm, nghĩa là hiển bày pháp tánh độ, là đem hết thảy công đức thành tựu mà trang nghiêm, là không có hình thể vật chất

để nắm bắt. Đó chính là đệ nhất nghĩa trang nghiêm.

Cho nên trong văn sau, Đức Phật lấy bản tâm thanh tịnh trang nghiêm mà khuyến phát. Cho nên trong kinh nói: Do nghĩa này, nên hàng Bồ-tát các ông nên khởi phát tâm thanh tịnh, nếu có người đem hình tướng mà cho rằng đó chân thật là quốc độ Phật, còn muốn lấy hình tướng mà trang nghiêm, rồi nói ta làm, ta thành tựu, tức là họ đã trụ vào trong các cảnh giới của sắc. Khi đã trụ trong cảnh giới của sắc rồi, tức tâm đã bị nhiễm ô, sao còn được gọi là thanh tịnh? Để ngăn ngừa tình trạng này, nên kinh dạy rằng nên như thế mà phát khởi tâm thành tựu. Không nên trụ vào các thứ sắc tướng trong sáu trần mà sinh khởi tâm mong cầu hi vọng đạt được các kết quả. Không trụ vào các pháp với sắc tướng như vậy, thì tâm tức là cảnh giới vô trú, vô

trú tức là tâm, tâm tức là cảnh giới thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là điều nên phát sinh. Nếu hết thấy đều vô tâm, tức đồng như *không kiến*. Tâm bản nguyên vốn không sinh diệt, chỉ vì duyên với cảnh mà chẳng còn tương ưng với cảnh giới thanh tịnh. Nếu tâm chẳng trụ trong cảnh sở duyên ấy, thì trí Bát-nhã rõ ràng, cũng chẳng cần có sự tác ý để khiến cho tâm sinh khởi. Sợ mọi người mê mờ điều này, nên kinh nói rõ để ngã

Đoạn trước đã nói không nên trụ vào các sắc tướng, chính là để ngăn ngừa chấp có. Đoạn sau nói sự sinh khởi của vọng tâm, tức là ngăn ngừa chấp không. Đã lìa hẳn chấp có chấp không rồi, tức gọi là Trung đạo. Như vậy mà thể nhập được, đó gọi là chân thực trang nghiêm. Sao còn có Phật độ mà không thanh tịnh? Nên Kinh Duy-ma-cật nói: Muốn thanh tịnh quốc độ, nên

thanh tịnh bản tâm. Nếu tâm tịnh, tức quốc độ thanh tịnh. Dùng trí huệ để thành tựu mà chẳng trụ trước, sao chỉ có một quốc độ trang nghiêm như vậy? Nên phải phát khởi tâm vô trụ trước.

Xưa khi Ngũ tổ Hoàng Nhãn giảng Kinh Kim Cang cho Lục tổ Huệ Năng, đến câu ‘*Ung vô sở trú nhi sinh kì tâm*’ thì Lục tổ liền đại ngộ. Lục tổ mới phát lên lời tán thán rằng:

*Nào ngờ tự tánh xưa nay vốn sẵn thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh xưa nay vốn chẳng sinh diệt. Nào ngờ tự tánh xưa nay vốn chẳng lay động. Nào ngờ tự tánh xưa nay vốn đã đầy đủ. Nào ngờ tự tánh có khả năng xuất sinh vạn pháp.*<sup>56[56]</sup>

Ngũ tổ nói: Không nhận ra bản tâm, học đạo vô ích. Nếu ngay lời nói liền nhận ra

<sup>56[56]</sup> Pháp Bảo Đàn Kinh:

何期自性本自清淨，何期自性本不生滅，何期自性本自具足，何期自性本無搖動，何期自性能生萬法？

bản tâm, thấy được bản tánh mới được gọi là bậc trượng phu, là thầy của trời người, là Phật. Ông hãy khéo hộ trì.

Rồi ngài đem y bát phó chúc cho Huệ Năng. Ngài nói kệ phú pháp rằng:

*Hữu tình lai hạ chủng*

*Nhân địa quả hoàn sanh*

*Vô tình kí vô chủng*

*Vô tánh diệt vô sanh.*

Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng nói rằng: ‘Tất cả các pháp đều từ tâm sanh. Nếu tâm chẳng sanh, thì pháp chẳng có chỗ trú. Nếu đạt đến cảnh giới của bản tâm, thì mọi việc đều chẳng ngăn ngại. Nếu chẳng phải người có căn cơ bậc thượng, hãy thận trọng lời nói.’

Đó là câu nói mà Lục tổ chứng đắc được ngay nơi vô trụ mà sinh tâm, rồi sau đó ngài mật truyền tâm ấn lại cho Nam Nhạc

Hoài Nhượng.

## **7. Đoạn trừ mọi nghi chứng đắc báo thân có thủ trước.**

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói:

Nếu không có sự thủ trước các pháp, làm sao để có được niềm vui khi có được báo thân Phật, và tự biết đó là pháp vương thân? Làm sao ở thế gian lại biết được đó là pháp vương thân? Để khiến trừ mọi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！譬如有人，身如須彌山王，於意云何？是身為大不？」須菩提言：「甚大，世尊！何以故？佛說非身，是名大身。」

*Tu-bồ-đề! Như người kia có thân hình như*



*núi chúa Tu-di. Ý ông nghĩ sao? Thân ấy là lớn chăng?*

*Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất lớn. Vì sao vậy? Phật thuyết chẳng phải thân, gọi là thân lớn.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Tu-di cao thả đại*

*Tương dụ pháp vương thân*

*Thất bảo tề vi nhiều*

*Lục độ thứ tương lân*

*Tứ sắc thành sơn tướng*

*Từ bi tác Phật nhân*

*Hữu hình chung bất đại*

*Vô tướng nãi vi chân.*

Tạm dịch:

*Tu-di cao và lớn*

*Ví như pháp vương thân*

*Chung quanh đây bảy báu  
 Lục độ kế gần bên  
 Bốn đại thành tướng núi.  
 Từ bi là Phật nhân  
 Có hình thì chẳng lớn  
 Không tướng mới là chân.*

*Thông rằng:*

Tu-bồ-đề hỏi làm sao để an trụ, làm sao hàng phục tâm? Đó là muốn có sự tu chứng để chứng đắc Vô thượng bồ-đề. Thế tôn nói rằng Vô thượng bồ-đề không có được nhờ vào tu chứng. Vì nếu tu chứng được, thì chẳng phải tự tánh xưa nay vốn là thiên chân Phật. Nếu do tu tập lục độ vạn hạnh mà thành tựu (quốc độ chính báo) báo độ, tức gọi là ánh sáng vàng ròng trang nghiêm tịnh độ. Nếu thành tựu báo thân, là thành tựu thân lô-xá-na ngàn trượng, rớt ráo đều do nghiệp lực gìn giữ mà được,

đều là quả báo hữu lậu hữu vi, không so sánh được với quả báo vốn thanh tịnh bản nhiên vô lậu vô vi. Cho nên ý kinh ở trên nói thanh tịnh bản nhiên là chân thực thanh tịnh. Thân thanh tịnh bản nhiên chân thật là thân to lớn, nên nói rằng thân Phật to lớn sung mãn khắp cả pháp giới. Nếu ngay ý này mà tin nhận ra rằng không nhờ vào việc tu chứng mà vốn tự viên thành, thì thật là khó và hiếm thay!

San định ký nói rằng:

*Ví như có người thân hình lớn như núi chúa Tu-di: câu này là nêu ví dụ để hiển bày, tương tự như thân với pháp tự tại.*

Do nghĩa nào mà gọi là lớn? Như dáng núi Tu-di, dáng dấp rất cao và xa, nên gọi là lớn, nhưng không nắm bắt được cái thể của núi chúa kia, ta vốn là núi chúa, do núi vốn chẳng phân biệt. Báo thân Phật cũng như

vậy, do đạt được cái thể vô thượng pháp vương, nên gọi là lớn, nhưng không thủ chấp vào thể pháp vương. Không chấp vào ta là pháp vương, là nhờ ở trí vô phân biệt. Làm sao để có được trí vô phân biệt ấy? Là nhờ tu tập các công hạnh phước đức từ vô lượng kiếp mà được. Khi vạn mối duyên lự đều tiêu vong, như trí huệ tịch nhiên rộng lặng, nên gọi là vô phân biệt.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Như sơn vương vô thủ  
Thọ báo diệt phục nhiên  
Viễn li u chư lậu  
Cập hữu vi pháp cố.*

Tạm dịch:

*Như núi chúa, chẳng thủ  
Thọ báo cũng như vậy  
Lìa sạch các lậu hoặc*

*Cùng các pháp hữu vi.*

Như trong kinh nói: *Vì sao vậy? Phật thuyết chẳng phải thân, gọi là thân lớn, chẳng phải Đức Phật nói rằng có thân gọi là thân lớn chẳng? Cái thể thọ báo thân Phật an vui kia đều phải lìa hẳn các lậu hoặc, nếu được như vậy, tức là chẳng có vật, tức chẳng phải thân, do ý niệm chẳng phải thân này mà nói có thân, là chỉ do vì thân thanh tịnh. Thuần thanh tịnh sáng suốt, là tự thể vốn có, chẳng phải nhờ vào nhân duyên khác mà sinh ra. Vốn đã xa lìa các pháp hữu vi, làm sao có chuyện chấp thủ!*

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Thế tôn:

- Thế nào gọi là thân lớn?

Thế tôn đáp:

- Chẳng phải thân nên gọi là thân lớn, đầy đủ hết thấy giới định huệ, rõ suốt

các pháp thanh tịnh, nên gọi là thân lớn.  
 Tu-bồ-đề thưa rằng Như Lai nói chẳng  
 phải thân mới chính là thân lớn, do căn  
 gốc từ đây.

Tăng hỏi

– Sắc thân sẽ tàn hoại, thế nào là pháp  
 thân bền chắc?

Thiền sư Đại Long đáp:

*Sơn hoa khai tợ cẳm*

*Giản thủy trạm như lam.*

Dịch:

*Hoa núi đẹp như gẳm*

*Khe nước trong như gương*

Thiền sư Tuyết Đậu tụng rằng:

*Vấn tẳng bất tri, đắp hoàn bất hội.*

*Nguyệt lẫnh phong cao*

*Cỏ nham hàn cỏi*

*Kham tiểu lộ phùng đạt đạo nhân*  
*Bất tương ngữ mặc đối*  
*Thủ bả bạch ngọc tiên*  
*Li châu tận kích toái*  
*Tăng hà loại.*  
*Quốc hữu hiến chương*  
*Tam thiên điều tội.*

Tạm dịch:

*Hỏi chẳng biết, đáp chẳng hiểu.*  
*Gió ru trăng thắm*  
*Núi cao thông lạnh*  
*Trên đường cười khan gặp cao thủ*  
*Không nói, lặng nhìn nhau .*  
*Tay cầm roi ngọc*  
*Nghiên nát ngọc li long<sup>57[57]</sup>*  
*Ngọc chỉ thêm vết.*

<sup>57[57]</sup>Li châu 驪珠 hòn ngọc châu ở dưới cổ con li long 驪龍

*Nước có hiến chương*

*Ba ngàn điều khoản.*

Nếu luận trong tông môn, pháp thân bền chắc cũng chỉ là không cho phép được trụ trước, huống gì chẳng phải pháp thân!

Kinh văn:

須菩提！如恒河中所有沙數，如是沙等恒河，於意云何？是諸恒河沙寧為多不？」須菩提言：「甚多，世尊！但諸恒河尚多無數，何況其沙！」「須菩提！我今實言告汝：若有善男子、善女人，以七寶滿爾所恒河沙數三千大千世界，以用布施，得福多不？」須菩提言：「甚多，世尊！」佛告須菩提：「若善男子、善女人，於此經中乃至受持四句偈



等為他人說，而此福德勝前福德。復次，須菩提！隨說是經乃至四句偈等，當知此處，一切世間天人阿修羅，皆應供養，如佛塔廟，何況有人盡能受持讀誦。須菩提！當知是人，成就最上第一希有之法，若是經典所在之處，即為有佛，若尊重弟子。

*Tu-bồ-đề! Như trong sông Hằng có bao nhiêu cát, mỗi hạt là một sông Hằng. Ý ông nghĩ sao? Số cát trong những sông Hằng ấy nhiều chăng?”*

*Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Chỉ số sông Hằng như thế còn nhiều không kể hết, huống chi là cát trong những con sông ấy!”*

*“Tu-bồ-đề! Nay Như Lai dùng lời chân*

*thật bảo cho ông biết. Như có thiện nam tín nữ, dùng bảy báu đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều bằng cát những sông Hằng ấy mang ra bố thí, được phước nhiều chăng?”*

*Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều.”*

*Phật bảo Tu-bồ-đề: “Nếu có những thiện nam tín nữ, thọ trì dù chỉ bốn câu kệ trong kinh này, vì người khác giảng nói, phước đức này hơn cả phước đức bố thí kia.*

*“Lại nữa, Tu-bồ-đề! Theo kinh này mà giảng nói, cho đến chỉ bốn câu kệ, nên biết là nơi ấy hết thảy thế gian, trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường như tháp miếu Phật. Huống chi có người đem hết sức mà thọ trì, đọc tụng. Tu-bồ-đề! Nên biết là người này thành tựu được pháp cao quý bậc nhất ít có.*

*“Nếu kinh điển này ở tại nơi nào, tức như  
có Phật hoặc bậc đệ tử tôn trọng ở đó.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Hằng hà vi tỉ lượng  
Phân vi lục chủng đa  
Trì kinh cập tứ cú  
Thất bảo cự năng quá  
Pháp môn du lịch xứ  
Cúng dường cảm tu-la  
Kinh trung xưng tối thắng  
Tôn cao tợ Phật-đà.*

Tạm dịch:

*Sông Hằng là ví dụ  
Chia thành sáu loại lớn  
Tụng trì bốn câu kệ  
Đức nhiều hơn bảy báu  
Pháp môn vượt bao xứ*

*Cảm tu-la cúng dường  
Nơi có kinh là tối thắng  
Tôn trọng như Phật-đà.*

San định ký nói rằng:

Ba mỗi nghi sau ở đoạn kinh trước, bốn quả vị trước, đã nói vòng bảy báu làm ví dụ. Nay lập lại, chẳng thấy quan trọng hay sao? Nhưng trước chỉ nói một tam thiên thế giới đầy bảy thứ báu, đoạn này kinh nói đến vô lượng thế giới đầy bảy thứ báu, tuy nói chung đều bao hàm nhiều nghĩa, mà đều là sự so sánh trội vượt, đoạn sau chính là nhiều trong cái nhiều, thù thắng trong thù thắng. Nên kinh đã lập lại.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Thuyết đa nghĩa sai biệt,  
Diệc thành thắng hiệu lượng  
Hậu phước quá ư tiên*

*Cổ trùng thuyết thắng dụ.*

Tạm dịch:

*Nói nhiều nghĩa sai biệt*

*Để nêu sự thù thắng*

*Phước sau lớn hơn trước*

*Nên nói lại dụ lớn.*

Đây có thể nói rằng ngôn ngữ có sự lặp lại, chú ý nghĩa chẳng có sự trùng lập.

Tại sao ví dụ thù thắng này trước đây không được nêu ra? Vì hàng phàm phu không thấy được sự chân thật, nên trước đây nói rộng ra, họ chưa phát khởi niềm tin, nay dần dần nghe được, họ mới phát sinh sự tin hiểu, nên mới lập lại để thông suốt trên phương diện thế gian.

Lại nữa, ví dụ ở trước chưa nói đến bốn quả vô tâm. Thích-ca chẳng có gì sở đắc, nghiêm tịnh quốc độ vốn chẳng phải trang

nghiêm tức là trang nghiêm. Tu chứng Phật thân vốn chẳng phải tu chứng, tức là chứng. Sau mới làm sáng tỏ ý này, lý pháp sâu sắc thêm. Đó là lập lại để thông suốt về phương diện pháp.

Do ví dụ bằng phép so sánh trên cũng là thù thắng. Nên Đức Phật mới hỏi Tu-bồ-đề: *Tu-bồ-đề! Như trong sông Hằng có bao nhiêu cát, mỗi hạt là một sông Hằng. Ý ông nghĩ sao? Số cát trong những sông Hằng ấy nhiều chăng?*”

Do sông Hằng<sup>58[58]</sup> này dài đến 40 dặm, cát mịn như bột. Số cát như vậy trong sông Hằng đã nhiều vô số rồi, huống gì là cát trong những sông Hằng từ mỗi hạt cát ấy! Nên nói là rất nhiều.

Nếu có thiện nam tín nữ, đem bảy báu nhiều như số cát sông Hằng, đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới ra bố thí, có được

<sup>58[58]</sup>S: Gaṅgā 殓伽河. Còn phiên âm là Căng già hà .

phước đức nhiều chăng? Tu-bồ-đề đáp: Rất nhiều! Chỉ đem một cửa báu bằng số cát một sông Hằng, đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới ra bố thí, phước đức ấy đã nhiều rồi, huống gì dùng đến cửa báu bằng số cát của vô số sông Hằng đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới ra bố thí. Chẳng nhiều hay sao!

Đức Phật nói rằng: Nếu chỉ bố thí mà không trì kinh, không phát tâm thú hưởng bồ-đề, thì phước ấy không được lớn lắm. Nếu có thiện nam tín nữ, thọ trì chỉ bốn câu kệ trong kinh này, rồi giảng nói cho người khác nghe. Như vậy là được lợi mình và lợi cho người để thú hưởng đến bồ-đề, thì phước đức ấy hơn hẳn người đã đem bảy báu ra bố thí vô lượng vô biên không thể tính kể được. Làm sao thấy được phước đức ấy thù thắng? Để có được phước đức nhiều, phải có 13 nhân thù

thẳng mới được thành tựu phước đức, mới nói nơi có kinh ấy phải được tôn trọng, được mọi người tôn sùng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề, đem tâm tùy thuận giảng nói kinh này, dù chỉ bốn câu kệ, nên biết nơi đó tức là tháp miếu thờ Phật,<sup>59[59]</sup> tất cả chúng sinh trong thế gian đều phải cúng dường. Như khi Đế Thích giảng pháp cho thiên chúng nghe, chư thiên đều phải cung kính hướng về chỗ Đế Thích đang ngồi giảng pháp mà lễ bái. Đó là do tâm tôn trọng pháp và tôn trọng nơi có pháp lưu hành. Nơi có thờ xá-lợi Phật được gọi là tháp. Nơi thờ phụng hình tượng Phật gọi là miếu. Nơi có giảng nói Phật pháp cũng như là tháp miếu, những nơi ấy phải được tôn trọng.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

<sup>59[59]</sup> Chi đề 支提 ; (S: caitya, p: cetiya). Nguyên Ấn Độ thời xưa dùng từ này chỉ cho đối tượng được sùng bái. Phật giáo thấy Chi-đề đồng nghĩa với thuật ngữ *tháp* (s: stūpa) nên mới dùng thay. Sau này gọi là Chi-đề đường 支提堂 hoặc là Chế-đa đường 制多堂 (s: caitya-grha).



## *Tôn trọng ư nhị xứ*

Nghĩa:

*Tôn trọng hai nơi này.*

Nơi giảng nói bốn câu kệ trong kinh này, còn được cõi trời và loài người cúng dường, huống gì thọ trì toàn thể kinh văn này. Văn trước là nói đến nơi giảng pháp, nay đề cập đến người thọ trì. Trước đã nói rõ việc giảng nói bốn câu kệ, nay nói rõ việc thọ trì toàn cả bộ kinh.

Nên biết rằng người này đã từng thọ trì đọc tụng hết, đều có năng lực tin và hiểu trọn vẹn ý nghĩa thậm thâm vi diệu của Bát-nhã ba-la-mật, để có thể thành tựu pháp thân vô thượng, thành tựu báo thân đệ nhất, thành tựu hóa thân hiếm có. Siêu việt hẳn các pháp không gì sánh bằng của các thừa trong thế gian.

Nếu kinh điển này ở tại nơi nào, dù ở xứ sở

nào, tức nơi ấy có Phật cùng các đệ tử của Đức Phật, khiến cho chúng sinh phải tôn trọng. Để chỉ rằng rằng báo thân, hoá thân đều nương vào pháp thân, mà pháp thân lại từ kinh này mà được hiển bày. Kinh đã hiển bày giáo pháp, tất phải có chỗ hiển bày chư Phật. Lại nữa, kinh là giáo pháp, Phật là quả pháp; quả do lý mà hiển bày, lý do hành mà thấu đạt, đến đây ắt là ba thân Phật (báo thân, hoá thân, pháp thân) đều đầy đủ, bốn pháp đều đã viên mãn. Nên ở xứ có kinh điển này, làm sao xem nhẹ được!

Lại nữa tất cả Thánh hiền đều từ pháp vô vi mà có tên gọi; kinh hiển bày pháp vô vi, tất phải có các bậc đệ tử tôn trọng của thánh hiền. Lại nữa kinh tức là pháp bảo, có Phật tức Phật bảo, có đệ tử tôn trọng của Đức Phật tức tăng bảo. Nơi có kinh điển lưu hành, tức nơi đó có Tam bảo. Nếu

người bồ thí pháp bảo kia cùng với người bồ thí châu báu đầy cả các cõi giới, công đức khác xa nhau. Nên gọi là thù thắng.

Văn trước có nói rằng tất cả chư Phật đều từ kinh này lưu xuất, đó là nói khả năng. Nay nói kinh điển ở chỗ nào là nơi đó có Phật. Thật là khó tin. Trước đã nói Vô thượng bồ-đề là do kinh này lưu xuất, đó là điều có thể tin. Nay nói trì tụng, giảng nói bốn câu kệ tức được thành tựu pháp hi hữu tối thượng đệ nhất. Thật là khó tin. Diệu pháp vô thượng này, siêu việt tất cả, số nhiều bảy báu đem cúng dường đem so sánh được sao?

Vào thời nhà Tùy<sup>60[60]</sup> có người họ Tuân, dân nước Thục, thường ở giữa trời bái vọng lên không trung, tay viết mấy chữ Kim Cang Bát-nhã Kinh mà cảm ứng đến

<sup>60[60]</sup>Nhà Tùy 隋 (581-618), vua Tùy Văn Đế 隋文帝 là Dương Kiên 楊堅, trước được phong ở ấp Tùy, sau được nhà Bắc Chu 北周 trao ngôi cho lên ngôi vua.

chư thiên và được phù hộ. Mỗi khi trời mưa, chỗ ông ta ở không bị ướt, mục đồng đều đến tránh mưa ở chỗ này. Đến giữa đời Đường Vũ Đức, có vị tăng nói với người trong làng đó rằng: “Xứ này xưa nay có người viết kinh, nên chư thiên dùng lọng báu che, không để cho người khác dẫm chân vào.” Sau làm lan can bao quanh rồi cúng dường tượng Phật để thờ. Từ đó thường nghe âm nhạc từ cõi trời. Chuyện này làm rõ cho sự so sánh ở trên.

Xưa Thiên sư Lâm Tế đến bên tháp thờ ngài Bồ-đề Đạt-ma. Tháp chủ hỏi:

– Ngài lễ Phật trước hay lễ Tổ trước?

Ngài Lâm Tế đáp:

– Phật, Tổ đều chẳng lễ.

Tháp chủ hỏi:

– Phật, Tổ với ngài có thù oán gì (mà không lễ)?

Ngài Lâm Tế phát tay áo bỏ đi.

Đây là chính là sự thành tựu hiếm có đệ nhất. Nên mới có thể làm những việc trái nghịch như vậy.

Kinh văn:

爾時，須菩提白佛言，「世尊！當何名此經？我等云何奉持？」佛告須菩提：

「是經名為金剛般若波羅蜜，以是名字，汝當奉持。所以者何？須菩提！佛說般若波羅蜜，即非般若波羅蜜（時本有是名般若波羅蜜句，原本無。）須菩提！於意云何？如來有所說法不？」須菩提白佛言，「世尊！如來無所說。」

*Lúc ấy Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi tên là gì? Chúng*

*con phải vâng giữ như thế nào?”*

*Phật bảo Tu-bồ-đề: “Kinh này gọi tên là Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật. Nên theo như tên kinh mà vâng giữ. Vì sao vậy? Tu-bồ-đề! Phật thuyết Bát-nhã Ba-la-mật tức chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật.*

*“Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có pháp để nói chẳng?”*

*Tu-bồ-đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, Như Lai không có pháp để nói.”*

*Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:*

*Danh trung vô hữu nghĩa  
Nghĩa thượng phục vô danh  
Kim cang dụ chân trí  
Năng phá ác kiên chân  
Nhược đáo ba-la ngạn  
Nhập lí xuất mê tình  
Trí nhân tâm tự giác*

*Ngu giả ngoại cầu thanh.*

Tạm dịch:

*Trong tên chẳng có nghĩa*

*Trên nghĩa chẳng có tên*

*Kim cương như chân trí*

*Phá ác, bền chắc chân.*

*Đến bờ ba-la-mật*

*Nhập lí, sạch mê tình*

*Người trí, tâm tự biết*

*Kẻ ngu, cầu bên ngoài.*

Kinh văn:

須菩提！於意云何？三千大千世界所有微塵是為多不？」須菩提言：「甚多，世尊！」「須菩提！諸微塵，如來說非微塵，是名微塵。如來說：世界，非世

界，是名世界。

“*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Số vi trần <sup>61[61]</sup> trong ba ngàn đại thiên thế giới có nhiều chăng?*”

*Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều.”*

“*Tu-bồ-đề! Những vi trần ấy, Như Lai thuyết chẳng phải vi trần, nên gọi là vi trần. Như Lai thuyết thế giới chẳng phải thế giới, nên gọi là thế giới.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Tích trần thành thế giới*

*Tích giới tác vi trần*

*Giới dụ nhân thiên quả*

*Trần vi hữu lậu nhân*

*Trần nhân nhân bất thực*

*Giới quả quả phi chân*

---

<sup>61[61]</sup>Vi trần: Hạt bụi rất nhỏ.



*Quả nhân tri thị huyễn  
Tiêu điều tự tại nhân.*

Tạm dịch:

*Gom vi trần thành thế giới  
Tách thế giới thành vi trần  
Thế giới ví như trời người  
Vi trần là nhân hữu lậu.  
Vi trần, và nhân không thật  
Thế giới, và quả chẳng chân  
Biết quả, nhân đều như huyễn  
Là người tự tại thông dong.*

Kinh văn:

須菩提！於意云何？可以三十二相見如來不？」 「不也，世尊！不可以三十二相得見如來。何以故？如來說：三十二相即是非相，是名三十二相。」 「須菩

提！若有善男子、善女人，以恒河沙等  
身命布施。

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể dùng ba  
mươi hai tướng để thấy Như Lai chăng?”*

*“Bạch Thế Tôn, chẳng thể được. Chẳng  
thể dùng ba mươi hai tướng để thấy Như  
Lai. Vì sao vậy? Như Lai nói ba mươi hai  
tướng tức chẳng phải tướng, nên gọi là ba  
mươi hai tướng.*

*“Tu-bồ-đề! Nếu có những thiện nam tín nữ  
dùng thân mạng nhiều như số cát sông  
Hằng để bố thí.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Thí mạng như sa số*

*Nhân thiên nghiệp chuyển tâm*

*Kí yểm bồ-đề tướng*

*Năng chướng niết-bàn tâm*

*Viên hầu thám thủy nguyệt  
Hoang hước thập hoa châm  
Ái hà phù cánh một  
Khổ hải xuất hoàn trâm.*

Tạm dịch:

*Nếu bố thí thân mạng  
Nhiều như cát sông Hằng  
Càng sâu nghiệp nhân thiên  
Lại che tướng bồ-đề  
Chướng ngại niết-bàn tâm.  
Khỉ mò trăng đáy nước  
Dối vọng được kim hoa.  
Sóng sông tình dừng lặng  
Ra khỏi biển khổ liền.*

Kinh văn:

若復有人，於此經中，乃至受持四句偈

等，為他人說，其福甚多！

*Lại có người thọ trì kinh này, cho đến chỉ bốn câu kệ, vì người khác giảng nói, phước ấy rất nhiều.”*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Kinh trung xưng tứ cú  
 Ứng đương bất li thân  
 Ngu nhân khán tợ mộng  
 Trí giả kiến duy chân  
 Pháp tánh vô tiền hậu  
 Vô trung phi cố tân  
 Cái không vô thật tướng  
 Bằng hà kiến hữu nhân.*

Tạm dịch:

*Bốn câu kệ trong kinh  
 Chẳng nên được lìa thân  
 Người ngu thấy như mộng*

*Kẻ trí chỉ thấy chân.*

*Pháp tánh chẳng sau trước.*

*Chẳng giữa, chẳng cũ mới.*

*Vì không, vô thật tướng*

*Do đâu thấy ngã, nhân?*

*Thông viết:*

Tu-bồ-đề nghe Đức Phật tán thán, dù ở nơi nào có kinh này, tức nơi ấy là có chư Phật, sẽ được trời người cúng dường như là tháp miếu thờ Phật; và sự thù thắng của kinh này, người nào thọ trì sẽ được phước đức rất lớn. Nhân đó Tu-bồ-đề thưa hỏi Đức Phật, kinh này tên gọi là gì để phụng trì. Đức Phật dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa, độ thù thắng nhất trong lục độ, để đặt tên cho kinh này. Gọi là Kim cang Bát-nhã, với nghĩa là có thể đoạn sạch. Cùng với nghĩa Bát-nhã để khiến trừ, vì đó là pháp môn tối thượng vô cùng quý báu vô cùng sùng

kính. Tên kính là tối thắng vì là nhân ưu việt để cho tất cả chúng sinh đều thành Phật. Tên vốn chẳng phải là tên, nói lại chẳng phải là nói, bản tánh là vô tánh, nên nghĩa còn chẳng có.

Vi trần thế giới là từ tướng thô trọng mà phân ra, nó vốn chẳng rời nhân nhiễm ô phiền não. Do đây, thấy rõ 32 tướng là thân tướng phân ra, chưa phải là thể tánh chân chánh giác ngộ. Cho nên công đức trì kính, lấy thế giới vi trần so sánh cũng chưa đủ để cho là nhiều. Ba mươi hai tướng chẳng có gì để cho là kì đặc. Lấy việc thọ trì kính này làm nhân của pháp thân, nên chẳng phải những thứ nhân quả hữu lậu thế gian có thể đem so sánh được. Tuy đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng ra bố thí, chẳng bằng phước đức của việc trì tụng, giảng nói bốn câu kệ trong kính này. Huống gì bố thí bảy báu là vật ngoài thân,

phước đức có được làm sao sánh kịp?

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói:

Phước đức thọ trì kinh rất lớn, do 13 nhân mà thành tựu phước đức này, đó là:

1. Do nơi có thể cúng dường.
2. Do người có thể tôn sùng.
3. Do hết thấy đều là nhân thù thắng.
4. Do nghĩa tối thượng.
5. Do siêu việt cái nhiều ở trong ngoài.
6. Do vượt cả nhân tố tạo thành sắc thân Phật
7. Vượt phước đức do nội thí.
8. Đồng như Phật xuất hiện.
9. Hy hữu khó tin hiểu.
10. Khó có người tu hành được.
11. Nếu tin mà tu hành sẽ được quả vị rất lớn.

12. Tin, hiểu đều thành tựu.

13. Do uy lực vô thượng.

Tại sao Thế tôn ân cần nói rõ các tướng trạng của nhân này? Vì chúng sinh thường bố thí tài sản để cầu quả báo tài lợi địa vị mà không thọ trì chánh pháp để mong đoạn dứt nhân khổ, nên Đức Phật tán thán đến ba lượt và ân cần chỉ dạy. Ngài giải thích:

1. *Do nơi có thể cúng dường.*

2. *Do người có thể tôn sùng*

Như đã thấy ở trên.

3. *Do hết thảy đều là nhân thù thắng.*

Tu-bồ-đề hỏi Đức Phật rằng: Pháp môn này gọi là gì?

Đức Phật trả lời: Kinh này tên gọi là Kim cang Bát-nhã, vì có khả năng chặt đứt mọi sự mê hoặc, nghi ngờ, nhiễm ô, chấp trước.



Nếu đoạn trừ được các mối nghi chấp tất sẽ thành Phật. Đó chẳng thù thắng hay sao! Cho nên phải phụng trì kinh này. Chư Phật và Bồ-tát do Bát-nhã ba-la-mật-đa mà thông đạt các pháp tối thắng trong thế gian và xuất thế gian. Nay pháp môn này gọi là Kim cang, nguyên do như thế nào?

Đức Phật đáp rằng: Bát-nhã ba-la-mật-đa, tức chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật-đa. Có nghĩa là các pháp trí trong ba cõi đều có thể tính kê, nên biết pháp ấy không bền chắc, do vậy nên gọi là chỉ ở bên bờ này. Còn trí bát-nhã là vô cùng bền chắc, nên gọi là đã đến bờ bên kia. Bờ bên công đức trí huệ lo thể nào đo lường được. Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Bỉ trí ngạn nan lương.*

Có nghĩa là: Bờ bên trí huệ ấy khó suy lường được.

Do trong đệ nhất nghĩa, bản tánh vốn chẳng sanh, khó có thể suy lường được, sao còn gọi là đến? (Nói vậy) tức trí Bát-nhã cũng có thể đạt đến được. Pháp môn này cùng với tất cả các pháp mà Như Lai đã chứng đắc được đều là nhân thù thắng. Kệ nói rằng:

*Nhân tập chứng đại thể*

*Do tu tập mà chứng được thể chân thực thù thắng. Là nói đến điểm này.*

#### *4. Nghĩa tối thượng.*

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề: *Ý ông nghĩ sao? Như Lai có pháp để nói chăng?*

Tu-bồ-đề vốn đã biết pháp mà Như Lai giảng nói, đều không thể nắm bắt và không thể nói được. Nên trả lời: *Như Lai chẳng có pháp để nói. Nói không có pháp chỉ riêng Như Lai nói mà chư Phật đều cùng tuyên dương pháp này. Do chư Phật đều tự*

thân chúng được tánh đấng lưu tôn quý vô thượng, nên dù có nói, đều đồng như sở chứng của chư Phật. Trong chỗ chúng đắc đã không nói, làm sao lại có lời nói khác được!

Kệ nói rằng: *Do đấng lưu thù thắng, tức là chẳng có nghĩa nào cao hơn nghĩa này vậy.*

5. *Siêu việt cái nhiều, ở trong và ngoài.*

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề:

Ý ông nghĩ sao? *Số vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới có nhiều chăng?*” Tu-bồ-đề thưa: *Rất nhiều.*

Đem ba ngàn thế giới nghiền ra thành vi trần, gom vi trần lại thành thế giới, với công hạnh gom chứa vi trần ấy sẽ thành tựu quả thù thắng ở cõi trời người. Như vậy đã cho là nhiều rồi! Phước đức do bố thí trần bảo ấy, đó là nhân phiền não, để có thể thành tựu quả nhiễm ô phiền não, để có

thể thành tựu các việc nhiệm ô phiền não. Đó là do vì nhân hữu lậu, nên có kết quả là quả hữu vi. Thế nên thế giới và vi trần ấy, tất cả đều là không thật. Cả hai đều chẳng có, nên Như Lai nói chẳng phải là vi trần, nói chẳng phải là thế giới. Nhưng tổ chất vi trần này, chẳng phải là những tính chất nhiệm ô của vi trần, nên gọi là tổ chất vi trần. Còn thế giới kia, chẳng phải là thế giới nhân quả phiền não nhiệm ô, nên trong kinh này gọi là thế giới, phước đức kia dù thiện đối với ngoại trần vô kí, cũng chỉ là nhỏ bé vậy. Do sự so sánh này mà thấy rằng đối với phước đức thọ trì thì chẳng thấy có nhiều, nên nói bổ thí tài bảo chẳng bằng bổ thí nhiều như thế giới vi trần, bổ thí nhiều như thế giới vi trần chẳng bằng thọ trì kinh. Do nơi tập khí phiền não này mà ở đây có việc đoạn trừ phiền não mê lầm. Kệ nói:

*Bỉ nhân tập phiến não.*

Có nghĩa là: *Nhân ấy chất chồng thành phiến não.*

Sự thù thắng của kinh, chẳng rõ ràng hay sao!

Đối với thế giới có chúng sinh, thì nói ở trong là nhiều. Vi trần chỉ là hình sắc, nên cho ở ngoài là nhiều. Công đức trì kinh này, chẳng rơi vào tánh vô kí, nên nó siêu việt hẳn cái nhiều ở trong lẫn ở ngoài.

*6. Vượt cả nhân tố tạo thành sắc thân Phật*

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề: *Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể dùng ba mươi hai tướng để thấy Như Lai chăng?*”

*“Bạch Thế Tôn, không thể được. Không thể dùng ba mươi hai tướng để thấy Như Lai.*

Do đâu mà có nghĩa này? là không thể xem

32 tướng là pháp thân Như Lai. Như Lai nói 32 tướng vốn chẳng phải là tướng pháp thân vô vi,<sup>62[62]</sup> mà chỉ là tướng của hoá thân hữu vi. Pháp thân vô vi là thể tánh chân thật, sắc thân hữu vi là tướng có hình dạng. Nghĩa là tu hành có được nghiệp báo phước đức thì thành tựu được thân tướng Phật, đó chính là Ứng thân. Ở đây nói rằng công đức trì tụng giảng nói kinh này thì thành tựu được pháp thân, đó cũng là nhỏ, do các tướng thành tựu kia chẳng phải là thể tánh giác ngộ chân chính, mà trì tụng giảng nói kinh mới được thể tánh giác ngộ chân chính to lớn. Nên cho rằng việc kia là nhỏ, tướng kia tuy nhỏ, nhưng cũng hơn hẳn phước đức nhiệm ô do bố thí trân bảo. Huống gì gieo nhân pháp thân mà chẳng siêu việt hay sao! Nên nói nhỏ tức là lớn đó vậy.

---

<sup>62[62]</sup> Vô vi ở đây nên hiểu với nghĩa là tịch diệt, vắng lặng.

Kệ nói rằng:

*Thử hàng phục nhiệm phước.*

Công đức (giao nhân pháp thân) thâm nhiếp hẳn cả phước đức nhiệm ô (do mong cầu quả báo hữu lậu). Nếu phước đức thù thắng trong các phước đức, mới mong nhiếp phục được tất cả. Nên nói vượt cả nhân tố tạo thành sắc thân Phật là nghĩa như vậy.

#### 6. *Vượt phước đức do nội thí.*

*Đức Phật nói với Tu-bồ-đề! Nếu có những thiện nam tín nữ dùng thân mạng nhiều như số cát sông Hằng để bố thí.*

Dùng bảy báu để bố thí, đó là tài vật bên ngoài thân. Dùng thân mạng để bố thí, tức là tài sản từ trong thân. Xả bỏ thân mạng nhiều lần như số cát trong sông Hằng mà chẳng cho là nhiều! Đó là phá tâm xan tham. Nếu có được phước báo do xả bỏ tài

sản trên bảo mà thấy là rất lớn là do đâu? Là do xả thân mạng mà thấy có cái khổ ở thân tâm.

Nên kệ nói: *Khổ thân thắng ư bỉ.*

Chồng chất nhân khổ này, thì chẳng nhiệt tâm thú hưởng bồ-đề, rôt ráo chỉ là quả hữu lậu. Nếu như có người, ở trong kinh này, cho đến chỉ thọ trì bốn câu kệ thì phước đức hơn hẳn người kia. Đó gọi là pháp thí. Lợi mình lợi người, lại nhiệt tâm thú hưởng bồ-đề, rôt ráo sẽ thành tựu quả vị thù thắng. Nên phước đức ấy vượt trội hơn hẳn người kia vô lượng a-tăng-kỳ, đó là nói vượt xa phước đức của nội thí.

Đây nói về sự so sánh với bố thí bằng nội tài, để hiển bày sự thù thắng gấp nhiều lần của việc trì kinh. Nhưng kinh này tên gọi là Kim cang Bát-nhã ba-la-mật-đa, có nghĩa là lìa hẳn tướng vẩn tục, nên không



thể nói được. Lìa hẳn phiền não tướng, nên chẳng phải vi trần. Lìa hẳn tướng trời người, cho nên chẳng phải là thế giới. Cho đến lìa hẳn sắc tướng Phật, cho nên chẳng phải 32 tướng. Cũng lìa xa hẳn tự tánh Bát-nhã, cho nên chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cho nên pháp tối thượng hi hữu như vậy, chỉ có thể tự mình tin lấy, tự mình ngộ lấy, tuy bỏ cả vô lượng bảy báu để cầu, nhưng đều không thể thủ đắc được. Tuy xả bỏ vô số thân mạng để cầu, nhưng đều không thể thủ đắc. Chỉ có tu tập giác ngộ mới khế hợp được ý chỉ thâm diệu, mới mong khỏi phải rơi nước mắt mà than thở rằng khó gặp diệu lý.

Thiền sư Hoàng Bá nói rằng: Phật có ba thân, Pháp thân nói pháp tự tánh rỗng lặng thông suốt. Báo thân nói tất cả các pháp thanh tịnh. Hoá thân nói pháp lục độ vạn hạnh. Pháp thân nói pháp thì không thể

dùng ngôn ngữ âm thanh hình tướng văn tự mà cầu, pháp ấy vốn nói, vốn chẳng có chỗ để chứng đắc, vốn là tự tánh rỗng lặng thông suốt mà thôi. Nên nói rằng chẳng có pháp để nói, đó chính là nói pháp.

Báo thân, hoá thân đều theo cơ cảm mà hiển bày, pháp có để nói ra, cũng tùy theo sự việc mà ứng xử thích hợp với từng căn cơ, vì việc nhiếp hoá, đó đều chẳng phải là pháp chân thật. Nên nói rằng: Báo thân, Hoá thân chẳng phải là chân Phật, cũng chẳng phải là có thuyết pháp.

Lại nói: “Pháp mà Như Lai giảng nói, đều là để dạy người, như lấy lá vàng làm tiền để dỗ con nít nín khóc. Dứt khoát đó chẳng phải là pháp thật. Nếu như thực sự có chỗ sở đắc, thì chẳng phải là việc trong tông môn ta. Làm sao lại cùng với bản thể của ông có chỗ giao thiệp? Nên kinh nói rằng: Thật chẳng có một pháp nào để chứng đắc

mà gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề. Nếu hiểu được nghĩa này, mới hiểu ra Phật đạo, ma đạo đều là đắp đổi cho nhau. Xưa nay vốn từng sáng suốt, chẳng có tướng vuông tròn, chẳng dài ngắn, chẳng lớn nhỏ, vô lậu vô vi, chẳng mê chẳng ngộ, thấy rỗng rang. Chẳng phải là một vật, chẳng là người, chẳng phải Phật. Tam thiên đại thiên thế giới nhiều như cát bụi chỉ là hòn bọt trong biển lớn. Hết thấy thánh hiền đều như lặn điện chớp. Hết thấy đều chẳng như tâm chân thật. Pháp thân từ xưa đến nay, đều cùng với Phật tổ như nhau. Có thiếu một mảy lông nào đâu! Đã nhận ra ý chỉ như vậy rồi, hãy nên hết sức nỗ lực.”

Tông phong của Hoàng Bá chính là ý chỉ của pháp đốn ngộ. Nên biết kinh này chính là pháp truyền tâm ấn của chư Phật.

Kinh văn:

爾時，須菩提聞說是經，深解義趣，涕淚悲泣，而白佛言：「希有世尊！佛說如是甚深經典，我從昔來所得慧眼，未曾得聞如是之經。

*Lúc ấy Tu-bồ-đề nghe thuyết kinh này, hiểu sâu nghĩa thú, cảm động đến rơi lệ, bạch Phật rằng: “Thật ít có thay, Thế Tôn! Phật thuyết kinh điển này rất sâu xa, con từ trước đến nay dù được huệ nhãn nhưng chưa từng được nghe kinh như vậy.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Văn kinh thâm giải ý*

*Tâm trung hỷ xả bi*

*Tích trừ phiền não chướng*

*Kim năng li sở tri*

*Đẳng kế u tiên liễu*

*Viên thành chứng thử thời  
Túc thừa vô ngại huệ  
Phương tiện khuyến nhân trì.*

Tạm dịch:

*Hiếu ý kinh thâm sâu  
Trong lòng vui cùng cảm  
Trừ phiền não từ xưa  
Nay sạch sở tri chướng.  
Trước rõ thông kế đạt  
Bây giờ chứng viên thành.  
Các thừa chẳng chướng huệ  
Phương tiện khuyến tu hành.*

Kinh văn:

世尊！若復有人得聞是經，信心清淨，  
即生實相，當知是人成就第一希有功德  
。世尊！是實相者，即是非相，是故如

來說名實相。

*“Bạch Thế Tôn! Nếu có người được nghe kinh này, đem lòng tin tưởng trong sạch, liền sanh khởi tướng chân thật. Nên biết là người ấy thành tựu được công đức cao quý bậc nhất ít có.*

*“Bạch Thế Tôn! Tướng chân thật ấy tức chẳng phải tướng, nên Như Lai gọi là tướng chân thật.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Vị hữu vô tâm cảnh*

*Tằng vô vô cảnh tâm*

*Cảnh vong tâm tự diệt*

*Tâm diệt cảnh vô xâm*

*Kinh trung xưng thật tướng*

*Ngộ diệu lí năng thâm*

*Chứng tri duy hữu Phật.*

*Tiểu thánh cự kham nhâm.*

Tạm dịch:

*Chẳng có vô tâm cảnh*

*Chưa từng có vô cảnh tâm*

*Cảnh vong tâm tự diệt*

*Tâm diệt cảnh chẳng còn tìm (thấy dấu tích)*

*Thật tướng trong kinh gọi*

*Là diệu lý sâu xa.*

*Chúng biết chỉ có Phật*

*Thánh nhỏ sao thừa đương?*

Kinh văn:

世尊！我今得聞如是經典，信解受持不足為難，若當來世，後五百歲，其有眾生，得聞是經，信解受持，是人即為第一希有。何以故？此人無我相、無人相

、無眾生相、無壽者相。所以者何？我相即是非相，人相、眾生相、壽者相，即是非相。何以故？離一切諸相，即名諸佛。

*“Thế Tôn! Nay con được nghe kinh điển này, tin hiểu thọ trì chẳng lấy làm khó. Nhưng nếu năm trăm năm sau nữa, có chúng sanh nào được nghe kinh này, tin hiểu thọ trì, người ấy quả là bậc nhất ít có. Vì sao vậy? Người ấy không có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.*

*“Vì sao vậy? Tướng ngã chẳng phải là tướng; tướng nhân, chúng sanh, thọ giả cũng chẳng phải là tướng. Vì sao vậy? Là hết thấy các tướng, gọi là chư Phật.”*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Không Sanh văn diệu lí*



*Như bông thực tại kí  
 Phàm lưu tín thử pháp  
 Đồng hoả xuất liên hoa  
 Khủng nhân sinh đoạn kiến  
 Đại thánh dự khai già  
 Như năng ly chư tướng  
 Định nhập pháp vương gia.*

Tạm dịch:

*Tu-bồ-đề nghe diệu lí  
 Như mong trồng cỏ tranh  
 Như hoa sen trong lửa.  
 Sợ người sinh đoạn kiến,  
 Bậc thánh sẵn khai già  
 Nếu lia được các tướng  
 Ất vào nhà pháp vương.*

Kinh văn:

佛告須菩提：「如是！如是！若復有人，得聞是經，不驚、不怖、不畏，當知是人甚為希有。

*Phật bảo Tu-bồ-đề: “Đúng vậy, đúng vậy! Nếu có người được nghe kinh này mà chẳng thấy kinh sợ, hoảng hốt, nên biết người ấy rất là ít có.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Như năng phát tâm giả  
 Ứng đương liễu nhị biên  
 Niết-bàn vô hữu tướng  
 Bồ-đề li sở duyên  
 Vô thừa cập thừa giả  
 Nhân pháp lưỡng câu quyền  
 Dục đạt chân như lí  
 Ứng đương thức bốn nguyên*

Tạm dịch:

*Như người biết phát tâm  
 Nên phải rõ hai bên  
 Niết-bàn chẳng có tướng  
 Bồ-đề lià sở duyên  
 Chẳng phải thừa hoặc có  
 Nhân pháp đều phải xa  
 Muốn đạt lý chân như  
 Cần thông đạt cội nguồn.*

Kinh văn:

何以故？須菩提！如來說第一波羅蜜，  
 即非第一波羅蜜，是名第一波羅蜜。

*“Vì sao vậy? Tu-bồ-đề! Như Lai dạy rằng  
 bậc nhất Ba-la-mật, tức chẳng phải bậc  
 nhất Ba-la-mật, gọi là bậc nhất Ba-la-mật.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Ba-la xưng bỉ ngạn  
 Ư trung thập chủng danh  
 Cao ti duyên vọng thức  
 Thứ đệ vi mê tình.  
 Diệm lý tâm cầu thủy  
 Không trung mịch hưởng thanh  
 Chân như hà đắc thất  
 Kim thủy hiệu viên thành.*

Tạm dịch:

*Ba-la-mật, bờ kia  
 Trong có mười danh xưng  
 Cao thấp duyên vọng thức  
 Thứ lớp đều mê tình  
 Trong lửa mà tìm nước  
 Trong không cầu tiếng vang  
 Chân như sao được mất?  
 Mới được gọi viên thành.*

## Thông viết:

Đoạn này tán thán phước đức trì kinh rất lớn, có nghĩa là được phước đức thanh tịnh, đó chẳng phải là phước đức của thế gian. Thọ trì bốn câu kệ trong kinh này phước đức cũng rất lớn. Chỉ ghi nhớ đọc tụng giảng nói, mà lại được phước đức như vậy sao! Quý là ở tín tâm, quý là tại tu hành. Như vậy mà lãnh thọ, như vậy mà tu hành, không dính mắc vào 32 tướng, tức là đạt được thật tướng. Có khác gì với Phật? Không dính mắc vào bốn tướng: nhân, ngã, chúng sinh, thọ giả, tức không bị ràng buộc trong thế giới nhân quả trời người. Chỉ có người ra ngoài ba cõi, thì mới đủ sức để suy tính về phước đức trong thế giới. Riêng với Phật là chẳng khác, nên phước huệ đều tròn đủ. Trời người chẳng ai không ngưỡng vọng. Vì Kim cang Bát-nhã này tức là Bát-nhã mà lìa hẳn Bát-nhã, oai

lực vô thượng, đó là pháp hiếm có đệ nhất. Người tin được thật là khó. Nếu người có thể tin nhận được, phước đức của họ lờng được khó thay!

### 7. *Đồng như Phật xuất hiện.*

Đức Phật xuất hiện ra đời, nếu phước mỏng thì khó gặp được. Kinh này cũng vậy, người được nghe cũng hiếm. Lúc ấy Tu-bồ-đề nghe được pháp môn này liền phát khởi niềm tin hiểu sâu sắc. Cảm động đến phải khóc, gạt nước mắt mà bạch Phật rằng: Hy hữu thay Thế tôn đã giảng nói kinh điển thậm thâm này. Nghĩa là trí huệ Bát-nhã quán chiếu năm uẩn đều không. Con từ xưa nay có được huệ nhãn, chỉ mới nhập vào được huệ không. Tuy thông đạt được các pháp không, nhưng vẫn chưa nghe được kinh điển như vậy. Phải nhận ra được tính không của các pháp, sau đó thể nhập tính không của các pháp không, thì

sở chúng mới được viên thành, mới thấy rõt ráo chẳng có gì sở đắc. Con vốn là A-la-hán, theo Đức Phật xuất gia trong chánh pháp này, từ xưa nay chưa từng nghe được, cho nên việc nghe được kinh này cũng hiếm có giống như việc Đức Phật thị hiện ra trên đời.

Kinh như thế có gì là hy hữu? Do nghĩa văn trên, Đức Phật nói Bát-nhã ba-la-mật-đa tức chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật-đa. Ngăn mé trí huệ ấy không thể dùng trí suy lường được, chỉ có Đức Phật mới biết được. Ngoài ra đều chẳng thể nào biết được cho nên có nghĩa như trên.

### 8. *Hy hữu khó tin hiểu.*

Nếu có người nghe kinh này mà sanh được tín tâm; nếu niềm tin có sanh khởi mà không tin vào các pháp khác, thì chưa được gọi là thanh tịnh. Trong kinh này có

thật tướng, mà đối với các pháp khác không cùng dung thông, ngoại trừ Phật pháp, các lĩnh vực khác đều là không thật. Vì sự vi diệu này trong kinh vốn xưa nay chưa từng có, chưa từng xuất hiện. Chỉ có niềm tin vào kinh này mới phát sinh thật tướng.

Kệ nói rằng:

*Diệc bất đồng dư pháp.*

Nghĩa: Cũng không như các pháp khác.

Thật tướng, có nghĩa là vì tất cả các pháp vốn không sanh, cũng chẳng được sanh ra, đó tướng của chân như thật tế. Đã hiển bày thật tướng, tức công đức của ba thân Phật từ đó đều tròn đủ. Nên biết người ấy đã thành tựu công đức hy hữu bậc nhất. Pháp vốn không sinh, làm sao lại hiển bày thật tướng? Nói thật tướng có nghĩa là đệ nhất nghĩa, tức là phi tướng. Mà kinh này là trừ



ngay hai thứ chấp, biến hiện hai món không, không bệnh cũng chẳng có, tức là vô sở đắc. Đã là không sở đắc, không nói năng, làm sao gọi là có? Nếu chỉ nói vô tướng một chiều, sợ sẽ thành đoạn diệt. Nên Như Lai mới y theo thể đế mà lập cái tên thật tướng. Tuy có thật tướng, như chẳng hoại tính vô sanh. Cho nên chỉ bày phi tướng chỉ là vì thật tướng.

Nếu như có người tin được rằng các pháp vốn vô sanh mà chẳng hoại giả danh, tức là ở nơi tướng mà lìa tướng, tức là ở nơi sinh diệt mà chứng được bất sinh diệt. Do vậy mà thành tựu công đức hiếm có đệ nhất. Chỉ có Phật mới chứng được lí ấy, chẳng phải hàng thánh quả vị thấp mà đến được. Nên gọi là sự tin hiểu hiếm có.

### *9. Khó có người tu hành được.*

Tu-bồ-đề thưa rằng: Con nay nghe được

pháp môn chắc chắn, chân thật vi diệu và sâu mầu như vậy, nên đích thân thừa với Đức Phật rằng nguyện sẽ đem lòng tin hiểu mà thọ trì và không cho việc ấy là khó. Nếu trong đời sau, 500 năm sau khi Đức Phật diệt độ,<sup>63[63]</sup> xa lìa Thánh hiền, chánh pháp sắp diệt, xem lời di giáo để tin hiểu các pháp đều là không, xa lìa nhị biên là khó. Thọ trì được như vậy thật là hiếm có, đó là lấy những người chẳng theo lối ghi nhớ đọc tụng suông mà đối chiếu, nên gọi là khó vậy.

<sup>63[63]</sup> *Hậu ngũ bách tuế*, xưa nay có 3 cách giải thích:

1. 500 năm sau khi Như Lai nhập diệt.  
2. Sau khi Như Lai nhập diệt: 500 năm thứ nhất là trước, 500 năm thứ nhì là giữa, 500 năm thứ ba là sau.

3) Sau khi Như Lai diệt độ, gồm 5 cái 500 năm, vì chính pháp, tượng pháp mỗi cái 1.000 năm, mạt pháp 10.000 năm, đây chánh là chỉ cho 500 năm đầu của mạt pháp. Sau khi Như Lai diệt độ, chánh pháp 1.000 năm, 500 năm đầu là giải thoát kiên cố, 500 năm thứ nhì thiên định kiên cố. 500 năm thứ nhì căn khí hơi khác, nhưng có thể trụ ở thiên định, tức là định tuệ, nên gọi là chánh pháp. Đến 500 năm đầu của khoảng 1.000 năm tượng pháp, tuy cũng có kẻ giải thoát thiên định, nhưng đã rất ít, chỉ chuyên việc giảng lý, chẳng chú trọng thực hành, nên gọi là đa văn, kiên cố. Đến 500 năm thứ nhì đầu kẻ nghe nhiều cũng rất ít, chúng sanh chỉ biết sửa cất chùa, xây tháp, nên gọi là tháp tự kiên cố. Một ngàn năm này hình thức của Phật pháp là ưa chuộng những cái đó, đã mất đi bản ý của Phật, chẳng qua chỉ là tượng, tướng mà thôi, nên gọi là tượng pháp. Đến 500 năm đầu của thời kỳ mạt pháp, thì Phật pháp lại càng suy sụp, chúng sanh chỉ biết đấu tranh. Hiện nay chính là ở sau 500 năm nữa của mạt pháp. Nên Phật nói thời kỳ này nếu có người nào xem kinh chỉ là một số rất ít vậy.

\*Bản của ngài Huyền Trang ghi chi tiết hơn và có khác: ... 於當來世後時後分後五百歲,正法將滅時 (...ư đương lai thế hậu thời hậu phần hậu ngũ bách tuế, chánh pháp tương diệt thời...) Bản Anh ngữ của Edward Conze cũng ghi: "...as our Buddha Epoch draws near to its close in the last five hundred year period..." Có vẻ như ở đây lặp lại một ý đã nói trước, muốn chỉ đến khoảng thời gian 500 năm cuối cùng khi Chánh pháp sắp diệt mất.

## *10. Nếu tin thì tu hành được quả vị rất lớn.*

Việc tin hiểu và thọ trì ấy, do nghĩa nào mà nói là hiếm có? Là do chúng sinh do nơi kinh này mà tin hiểu và hành trì. Lại chẳng còn có bốn tướng: ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Đó là đã hiểu rõ bản tánh vô ngã của chúng sinh, không sanh khởi các thứ ngã tướng nữa. Tự thể của ngã tướng vốn chẳng ngoài tâm và tâm sở pháp. Tâm và tâm sở pháp ấy, vốn tự chẳng có, chỉ theo ngôn thuyết của thế gian pháp mà có, nên nói rằng có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Nếu nói theo đệ nhất nghĩa, tức là phi tướng, đây là nhận rõ ra pháp vô ngã, là đã chứng được hai món không rồi (nhân không và pháp không).

Do nghĩa nào mà khiến cho nhân không và pháp không? Vì nếu chưa lìa được hai tướng đó, thì chưa được gọi là Phật. Chỉ

khi nào lìa hẳn nhân tướng, lìa hẳn pháp tướng, cho đến lìa hẳn không tướng, lìa hết thấy, mới được gọi là chư Phật. Đó là tướng chân thật xưa nay.

Xưa nay tuy không một vật, nhưng chẳng rơi vào đoạn kiến, thực có thể tánh chư Phật gọi là *quả đại*,<sup>64[64]</sup> tin rồi thọ trì và chứng được *quả đại* này gọi là hy hữu. Nghe pháp rồi xúc động đến khóc, đó là niềm tin sanh thực tướng, đối cảnh khó có khác hơn được, thấy rõ chẳng có ngã nhân. Pháp chấp đều quên, rốt ráo thành Phật đạo. Những điều nói ở trên đều là chân lý chắc thực, cho nên Đức Phật mới ấn chứng cho rằng: Như thị! Như thị! Lập lại hai lần như vậy, là lời nói biểu thị cho lời tán thán cực điểm!

### 11. *Tin, hiểu đều thành tựu.*

Đức Phật nói rằng: Nếu như có người nghe

<sup>64[64]</sup> *Đại* với ý niệm được dùng trong Đại thừa Khởi tín luận: Thẻ đại, Tướng đại, Dụng đại.

được kinh thậm thâm vi diệu này, thì thật là khó tin khó hiểu. Khi đang nghe kinh, mà chẳng sinh lòng khiếp hãi, kinh ngạc, chẳng sinh lòng lo sợ như vượt xa chánh lý, sợ bị trách mắng. Nghĩa là ở trong cõi người, mà không có tâm sợ hãi đối với các giáo lý về pháp vô sanh. Khi đang suy nghĩ như vậy, không sinh lòng lo sợ tiếp tục nữa, không đoạn nghi tình lo sợ. Nghĩa là trong lý không, lý hữu của pháp tiêu thừa, mà chẳng khiếp sợ lý phi không phi hữu của pháp trung đạo. Lúc đang tu tập, mà không sinh sợ hãi chướng ngại, chẳng phải một chiều lo sợ rớt ráo sẽ bị đoạ lạc, có nghĩa là quyết định thú hướng và an trụ nơi vô thượng bồ đề. Nên biết người này, sẽ lìa hẳn kiến giải hạ liệt khiếp sợ của chúng sinh, đó là điều hi hữu. Lại còn thú hướng vô thượng bồ đề, gánh vác sứ mạng Như Lai, lại càng hy hữu hơn. Chỉ có tâm

không kinh sợ, không khiếp hãi này là nơi tối thượng nhất thừa. Trong thừa hoặc không thừa, đều chẳng sinh tâm nghi hoặc, mới được gọi là chân thật tin hiểu.

Kệ nói rằng: *Hiền thánh giải thâm nghĩa—* là chỉ cho ý này.

### 13. *Do uy lực vô thượng.*

Nghe kinh mà không sợ hãi là điều hy hữu! Do Kinh Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật-đa này là đệ nhất trong các ba-la-mật-đa.

Kệ nói:

*Thắng dư tu-đa-la*

Có nghĩa là: *Trội hẳn trong các kinh.*

Là do nghĩa này.

Thế nào là đệ nhất? Do pháp thân tối đại, cũng do kinh này mà thành tựu, chẳng có pháp nào so sánh được. Là pháp sắc bén và bền chắc nhất trong Phật pháp, nên pháp

ấy là thành tựu tối thắng.

Kệ nói rằng:

*Nhân đại cập thanh tịnh.*

Là do ý này.

Lại nữa, chư Phật đều cùng nói pháp này. Còn có nghĩa là dòng tộc đời sau cao trội. Nếu nói về giáo lý đệ nhất nghĩa, tức chẳng phải là đệ nhất ba-la-mật-đa, xưa chưa từng mất, nay chưa từng được. Vốn chẳng có chỗ đến, vậy cái gì là đệ nhất? Nhưng trên phương diện thế đế, do rằng pháp ấy vốn không thể nắm bắt, không thể nói được, nên gọi là đệ nhất ba-la-mật-đa. Nói đến đệ nhất ba-la-mật đã là đến chỗ cùng cực. Lại có lời nói khiến trừ ý niệm ấy, tức chẳng phải đệ nhất ba-la-mật, đó là uy lực tối thượng vậy.

Các đề mục trước của kinh đều hiển thị sự thù thắng của kinh, nhưng cũng không qua

được ý này. Nội ngoại tài thí, về phương diện nhân địa, không có năng lực phá trừ mê hoặc. Ở phương diện quả địa thì không có được công đức của pháp thân, không có được sự viên mãn của các công đức như vậy, phước đức này đối với nhóm phước ở trước (bồ thí), lí cao thấp có khác nhau. Cho nên phước đức độc tụng thọ trì, là phước đức thù thắng trong tất cả mọi phước đức.

Văn trước đã nói: Phật nói chẳng phải thân, mới gọi là đại thân, nghĩa là quả mà chẳng phải là quả. Đoạn này nói: Đức Phật nói đệ nhất ba-la-mật, tức chẳng phải đệ nhất ba-la-mật, tức nhân chẳng phải là nhân. Nhân quả đều bất khả tư nghì, thì làm sao nắm bắt được? Nên mỗi nghi về sự thủ chấp đã được giải trừ.

Có vị tăng hỏi Thiên sư Hoàng Bá:



Văn-thù-sư-lợi cầm kiếm đứng trước Cù-đàm nghĩa là sao?

Hoàng Bá đáp: Năm trăm vị Bồ-tát chúng đắc túc mạng trí, thấy được nghiệp chướng đời quá khứ của chúng sinh, tức là thân ngũ uẩn của ông. Do thấy được nghiệp chướng nhiều đời trước, mà cầu Phật cầu bồ-đề niết-bàn, cho nên Văn-thù-sư-lợi cầm kiếm trí huệ để cắt đứt tâm mong cầu thấy Phật. Nên mới nói rằng Ông hãy khéo cắt đứt là vậy.

Tăng hỏi: Cái gì là kiếm?

Hoàng Bá đáp: Tâm kiến giải là kiếm.<sup>65[65]</sup>

Tăng hỏi: Tâm kiến giải đã là kiếm, để đoạn trừ tâm ấy phải thấy được tâm Phật. Nếu như chỉ đoạn trừ tâm kiến giải này, thì làm sao trừ được?

Hoàng Bá đáp: Ông phải có phân biệt trí.

---

<sup>65[65]</sup>Hoàng Bá truyền tâm pháp yếu.

Đề đoạn trừ phải có phân biệt tâm.

Tăng hỏi: Như có tâm kiến giải, tâm cầu Phật, dùng kiếm phân biệt trí để cắt đứt, làm sao để biết trí kiếm ở chỗ nào?

Hoàng Bá đáp: Nếu đã là trí vô phân biệt, cần gì phải thấy hoặc không thấy. Trí vô phân biệt cũng bất khả đắc.

Tăng nói: Không thể dùng trí để đoạn trừ trí, Không thể dùng kiếm để đoạn trừ kiếm.

Hoàng Bá đáp: Kiếm tự hại kiếm. Kiếm và kiếm trừ nhau. Tức là kiếm cũng bất khả đắc. Trí tự trừ trí. Trí và trí trừ nhau. Tức là trí cũng bất khả đắc. Chôn cả mẹ lẫn con. Là nghĩa như vậy.

Chỉ có Hoàng Bá là thông suốt nghĩa thậm thâm của Kim cang Bát-nhã, tức Bát-nhã cũng là bất khả đắc. Do vậy nên Bát-nhã là Pháp môn vô thượng.

## 8. Dứt trừ nghi chấp rằng trì kinh và giảng nói không thoát được quả khổ.

Mỗi nghi này do từ đoạn kinh nói về xả thân bố thí. Nếu trong Phật pháp, Bát-nhã ba-la-mật-đa là tối thượng trong tất cả, thì chỉ cần nói Bát-nhã không là đủ rồi, cần gì phải nhọc công dùng đến các độ khác (trong Lục độ)? Nay trì kinh cùng giảng nói, tu tập khổ hạnh, cắt thịt chân để cứu chim cưu,<sup>66[66]</sup> vào núi xả thân cho hổ,<sup>67[67]</sup> các hạnh như vậy, gọi là nhân khổ. Vì sao văn trước nói rằng xả thân mạng bố thí tức là thành khổ quả, mà đến đây lại riêng nói không tựu thành khổ quả? Để khiến trừ mỗi nghi ấy, để hiển bày Bát-nhã độ sẽ nhiếp trì các độ khác, nên kinh nói:

**須菩提！忍辱波羅蜜，如來說非忍辱波**

<sup>66[66]</sup> Cắt cổ cứu cáp.

<sup>67[67]</sup> Đâu nhai tự hồ.

羅蜜。（時本有是名忍辱波羅蜜句非。

）何以故？須菩提！如我昔為歌利王割截身體，我於爾時，無我相、無人相、無眾生相、無壽者相，何以故？我於往昔節節支解時，若有我相、人相、眾生相、壽者相，應生瞋恨。須菩提！又念過去於五百世作忍辱仙人，於爾所世，無我相、無人相、無眾生相、無壽者相。

*Tu-bồ-đề! Nhân nhục Ba-la-mật, Như Lai nói chẳng phải nhân nhục Ba-la-mật.*

*“Vì sao vậy? Tu-bồ-đề! Như ta xưa kia bị vua Ca-lợi cắt thân thể từng phần. Lúc bấy giờ, Như Lai không có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vì sao vậy?”*

*Trong lúc Như Lai bị cắt từng phần thân thể, nếu có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, tất phải sanh lòng sân hận.”*

*“Tu-bồ-đề! Lại nhớ đến quá khứ năm trăm đời trước, Như Lai làm một vị tiên nhân nhục. Lúc ấy Như Lai cũng không có các tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Bạo ngược duy vô đạo  
 Thời xưng Ca-lợi vương  
 Phùng quân xuất du liệt  
 Tiên nhân hoành bị thương  
 Tần kinh ngũ bách thể  
 Tiên hậu cực thời trường  
 Thừa tiên nhân nhục lực  
 Kim nãi chứng chân thường.*

Tạm dịch:

*Bạo ngược vô đạo nhất  
 Thời ấy Ca-lợi vương  
 Gặp vua đi săn bắn  
 Tiên đắp y, gậy khô  
 Tụng kinh năm trăm đời,  
 Trước sau đều rất lâu  
 Nhờ lực nhân nhục trước,  
 Nay chứng đạo chân thường.*

Kinh văn:

是故須菩提，菩薩應離一切相，發阿耨  
 多羅三藐三菩提心，不應住色生心，不  
 應住聲香味觸法生心，應生無所住心。  
 若心有住，即為非住。是故佛說：菩薩  
 心不應住色布施。須菩提！菩薩為利益  
 一切眾生故，應如是布施。

*Bởi vậy, Tu-bồ-đề, Bồ-tát nên lià hết thấy các tướng mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chẳng nên trụ nơi hình sắc sanh tâm, chẳng nên trụ nơi âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp tướng sanh tâm. Nên sanh tâm không có chỗ trụ. Nếu tâm có chỗ trụ, tức là chẳng trụ.*

*“Vì thế Phật dạy các vị Bồ-tát chẳng nên trụ tâm nơi hình sắc mà bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, nên bố thí như vậy.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Bồ-tát hoài thâm trí*

*Hà thời bất đái bi*

*Đầu thân ưu hỏ ngạ*

*Cát nhục khùng ung cơ*

*Tinh cần tam đại kiếp*

*Tằng vô nhất niệm bì*

*Như năng đồng thử hạnh  
Giai đặc tác thiên sư.*

Tạm dịch:

*Bồ-tát thâm diệu trí  
Thường tràn đầy bi tâm  
Bỏ thân vì hổ đói  
Xẻ thịt cho chim ăn  
Siêng năng ba đại kiếp  
Chẳng một niệm mệt buồn  
Nếu thường theo hạnh này  
Là bậc thầy trời người.*

Kinh văn:

如來說：一切諸相，即是非相。又說：  
一切眾生，即非眾生。

*Như Lai nói rằng: Tất cả các tướng tức  
chẳng phải tướng. Lại nói: Tất cả chúng*



*sanh, tức chẳng phải chúng sanh.*

Thông viết:

Văn trên đã nói rằng Kim cang Bát-nhã ba-la-mật-đa là đệ nhất trong các ba-la-mật, hoặc nói rằng bố thí là đệ nhất, vì bố thí hàm nhiếp cả các độ khác. Chẳng biết rằng các độ khác nếu như không có Bát-nhã, thì cũng giống như không có mắt mà chẳng có thầy dẫn đường, dù có được phước báo, nhưng cũng khó chứng được pháp thân. So sánh hơn kém, cũng thua Bát-nhã là đệ nhất. Cho nên ở đây nói đệ nhất Bát-nhã ba-la-mật-đa là có thể nhiếp hết các độ khác. Như nhãn nhục tức là trì giới. Sắc mặt không biến đổi, tức là thiên định. Nhãn nhục như vậy cho đến 500 đời, tức là tinh tấn; mà thường ở trong các tướng vô ngã vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả, tức là Bát-nhã. Cho nên nhãn nhục chẳng trụ nơi tướng, bố thí chẳng trụ nơi tướng mới

chừng được bồ-đề. Nhưng nói chẳng trụ nơi tướng, chẳng phải Kim cang huệ bền chắc thì chẳng thể chiếu soi thông suốt được. Như vậy tuy thực hành nhẫn nhục, nhưng cũng chính là thực hành Bát-nhã. Dem pháp ấy ra bố thí, tức là chân thực bố thí, việc đem thân mạng ra bố thí để cầu phước báo thế gian kia làm sao sánh bằng được!

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói:

Nhẫn nhục ba-la-mật-đa mà Đức Phật tu hành, theo thế đế mà luận thì đó là khổ hạnh, giống cái nhân xả bỏ thân mạng đều là thành khổ quả. Đứng trên phương diện đệ nhất nghĩa đế mà luận, tuy thực hành khổ hạnh cùng với tánh kham nhẫn, tức nhẫn nhục mà chẳng phải nhẫn nhục, vì lìa hẳn tâm phân biệt này. Đây gọi là pháp thù thắng. Có hai nghĩa:

1. Thiện tánh: Các pháp ba-la-mật-đa đều lấy thiện làm thể tánh.
2. Bĩ ngạn: công đức không thể nào tính kể được.

Chẳng phải ba-la-mật-đa là chẳng có ai biết được ngần mé của công đức ấy. Do đây mà có tên gọi là tối thắng nghĩa đệ nhất. Khổ hạnh này vượt xa việc bỏ thân trước!

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Năng nhẫn ư khổ hạnh,  
 Dĩ khổ hạnh hữu thiện  
 Bĩ phước bất khả lượng  
 Như thị tối thắng nghĩa.*

Tạm dịch:

*Thường nhẫn các khổ hạnh  
 Do khổ hạnh tánh thiện  
 Phước ấy không lường được*

*Nghĩa tôi thắng như vậy.*

Như Như Lai xưa từng làm tiên nhân tu hành trong rừng, gặp lúc Ca-lợi vương đi săn, mệt quá nên vua nằm nghỉ. Các nữ tỳ của vua lên đến lễ bái tiên nhân. Vua biết, mắng tiên nhân tham nhìn nữ sắc, bèn cắt thịt trên thân tiên nhân, từng phần thân thể bị cắt rời ra. Sắc mặt Như Lai lúc ấy không biến đổi, chẳng khởi các tướng ngã nhân chúng sinh thọ giả. Vua lúc ấy mới hỏi hận. Như Lai lúc ấy mới nói rằng: Đại vương, tâm ta chẳng sân hận, cũng chẳng tham đắm. Nếu lúc đó ta có các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, tất sẽ sinh tâm sân hận, không thể nào bình phục như trước. Do Như Lai chẳng có các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, cũng chẳng thấy mình bị vua cắt thịt, cũng chẳng phải ngu si mê muội chẳng biết điều gì, mọi sự phân biệt đều chẳng có. Nên Như Lai mới

được thành tựu nhãn nhục ba-la-mật chân thực.

Di-lặc BỒ-tát có kệ rằng:

*Li ngã cập khuể tướng*

*Thật vô ư khổ não*

*Cộng lạc hữu từ bi*

*Như thị khổ hạnh quả.*

Tạm dịch:

*Lìa tướng ngã, sân giận*

*Thật chẳng còn khổ não.*

*Còn niềm vui, từ bi*

*Đó là quả khổ hạnh.*

Nhờ lìa hẳn ngã tướng mà không còn thấy khổ não. Không thấy khổ tức chỉ còn niềm vui. Không còn não giận tức hiện bày tâm từ bi. Tâm và từ bi tương ứng nhau, thì tuy khổ mà chẳng thấy khổ. Nếu BỒ-tát khi thực hành khổ hạnh mà còn thấy khổ não,

tức liền muốn xả bỏ tâm bồ-đề, thế nên cần phải xả bỏ các tướng. Nếu người ấy không phát khởi bồ-đề tâm thù thắng, tất sẽ sinh tâm sân hận. Vì chướng ngại bởi lỗi lầm này nên nói đây là quả khổ hạnh. Chẳng phải nhất thời có thể chịu hạnh nhẫn này, cho đó là tạm thời chứ không phải cho hạnh ấy là thường. Lại nghĩ rằng từ quá khứ đến nay chưa từng gặp vị vua ác, trong năm trăm đời làm vị tiên nhân nhục, dù đã trải qua nhiều đời không còn các tướng ngã nhân chúng sinh thọ giả, dù đã thành thực hạnh nhẫn. Người ta thường cho rằng khổ chất chồng thì càng khó nhẫn, chứ không biết rằng ngay trên khổ luy ấy lại có thể nhẫn được.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Vi bất xả tâm khởi*

*Tu hành cập kiên cố*

*Vì nhân ba-la-mật*  
*Tập bỉ năng học tâm.*

Tạm dịch:

*Vì khởi tâm bất xả*  
*Có tu hành, kiên cố*  
*Vì nhân ba-la-mật.*  
*Tập thành tâm cầu học.*

Vì sao tâm khởi các hành tướng để tu hành? Vì sao tâm kiên cố tinh cần cầu đạo không xả bỏ-đề? Đây là tâm nhập vào thẳng nghĩa của hàng sơ địa Bồ-tát. Do đạt được ngằn mé của nhân, tức nhân nhục mà chẳng phải nhân nhục, tức là tâm này là phương tiện thực hành tâm vô trụ. Cái ngã duy chỉ có cái hạnh lìa xa các tướng này mà được thành tựu hạnh nhân nhục, nên được tương ứng với vô thượng bồ-đề. Nên các vị Bồ-tát, cần phải lìa xa hết thảy các tướng phát tâm vô thượng bồ-đề, để tập

khả năng quen tu học tâm vô trụ kia. Chỉ có lìa được các tướng ấy tức là đạt đến bồ-đề. Như nói rằng ngồi ở bồ-đề toà, vĩnh viễn đoạn trừ hết thấy các tướng tướng vậy.

Thế nào là lìa các tướng? Nghĩa là không nên trụ sắc mà sinh tâm, không nên trụ vào thanh hương vị xúc pháp mà sanh tâm. Nên phát tâm vô trụ mà phát khởi bồ-đề tâm, nếu tâm có trụ vào các cảnh giới của sắc thanh hương vị xúc pháp như vậy, tức chẳng phải trụ bồ-đề tâm. Do trụ nơi bồ-đề tâm, nên gọi là vô trụ. Vì sao? Trụ như vậy tức là chẳng trụ. Như kinh nói: Bồ-đề vốn là chỗ vô trụ, nên chẳng trụ chính là tên gọi khác của trụ bồ-đề. Nhưng chẳng trụ nơi tướng, tức là trí huệ Bát-nhã. Không những chỉ nhiếp vào nhãn nhục, mà còn nhiếp luôn cả bồ-đề. Chẳng có pháp nào mà chẳng nhiếp. Do nghĩa ấy, Đức Phật



đáp ngay, phát tâm bồ-đề là không nên trụ nơi sắc mà bồ thí, không nên trụ vào sắc thanh hương vị xúc pháp mà bồ thí. Tuy nhiếp cả lục độ, nhưng nơi việc bồ thí, vật đem bồ thí và người bồ thí, không có sự phân biệt ba pháp ấy, tức là Bát-nhã ba-la-mật, cho nên nói rằng Bát-nhã nhiếp cả lục độ.

Nếu trụ vào sắc mà bồ thí, tức có mệt mỏi thiếu sót, nên chẳng trụ bồ-đề tâm được. Nếu chẳng trụ vào sắc mà bồ thí, tức chẳng mệt mỏi thiếu sót mà phát khởi bồ-đề tâm. Các vị Bồ-tát ma-ha-tát vì lợi ích của hết thảy chúng sinh, nên như vậy mà bồ thí, tức chẳng trụ vào tướng.

Thế nào là vì lợi ích trong việc tu hành của chúng sinh mà không trụ vào việc của chúng sinh?

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Tu hành lợi chúng sinh,  
 Như thị nhân đương thức  
 Chúng sinh cập sự tương  
 Viễn li diệc ưng tri.*

Tạm dịch:

*Tu hành lợi lạc chúng sinh  
 Nhân ấy phải nên biết  
 Sự tương và chúng sinh  
 Li xa cũng nên biết.*

Cho nên trong việc bố thí, chẳng có gì lớn hơn pháp thí. Pháp thí chẳng bằng độ thoát cho hết thấy chúng sinh. Nếu thấy còn có một chúng sinh đề độ, tức là trước tướng. Nên Như Lai nói tất cả các tướng tức chẳng phải tướng, lại nói tất cả chúng sinh tức chẳng phải là chúng sinh. Đây là vì lấy sự lợi ích để tu nhân, nên xem chúng sinh cùng các sự tướng đều cần phải xả ly. Thế

nào là việc chúng sinh? Có nghĩa là danh tướng chúng sinh cùng những mặt trái của nó.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Giả danh cập ám sự  
Như Lai ly bỉ tướng  
Chư Phật vô bỉ nhị  
Dĩ kiến thật pháp cố.*

Tạm dịch:

*Giả danh cùng ám sự  
Như Lai lìa tướng ấy  
Chư Phật cũng chẳng có  
Do thấy pháp chân thật.*

Chúng sinh đó chỉ là ngôn ngữ văn tự tạm bày ra, gọi là chúng sinh, là giả danh, không có thực thể. Nghĩa là hết thấy tướng mạo đều chẳng phải là tướng mạo. Do đó đã đủ minh chứng là nhân vô ngã. Thế gian

gọi chúng sinh là do năm ấm mà thành, nhưng các pháp ngũ ấm đó vốn chẳng có tánh chúng sinh. Do vậy nên nó chẳng thực, không thể thành ngũ ấm. Nghĩa là hết thảy chúng sinh tức chẳng phải là chúng sinh, như vậy đủ để minh chứng pháp vô ngã. Tất các đức Như Lai đều hiển bày rõ hai tướng này là không thật, nên lìa xa hai tướng ấy. Sao vậy? Do cái thấy chân thật của chư Phật Như Lai, chỉ có chư Phật mới thấy chân thật, nên không thấy có người được độ, cũng không thấy có trí để độ, nên mới thực hành bố thí với tinh thần vô trụ. Cho nên phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề là hãy nên lìa xa các tướng này.

Có vị tăng hỏi Hoàng Bá: “Như ta xưa từng bị Ca-lợi vương cắt đứt thân thể là như thế nào?”

Hoàng Bá đáp: Tiên nhân tức là tâm ông. Ca-lợi vương là mong cầu. Giữ vương vị

đó là tham lợi. Như nay học nhân không tích lũy công đức, thấy là liền nghĩ đến việc học, thì ông đối với Ca-lợi vương có gì khác? Như khi thấy sắc, hoàn toàn như là mắt của tiên nhân; khi nghe tiếng thì chẳng khác gì tai của tiên nhân, cho đến khi hay biết, cũng là như vậy. Đó là nghĩa *cắt từng phần thân thể* trong kinh .

Tăng hỏi: Còn như khi tiên nhân đang nhẫn nhục, không bị hoặc không có việc *cắt từng phần thân thể*, thì không có tâm nhẫn, hoặc tâm chẳng nhẫn hay sao?

Hoàng Bá đáp: Khởi kiến chấp vô sanh, khởi cái biết về nhẫn nhục, khởi cái biết về vô cầu, đều phải loại bỏ.

Tăng hỏi: Khi tiên nhân bị cắt thân, có bị đau không? Lại nói: Trong đó chẳng có thọ giả, vậy ai chịu đau?

Hoàng Bá đáp: Ông đã không đau, cái ấy ở

đâu ra mà tìm?

Tăng lại hỏi: Thế nào là tinh tấn?

Hoàng Bá đáp: Chẳng khởi niệm có thân tâm, đó gọi là tinh tấn đệ nhất. Như lực của trâu mạnh. Vừa khởi tâm hướng ngoại tìm cầu, gọi là Ca-lợi vương thích đi săn bắn. Tâm không rong ruổi bên ngoài, tức là nhân nhục tiên nhân.

Thân tâm đều không, tức là Phật đạo. Đây là nghĩa Kim cang đệ nhất. Hoàng Bá được tâm này liền dùng ngay, dọc ngang chẳng ngại, đó là tín giải thọ trì chân thật, đúng thực là hi hữu.

## **9. Dứt trừ mọi nghi chứng vô thể phi nhân.**

Mọi nghi này do từ điểm thứ 7 trong đoạn thứ ba mà có. Trong đó so sánh rằng bố thí bằng của báu và thân mạng chẳng bằng trì kinh này. Do đây mà chứng đắc bồ-đề, bèn

nghe rằng lời nói là nhân, bồ-đề là quả, do ngôn thuyết mà chứng quả. Lý ấy chẳng thành. Sao vậy?

Quả là vô vi pháp, nếu vô vi pháp mà có thể tánh, thì nhân phải là pháp hữu vi. Hữu vi vô thể, đạo của vô thể, chẳng đến được trong quả. Cho nên nghe rằng đó chẳng phải là nhân. Để khiến trừ mọi nghi này, nên mới nói nhân ấy chẳng thật chẳng hư, vốn nó chẳng thuộc về có, không. Nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！如來是真語者、實語者、如語者、不誑語者、不異語者。須菩提！如來所得法，此法無實無虛。

*Tu-bồ-đề! Lời nói của Như Lai là chân chánh, đúng thật, như nghĩa, không hư dối, không sai khác.*

*Tu-bồ-đề! Như Lai có chỗ được pháp,  
pháp ấy không thật không hư.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Chúng sinh dữ uẩn giới  
Danh biệt thể phi thù  
Liễu tri tâm tợ hữu  
Mê tình kiến hữu dư  
Chân ngôn ngôn bất vọng  
Thật ngữ ngữ phi hư  
Thủy chung vô biến dị  
Tánh tướng bốn lai như.*

Tạm dịch:

*Chúng sinh và uẩn giới  
Tên khác, thể chẳng sai  
Biết rõ tâm như huyễn  
Mê tình thấy hữu dư  
Lời chân thật, không vọng.*



*Rốt ráo chẳng khác sai  
Xưa nay tánh tướng đồng.*

Thông viết:

Mỗi lần đọc kinh này, thấy Như Lai đều nói hết thấy các tướng đều là chẳng phải tướng, lại nói tất cả chúng sinh đều chẳng phải là chúng sinh, những lời ấy đều là ngôn thuyết. Sợ người ta nghi đó là lời luống dối nên kinh nói *lời nói của Như Lai là chân chánh* v .v... Do pháp này chẳng thực chẳng hư. Chính vì không thật, nên không thấy có các tướng để được, không thấy có chúng sinh để độ. Chính vì không hư giả, nên chưa từng chẳng hề hiện khởi các tướng, chưa từng chẳng hề hiện khởi chúng sinh tướng. Tức là các tướng mà là các tướng, tức chúng sinh là chúng sinh tướng. Đó chính là ngay nơi chỗ vô trụ mà sinh khởi tâm. Tuy độ thoát hết thấy chúng

sinh, nhưng chẳng thấy một chúng sinh nào được độ thoát. Đó chính là nhất chân như pháp giới.

Như Lai là vốn xưa nay như vậy mà đến. Nên điều Như Lai nói ra, vốn chẳng khác với cái như vậy mà nói. Điều cần nhất là khiến cho hàng Bồ-tát đều quy về biển tánh như như.

Bài tụng của Phó Đại sĩ mở đầu là:

*Chúng sinh và uẩn giới*

Và kết thúc là: *Tánh tướng bốn lai như—Xưa nay tánh tướng vốn là Như.*

Hợp cùng văn trên để đọc, có nghĩa là nơi tâm này, phải nên hiểu thấu đáo tường tận.

San định ký nói rằng:

Lời của Như Lai, chân thật chẳng khác, đều giống như sự thể, chẳng hư dối chúng sinh. Nay nói rằng trì kinh tất sẽ hướng đến bồ-đề. Các ông sao chẳng tin? Lại do

Như Lai nói những gì chân thật, nên nói rằng Như Lai vì những điều chân thật mà nói. Thế nào là lời nói chân thật? Có nghĩa là nói thân Phật là pháp bồ-đề cao tốt, đó là trí huệ chân thật. Thật ngữ là sao? Nghĩa là nói về pháp Tứ diệu đế của Tiểu thừa, đế là thật nghĩa. Thế nào là lời nói như thật? Là nói chân như trong pháp Đại thừa mà pháp Tiểu thừa không có. Thế nào là lời nói không sai khác? Là các việc thọ ký trong ba đời chẳng có gì sai chệch. Bốn lời nói đó, đều chẳng lìa các pháp thực hành bố thí lợi sanh. Pháp ấy tức là đạo. Diệu quả bồ-đề tuy không trụ trong pháp hữu vi này, mà đạo thực hành bố thí lợi sanh chân thực, là nhân của bồ-đề. Nhân của ngôn thuyết hữu vi này, khiến có thể chứng quả vô vi, lìa xa ngôn thuyết. Sao lại có mỗi nghi nhân quả không tương hợp nhau!

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Quả tuy bất trụ đạo  
 Nhi đạo năng vi nhân  
 Dĩ chư Phật thật ngữ  
 Bĩ trí hữu tứ chủng  
 Thật trí cập Tiểu thừa  
 Thuyết ma-ha-diễn pháp  
 Cập nhất thiết thọ kí  
 Dĩ bất hư thuyết cố.*

Tạm dịch:

*Quả tuy chẳng trụ đạo  
 Nhưng đạo chính là nhân  
 Do lời Phật chân thật  
 Trí tuệ có bốn loại  
 Thật trí cùng Tiểu thừa,  
 Nói diệu pháp Đại thừa  
 Cùng các pháp thọ ký  
 Là chẳng phải hư nguy.*

Bản dịch của Cưu-ma-la-thập đời Tần, có thêm nghĩa *Bất cuống ngữ—không hư dối*, nói rõ bốn cách nói của Như Lai đều là không lường dối. Vì sao mà các pháp không dối gạt chúng sinh? Vì pháp mà Như Lai chứng được đều là không thật, không hư giả. Thế nào là không thật? Như Lai nói đệ nhất nghĩa, là do bốn tánh của tất cả các pháp vốn chẳng sinh. Chẳng sinh nên chưa từng là có. Thế nào là chẳng hư dối? Vì đã là vô sinh, nên làm sao lại có diệt? Nên gọi là chẳng hư dối. Hai phạm trù thật và giả đều chẳng thể nắm bắt được. Nên làm sao thấy nó là hữu vi, làm sao thấy nó là vô vi?

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Thuận bỉ thật trí thuyết*

*Bất thật diệt bất hư*

*Như văn thanh thủ chứng*

## *Đôi trị như thị thuyết.*

Tạm dịch::

*Nói thuận với thật trỉ*

*Chẳng thật chẳng hư dối*

*Như nghe thanh thủ chứng*

*Để đôi trị mà nói.*

Như có người nghe nói, nhờ vào lời nói mà chúng được bờ-đề, liền cho rằng trong lời nói có bờ-đề. Lại nghe rằng trong lời nói chẳng có bờ-đề, liền cho rằng rốt ráo chẳng có bờ-đề. Chẳng thông đạt lý lời nói là không nhưng pháp là thật, nên có cái chấp này. Nay nói chẳng thật chẳng hư, chính là để đôi trị điều này.

Ngôn thuyết văn tự tuy vốn chẳng có thật, nhưng tánh bờ đề trong lời nói, cũng đồng như lời nói. Như khi nói lửa, chỉ có tên gọi là lửa, cả hai đều là không thực. Do vì lời được nói ra chẳng thể đạt được pháp sở

chúng kia, nên nói trong lời đối trị có đề cập đến bồ-đề. Ngôn thuyết vốn không có thật thể, nương vào đó mà chúng đắc cái chân thật. Chẳng phải là pháp không là ngôn thuyết, như lời nói chẳng phải là lửa, nhưng chẳng phải là lửa không là lời nói. Do pháp được nói này là để tùy thuận pháp sở chúng kia nên nói chúng đắc quả vị là thật, đúng chẳng phải là hư dối. Nên trong lời nói đối trị thì cho rằng chẳng có ngôn thuyết để chúng bồ-đề. Ngôn thuyết chẳng hư chẳng thực, thực hành bố thí, lợi lạc chúng sinh cũng chẳng hư chẳng thực, cứu cánh bồ đề cũng là chẳng hư chẳng thực. Sao lại chấp cho rằng trì tụng kinh này là không tạo nhân thú hướng bồ-đề?

Xưa Phục-đà-mật-đa Tôn giả <sup>68[68]</sup> truyền

---

<sup>68[68]</sup>Buddhamitra: Cửu tổ Phục-đà-mật-đa Tôn giả 九祖伏馱蜜多尊者. Còn gọi 伏縹蜜多 Phục-diệu-mật-đa.

kệ phú pháp cho Hiếp Tôn giả:<sup>69[69]</sup>

*Chân lí bốn vô danh  
 Nhân danh hiển chân lí  
 Thọ đắc chân thật pháp  
 Phi chân diệt phi nguy.*

Tạm dịch:

*Chân lí vốn không tên  
 Nhân tên hiển chân lí  
 Nhận được pháp chân thật  
 Chẳng chân cũng chẳng nguy.*

Rồi Tổ Hiếp Tôn giả phú pháp cho Tổ  
 Phú-na-dạ-xa.<sup>70[70]</sup> Kệ phó pháp là:

*Chân thể tự nhiên chân  
 Nhân chân thuyết hữu lí  
 Lĩnh đắc chân chân pháp  
 Vô hành diệt vô chỉ.*

<sup>69[69]</sup>Pārsva: Hiếp Tôn giả (齊尊者) thượng thủ kết tập Ti-bà-sa luận (毘婆沙論; s: vibhāṣā-sāstra) trong hội nghị kết tập kinh điển lần thứ 4 dưới sự bảo trợ của vua Ka-nị-sắc-ca (迦膩色迦王; s: kaniska).

<sup>70[70]</sup>S: Puṇyayaśas



Tạm dịch:

*Chân thể vốn là chân*

*Nhân chân nói có lí*

*Nhận được pháp chân thực*

*Chẳng làm chẳng dừng nghỉ.*

Tổ Hiệp Tôn giả đến Hoa thị thành,<sup>71[71]</sup> nghỉ dưới gốc cây, tay phải chỉ xuống đất nói với đại chúng:

–Đất này biến thành vàng, sẽ có thánh nhân đến đạo tràng.

Nói xong tức thì đất biến thành màu vàng. Có vị Trưởng giả Phú-na-dạ-xa đến trước ngài đánh lễ.

Tổ hỏi: Ông từ đâu đến?

Trưởng giả Phú-na-dạ-xa đáp: Tâm con chẳng đi.

Tổ hỏi: Thế ông trụ chỗ nào?

---

<sup>71[71]</sup>S: Pāṭaliputra; p: Pāṭaliputta; t: Skya-nar-gyi bu): Thành đô của Ma-kiệt-đà thời cổ Ấn Độ.

Trưởng giả Phú-na-dạ-xa đáp: Tâm con chẳng dừng.

Tổ hỏi: Ông chẳng định sao?

Phú-na-dạ-xa đáp: Chư Phật cũng vậy.

Tổ nói: Ông chẳng phải là chư Phật.

Phú-na-dạ-xa đáp: Chư Phật cũng không.

Tổ Hiếp Tôn giả nhân đó mới nói kệ:

*Thử địa biến kim sắc*

*Dự tri hữu thánh nhân*

*Đương tọa bồ-đề thọ*

*Giác hoa nhi thành dĩ.*

Tạm dịch:

*Đất này thành sắc vàng*

*Báo trước có thanh nhân*

*Đang ngồi tòa bồ-đề*

*Hoa chánh giác đã thành.*

Phú-na-dạ-xa nói kệ:

*Sư toạ kim sắc địa  
 Đương thuyết chân thật nghĩa  
 Hồi quang nhi chiếu ngã  
 Linh nhập tam-ma-đề.*

Tạm dịch:

*Thầy ngồi trên đất vàng  
 Diễn nói nghĩa chân thật  
 Quang minh chiếu về con  
 Khiến nhập vào chánh thọ.<sup>72[72]</sup>*

Tổ Hiếp Tôn giả bèn độ cho ông xuất gia, phú pháp cho ông. Lý vi diệu vô trụ này từ xưa đã vốn như vậy. Nay tin mới thể nhập được lý này, điều ấy chẳng phải dễ.

**10. Đoạn trừ mọi nghi chân như<sup>73[73]</sup> có sở đắc hoặc không sở đắc.**

Mọi nghi này do việc bố thí không trụ

<sup>72[72]</sup>Samādhi; phiên âm tam-ma-đề, tam-ma-địa. Hán dịch Chánh định, chánh thọ.

<sup>73[73]</sup>Như đẳng 如等 còn gọi là 真如 chân như.

tướng trong văn trước.

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói rằng:

Nếu chúng được các pháp vô sinh vô tánh, chẳng thực chẳng hư. Như vậy tức là thân đệ nhất nghĩa của chư Phật. Do đây làm nhân mà hai thân kia đều thành tựu, Bồ-tát tại sao lại xả pháp sở chứng mà trụ vào các pháp tu hành bồ thí? Hết thấy mọi thời, chân như đều có, chân như đã có thời gian, nơi chốn, tức đều có thể nắm bắt được. Tại sao lại nói được và chẳng được. Để khiến trừ mọi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！若菩薩心住於法而行布施，如人入闇，即無所見；若菩薩心不住法而行布施，如人有目，日光明照，見種種色。

*Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát trụ tâm nơi pháp làm việc bố thí, cũng như người vào chỗ tối, không thể nhìn thấy.*

*“Nếu Bồ-tát chẳng trụ tâm nơi pháp làm việc bố thí, như người có mắt, khi ánh sáng mặt trời chiếu soi, liền thấy đủ các màu sắc.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Chúng không tiện vi thật*

*Chấp ngã nãi thành hư*

*Phi không diệt phi hữu*

*Thùy hữu phục thùy vô*

*Đối bệnh ưng thí dược*

*Vô bệnh dược hoàn hư*

*Tu y nhị không lý*

*Tần thoát nhập vô dư.*

Tạm dịch:

*Chúng không, thấy chẳng thực*

Cháp ngã liền thành hư  
 Chẳng không cũng chẳng có  
 Cái gì có, gì không?  
 Có bệnh nên dùng thuốc  
 Hết bệnh thuốc chẳng dùng  
 Theo hai lý không này  
 Giải thoát, nhập vô dư.

Thông viết:

Văn trên đã nói pháp mà Như Lai chứng được, pháp ấy vốn chẳng thực chẳng hư dối. Lục tổ Huệ Năng nói rằng: Không thật có là do pháp thể vốn không tịch, chẳng có tướng để chứng đắc; nhưng trong pháp đó lại có hằng hà sa tánh đức, dùng chẳng hết, nên nói là chẳng phải hư dối. Tuy nó có cái dụng rộng lớn như hằng hà sa, nhưng chẳng ngăn ngại làm việc bố thí. Tuy thể tánh của nó vốn không tịch, nên chẳng trụ

nơi pháp. Nên chỉ biết bổ thí mà không biết lìa tướng, tức là trụ nơi chân thật, chẳng tránh được cái sai lầm chấp ngã, tức là chỉ biết lìa các tướng mà không biết bổ thí, tức là trụ nơi hư dối; không tránh được cái sai lầm chứng không, đều chẳng phải là lý trung đạo.

Không lìa được nghĩa chẳng trụ hai bên này, tức chẳng có được đầy đủ căn bản trí và lực Bát-nhã đệ nhất, cũng không khế hợp được với diệu nghĩa. Vô thượng bồ-đề tức là chẳng thật chẳng hư; chẳng trụ bổ thí, chẳng không, chẳng có. Lí nhân quả khế hợp nhất như này. Há nói được rằng làm việc bổ thí là trái với chân như sao?

Trên đã nói không thật không hư, do bổ thí mà có, đoạn này lại lấy bổ thí để chứng minh cho ý đó, lời nói vốn đã liên hệ mạch lạc với nhau. Lời tụng của Phó Đại thật là miên mật.

San định ký nói rằng:

Chân như là trong hết thảy mọi thời, là trong tất cả mọi nơi. Chúng đắc được hay chẳng chúng đắc được, là do chỗ khác nhau ở tâm có trụ pháp hay không trụ pháp. Nếu trụ nơi pháp mà làm việc bố thí, thì không được chân như. Như đi vào trong bóng tối, không thấy được vật gì cả. Nếu vô trụ mà làm việc bố thí, ắt sẽ được chân như. Như mặt trời lên cao, có gì chẳng thấy?

Vì sao trụ pháp mà chẳng được chân như? Vì chẳng có trí quán chiếu Bát-nhã. Tức chấp trước các thứ sắc trong sáu trần cùng các pháp không, có. Do chấp trước nên tâm không thanh tịnh, bị nhiễm ô bởi trần cảnh. Chỉ thấy có pháp bố thí mà không thấy được các pháp khác. Tuy được các phước hữu lậu thế gian, nhưng chẳng lìa được khổ quả. Dù có được chỗ niết-bàn an



lạc, tuy gần nhưng chẳng đạt, nên nói như vào trong chỗ tối chẳng thấy gì cả.

Di-lặc BỒ-tát có kệ rằng:

*Thời cập xứ thật hữu  
Nhi bất đắc chân như  
Vô trí dĩ trụ pháp  
Dư giả hữu trí đắc.*

Tạm dịch::

*Thời và xứ đều có  
Nhưng chẳng được chân như  
Dùng vô trí trụ pháp  
Có trí mới chứng được.*

Chẳng trụ pháp vì sao được chân như? Do còn có mắt, có đầy đủ căn bản trí, lại được Nhật quang biến chiếu thông đạt trí huệ Bát-nhã, tâm rất thanh tịnh, chắc chắn sẽ thông đạt được rằng Phật pháp vốn vô tánh. Nên ngộ được rằng tất cả các pháp

chẳng diệt chẳng sinh, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đi chẳng đến, chẳng nhất, chẳng khác. Nên chóng thành chánh giác, và chúng được Đại niết-bàn. Thực hành bồ thí không trụ như vậy, cũng như thấy mọi thứ sắc (mà chẳng sinh tâm)!

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Ám như ngu vô trí  
Minh giả như hữu trí  
Đối pháp cập đối trị  
Đắc diệt pháp như thị.*

Tạm dịch::

*Tối, người ngu vô trí  
Sáng như người có trí  
Với pháp cùng đối trị  
Pháp tịch diệt cũng vậy.*

Sáng và tối đối nhau, đó là đối về pháp. Lấy có trí đối trị với vô trí. Đó là đối trị.

Trí sanh thì vô trí diệt; sáng sanh thì tối diệt. Chứng pháp tịch diệt cũng như vậy. Diệu lí chân như bình đẳng khắp mười phương, ngộ cũng chẳng tăng thêm, mê cũng chẳng giảm bớt. Được mất ở tại nơi người, chẳng phải pháp có sự chống trái mâu thuẫn nhau.

Thiền sư Huyền Sa<sup>74[74]</sup> nói rằng: “Nay ông muốn ra khỏi chủ thể thân năm ấm này, chỉ

<sup>74[74]</sup>Huyền Sa Sư Bị 玄沙師備; C: xuánshā shībèi; J: gensha shibi; 835-908;

Thiền sư Trung Quốc, một trong những môn đệ danh tiếng nhất của Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Nội pháp của Sư có 13 vị – với La Hán Quế Sâm hàng đầu. Vị này lại là sư phụ của Thiền sư Pháp Nhân Văn Ích, người sáng lập tông Pháp Nhân. Cảnh Đức truyền đăng lục ghi tên tông này là Huyền Sa tông. Bích nham lục (công án 22, 56, 88) và Vô môn quan (41) có ghi lại pháp ngữ của Sư.

Sư họ Tạ, quê ở huyện Mân, Phúc Châu. Sư chẳng biết chữ, không đọc được chữ khắc trên những đồng tiền thời đó. Sư rất thích câu cá, thường cầm một chiếc thuyền nhỏ trên sông Nam Đài để câu. Bỗng một hôm, Sư phát tâm cầu giải thoát, dẹp bỏ thuyền câu, lên núi Phù Dung theo Thiền sư Linh Huấn xuất gia, sau đến chùa Khai Nguyên ở Dự Chương, thụ giới cụ túc với Luật sư Đạo Huyền. Sư tu theo hạnh Đầu-đà, chỉ mặc áo gai đi giày cỏ, ăn vừa đủ sống, suốt ngày ngồi im lặng, tăng chúng thấy vậy đều kính phục. Nơi đây, Sư gặp Tuyết Phong. Mặc dù chỉ nhỏ hơn 13 tuổi như huynh đệ trong đạo, nhưng Sư gần gũi kính thờ Tuyết Phong như thầy trò. Tuyết Phong lên núi Tượng Cốt hoằng hoá, Sư cùng theo góp sức đắc lực. Học giả bốn phương đến tấp nập. Trong một cuộc hành cước, Sư vấp chân vào đá đau điếng người, bỗng nhiên đại ngộ.

Sư ứng đối nhanh nhẹn phù hợp kinh điển. Những người cầu học các nơi có điều gì chưa thông đều đến cầu Sư chỉ dạy. Tuyết Phong thường bảo: ‘Đầu-đà Bị là người tái sinh!’

Sau, Sư từ già Tuyết Phong xuống núi, thu nhận môn đệ tại Huyền Sa. Từ đây học chúng đến rất đông. Sư ứng cơ tiếp người 30 năm, người có mặt nghe giảng không dưới 800. Đến đời Lương, niên hiệu Khai Bình năm thứ hai, ngày 27 tháng 11 năm Mậu Thìn, Sư thị tịch, thọ 74 tuổi, được 40 tuổi hạ.

Ngữ Lục của sư là *Phúc Châu Huyền Sa Tông Nhất Đại Sư quảng lục*. Còn gọi: Huyền Sa quảng lục. Quảng lục, 3 quyển, do Huyền Sa Sư Bị soạn vào đời Đường, Trí Nghiêm biên tập, sau đó được xếp vào Tục Tạng kinh tập 126, trang 351. Nội dung bao gồm các lời thượng đường, dạy chúng trong lúc thượng đường, Phương trượng lục, Phật tâm ấn lục. Quyển cuối có phụ lục ‘*Đường Phúc Châu An Quốc Thiền viện tiên khai sơn Tông Nhất Đại sư bi văn tinh tự*’. Sách này được ấn hành vào niên hiệu Nguyên Phong thứ 3 (1080) đời Tống.

cần ông biết nắm giữ được thể bí mật Kim cang. Cổ nhân đã nói cho các ông biết rằng viên thành chánh đẳng chánh giác là đồng như châu sa giới. Nay ta phần nào sẽ vì các ông, là những kẻ trí, sẽ dùng thí dụ để khiến cho các ông được giải ngộ. Các ông có thấy mặt trời ở Nam Diêm-phù-đề chẳng? Những điều mưu lợi ở thế gian, nuôi sống thân mạng, tâm hành tạo tác các nghiệp, đều chẳng ngoài ánh sáng mặt trời này mà có. Còn như thể mặt trời kia lại có được bao nhiêu tâm hành? Có chỗ nào không đồng chẳng? Các ông có muốn biết thể Kim cang, hãy như thế này mà xem. Như núi sông đất liền, mười phương quốc độ, sắc không, tối sáng, đều là thân tâm của ông, chẳng phải đều nhờ vào sự viên thành oai quang của ông mà hiện ra đó sao? Dù là trời người hay các loại chúng sinh nào đã tạo tác các thứ nghiệp, đều

phải chịu quả báo khi thọ sinh, dù hữu tình hay vô tình, có ai không do oai quang này chẳng? Cho đến chư Phật thành đạo thành quả, tiếp vật lợi sanh mà chẳng do oai quang này của ông hay sao? Trong thể kim cang ấy, có phàm phu hay chư Phật chẳng? Có tâm hành của ông chẳng? Không nói được thì chẳng hội. Hiểu không? Hãy đi ra!

Thiền sư Huyền Sa đã dùng mặt trời để dụ cho thể Kim cang, để nêu bật ra ý chỉ thâm thâm của Bát-nhã. Tâm tâm tương ấn, chẳng vốn là tự nhiên hay sao!

Kinh văn:

須菩提！當來之世，若有善男子、善女人，能於此經受持讀誦，即為如來以佛智慧悉知是人，悉見是人，皆得成就無

量無邊功德。須菩提！若有善男子、善女人，初日分以恒河沙等身布施，中日分復以恒河沙等身布施，後日分亦以恒河沙等身布施，如是無量百千萬億劫以身布施；若復有人，聞此經典，信心不逆，其福勝彼，何況書寫受持讀誦，為人解說。

*Tu-bồ-đề! Về sau nếu có những thiện nam tín nữ, thường hay thọ trì đọc tụng kinh này, Như Lai dùng trí huệ Phật thấy biết những người này đều được thành tựu vô lượng vô biên công đức.*

*“Tu-bồ-đề! Nếu có những thiện nam tín nữ, vừa lúc đầu ngày dùng thân mạng nhiều như cát sông Hằng mà bố thí, đến giữa ngày lại dùng thân mạng nhiều như*

*cát sông Hằng mà bố thí, đến cuối ngày cũng lại dùng thân mạng nhiều như cát sông Hằng mà bố thí. Cứ như vậy trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp, dùng thân mạng mà bố thí. Nếu có người nghe kinh điển này, trong lòng tin theo chẳng nghịch, được phước nhiều hơn cả những người dùng thân mạng mà bố thí kia. Huống gì sao chép, thọ trì, đọc tụng, vì người giảng giải.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Chúng sinh cấp thọ giả  
 Uẩn thượng giả hư danh  
 Như quy mao bất thật  
 Tợ thổ giác vô hình  
 Xả thân do vọng thức  
 Thí mạng vị mê tình  
 Tườn luận phước thử trí*

*Bát cập thọ trì kinh.*

Tạm dịch:

*Chúng sinh, thọ giả tướng*

*Các uẩn, đều giả danh*

*Như lông rùa chẳng thật*

*Như sừng thỏ, không hình*

*Bỏ thân do vọng thức*

*Thí mạng vì mê tình*

*Luận rõ phước trí này*

*Không bằng thọ trì kinh.*

Kinh văn:

須菩提！以要言之，是經有不可思議、不可稱量、無邊功德。如來為發大乘者說，為發最上乘者說。若有人能受持讀誦，廣為人說，如來悉知是人，悉見是



人，皆成就不可量、不可稱、無有邊、不可思議功德，如是人等，即為荷擔如來阿耨多羅三藐三菩提。何以故？須菩提！若樂小法者，著我見人見眾生見壽者見，即於此經，不能聽受讀誦，為人解說。須菩提！在在處處，若有此經，一切世間天人阿脩羅，所應供養；當知此處，即為是塔，皆應恭敬，作禮圍繞，以諸華香而散其處。

*Tu-bồ-đê! Nói tóm lại, kinh này có vô lượng vô biên công đức chẳng thể suy lường. Như Lai vì người phát tâm Đại thừa mà nói, vì người phát tâm Tối thượng thừa mà nói. Nếu có người thường hay thọ trì, đọc tụng, rộng vì người khác thuyết giảng,*

*Như Lai tất sẽ thấy biết những người này đều được thành tựu công đức vô lượng vô biên chẳng thể suy lường. Những người như vậy có thể đảm đương gánh vác đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai.*

*“Vì sao vậy? Tu-bồ-đề! Nếu kẻ ưa pháp nhỏ, vướng mắc vào những kiến giải ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, tức chẳng thể thọ trì đọc tụng, vì người khác mà giảng giải kinh này.*

*“Tu-bồ-đề! Bất cứ nơi nào có kinh này, hết thấy thế gian, các hàng trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường. Nên biết nơi ấy tức là tháp Phật, nên cung kính nhiều quanh lễ bái, đem các thứ hương hoa rải lên nơi ấy.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Sở tác y tha tánh*

*Tu thành công đức lâm*

Chung vô xu tịch ý  
 Duy hữu tề quần tâm  
 Hành bi bi quảng đại  
 Dụng trí trí năng thâm  
 Lợi tha kiêm tự lợi  
 Tiểu thánh cự năng nhâm.

Tạm dịch:

Tánh y tha sở tác  
 Tu thành rùng công đức  
 Điều không thú tịch ý  
 Chỉ tu tâm thuần thực  
 Hành từ bi rộng lớn  
 Dụng trí thật cao sâu  
 Lợi người tức lợi mình  
 Quả thánh nhỏ sẽ thành.

Thông viết:

Như Lai rất tán thán kinh này, ví kinh như

mặt trời chiếu sáng, thấy rõ các thứ màu sắc. Đó là phát ra các trí huệ xuất thế gian. Hàng Thanh văn Duyên giác không thể nhìn thấy được. Chỉ có hàng Bồ-tát, trí bi cùng vận hành mới có thể đảm đương gánh vác được. Nếu có người có thể thọ trì đọc tụng kinh này, chẳng trái nghịch bản tâm, là người trong nhiều đời trước đã gieo trồng nhiều thiện căn, nên nghe kinh liên tin, tin liền hiểu, hiểu liền thực hành. Lợi mình lợi người, không rời bỏ tâm bồ-đề. Đây chính là bậc có căn khí Đại thừa, há đem việc tu phước thế gian để luận được thay!

Sao cứ lập lại nhiều lần việc đem bồ thí ra để so sánh? Bồ thí là một trong sáu độ, nên biết rằng bồ thí mà chẳng biết Bát-nhã, thì dù có đem thân mạng để bồ thí nhiều như cát sông Hằng, rớt ráo đều chỉ là cái dụng của thức tình, đối với chân tánh chẳng

tương ưng. Huống gì chúng sinh chỉ là giả, thân mạng cũng là giả. Hành xử trên cái giả, thì lao nhọc mà uổng công. Cho nên Bát-nhã là con mắt của việc bố thí, có thể đưa đến giải thoát ở bờ bên kia. Đủ biết kinh này là đệ nhất ba-la-mật-đa, nên phải tôn kính phụng trì kinh này.

San định ký nói rằng:

Chúng đạt chân như là do tâm thanh tịnh. Tâm tịnh là do chẳng trụ vào các pháp. Chẳng trụ vào các pháp duyên tức là có trí, có trí là do nghe kinh. Nên biết kinh này có phước đức thù thắng như vậy. Vào đời sau nếu có thiện nam tín nữ nào có thể nương vào kinh này mà tu hành, tức là làm được ba việc: Một là thọ trì, hai là đọc tụng, ba là giảng nói. *Thọ* là đọc hiểu văn kinh. *Trì* là hiểu rõ văn kinh. Đọc văn kinh gọi là tụng. Ghi nhớ gọi là niệm tụng. Nếu muốn hiểu văn kinh trước tiên phải đọc. Muốn trì

nghĩa kinh trước hết phải tụng. Đó là cái nhân đọc tụng thọ trì. Nhưng thọ trì là tư huệ, đọc tụng là văn huệ; nếu không được nghe, thì dựa vào đâu mà đọc tụng? Ất phải nhờ nghe pháp từ bên ngoài, trong tự tư duy, là được trí tuệ do tu hành. Tên gọi này có đủ ba pháp: Văn tư tu, nhờ vào tự thân đã thuần thục. Ngoài ra vì để giáo hoá chúng sinh nên chư Phật rộng nói các pháp ấy.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Ư hà pháp tu hành?*

*Đắc hà đẳng phước đức?*

*Phục thành tựu hà nghiệp?*

*Như thị thuyết tu hành*

*Danh cụ tam chủng pháp*

*Thọ trì văn quảng thuyết*

*Tu tụng tha cập nội*

*Đắc văn thị tu trí  
Thử vi tự thuận thực  
Dư giả hoá chúng sinh.*

Tạm dịch:

*Tu hành do pháp nào?  
Được các phước đức gì?  
Để thành tựu nghiệp gì?  
Nói tu hành như vậy  
Có đủ ba loại pháp  
Thọ trì, nghe, giảng nói  
Từ người khác đến mình  
Nghe được là trí huệ  
Chính là tự thuận thực  
Ngoài ra để độ sanh.*

Chỉ có trí huệ chư Phật là thấy được và biết được người này. Đã tu hành các nhân thù thắng, ắt sẽ được quả vi diệu, sẽ được

thành tựu vô lượng vô biên công đức. Nhưng làm sao để hiển bày các công đức vô lượng vô biên ấy?

Nếu có thiện nam tín nữ đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng ra để bố thí, buổi sáng chùng đó, buổi trưa chùng đó, buổi chiều chùng đó. Trong thời gian một ngày bố thí không hề mệt mỏi, cho đến kiếp này bố thí như vậy, ngàn kiếp sau đều bố thí như vậy, ức kiếp sau đều bố thí như vậy, trong vô lượng kiếp đều bố thí như vậy mà không mệt mỏi. Đem tài sản ra bố thí như những nhà có của cải, cần phải gắng gỏi thay; còn đem thân mạng ra bố thí mà chẳng tiếc sự sống, đó thật là thiện hạnh. Được phước đức do bố thí như vậy, so với người ở trước chỉ đem thân mạng như cát sông Hằng ra bố thí thì quả là nhiều hơn, phước đức ấy lớn hơn rất nhiều.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:



*Dĩ sự cập thời đại  
Phước trung thắng phước đức.*

Tạm dịch::

*Việc và thời gian lớn  
Phước lớn trong các phước.*

Thế nào là thù thắng?

Do việc bố thí quá to lớn. Tức trong thời gian một ngày mà xả bỏ thân mạng như vậy, mà lại nhiều lần như vậy trong ngày. Nếu có người nghe được kinh điển này, rồi tín tâm không lui sụt như đá đi vào nước, tức là dùng tín căn này để thú hưởng đến bồ đề, thấy việc bố thí ấy mà chưa quên mất bản ngã của mình, như đất trời khác nhau cách xa, phước ấy vô cùng to lớn. Huống gì biên chép, thọ trì đọc tụng, tin nên thích, thích nên vui. Nhớ giữ không quên, thấm nhuần khắp tâm trí, rồi lại còn giảng nói cho người nghĩa lý thâm sâu vi

diệu. Chẳng riêng tự độ mình, mà còn cứu độ cho người khác. Dem việc bố thí có hình tướng ở trước, so với việc bố thí không có hình tướng này, công đức kia chẳng to lớn hơn sao! Nên Đức Phật hỏi khi bố thí, sẽ được phước đức như thế nào là như vậy.

Lại hỏi nghiệp thành tựu như thế nào? Lấy cảnh giới gì để nói? Nói tóm tắt, kinh này có vô lượng công đức bất khả tư nghì. Vô lượng vô biên công đức còn có thể biết được, đối với hàng Bồ-tát nhị thừa còn có thể suy lường được, chỉ có điều là không thể dùng tâm để suy lường, không thể nghĩ nghì đến được. Đó chẳng phải là cảnh giới của danh tướng, chỉ có chúng mới biết được vì đó là công đức thù thắng. Quả phước đức do tâm chánh tín là phước chỉ riêng do từ căn tánh mà thu hoạch được, chẳng phải do bên ngoài mà biết được.

Hàng Thanh văn chẳng có được cộng tánh này. Nên hàng căn khí hạ liệt đối với pháp môn này đều chẳng muốn nghe. Như Lai vì những chúng sinh đã phát tâm Đại thừa mà nói để giúp họ hồi tâm hướng về Đại thừa, nhập vào Bồ-tát thừa, nhờ đó mà dần dần thể nhập.

Như Lai vì hàng tối thượng thừa mà giảng nói kinh này để khiến họ hướng thẳng đến Vô thượng bồ-đề, giúp họ khỏi bị rơi vào thứ lớp, do trực nhận mà thể nhập ngay. Chỉ có một Phật thừa, ngoài ra chẳng có thừa nào khác, do phương tiện để dạy chúng sinh (quyền giáo) nên gọi là Đại thừa, nhưng Đại thừa cũng chẳng phải là thừa, nên gọi là tối thượng thừa, đó là pháp mà thế gian khó nghe, khó tin được.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Duy y đại nhân thuyết*

*Cập hi văn tín pháp.*

Tạm dịch:

*Chỉ nói bậc thượng căn*

*Cùng pháp khó nghe, tin.*

Nếu có người nghe giảng nói kinh này, rồi thọ trì đọc tụng để tự độ mình, giảng nói rộng rãi cho nhiều người khác cùng nghe, tức là độ cho người khác, thực hành cả hai pháp này, nghĩa là chẳng lìa Bát-nhã. Thế nên Như Lai tất biết tất thấy người này. Trí huệ tăng trưởng, phước đức theo đó cũng tăng trưởng và sẽ được thành tựu. Không thể suy lường được vì nó quá lớn; không thể gọi tên được vì nó quá sâu dày; chẳng có ngăn mé vì nó quá rộng. Đó là công đức bất khả tư nghì.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Vô thượng nhân tăng trưởng*

*Mãn túc vô thượng giới.*

Tạm dịch::

*Nhân tối thượng tăng trưởng*

*Khấp vô cùng cõi giới.*

Tư lương tròn đủ, khiến cho Phật chúng không dứt đoạn. Những người như vậy, tất sẽ được đảm nhận gánh vác Vô thượng bồ-đề của Như Lai. Mang trên lưng gọi là *hà*. Vác trên vai gọi là *đảm*. Có nghĩa là dưới thì đem tâm đại bi để hoá độ chúng sinh, trên thì cầu đại trí huệ, dùng đại nguyện này để cùng vận hành, đặt trên đôi vai tinh tấn. Suy nghĩ rằng mình vốn từ trong phiền não sinh tử mà sinh ra, niệm niệm chẳng dừng, chỉ có khi nào đến được bồ-đề chân chính, mình và mọi chúng sinh đều được giải thoát, thì mới bỏ sự gánh vác này. Đó gọi là thọ trì diệu pháp chân thật. Nên việc trì pháp ấy tức là trì bồ-đề vậy.

Thế nào gọi là Như Lai chỉ vì hàng phát

tâm Đại thừa mà giảng nói kinh này? Tại sao nói thọ trì đọc tụng gọi là gánh vác sự nghiệp bồ-đề? Vì nếu đắm chấp vào pháp nhỏ, tức dính mắc vào bốn kiến chấp: ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, thì sẽ không thọ trì kinh vì mục đích là giải thoát cho mọi người.

Thế nào gọi là pháp nhỏ? Pháp nhân duyên trong Tứ diệu đế được gọi là pháp nhỏ. Hàng Thanh văn Duyên giác tức là những người ưa thích pháp nhỏ. Trê trong tình thức nên gọi là ưa thích. Do còn pháp chấp nên ở đây hiển bày tam không,<sup>75[75]</sup> đối với họ chẳng có ý hướng, nên họ chẳng thể trì tụng giảng nói kinh này.

Nên biết những người có thể trì tụng giảng nói kinh này, tức là người đã có niềm tin và hiểu rộng lớn và ưa thích pháp lớn, tức là những người đã tin hiểu sâu sắc. Họ

---

<sup>75[75]</sup>Ngã không, Pháp không, Không không.

không còn dính mắc kiến chấp về bốn tướng ngã nhân chúng sinh, thọ giả, có thể thành tựu pháp khí tối thượng, gánh vác các công việc nặng nhọc của Như Lai, cho nên Đức Phật đã vì những hạng người này mà giảng nói kinh cho họ.

Hết thầy chư Phật đều từ kinh này mà xuất sinh, tất cả các pháp lành đều từ kinh này mà ra. Bất kỳ nơi nào có kinh này thì tất cả các loài trời người trong thế gian đều muốn cúng dường. Kinh này còn siêu việt các pháp trong tam giới, nên các loài trong tam giới đều muốn cúng dường. Nên biết nơi có kinh này chính là tháp Phật, như trong đó có tượng Phật an trí. Mọi loài đều nên phải nhiễu quanh và lễ bái cúng dường. Người có thể giảng nói kinh này, công đức đồng như tháp miếu. Cảnh giới tuy bất khả tư nghì, khi có người trì tụng giảng nói kinh, ta nên dùng các loại hương hoa rải

trên chỗ có kinh này, như mưa hoa tán thán. Do tôn trọng pháp nên tôn trọng nơi chốn ấy. Xứ có kinh điển còn được tôn trọng, huống gì những người có được diệu pháp chân thật, há không được người cung kính và được phước báo hay sao!

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Thọ trì chân diệu pháp  
Tôn trọng thân đấng phước.*

Tạm dịch::

*Thọ trì pháp vi diệu  
Tôn trọng, được phước báo.*

Nói thành tựu bất khả tư nghì công đức chính là ở điểm này.

Tổ Bá Trượng nói:

Nếu như có người đem phước trí và tứ sự cúng dường bốn trăm vạn ức a-tăng-kỳ kiếp chúng sinh trong bốn loài và trong sáu



đường, tùy theo ý muốn của họ, suốt tám mươi năm. Rồi sau đó suy nghĩ như thế này: Những chúng sinh này đều đã suy lão, ta nên đem Phật pháp để chỉ dạy, dẫn đường cho họ, khiến cho họ chứng được quả Tu-đà-hoàn, cho đến đạt được đạo quả A-la-hán. Thí chủ như vậy, chỉ mới bố thí những đồ dùng như ý thích của chúng sinh, mà công đức đã là vô lượng rồi, huống gì khiến họ chứng quả Tu-đà-hoàn, cho đến đạo quả A-la-hán, thì công đức của thí chủ ấy phải là vô lượng vô biên, vẫn không bằng công đức tùy hỷ của người thứ 50 nghe được kinh này.

Kinh Báo ân nói rằng, Ma-da phu nhân sinh được 500 thái tử. Các vị ấy đều đắc quả Bích-chi Phật rồi đều diệt độ. Mỗi vị đều được tạo tháp cúng dường lễ bái. Vậy nhưng Ma-da phu nhân than rằng: Không bằng chỉ sinh hạ được một thái tử mà

chúng đặc được Vô thượng bồ-đề, sẽ giảm bớt tâm lực của mình.

Như ngày nay trong trăm ngàn vạn người có được một vị đặc đạo, thì giá trị sẽ bằng cả ba ngàn đại thiên thế giới. Do vậy nên thường khuyên các ông nên tự hiểu ra diệu lý sâu mâu, khiến được phước trí, như người sang quý chỉ bảo cho người bần tiện, cũng như chiếc xe không chỗ dừng. Nếu do điểm này mà nhận ra, tức là hạt châu trong búi tóc, còn gọi là có bảo châu vô giá, cũng gọi là chuyển phần uế vào. Nếu không chấp giữ chỗ này làm kiến giải, thì như viên minh châu trong búi tóc của vua, còn gọi là Vô giá đại bảo, cũng gọi là tổng phần uế ra. Đức Phật đã là người ra ngoài ràng buộc, lại trở vào bên trong để mà thành Phật. Ngài chính là bậc bên kia bờ giác ngộ siêu việt, lại trở sang bên bờ này để làm Phật. Loài người và

loài khí đều không thể làm được. Loài người là dụ cho hàng Thập địa Bồ-tát. Loài khí là dụ cho hàng phàm phu.

Bá Trọng cũng là pháp khí tối thượng, ngài có thể gánh vác sự nghiệp Vô thượng bồ-đề của Như Lai, còn độ thoát cho nhiều người, khế hợp với Kim cang thậm thâm nghĩa thú, không theo kiến giải của pháp Tiểu thừa. Đó là một dòng phái tối thượng thừa đích thực.

Kinh văn:

復次，須菩提！若善男子、善女人，受持讀誦此經，若為人輕賤，是人先世罪業，應墮惡道，以今世人輕賤故，先世罪業即為消滅，當得阿耨多羅三藐三菩提。

*Lại nữa, Tu-bồ-đề! Những thiện nam tín nữ thọ trì đọc tụng kinh này, nếu bị người khác khinh chê, thì người trì kinh ấy dù cho đời trước đã tạo ác nghiệp, lẽ ra phải đọa vào các đường dữ, nay nhân bị người khinh chê, ác nghiệp đời trước liền tiêu diệt, nên được thành tựu quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Tiên đương hữu báo chương*

*Kim nhật thọ trì kinh*

*Tạm bị nhân khinh tiện*

*Chuyển trọng phục hoàn khinh*

*Nhược liễu y tha khởi*

*Năng trừ đẳng kế tình*

*Thường y Bát-nhã quán*

*Hà lự bất viên thành.*

Tạm dịch::

*Trước đang gặp báo chướng*  
*Nay nhờ thọ trì kinh*  
*Tạm bị người khinh rẻ*  
*Dù nặng hoá bình thường.*  
*Rõ biết y tha khởi*  
*Trừ kẻ chấp phân biệt*  
*Thường quán chiếu Bát-nhã*  
*Lo gì chẳng viên thành.*

*Lục Tổ Khâu Quyết*<sup>76[76]</sup> có ghi: Đức Phật dạy rằng người trì kinh này, đều được hết thảy mọi người cung kính cúng dường. Trong nhiều đời trước nếu nghiệp chướng nặng, đời này tuy trì kinh này mà vẫn thường bị người đời khinh chê, không được cung kính cúng dường. Nay do trì kinh này, không còn khởi dậy nhân tướng ngã tướng nữa, không nói đến oán thân, thường hành cung kính, có phạm cũng

<sup>76[76]</sup>Kim cang kinh giải nghĩa, Kim cang kinh khâu quyết, của Lục tổ Huệ Năng, Đời Đường

không đáng kể. Do thường tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên tội nặng trong nhiều kiếp đều được tiêu trừ. Nếu về phương diện lí mà nói, đời trước tức là tâm vọng niệm, đời nay là tâm giác ngộ. Do niệm từ tâm giác ngộ sau này mà làm nhẹ đi tâm vọng niệm từ trước. Vọng niệm không còn nữa, nên gọi là tội nghiệp đời trước được tiêu trừ. Vọng niệm đã diệt rồi, thì nghiệp tội sẽ chẳng thành, liền được quả vị bồ-đề. Hai cách hiểu về lý và sự này, đều đứng trên hai phương diện quán và hạnh, cùng với bài tụng của Phó Đại sĩ chẳng khác.

Trong bản tiếng Phạn nghĩa này gọi là *thiện sự*,<sup>77[77]</sup> có nghĩa là khi gặp chuyện bị khinh nhục, để hiển bày rõ người bị làm nhục sẽ được tánh phước đức. Lục tổ nói: *Nay do trì kinh này, không còn khởi dậy*

<sup>77[77]</sup> Bản dịch của Ngài Nghĩa Tịnh: 此為善事能盡惡業. *Thử vi thiện sự năng tận ác nghiệp.*

Bản dịch của Ngài Huyền Trang: 宿生所造諸不淨業皆悉消盡.

*Chúng sinh sẽ diệt trừ những nghiệp bất tịnh đã tạo trong những đời trước*

*nhân tướng ngã tướng nữa, không nói đến oán thân, thường hành cung kính, chính là có sự phù hợp cùng ý nghĩa thiện sự .*

*Đại luận* (Trí độ luận) nói rằng:

Tôi nặng đời trước, lẽ ra phải đọa vào địa ngục, nhờ tu hành Bát-nhã, nên đời này chỉ chịu tội nhẹ. Thí như tù nhân bị tội tử hình, nhờ có thể lực hộ trì, ắt chỉ còn chịu tội hình roi gậy mà thôi. Trì kinh đến khi không còn thấy ngã tướng nữa, tức phiền não chướng đã sạch hết; tội cực ác tiêu trừ, tức nghiệp chướng đã tận; không còn đọa vào ác đạo nữa, tức là báo chướng đã sạch. Ba chướng đã sạch, thì ba đức<sup>78[78]</sup> tất viên mãn. Nên nói: Sẽ được quả bồ-đề là do vậy.

Phẩm Như Lai, Công Đức Thi Bồ-tát Luận, nói rằng: Nếu như có người thọ trì kinh này, cho đến giảng nói, thì trong đời

<sup>78[78]</sup>Tam đức: Pháp thân, Bát-nhã, Giải thoát.

này dù có gặp ác mộng, hoặc bị bệnh nặng, hoặc bị truy đuổi, bắt đày đi xa, đánh đập mắng nhục, cho đến phải tự vẫn, nếu có những ác nghiệp, đều được tiêu trừ.

Lại nữa, kệ tụng nói:

*Nhược nhân tạo ác nghiệp,  
Tác dĩ sinh bố úy  
Tự hối nhược hướng nhân  
Vĩnh bạt kỳ căn bản.*

Tạm dịch:

*Nếu người tạo nghiệp ác  
Rồi sinh lòng sợ hãi  
Hướng về người tự hối  
Vĩnh viễn trừ sạch tội.*

Đem tâm sám hối tội lỗi, còn trừ sạch được tội gốc, huống gì có người thọ trì chánh pháp, như kinh điển mà giảng nói cho người nghe nữa! Tuy đã tạo nghiệp trái



qua trăm kiếp, nhưng rốt ráo nghiệp ấy không mất. Khi nhân duyên hội đủ, ắt phải sinh ra quả. Chẳng chút sai lệch. Nghĩa của việc này như thế nào? Là nghiệp bất thiện trong 10 đường ác, do nhờ thọ trì chánh pháp, thành tâm sám hối tội trước, thì quả ác thú tuy vĩnh viễn không sanh nữa, nhưng trong đời này chịu các khổ báo, chịu khổ trong đời này, há có mất hẳn đâu? Không sinh vào ác thú, chẳng nhờ sạch tội gốc sao? Nếu có tội quyết định phải đọa vào địa ngục vô gián, thì sau khi mạng chung, ắt phải sinh về chỗ đó, Thay vì phải trải qua nhiều kiếp chịu khổ, nay chỉ trong thoáng chốc liền được ra khỏi, như trường hợp vua A-xà-thế. Nên thấy rõ là chẳng sai lệch. Trì tụng giảng nói kinh này, không chỉ chuyển nghiệp nặng thành nhẹ, chuyển nhẹ thành không có mà thôi, mà còn sẽ được quả bồ-đề nữa.

Di-lặc BỒ-tát có kệ rằng:

*Cập viên ly chư chương*

*Phục năng viên chứng pháp.*

Tạm dịch:

*Cùng lìa xa các tướng*

*Lìa cả pháp sở chứng.*

Chỉ do như vậy nên nhanh chóng được các pháp, nên các báo chương chẳng khó lìa bỏ.

Có vị tăng hỏi Thiên sư Vân Cư:<sup>79[79]</sup>

---

<sup>79[79]</sup> Vân Cư Đạo Ưng 雲居道膺; C: yúnjū dàoing; J: ungo dōyō; 853-902; Thiên sư Trung Quốc, môn đệ của Động Sơn Lương Giới. Dòng thiền của Sư là dòng chính của tông Tào Động được truyền đến bây giờ tại Nhật. Dòng của Tổ thứ hai là Tào Sơn Bản Tịch chỉ tồn tại được vài thế hệ.

Sư họ Vương, quê ở Ngọc Điền, U Châu, xuất gia từ nhỏ và thụ giới cụ túc năm 25 tuổi. Ban đầu, Sư học kinh luật Tiểu thừa rồi tự than ‘Kẻ đại trượng phu đâu thể chịu luật nghi cồng trói’ và đến Thuý Vi lưu học ba năm. Sau, nghe người ca ngợi pháp hội Động Sơn, Sư đến tham vấn.

Sư cất am ở riêng, trải qua nhiều ngày không xuống trai đường. Động Sơn hỏi vì sao thì Sư thưa có Thiên thần cúng dường. Chiều đến, Động Sơn gọi Sư vào hỏi: ‘Am chủ Ưng!’ Sư ứng thính: ‘Dạ!’ Động Sơn hỏi: ‘Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, là cái gì?’ Sư trở về am ngồi yên, Thiên thần tìm không ra mới thôi cúng dường.

Sau khi được Động Sơn Ấn khả, Sư đến Vân Cư trụ trì, học chúng đến rất đông không dưới 1500 chúng, tông phong của Động Sơn rất thịnh hành.

Sư tịch ngày 03 tháng giêng niên hiệu Thiên Phục năm thứ hai đời Đường sau 30 năm hoàng hoá tại

–Thừa giáo đều có nói rằng, người ấy do tội nghiệp đời trước, lẽ ra phải bị đọa vào ác đạo, do đời này bị người khinh chê, nên tội nghiệp đời trước tức thời được tiêu trừ, nghĩa này ra sao?

Thiền sư Vân Cư đáp: Động thì phải đọa vào ác đạo. Tĩnh thì bị người khinh chê.

Sùng Thọ Khế Trù Thiền sư <sup>80[80]</sup> nói: Thấy ngoài tâm có pháp tức phải đọa ác đạo. Chấp giữ vào tự kỉ thì bị người khinh tiệt.

Thiền Đồng có bài tụng:

*Chuyết chuyết công quá,*

*Giao giao nhân quả,*

*Cảnh ngoại cuồng hôn Diễn-nhã-đa.*

*Trượng đầu kích trước phá hoàn đọa*

---

đây.

<sup>80[80]</sup> 崇壽院契稠禪師 Sùng Thọ Khế Trù Thiền sư . Quê ở Tuyên Châu, trú trì Viện Sùng Thọ ở Vũ Châu.

*Lai tương hạ.*

*Khước đạo tưng tiền cô phụ ngã.*

Tạm dịch:

*Tô bồi công quá*

*Dính mắc nhân quả.*

*Chạy tìm ngoài cảnh Diên-nhã-đa.*

*Đầu gậy đánh tan liền rơi xuống*

*Đến chúc mừng*

*Trước nay quên đạo, cô phụ ta.*

Thiền sư Tuyết Đậu có bài tụng:

*Minh châu tại chưởng*

*Hữu công giả thưởng*

*Hồ hán bất lai*

*Toàn vô kỹ lưỡng.*

*Kỹ lưỡng kí vô*

*Ba Tuần thất đồ.*

*Cù-đàm! Cù-đàm!*

*Thức ngã dã vô.*

Tạm dịch:

*Minh châu trong tay*

*Có công thì thưởng*

*Hố hán chẳng đến*

*Đều chẳng dở trò.*

*Ngón nghề chẳng có*

*Ba Tuần quên đường*

*Cù-đàm! Cù-đàm!*

*Biết ta là không!*

Lại nói: Khám phá rõ được chẳng? Chư vị tôn túc, hãy nhắm thẳng tỵ tánh trong kinh mà thọ trì. Tham thấy thấu suốt chẳng còn mảy lông tơ nào cả, thì tội phước do đâu mà có? Đây chính là siêu việt mọi đàm thuyết nhân quả. Thế nên phải siêng năng thọ trì kinh.

Kinh văn:

須菩提！我念過去無量阿僧祇劫，於然燈佛前，得值八百四千萬億那由他諸佛，悉皆供養承事，無空過者；若復有人，於後末世，能受持讀誦此經，所得功德，於我所供養諸佛功德，百分不及一，千萬億分、乃至算數譬喻所不能及。

須菩提！若善男子、善女人，於後末世，有受持讀誦此經，所得功德，我若具說者，或有人聞，心即狂亂，狐疑不信。須菩提！當知是經義不可思議，果報亦不可思議。

*Tu-bồ-đề! Như Lai nhớ thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp trước Phật Nhiên đặng, Như Lai đã được gặp tám trăm bốn*

ngàn vạn ức na-do-tha đức Phật, và đều cung kính phụng sự không chút lỗi lầm. Nếu có người đời mạt pháp sau này thường thọ trì tụng đọc kinh này. Người ấy được công đức so với công đức cúng dường chư Phật của Như Lai vượt hơn bội phần, trăm phần chẳng theo kịp một, ngàn vạn ức phần, cho đến tính toán, thí dụ cũng chẳng thể so được.

“Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam tín nữ vào đời mạt pháp thọ trì đọc tụng kinh này được nhiều công đức, nếu Như Lai nói ra đây đủ sẽ có người nghe qua sanh tâm cuồng loạn, nghi ngờ chẳng tin.

“Tu-bồ-đề! Nên biết rằng, nghĩa kinh này không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Thông rằng:

Chân như tuy cùng khắp mọi nơi, nhưng

cần phải nhờ tu trì mới được. Không thể không do tu tập mà chứng đắc được. Nói tu tập chính là huân tập Bát-nhã trí này. Chẳng trụ nơi tướng, chính là khế hợp với lí vô sanh. Chẳng phải là tu tập trụ vào các tướng công hạnh để được sở đắc. Duyên vào Bát-nhã vô tướng này, sẽ đến được chỗ Bất khả tư nghì. Cho nên công đức trì kinh cũng bất khả tư nghì, không thể nào bì kịp. Chẳng những tội nghiệp đời trước tự nhiên tiêu trừ, mà công đức do từ đời trước cung kính tôn trọng chư Phật cũng lớn vô cùng, khó có gì sánh bằng. Sao vậy? Nghiệp hữu vi kia là thường nhỏ, nhưng lý vô vi vốn thường lớn hơn.

San định ký nói rằng:

Ta (N hư Lai) nhớ thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp trước Phật Nhiên Đăng, Như Lai đã được gặp nhiều đức Phật, đều cung kính phụng sự, làm nhân địa tu hành



trải qua ba vô số kiếp. Khi kiếp thứ nhất vừa mãn, gặp Đức Bảo Kế Như Lai. Kiếp thứ nhì vừa mãn, gặp Đức Nhiên Đăng Như Lai. Kiếp thứ ba vừa mãn, gặp Đức Thắng Quang Như Lai. Nay nói trước thời Đức Phật Nhiên Đăng, tức là giữa kiếp thứ hai. Na-do-tha<sup>81[81]</sup> có nghĩa là số lớn đến vạn vạn, mà lại nhiều đến tám trăm bốn ngàn vạn ức na-do-tha. Công đức cúng dường rất lớn, cúng dường nhiều Đức Phật ắt là công đức ấy vô cùng to lớn, ngõ hầu trải qua vô số kiếp mới được thành Phật. Nếu có người vào đời sau, khi chánh pháp sắp diệt, nếu thường thọ trì kinh này, giảng nói rộng rãi cho người nghe, sẽ được nhiều công đức dẫn đến chứng quả bồ-đề.

Kệ nói:

*Tốc hoạch trí thông đạt*—Nhanh được trí thông suốt.

---

<sup>81[81]</sup>S: nayuta

Do được nhiều phước đức để trang nghiêm, nên nhanh chóng được đầy đủ. Tự thân tạo công đức cúng dường chư Phật, chẳng những gấp trăm lần, gấp thiên vạn ức phần. Cho đến dùng toán số thí dụ đều không thể so sánh được. Như số vi trần hoặc số cát trong sông Hằng, đều là những số trong thí dụ này. Nhưng nói không so sánh kịp là có 2 nghĩa:

1. Một bên là được phước đức, bên kia là chúng đắc bồ-đề.
2. Một bên là có ngã tướng, bên kia là không còn ngã tướng. Vô tướng thì đồng như tánh, nên chẳng bì kịp.

So sánh với mỗi thứ trong 5 độ kể trên đều chưa được trình bày đầy đủ. Nếu nói đầy đủ, sợ lòng người sẽ hồ nghi rồi sẽ mê mờ hỗn loạn khi nghe đến oai lực công đức này so với nhóm phước trước đó cách nhau

quá xa, nên những người tu phước khó mà tin được.

Nên biết rằng nghĩa lí kinh này là vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Có được quả báo do trì tụng, giảng nói kinh này cũng vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Thành chủng chủng thế lực  
Đắc đại diệu quả báo.*

Tạm dịch:

*Thành tựu các thế lực  
Được quả báo vi diệu.*

Nói rằng gom nhiếp sự thành tựu thế lực của Tứ thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, tức là viên mãn các việc vi diệu trên thế gian, quả báo vô cùng cao quý.

Kệ nói tiếp:

*Như thị đẳng thắng nghiệp*

## *U pháp tu hành tri*

Tạm dịch::

*Các nghiệp thù thắng kia*

*Do pháp tu hành được.*

Nghĩa là theo nơi pháp này mà tu hành, mới biết thu hoạch được các nghiệp này. Do các nghiệp báo ấy vô lượng vô biên, lớn, tức là tính chất nhiều. Do các nghiệp báo ấy không thể nghĩ bàn nên gọi là diệu. Tức là tính chất ưu việt, thức tình phạm phu đều chẳng đo lường được. Sự thù thắng của công đức trì kinh không thể nói đầy đủ hết được là như vậy.

Đem 5 độ trước ra để so sánh, nghĩa là ngoại tài hai độ, nội tài hai độ, tạo Phật nhân một độ.

- Thứ nhất là có đem thất bảo bằng cả một tam thiên thế giới ra để bố thí cũng không bì kịp.

- Thứ hai là có đem thất bảo bằng cả vô lượng tam thiên thế giới ra để bố thí cũng không bì kịp.
- Thứ ba là đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng ra để bố thí cũng không bì kịp.
- Thứ tư là đem vô lượng thân mạng nhiều như cát sông Hằng ra để bố thí cũng không bì kịp.
- Thứ năm là đem nhân địa cúng dường công đức chư Phật so sánh cũng không bì kịp

Năm điều dùng để so sánh này, có dùng toán số thí dụ cũng không bì kịp, lực dụng của việc ấy cũng không nói hết được. Sao vậy? Do cái nhân không giống nhau, chút ít phước đức do trì kinh này, so với quả tối thắng tức thành ra nhân tánh. Toàn thể các nhóm phước đức do bố thí ở trước, cũng chẳng thành nhân, cũng không thể thành

quả chân thật. Huống gì tu tập các thứ phước báo thế gian. Thoả thích chìm đắm trong phước báo thế gian vô cùng vô tận, biết khi nào mới quay đầu! Thế nên người mà tin và thọ trì kinh này thật khó lắm thay!

Có vị tăng hỏi Thiên sư Lạc Phổ:<sup>82[82]</sup>

Cúng dường trăm ngàn chư Phật, chẳng bằng cúng dường một vị vô tâm đạo nhân. Thế thì trăm ngàn chư Phật đó có gì sai trái? Vị vô tâm đạo nhân ấy có công đức gì?

Lạc Phổ trả lời:

*Nhất phiến bạch vân hoành cốc khẩu  
Kỉ đa quy điều tận mê sào.*

Tạm dịch:

*Một dải mây trắng ngang cửa động.  
Nhiều chim về lại, sạch chốn mê.*

<sup>82[82]</sup>Lạc Phổ Nguyên An Thiên Sư 洛浦元安禪師. Thị giả Thiên sư Lâm Tế

Thiền sư Đan Hà có lời tụng:

*Thập Đắc sơ thung phi giác hiểu  
Hàn Sơn lại nọ bất tri quy  
Thanh tiên nhất cú viên âm mỹ  
Vật ngoại tam sơn phiến nguyệt huy.*

Tạm dịch:

*Thập Đắc xao nhãng lười biếng, chẳng  
còn gì ngoài tính sáng suốt giác ngộ.*

*Hàn Sơn lười nhác chẳng biết đường  
về.*

*Câu nói trước khi phát ra lời, là viên  
âm tốt đẹp*

*Xa ba ngọn núi, tỏa sáng một vàng  
trắng.*

Nếu thật giống như Thập Đắc, Hàn Sơn, đã chứng được địa vị của bậc vô tâm, ắt là như cúng dường trăm ngàn chư Phật, cũng chỉ là việc bên ngoài.

## 11. Đoạn trừ mỗi nghi trụ vào pháp tu hàng phục là chấp ngã.

Mỗi nghi này do trong đoạn văn trước, nói rằng chẳng có các tướng, ngã nhân chúng sinh thọ giả. Nghĩa là tu hàng phục tâm như lời Như Lai đã dạy, lìa xa 10 loại nghi chấp sai lầm, có phải là vô ngã hay sao? Nếu vô ngã, thì dạy cho ai an trụ và tu hàng phục tâm? Mỗi nghi này rất vi tế, cần phải lìa các ý niệm: Có ta an trụ, có ta tu, có ta hàng phục vọng tâm mới được cái tâm thanh tịnh, nên Tu-bồ-đề kính cẩn trước Đức Phật thưa hỏi:

Kinh văn:

爾時，須菩提白佛言：「世尊！善男子、善女人，發阿耨多羅三藐三菩提心，



云何應住？云何降伏其心？」佛告須菩提：「善男子、善女人，發阿耨多羅三藐三菩提心者，當生如是心，我應滅度一切眾生。滅度一切眾生已，而無有一眾生實滅度者。何以故？須菩提！若菩薩有我相人相眾生相壽者相，則非菩薩。所以者何？須菩提！實無有法發阿耨多羅三藐三菩提心者。如所教

*Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên trụ tâm như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào?”*

*Phật bảo Tu-bồ-đề: “Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh*

*giác, nên khởi tâm như thế này: ‘Ta nên độ thoát cho hết thấy chúng sanh, độ thoát cho hết thấy chúng sanh như vậy, nhưng không có chúng sanh nào thật diệt độ.*

*“Vì sao vậy? Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có các tướng, ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, tức không phải Bồ-tát.*

*“Vì sao vậy? Tu-bồ-đề! Thật không có pháp phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Không Sinh trùng thỉnh vấn*

*Vô tâm vị tự thân*

*Dục phát bồ-đề giả*

*Đương liễu hiện tiền nhân*

*Hạnh bi nghi tự vọng*

*Dụng trí tối ngôn chân*

*Độ sanh quyền lập ngã*

*Chứng lý tức vô nhân.*

Tạm dịch:

*Không Sanh lại thừa hỏi*

*Vô tâm là tự thân*

*Người muốn phát bồ-đề*

*Nên rõ nhân hiện tiền*

*Hạnh bi nghi như vọng*

*Dụng trí lời chân thật*

*Đồ sinh tạm nói ngã*

*Chứng lý tức vô nhân.*

Thông viết:

Tu-bồ-đề lại đứng lên thừa hỏi, đoạn trước đã nói về nhân vô ngã, đoạn này nói về pháp vô ngã. Sự tương truyền của cổ đức, chẳng phải là không thấy. Như nói nhân vô ngã, có nghĩa là đoạn trừ kiến hoặc. Nói pháp vô ngã, có nghĩa là đoạn trừ tư hoặc. Tu-bồ-đề là biểu thị cho quả vị A-la-hán,

đã chứng được nhân không và pháp không. Sao còn phải hỏi. Chỉ hỏi trong giai vị của hàng Bồ-tát, từ sơ địa cho đến đệ thất địa vẫn còn câu sanh ngã chấp; từ bát địa trở lên thập địa vẫn còn câu sanh pháp chấp.

Câu sanh ngã chấp là tuy đã đoạn được bảy thức trước rồi, nhưng vẫn còn chấp tàng thức (thức thứ 8) là ngã. Cho đến khi nhập vào bát địa mới xả bỏ được tạng thức. Nhưng vẫn còn chấp vào cái năng xả, nên gọi là pháp chấp. Trong đó, chấp vào tình thức là rất vi tế, chẳng phải Kim cang huệ thì không thể phá trừ được. Cho nên từ sơ địa cho đến địa vị Đẳng giác, lập nên 10 loại thâm dụ Kim cang, đều là để trừ sạch cái chấp này. Câu hỏi trước của Tu-bồ-đề, trong đó có nhiều ý nhằm hàng phục câu sanh ngã chấp. Câu hỏi sau này, có nhiều ý nhằm hàng phục câu sanh pháp chấp. Hai thứ chấp tuy nhìn qua có sâu cạn, cho đến

sau khi đạt đến Kim cang đạo, được di thực không, thì việc hàng phục mới xong, mới chứng được thường trụ chân tâm.

Tu-bồ-đề thưa hỏi điều Như Lai dạy về pháp hàng phục và an trụ, cho đến cảnh giới bất khả tư nghì, tất là phải có vô ngã tướng mới có thể đạt được. Lại nói quả báo cũng là bất khả tư nghì, thế thì thọ quả báo ấy là ai? Nếu thực vô ngã thọ quả báo, thì trong khi tu nhân, cái gì an trụ? Hàng phục cái gì? Rõ ràng có một cái ngã trong đó. Đức Phật nói nếu Bồ-tát phát tâm Vô thượng bồ-đề là thường có ngã hay sao? Phải nên phát khởi tâm vô ngã như vậy, có nghĩa là ta nên độ thoát cho tất cả chúng sinh, khiến họ đều nhập vào vô dư niết-bàn, độ thoát cho vô số chúng sinh như thế, mà không thấy có một chúng sinh nào được độ thoát. Bên trong không thấy tâm năng độ, ngoài không thấy chúng sinh

được độ. Niệm đã không sanh, tức là vô ngã. Vô ngã ở đây được gọi là Bồ-tát. Do nghĩa ấy, rộng độ chúng sinh nhưng chẳng khởi niệm chúng sinh hay sao? Nếu Bồ-tát có tâm niệm mình độ thoát chúng sinh, tức đó là còn ngã tướng. Khởi niệm rằng có chúng sinh được mình độ thoát, tức là còn nhân tướng. Nhân ngã chưa sạch, tức là chúng sinh tướng. Còn có cảnh giới niết-bàn để có thể vào, tức là thọ giả tướng. Còn cả bốn tướng này, đó là làm việc điên đảo, chẳng phải là nhân thanh tịnh, nên chẳng được gọi là phát bồ-đề tâm.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Ư nội tâm tu hành*

*Tồn ngã vi Bồ-tát*

*Thử tức chương ư tâm*

*Vi ư bất trụ đạo.*

Tạm dịch:

*Ngay nội tâm tu hành  
 Còn ngã, làm Bồ-tát  
 Đó là chương bản tâm  
 Trái với lý vô trụ.*

Tuy trái với lý vô trụ, mà cũng xa với Vô thượng bồ-đề. Nói độ thoát chúng sinh, đó là tâm rộng lớn. Khiến nhập vào niết-bàn, đó là tâm chân thường. Lìa xa bốn tướng, đó là tâm chánh trí. Phát sinh bốn thứ tâm niệm làm lợi ích chúng sinh như vậy, mới được gọi là tương ưng với Vô thượng bồ-đề. Nếu có một pháp để phát tâm, tức gọi là còn có ngã. Nay lấy điều ấy để quán sát, trước đã có cảnh giới để hoá độ, tiếp đến chẳng có tâm phân biệt khi hoá độ. Tâm cảnh đều quên, năng sở đều vắng lặng, thật là chẳng có pháp phát tâm bồ-đề. Trong đệ nhất nghĩa, tức niệm phát tâm bồ-đề tối sơ vốn chẳng có, vậy lấy gì làm ngã? Do

chẳng có pháp phát tâm bồ-đề nên bồ-đề là bất khả đắc. Bồ-đề bất khả đắc nên chúng sinh bất khả đắc. Chúng sinh bất khả đắc nên bốn tướng bất khả đắc. Trên phương diện thật tế là chẳng có một pháp nào cả. Vậy nên đây chính là nghĩa thậm thâm của Kim cang Bát-nhã.

Thiền sư Hoàng Bá nói:

– Do ông khởi tâm kiến chấp về Phật, (ta) liền nói có Phật để thành; do ông khởi tâm kiến chấp về chúng sinh, (ta) liền nói có chúng sinh để độ. Khởi tâm động niệm, đều do chỗ kiến giải của ông. Nếu không có các kiến chấp ấy, Phật do đâu mà có? Như Văn-thù-sư-lợi vừa khởi kiến giải về Phật, liền bị giáng xuống dưới hai ngọn núi Thiết vi.

Có vị tăng hỏi:

– Chính lúc đang ngộ thì Phật tại



chỗ nào?

Hoàng Bá nói:

- Hỏi từ đâu tới, giác ngộ sinh khởi từ đâu? Nói nín động tịnh, hết thấy đều là thanh sắc, đều là Phật sự; còn tìm Phật nơi đâu? Hư không thế giới là cảnh giới trong sáng, chẳng có mảy lông nào để cho ông khởi kiến giải. Nên hết thấy mọi thanh sắc đều là con mắt phước trí của Phật. Pháp chẳng một mình mà sinh khởi được, phải nhờ vào cảnh mới sanh, nên pháp chính là vật, vốn có nhiều trí. Nói suốt ngày, nhưng đã từng nói gì đâu? Nghe suốt ngày, nhưng đã từng nghe gì đâu? Nên nói rằng Thích-ca 49 năm thuyết pháp, mà chưa từng nói một chữ.

Tăng hỏi: Nếu như vậy, bồ-đề là chỗ nào?

Hoàng Bá nói: Bồ-đề chẳng có chỗ. (Làm) Phật cũng chẳng được bồ-đề, (Làm) chúng

sinh cũng chẳng mất bồ-đề, chẳng dùng thân mà được bồ-đề, chẳng có thể đem tâm mà cầu được bồ-đề, tất cả chúng sinh tức là tướng bồ-đề.

Tăng hỏi: Thế nào là phát bồ-đề tâm?

Hoàng Bá nói: Bồ-đề vốn là vô sở đắc, nay ông chỉ cần phát tâm vô sở đắc, dứt khoát không cần được một pháp nào cả, tức đó là tâm bồ-đề. Bồ-đề là nơi chẳng trụ, nên là vô sở đắc. Nên kinh nói, ‘Nhu Lai nơi Phật Nhiên Đăng vốn chẳng có một pháp nhỏ để chứng đắc. Đức Phật Nhiên Đăng liền thọ kí cho Như Lai.’ Nên biết rõ rằng tất cả chúng sinh đều chưa từng đắc bồ-đề. Nay ông hỏi phát tâm bồ-đề, nghĩa là đem tâm học lấy Phật pháp, chỉ đem tâm suy nghĩ mà cầu Phật đạo. Mặc dù ông có tu hành trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp, cũng chỉ được báo thân và hoá thân Phật. Đâu có quan hệ gì đến bản

nguyên chân tánh Phật của ông? Cầu tướng Phật bên ngoài là chẳng đồng chân tánh của ông.

Vi diệu thay luận giải, đủ để giải rõ nghĩa cho đoạn này.

## **12. Đoạn mới nghi nhân để chứng đắc quả vị Phật là hành Bồ-tát đạo.**

Mối nghi này là do ý văn trên, rằng không có một pháp nào để phát tâm bồ-đề.

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói rằng:

Nếu chẳng có Bồ-tát phát tâm thú hướng Đại thừa, thì chẳng có cái nhân để chứng đắc quả vị Phật, được đầy đủ bốn việc lợi ích. Tại sao Thế tôn ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng mà được thọ kí: Ông trong đời sau sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, sẽ thành tựu bốn pháp lợi ích chúng sinh?

Đề khiến trừ mọi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！於意云何？如來於然燈佛所，有法得阿耨多羅三藐三菩提不？」「不也，世尊！如我解佛所說義，佛於然燈佛所，無有法得阿耨多羅三藐三菩提。

」佛言：「如是，如是。須菩提！實無有法如來得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提！若有法如來得阿耨多羅三藐三菩提者，然燈佛則不與我授記：『汝於來世，當得作佛，號釋迦牟尼。』以實無有法得阿耨多羅三藐三菩提。是故然燈佛與我授記，作是言：『汝於來世，當得

作佛，號釋迦牟尼。』

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng có được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?*”

*Bạch Thế Tôn, chẳng có. Như con hiểu theo nghĩa Phật thuyết, Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng trước kia không có được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

*Phật nói: “Đúng vậy, đúng vậy!*

*Tu-bồ-đề! Thật không có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

*Tu-bồ-đề! Nếu như có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Phật Nhiên Đăng hẳn đã không thọ ký cho Như Lai: ‘Ông về sau sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni.’*

*Thông viết:*

*Tu-bồ-đề chính vì mỗi nghi có ngã quá vi*

tê! Ban đầu nghi rằng trong an trụ và hàng phục còn có ngã, lấy cái trí hàng phục làm ngã. Nay đã nghe thật không có pháp để phát tâm bồ-đề, trí thật vốn chẳng sanh, làm sao có ngã? Lại nghe nói rằng nếu chẳng phát tâm, tức chẳng phải là Bồ-tát, cái gì làm nhân để chứng đắc quả vị Phật? Không biết rằng Như Lai ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng thật không có pháp phát tâm bồ-đề, lại còn nghi ở hàng Bồ-tát hay sao? Chẳng có một pháp để được, chính là nhân thành Phật. Lại nghi không có pháp để chứng đắc, không có quả vị Phật để thành, sẽ chẳng đoạ vào kiến chấp về không hay sao? Chẳng biết như nghĩa của các pháp, chẳng có chẳng không, chính đó là đệ nhất nghĩa trung đạo. Do nghĩa ấy là chẳng có chẳng không nên tất cả các pháp tức là Phật pháp. Chẳng phải thân lớn nên gọi là thân lớn. Làm sao đến chỗ tuyệt

cùng mà chẳng phải là Phật pháp? Phật đã như vậy, Bồ-tát cũng như vậy. Nếu có một pháp để chứng đắc, tức dính mắc vào bốn tướng. Tức chẳng phải trang nghiêm. Do nghĩa Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp, tức trang nghiêm chẳng phải trang nghiêm. Thông đạt nghĩa của ngã tướng, mới được gọi là Bồ-tát, mới được thành nhân để chứng đắc quả vị Phật. Bốn đoạn nói về nghi này, vốn thuộc cùng một mạch văn nên được nêu tổng quát ở đây.

San định ký nói rằng:

Trong ý ông, có cho rằng Như Lai ở chỗ Đức Phật Nhiên Đăng được pháp bồ-đề chẳng? Như Lai xưa đã từng kết hoa cúng Phật, bện tóc lót trên đường bùn lầy, mong được Đức Phật thọ ký sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, ông cho đó là thực hành hạnh Bồ-tát chẳng? Nơi Vô thượng bồ-đề có pháp sở đắc chẳng?

Tu-bồ-đề đáp rằng: Chẳng phải! Ý của con chẳng nói Như Lai được pháp bồ-đề. Con đã hiểu được ý Như Lai nói, pháp bồ-đề vốn là tịch diệt vô sinh, lìa hẳn các phân biệt. Như Lai ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng, thấy thân thanh tịnh, thấy Phật thành tựu, thấy mình chẳng có tâm mong chứng đắc, thấy chẳng có pháp chứng đắc. Đó là lời thọ ký, lời ấy chẳng đến tai, thật là chẳng có pháp để chứng đắc Vô thượng bồ-đề. Đức Phật Nhiên Đăng liền ấn chứng rằng: Như thị! Như thị! Như Lai thật chẳng có pháp để chứng đắc Vô thượng bồ-đề. Nếu trong tâm còn phân biệt năng sở, tâm cảnh chẳng quên, ắt là còn có pháp. Do còn pháp nên chẳng thuận với bồ-đề. Nên Đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho Như Lai. Các pháp mà Như Lai tu hành lúc đó, thật chẳng có pháp nào để chứng đắc bồ-đề. Do hạnh đó là vô ngôn, mọi công hạnh đều



chẳng chứng đắc. Do niệm đó là vô ngôn, nên niệm niệm đều chẳng chứng đắc.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Dĩ hậu thời thọ ký,*

*Nhiên Đăng hành phi thượng.*

Có nghĩa là Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Thích-ca Mâu-ni sẽ thành Phật, đó chẳng phải là do thực hành nhân thù thắng, có thể ở nơi chỗ đó để chứng đắc bồ-đề. Do đều là vô sở đắc, nên mong được thọ ký, sao còn nghi Bồ-tát phát bồ-đề tâm thật vốn chẳng có một pháp nào cả?

Thiền sư Huyền Sa hỏi Sư Cảnh Thanh:<sup>83[83]</sup>

Cổ nhân nói rằng chẳng thấy có một pháp, (nếu có) đó là sai lầm lớn. Ông hãy nói

<sup>83[83]</sup> Kính Thanh Đạo Phó Thiền Sư 鏡清道怱禪師 (868-937). Thiền sư Đạo Phó Thuận Đức. Thiền tăng đời Ngũ Đại, họ Trần, người xứ Vĩnh Gia (nay là Ôn Châu tỉnh Chiết Giang) Trung Quốc. Sau khi xuất gia, sư du phương đến đất Mân, tham vấn Tuyết Phong Nghĩa Tồn, rất được ngài xem trọng. Khi ra hoằng pháp, sư trụ chùa Kính Thanh, Việt Châu (nay là huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang). Ngô Việt Võ Túc Vương rất kính mộ, thỉnh sư trụ chùa Thiên Long và ban cho hiệu Thuận Đức Đại Sư.

không thấy pháp nào?

Cảnh Thanh chỉ cột trụ ngoài trời rồi trả lời: Cái này chẳng phải pháp hay sao?

Huyền Sa đáp: Nước sông Chiết Giang, gạo trắng mà ông ăn hằng ngày. Phật pháp chẳng phải là cái gì thấy trong mộng.

Thiên Đồng niêm rằng: Cảnh Thanh lúc đó đáp những gì? Huyền Sa sau hết nói những gì? Có khế hợp nhau chăng? Nhưng chắc từ lâu nay, Cảnh Thanh chẳng nói Phật pháp trong mộng. Vậy hãy cùng Huyền Sa đồng tham mới được.

### **13. Đoạn mỗi nghi không có nhân tức chẳng có Phật pháp.**

Mỗi nghi này do từ đoạn kinh nên nói rằng Thích-ca Mâu-ni khi ở tu hành nhân địa nơi Đức Phật Nhiên Đăng, thật không có

pháp gì để chứng đắc. Nếu không có tu hành nhân địa, thì không chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề, tức chẳng có các Đức Phật Như Lai. Nhưng tất cả các pháp có thật đều là không chảnh? Để khiến trừ mọi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

何以故？如來者，即諸法如義。若有人言：如來得阿耨多羅三藐三菩提，須菩提！實無有法，佛得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提！如來所得阿耨多羅三藐三菩提，於是中、無實無虛，是故如來說：一切法皆是佛法。須菩提！所言一切法者，即非一切法，是故名一切法。須

菩提！譬如人身長大。」須菩提言：「世尊！如來說：人身長大，即為非大身，是名大身。」

*Vì sao vậy? Như Lai, là nghĩa như của các pháp.*

*“Nếu có người nói: Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Tu-bồ-đề! Thật không có pháp mà Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

*“Tu-bồ-đề! Như Lai có pháp để chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Pháp ấy không thật, không hư.*

*“Vì thế, Như Lai dạy rằng ‘Hết thấy các pháp đều là Phật pháp.’”*

*“Tu-bồ-đề! Nói là ‘hết thấy các pháp’, tức chẳng phải pháp, vì thế gọi là ‘hết thấy các pháp’.*

*“Tu-bồ-đề! Ví như thân người to lớn.”*

*Tu-bồ-đề nói: “Bạch Thế Tôn, Như Lai nói rằng thân người to lớn tức chẳng phải là thân lớn, nên gọi là thân lớn.*

*Thông rằng:*

Văn trên nói rằng Như Lai do vô sở đắc nên được Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký. Nói vô sở đắc không có nghĩa là giống như lông rùa sừng thỏ, chẳng có thứ gì cả. Thế tánh chân như đồng như pháp giới, tức là ý niệm như như chẳng động mà trong kinh này nói. Chân như vốn chẳng thật chẳng hư. Nếu có chỗ sở đắc, đã có được nên gọi là thật. Không được thì gọi là hư. Chỉ với ý niệm vô sở đắc, thì cả hai điều trên mới được khiến trừ. Chính ngay đó hiển bày đệ nhất nghĩa trung đạo.

Vì sao gọi là chẳng thật? Vì tất cả các pháp

vốn chẳng phải là tất cả các pháp. Tức là thân to lớn chẳng phải là thân to lớn, đó là chẳng thật.

Vì sao gọi là chẳng hư? Do chẳng phải tất cả các pháp nên gọi là tất cả các pháp. Chẳng phải thân lớn tức gọi là thân to lớn. Đó là chẳng hư. Chẳng thật chẳng hư, là lìa xa hẳn hai cực đoan chấp có chấp không. Nên biết rằng khi nói vô sở đắc là siêu xuất ý niệm có, không. Không thể lấy ý niệm có không mà luận giải được.

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói rằng: Phật nghĩa là giác. Bồ-đề cũng có nghĩa là giác. Đã giác rồi không lẽ lại có giác nữa, thế nên Như Lai chẳng có một pháp nào để chứng đắc. Tuy chẳng có một pháp nào để chứng đắc, nhưng chẳng phải không có các Đức Như Lai, vì chân như chính là Phật.

Chân như tức là nghĩa như như (chân thật)

của các pháp. Như Lai là tên gọi khác của Chân như thật tánh, vốn nó chẳng sanh, vốn nó chẳng diệt, vốn nó chẳng điên đảo nên gọi là thật tánh. Do nó chẳng biến đổi, nên gọi là chân như.

Nếu có người nói rằng, có Như Lai tức đã có bồ-đề, do chúng đắc bồ-đề nên mới được gọi là Như Lai. Nếu Như Lai ở nơi chỗ Đức Phật Nhiên Đăng mà không thấy có các pháp, không chúng đắc bồ-đề, mà đạt được quả vị giác ngộ thì không hợp lý.

Do người ấy đã cho rằng thật có sở hành của Bồ-tát. Đó chẳng phải là ý nghĩ chân thật. Do người ấy cho rằng bồ-đề là thật có chúng đắc, đó cũng chẳng phải là lời nói chân thật. Pháp tức là pháp bồ-đề, Phật tức bồ-đề. Có chỗ chúng đắc được sao? Nên kê nói:

*Bồ-đề bỉ hành đẳng.*

Nếu Bồ-tát mọi thời mọi lúc đều thực hành, thì chẳng có điều gì để làm cả.

Chư Phật cũng vậy, chẳng có pháp để chứng đắc Vô thượng bồ-đề. Thế thì Như Lai rốt ráo chẳng chứng đắc bồ-đề hay sao? Nhưng nếu Như Lai có chứng đắc Vô thượng bồ-đề thì chứng đắc chính là chẳng chứng đắc, vì trong đó vốn chẳng thật chẳng hư.

Cho nên nói Như Lai có chứng đắc Vô thượng bồ-đề, thì đó chẳng phải là tướng hữu vi. Tướng hữu vi có nghĩa là có hiện hữu do nguyên nhân, như ngũ âm. Còn pháp bồ-đề kia vốn chẳng phải là các thứ sắc tướng, nên gọi là chẳng thật. Tức là nơi sắc mà chẳng có tướng. Ngay trong các thứ sắc mà tướng đã là không, đó chính là tự tướng,<sup>84[84]</sup> đó tức là tướng bồ-đề.

Kệ nói rằng:

<sup>84[84]</sup> 自相: defining characteristic; s: sva-lakṣaṇa , 藏 rañ-gi mtshan-ñid



*Bỉ tức phi tướng tướng  
Dĩ bất hư vọng thuyết.*

Tạm dịch::

*Đó là tướng phi tướng  
Chẳng phải lời hư vọng.*

Cho nên gọi là không hư dối, chẳng phải nói chứng pháp vô sở đắc có nghĩa là không bao gồm tất cả các pháp.

Cho nên Đức Phật nói tất cả các pháp đều là Phật pháp. Tất cả các pháp phàm thánh, chẳng phải lấy tự thể làm thể, mà đều lấy chân như làm thể. Chân như chính là điều Đức Phật giác ngộ, nên tất cả các pháp được gọi là Phật pháp.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Thị pháp chư Phật pháp  
Nhất thiết tự thể tướng.*

Nhưng nói tất cả các pháp sắc thanh

hương, chưa từng có một pháp nào có thể tánh khả đắc. Vì vô tánh tức không trì giữ tự thể tướng, tức chẳng phải tất cả các pháp.

Nếu tất cả các pháp sắc thanh hương đều là chẳng phải pháp, sao lại nói tất cả các pháp? Trên phương diện vô tánh giả lập ngôn thuyết như vậy, do chẳng phải pháp tức chẳng phải là tướng hữu vi. Đây đã thành các pháp, tất cả các pháp đó thảy đều là chân như, các pháp đó chính là pháp chân như tự tánh. Đó chẳng có pháp tướng ấy, nên chẳng thường trú trì các pháp tướng ấy, rốt ráo thường giữ tướng phi hữu. Thể chân như pháp thân vốn là như vậy. Ví như thân người to lớn, như kinh văn trước nói thân lớn như núi chúa Tu-di, do chẳng tự phân biệt, nên thành cái thể rất lớn. Nương vào pháp thân ấy, mà lấy thân to lớn này để ví dụ. Tại sao gọi đó là

thân to lớn? Nghĩa là do phiền não chướng, sở tri chướng, cả hai chướng này đều không, nên gọi là thân viên mãn đầy đủ, tức là pháp thân tròn đầy. Đây có hai nghĩa:

1. Trong tất cả trường hợp, nghĩa là tánh chân như tùy thuận cảnh giới mà chẳng sai khác. Tất cả chúng sinh đều cùng hiện hữu.
2. Công đức to lớn, nghĩa là công đức tu hành chẳng thể nghĩ bàn, tương ứng cùng với Thể đại. Do nghĩa này nên nói là thân to lớn.

Tu-bồ-đề khế hội sâu sắc nghĩa này, nên cho rằng Như Lai nói thân người to lớn, chẳng phải chỉ vì có thân mà nói. Vì sắc thân theo nghĩa chân thật mà nói. Trong tánh chân như, chẳng có các tướng hữu vi, chẳng thấy tướng sanh, sao có cái lớn?

Nên nói là chẳng có thân to lớn vậy. Do thể tánh chân như, tức đó là tánh vô sanh, nên nói chẳng phải thân, tức cái chẳng phải thân này mới gọi là thân vi diệu to lớn. Đó là chẳng phải chỉ cho sắc thân.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Y bử pháp thân Phật  
Cổ thuyết đại thân dụ  
Thân ly nhất thiết chương  
Cập đẳng nhất thiết cảnh  
Công đức cập đại thể  
Cổ tức thuyết đại thân  
Phi thân tức thị thân  
Thị cổ thuyết phi thân.*

Tạm dịch:

*Nương pháp thân Phật đó  
Nói ví dụ thân lớn*

*Thân lià các chương ngại  
 Cùng tất cả cảnh giới  
 Công đức cùng Thế đại  
 Nên nói tức thân lớn  
 Không thân tức thân lớn  
 Nên nói chẳng phải thân.*

Biết được chẳng phải chính là thân lớn, là đủ niềm tin rằng vô sở đắc chính là chân thật chứng đắc. Sao còn nghi chẳng có Phật pháp?

Có vị tăng hỏi Thiên sư Vân Môn: Thế nào là giáo pháp một đời?

Vân Môn đáp: Nói về cái một.

Đây tức là nghĩa nhất thiết pháp.

Tuyệt Đâu tụng:

*Đối nhất thuyết*

*Thái cô tuyệt*

*Vô không thiết chùy trùng hạ khiết  
 Diêm-phù thọ hạ tiểu ha ha  
 Tạc dạ Ly long áo giác chiết  
 Biệt! Biệt!  
 Thiều Dương lão nhân đắc nhất quyết.*

Tạm dịch:

*Nói cái một.  
 Rất đơn độc.  
 Chùy sắt không lộ thêm hạ chốt  
 Dưới gốc Diêm-phù cười ha ha  
 Đêm qua bẽ gãy sừng Ly long  
 Khác! Khác!  
 Lão già Thiều Dương <sup>85[85]</sup> được một  
 mảnh.*

Có vị tăng hỏi Thiền sư Vân Môn: Chẳng phải căn cơ trước mắt, cũng chẳng phải sự tình trước mắt, thì như thế nào?

<sup>85[85]</sup>Quê của Thiền sư Vân Môn.

Vân Môn đáp: Nói cái một.

Đây tức chẳng phải là nghĩa nhất thiết pháp.

Tuyệt Đâu tụng rằng:

*Đảo nhất thuyết*

*Phân nhất tiết*

*Đồng tử đồng sinh vì quân quyết*

*Bát vạn tứ thiên phi phụng mao*

*Tam thập tam nhân nhập hồ huyết*

*Biệt! Biệt!*

*Nhiều nhiều thông thông thủy lí nguyệt*

Tạm dịch:

*Nói cái một.*

*Chia một miếng*

*Cùng chết cùng sống vì người giải quyết*

*Tám vạn bốn ngàn chẳng phải lông*

*chim phụng*

*Ba mươi ba người vào hang cọp.*

*Riêng! Riêng!*

*Nhiều loạn lăng xăng trắng trong nước.*

Lại có vị tăng hỏi Thiên sư Vân Môn: Thế nào là pháp thân thanh tịnh?

Vân Môn đáp: Hoa thược lan.

(Đây chính là nghĩa thân người to lớn.)

Tăng hỏi tiếp: Đến lúc đó thì sao?

Vân Môn đáp: Sư tử lông vàng. –Đây chính là nghĩa chẳng phải thân người to lớn.

Tuyết Đậu tụng rằng:

*Hoa thược lan*

*Mạc man han*

*Tinh tại xững hê bất tại bàn*

*Tiện nhậ̃m ma thái vô đoan*



*Kim mao sư tử đại gia khan.*

Tạm dịch::

*Hoa thược lan*

*Chớ lãng xãng*

*Hoa cần tại cán hề, chẳng tại bàn.*

*Được như vậy, chẳng mới manh*

*Sư tử lông vàng, ông hãy xem.*

Như nghĩa của các pháp này, rất sâu màu, rất vi mật, hãy nên cùng Vân Môn xuyên qua đám cát đặng mới mong được phần nào tương ứng.

#### **14. Dứt trừ mọi nghi độ thoát chúng sinh và trang nghiêm Phật độ.**

Mọi nghi này giống như mọi nghi thứ 12 ở trên, đều xuất phát từ mọi nghi thứ 11, rằng chẳng có pháp phát tâm bồ-đề. Nếu

không có pháp phát tâm bồ-đề, tức chẳng có BỒ-tát. Vậy thì dạy ai độ sanh, dạy ai trang nghiêm Phật độ? Trước đã nghi chẳng có Phật. Nay mới nghi này là chẳng có BỒ-tát, nên nói BỒ-tát cũng như vậy. Để khiến trừ mọi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！菩薩亦如是。若作是言：我當滅度無量眾生，則不名菩薩。何以故？須菩提！實無有法名為菩薩。是故佛說：一切法無我、無人、無眾生、無壽者。須菩提！若菩薩作是言：我當莊嚴佛土，是不名菩薩。何以故？如來說：莊嚴佛土者，即非莊嚴，是名莊嚴。須菩

提！若菩薩通達無我法者，如來說名真是菩薩。

*Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng lại như vậy. Nếu nói rằng: ‘Ta đang độ cho vô lượng chúng sanh’, tức đó chẳng gọi là Bồ-tát.*

*“Vì sao vậy? Tu-bồ-đề! Thật không có pháp gọi là Bồ-tát.*

*“Vì thế Phật thuyết hết thấy các pháp đều không có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.*

*“Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói rằng: ‘Ta đang làm trang nghiêm cõi Phật’, như vậy chẳng gọi là Bồ-tát.*

*“Vì sao vậy? Như Lai dạy rằng, trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, gọi là trang nghiêm.*

*“Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông đạt pháp vô*

*ngã, Như Lai gọi đó thật là Bồ-tát.<sup>86[86]</sup>*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Nhân dĩ pháp tương đãi*

*Nhị tướng bốn lai như*

*Pháp không nhân thị vọng*

*Nhân không pháp diệt khứ*

*Nhân pháp lưỡng câu thật*

*Thọ ký khả phi hư*

*Nhất thiết giai như huyễn*

*Thùy ngôn đắc hữu vô.*

Tạm dịch:

*Người, pháp đối đãi nhau*

*Hai tướng vốn đồng nhau*

<sup>86[86]</sup>Bản dịch của Cư-ma-la-thập, Bồ-đề Lưu-chi, Chân Đế là có thêm chữ *Bồ-tát*. Còn ba bản dịch khác của Nghĩa Tịnh, Cấp-đa, và Huyền Trang thì không có ghi chữ *Bồ-tát*.

Skt: *Yaḥ subhūte bodhisattvo nirātmāno dharmā nirātmāno dharmā ityadhimucyate sa tathāgatenārhatā samyaksambuddhena bodhisattvo mahāsattva ityākhyātaḥ |*

Dịch Việt: Tu-bồ-đề, Bồ Tát nào vững tin các pháp vô ngã là các pháp vô ngã, thì được Như Lai, bậc A-la-hán, Chính Đẳng Giác gọi đó là Bồ-tát Ma-ha-tát.

*Pháp không, nhân là vọng  
 Nhân không, pháp cũng là.  
 Nhân pháp đều là thật  
 Thọ ký chẳng giả hư  
 Hết thấy đều như huyền  
 Sao còn nói có không?*

Thông rằng:

Văn trước có nói rằng Bồ-tát phát tâm bồ-đề, tức là còn pháp gọi là bồ-đề để chứng đắc, đến đây thật là chẳng có pháp phát bồ-đề tâm. Phát tâm đã không rồi, huống gì ở pháp bồ-đề!

Trước đã nói Bồ-tát chẳng thấy có chúng sinh để độ, tức là còn pháp để Bồ-tát có thể chứng đắc, đến đây thì chẳng có một pháp gọi là Bồ-tát; Bồ-tát đã không, huống gì chúng sinh! Nên biết nghĩa văn trước là để đoạn trừ câu sanh ngã chấp, đến đây là

đoạn trừ câu sanh pháp chấp. Đã vi tế lại càng vi tế hơn!

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Nhân pháp lưỡng câu thật*

*Thọ ký khả phi hư.*

Tạm dịch::

*Nhân pháp đều là thật*

*Thọ ký chẳng giả hư.*

Do nhân, pháp đều hư giả, nên việc thọ ký là chẳng thật. Đã thông suốt ba mối nghi trước. Một lời nói mà hiểu được trọn vẹn.

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói rằng:

Trên đã nói nhân là tướng thanh tịnh, nhưng nghĩa chưa tròn đủ. Để được đầy đủ, phải nói rộng ý trước thêm ra. Nên nói Như Lai ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng thật chẳng có một pháp nào để chứng đắc. Tu nhân thanh tịnh, không chỉ Như Lai là như

vậy, mà các Bồ-tát cũng đều như vậy. Nếu nói: Ta đang độ thoát cho vô lượng chúng sinh, ắt thấy có ngã là người đang độ, chúng sinh là kẻ được độ. Tâm cảnh đều chưa quên, tức đó là điên đảo, không được gọi là Bồ-tát.

Tại sao một khi khởi niệm như vậy thì không được gọi là Bồ-tát? Vì trong thể tánh chân như, một mảy lông cũng chẳng còn. Thật không có một pháp nào để chúng đắc, mới được gọi là Bồ-tát. Nếu khởi tâm động niệm, tức trái với chân tánh của các pháp. Đức Phật nói rằng tất cả các pháp tức là Phật pháp, không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả. Trong đệ nhất nghĩa, vốn chẳng có Bồ-tát. Chẳng có phạm phu, cảnh giới chân thật bình đẳng, chẳng nên tự sinh phân biệt. Trái với nghĩa trên là liền có bốn tướng, tức là chúng sinh; khế hợp với nghĩa ấy thì chẳng có

bốn tướng, tức là Bồ-tát. Rốt ráo chẳng có một pháp để chứng đắc.

Nếu Bồ-tát nói rằng tu lục độ vạn hạnh là muốn trang nghiêm Phật độ. Chẳng có nhân thanh tịnh, làm sao có được quả thanh tịnh? Đó chính là do nơi các thứ sắc mà thành cái nhân Phật độ nhiệm ô chấp trước, chẳng được gọi là Bồ-tát.

Tại sao trang nghiêm Phật độ mà lại chẳng được gọi là Bồ-tát? Như Lai nói trang nghiêm Phật độ, theo đệ nhất nghĩa, là không thấy có cái trang nghiêm và cái được trang nghiêm. Nghĩa chân thật vốn là vô sinh, tức chẳng phải trang nghiêm. Vốn đã chẳng sinh, làm sao lại có tên gọi? Đó chỉ đứng trên phương diện tục đế mà nói. Nên cho đó là chẳng trang nghiêm. Trang nghiêm và chẳng trang nghiêm, chẳng phải là hai, nên mới thật là trang nghiêm.



Di-lặc BỒ-tát có kệ rằng:

*Bất đạt chân pháp giới  
 Khởi độ chúng sinh ý  
 Cập thanh tịnh quốc độ  
 Sinh tâm tức thị đảo.*

Tạm dịch:

*Không thông chân pháp giới  
 Khởi ý độ chúng sinh  
 Cùng thanh tịnh quốc độ  
 Khởi tâm tức diên đảo.*

Với người phát tâm trên trang nghiêm Phật độ, đó là bậc đại trí; dưới phát tâm độ chúng sinh, đó là bậc đại bi. Đều là việc trong phận sự của BỒ-tát. Nhưng khi vừa khởi niệm, thì chẳng phải là BỒ-tát. Nhưng phát tâm như thế nào mới được gọi là BỒ-tát? Là chúng sinh hoặc BỒ-tát phải thông đạt rằng vốn chẳng có pháp vô ngã. Pháp

vô ngã có hai nghĩa: Một là cho rằng có pháp chúng sinh. Hai là cho rằng có pháp Bồ-tát.

Nếu như có trí để tự tin, hoặc trí thế gian, hoặc trí xuất thế gian, tin nhận ra rằng tất cả các pháp đều là vô tánh. Vô tánh của các pháp không chỉ lìa xa nhân hữu ngã, mà còn khiến phải lìa cả pháp hữu ngã. Suốt ngày trang nghiêm nhưng chưa từng trang nghiêm, đó chân thật là vô tướng, chân thật là vô trụ. Ngoại nói đó chân thật là Bồ-tát.

Nói Bồ-tát cũng có hai nghĩa: Một là nhiếp thế để Bồ-tát, hai là xuất thế để Bồ-tát. Như vậy mới thực được thọ ký thành Phật.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Chúng sinh cập Bồ-tát*

*Tri chư pháp vô ngã*

*Phi thánh tự trí tín*

*Cập thánh dĩ hữu trí.*

Tạm dịch::

*Chúng sinh và BỒ-tát*

*Biết các pháp vô ngã*

*Ngoài bậc thánh tự biết*

*Cùng bậc có trí huệ.*

Tuy chẳng phải là BỒ-tát, nhưng có trí tự biết để tin. Do có trí huệ, tức đó là BỒ-tát.

Hoàng Bá nói:

Chư Phật và BỒ-tát cùng tất cả loài nhuyển động hàm linh, đều cùng là tánh đại niết-bàn này. Tánh tức tâm. Tâm tức Phật. Phật tức pháp. Một niệm lìa chân, tức đều là vọng tưởng. Không thể đem tâm cầu tâm, Không thể đem Phật cầu Phật. Không thể đem pháp đi cầu pháp. Nên người học đạo chỉ cần vô tâm là âm thầm khéo hợp. Tâm nghĩ nghị liền sai. Tâm truyền tâm tức là

chánh kiến. Thận trọng chớ hướng ra ngoài mà tìm cầu, nhận cảnh giới bên ngoài làm tâm. Vì có tham sân si, nên mới lập giới định huệ, nếu chẳng có phiền não, thì bỏ-đề dùng để làm gì?

Nên Tổ sư nói: “Đức Phật nói tất cả các pháp, là để trừ tất cả vọng tâm. Mình chẳng có các vọng tâm, thì dùng tất cả các pháp làm gì? Bốn nguyên vốn các Phật độ đều thanh tịnh, đã chẳng dính một vật. Thí như hư không, tuy có dùng vô lượng trân bảo để trang nghiêm, thì rốt cục cũng chẳng dính mắc được gì. Phật tánh cũng giống như hư không, tuy có đem vô lượng công đức trí huệ trang nghiêm, rốt cục cũng chẳng dính dáng được gì. Chỉ vì mê bản tánh, mà trở lại thành không thấy! Cho nên nói trong pháp môn tâm địa, vạn vật đều nương nơi pháp môn này mà dựng lập. Gặp cảnh tức là có, chẳng còn cảnh tức là

không. Không thể trên cảnh giới tịnh độ mà chuyển thành kiến chấp về cảnh. Nên nói định huệ mà lạm dụng vào tính lịch lịch, tịch tịch, tinh tinh, vào kiến văn giác tri, đều là trên cảnh giới mà khởi lên kiến giải. Tạm thời vì kẻ trung hạ căn nói có chứng đắc. Nếu muốn thân chứng, đều không nên khởi kiến giải như vậy. Rốt ráo đều là cảnh của pháp giới, chẳng có xứ sở, chẳng có nơi chốn. Chỉ cần ngay nơi các pháp mà chẳng khởi kiến chấp có không, tức là thấy pháp.”

Hoàng Bá thêm vào cái thấy về thể tánh các pháp ở trên để quét cho đến sạch hết các kiến chấp. Mới được gọi là thông đạt ý niệm vô ngã pháp.

**15. Đoạn trừ mọi nghi chư Phật  
chẳng thấy các pháp.**

Mỗi nghi này do văn trên nói rằng Bồ-tát không thấy chúng sinh được độ và không thấy có Phật độ được làm cho thanh tịnh. Nếu Bồ-tát không thấy có người khác là chúng sinh, không thấy mình là Bồ-tát, tức là không thấy có các tướng mình và người! Nếu như vậy, chư Phật chẳng thấy được các pháp, đều chẳng có trí nhãn. Thế các ngài có cảnh giới để chứng đắc chẳng? Hay các ngài không có cảnh giới để chứng đắc chẳng? Do ở đây nghi chẳng có cảnh giới, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！於意云何？如來有肉眼不？」

「如是，世尊！如來有肉眼。」 「須菩提！於意云何？如來有天眼不？」 「如

是，世尊！如來有天眼。」 「須菩提！於意云何？如來有慧眼不？」 「如是，世尊！如來有慧眼。」 「須菩提！於意云何？如來有法眼不？」 「如是，世尊！如來有法眼。」 「須菩提！於意云何？如來有佛眼不？」 「如是，世尊！如來有佛眼。」

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn chăng?*

*Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có nhục nhãn.*

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có thiên nhãn chăng?”*

*Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có thiên nhãn.*

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có huệ nhân chăng?*

*Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có huệ nhân.*

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có pháp nhân chăng?*

*Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có pháp nhân.*

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Phật nhân chăng?*

*Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai có Phật nhân.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Thiên nhân thông phi ngại*

*Nhục nhân ngại phi thông*

*Pháp nhân duy quán tục*

*Huệ nhân trực duyên không*

*Phật nhân như thiên nhật*



*Chiếu dị thể hoàn đồng  
Viên minh pháp giới nội  
Vô xứ bất hàm dung.*

Tạm dịch:

*Thiên nhân thông chẳng ngại  
Nhục nhân ngại chẳng thông  
Pháp nhân quán tục đế  
Huệ nhân thấu duyên không  
Phật nhân ngàn mặt trời  
Thể khác chiếu thành đồng  
Viên minh trong pháp giới.  
Nơi nào chẳng hàm dung.*

Nhật Nguyệt Thù Quang Như Lai giải nói  
rằng:

Nói nhục nhân, là thấy được nhân duyên  
khởi diệt của các loài thai sanh, noãn sanh,  
thấp sanh, hoá sanh, cung điện của chư

thiên, sự triển chuyển của mây, mưa, sáng tối, năm ngôi sao,<sup>87[87]</sup> mặt trời, mặt trăng.

Nói huệ nhãn, là thấy được huệ tánh sâu cạn của chúng sinh từ thượng phẩm hạ sanh cùng nhân duyên luân hồi gá vào ngũ ấm của chúng sinh.

Nói pháp nhãn, là thấy được nhân duyên pháp thân đẳng lưu trong ba cõi, không hình không tướng, tận hư không khắp pháp giới.

Nói Phật nhãn, là thấy được thân Phật trong thế giới này không có gì sánh bằng được, phóng quang chiếu khắp phá trừ các cõi tối tăm, chẳng có gì chướng ngại, viên mãn khắp cả mười phương, theo ánh hào quang thấy được thể tánh, biết rõ có quốc độ niết-bàn.

---

<sup>87[87]</sup> Ngũ tinh 五星: năm vì tinh tú: 1: Thủy tinh: 水星(s: Budha); 2. Kim tinh 金星 (s: Śukra); 3. Hỏa tinh 火星 (s: Aṅgāraka); 4. Mộc tinh 木星(s: Bṛhaspati); 5: Thổ tinh 土星(s: Śaniścara). Còn gọi là Ngũ Chấn. Trong đó, Thủy tinh còn các tên là Năng tinh, Thần tinh, Câu tinh, Ti nông. Kim tinh còn các tên là Thái Bạch, Ân tinh, Thái chính, Huỳnh tinh, Minh tinh. Hỏa tinh còn các tên là Xích tinh, Chấn tinh, Phạt tinh.

Năm cái thấy này của Như Lai, trong đó nếu có bậc thượng căn thượng trí biết được năm loại nhân duyên này, vị đó được gọi là đại Bồ-tát.

Kinh văn:

須菩提！於意云何？如恒河中所有沙，佛說是沙不？」「如是，世尊！如來說是沙。」「須菩提！於意云何？如一恒河中所有沙，有如是沙等恒河，是諸恒河所有沙數，佛世界如是，寧為多不？」「甚多，世尊！」佛告須菩提：「爾所國土中，所有眾生，若干種心，如來悉知。何以故？如來說：諸心皆為非心，是名為心。所以者何？須菩提！過去

心不可得，現在心不可得，未來心不可得。

*“Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Trong sông Hằng có cát, Phật nói đó là cát chăng?”*

*“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai nói đó là cát.”*

*“Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như trong một con sông Hằng có bao nhiêu cát, lại có số sông Hằng cũng nhiều như vậy, lại có số thế giới Phật nhiều như số cát trong tất cả những con sông Hằng đó, như vậy là nhiều chăng?”*

*“Bạch Thế Tôn, rất nhiều.”*

*Phật bảo Tu-bồ-đề: “Hết thấy chúng sanh trong số cõi Phật nhiều như vậy, nếu khởi tâm suy nghĩ, Như Lai đều biết. Vì sao vậy? Như Lai dạy rằng, các tâm đều là không phải tâm, nên gọi là tâm.”*

*“Vì sao như thế? Tu-bồ-đề! Tâm quá khứ chẳng thể nắm bắt. Tâm hiện tại chẳng thể nắm bắt. Tâm vị lai chẳng thể nắm bắt.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Y tha nhất niệm khởi  
 Câu vi vọng sở hành  
 Tiện phân lục thập nhị  
 Cứu bách loạn tung hoành  
 Quá khứ diệt vô diệt  
 Đương lai sinh bất sinh  
 Thường năng tác thứ quán  
 Chân vọng thân nhiên bình.*

Tạm dịch:

*Một niệm y tha khởi  
 Đều do vọng vận hành  
 Liên sinh sáu hai thứ  
 Chín trăm loạn dọc ngang*

*Quá khứ diệt chẳng diệt  
 Tương lai sinh chẳng sinh  
 Thường quán sát như vậy  
 Chân vọng thân nhiên trôi.*

Thông viết:

Văn trước có nói Đức Phật tất biết người này, tất thấy người này. Điều quan trọng là tại Phật nhãn. Đối với Phật nhãn, bốn cách nhìn kia đều thù thắng. Phật nhãn chẳng có gì khác biệt với bốn cách nhìn kia. Tri kiến Như Lai chẳng có hai, nên văn trên nói ngũ nhãn, văn sau nói nếu có cả ngàn tâm niệm, Như Lai tất biết. Do tâm chúng sinh đều là pháp biến hiện phần nào từ chân tâm. Do Như Lai đã chứng được chân thật tâm, nên có vọng niệm nào mà ngài chẳng thấy sao? Cho nên người nào thông đạt được vô ngã pháp, là được tương ưng cùng chân tâm Như Lai, nên được Như Lai

đều thấy đều biết.

San định ký nói rằng:

Chư Phật và Bồ-tát đã lìa xa phân biệt năng sở, không thấy có một pháp để chứng đắc, đâu có phải là hoàn toàn không thấy gì! Nhưng con mắt trí huệ chân thật đều chiếu soi rõ cảnh trước mắt. Lược có năm loại:

Một là tịnh sắc căn trong con mắt thịt, cái thấy bị chướng ngại bởi nội sắc, gọi là nhục nhãn. Đức Phật có đầy đủ các căn cho nên có nhục nhãn.

Hai là bên ngoài nhục nhãn, dẫn đến thiên nhãn thanh tịnh, cái thấy bị chướng ngại bởi ngoại sắc, gọi là thiên nhãn.

Ba là dùng căn bản trí, rõ suốt chân lý, gọi là huệ nhãn.

Bốn là dùng hậu đắc trí, thuyết pháp độ người gọi là pháp nhãn.

Năm là, bốn cách nhìn trên của Đức Phật, khác xa chỗ sở đắc của hàng nhị thừa và Bồ-tát, nên gọi là Phật nhãn. Như Lai có đủ năm cái thấy trên, không có chỗ nào là chẳng thấy, nên nói khả năng thấy được của ngũ nhãn gọi là cái thấy thanh tịnh. Văn sau nói về chỗ nhận biết các tâm niệm để nói rõ trí huệ thanh tịnh.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Tuy bất kiến chư pháp  
Phi vô liễu cảnh nhãn  
Chư Phật ngũ chủng thật  
Dĩ kiến bỉ điên đảo.*

Tạm dịch:

*Tuy không thấy các pháp  
Chẳng phải không có được  
Cái thấy rõ các cảnh  
Năm cái nhìn chân thật*



*Của chư Phật là để  
Thấy suốt diên đảo kia.*

Để làm sáng tỏ trí huệ vi diệu của Như Lai có thể thấy biết được mọi pháp, nên mới lược nói cảnh giới sở tri nhiều khắp và rộng lớn để chứng minh.

*Ý ông nghĩ sao? Trong sông Hằng có cát, Phật nói đó là cát chăng?”*

*“Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Như Lai nói đó là cát.”*

Đây là nói về một con sông Hằng với số cát có trong sông đó.

*Ý ông nghĩ sao? Như trong sông Hằng có bao nhiêu cát, lại có số sông Hằng cũng nhiều như vậy, lại có số thế giới Phật nhiều như số cát trong tất cả những con sông Hằng đó, như vậy là nhiều chăng?”*

*“Bạch Thế Tôn, rất nhiều.*

Đây là nói về cát trong vô số sông Hằng để chỉ cho số thế giới.

*Phật bảo Tu-bồ-đề: “Hết thấy chúng sanh trong số cõi Phật nhiều như vậy, nếu có bao nhiêu tâm niệm.*

Là chỉ cho tâm niệm của chúng sinh trong các thế giới ấy rất là nhiều. Chúng sinh có bao nhiêu tâm niệm, đều không ra khỏi hai thứ nhiễm tịnh.

*Như Lai đều biết. Vì sao vậy?*

Các loại tâm đó đều đắm chấp vào cảnh giới vọng tưởng, đều là do từ sáu thức điên đảo, đều từ vọng tâm lưu chuyển, các thứ đều sai biệt nhau. Vì sao Như Lai gọi đó chẳng phải là tâm? Vì nó chẳng kiên định, là tâm tán loạn lưu chuyển, do tâm ấy trụ nơi hư vọng, chẳng an trụ nơi chân thật, chẳng phải là tâm an trụ.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Chủng chủng điên đảo thức  
 Dĩ li ư thật niệm  
 Bất trụ bỉ thật trí  
 Thị cố thuyết điên đảo.*

Tạm dịch:

*Các thứ thức điên đảo  
 Do lìa niệm chân thật  
 Không trụ thật trí kia  
 Nên gọi là điên đảo.*

Nếu biết đó là chẳng trụ, xa lìa bốn niệm xứ, đã không chấp trì rồi, lại còn bị lưu chuyển tùy duyên, tức gọi là tương tục điên đảo, đó gọi là tánh hư vọng. Nên nói các vọng tâm chính là do các thức điên đảo này. Nghĩa là sao? Do trong quá khứ, hiện tại, vị lai đều tìm cầu tâm mà chẳng thấy. Tâm quá khứ đã diệt mất rồi. Tâm vị lai chưa sinh. Từ quá khứ, vị lai để xem hiện

tại, thì tâm hiện tại là hư vọng phân biệt, tức là sở chấp tính toán. Tự tánh chẳng thực có, nên đó là vọng tâm lưu chuyển, đều là do duyên với vọng thức, chẳng phải là thể tánh chân thực trong cả ba thời.

Như Lai đều biết đều thấy được tâm này, gọi đó chẳng phải là tâm. Điều tinh túy của Phật nhãn là không thủ chấp cái biết vọng tâm của chúng sinh, nên giữ cái biết về vọng tâm ấy đều là bất khả đắc. Vọng tâm đã bất khả đắc, tức đó là chân tâm. Chân tâm chẳng diệt, nên mới gọi là tâm. Đây chính là chánh tri chánh kiến. Nhục nhãn kia bì kịp với trí này sao được?

Xưa có Tây Thiên Đại Nhĩ Tam tạng đến kinh đô, tự tuyên bố có được thần thông. Uyển Tông Hoàng Đế mời Quốc sư Huệ Trung<sup>88[88]</sup> thử nghiệm. Đại Nhĩ Tam tạng

<sup>88[88]</sup> Nam Dương Huệ Trung Quốc Sư 南陽慧忠國師. Thiên tăng đời Đường (683-769), họ Vương, người xứ Thượng Nguyên, Nhuận Châu (nay là huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô) Trung Quốc nổi pháp Thiên sư Trí Oai, tông Ngưu Đầu. Sư trụ chùa Diên Tộ.

vừa thấy Quốc sư Huệ Trung, liền lễ bái rồi đứng sang bên trái.

Quốc sư hỏi: Ông có tha tâm thông chăng?

Đại Nhĩ Tam tạng đáp: Không dám!

Quốc sư nói: Ông nói thử lão tăng nay đang ở đâu?

Đại Nhĩ Tam tạng đáp: Hoà thượng là Quốc sư của một nước, sao lại đến Tây xuyên xem đua thuyền?

Quốc sư im lặng một hồi rồi hỏi tiếp: Ông nói thử lão tăng nay đang ở đâu?

Đại Nhĩ Tam tạng đáp: Hoà thượng là Quốc sư của một nước, sao lại lên cầu Thiên Tân xem đá cầu?

Quốc sư im lặng một hồi rồi lại hỏi: Ông nói thử lão tăng nay đang ở đâu?

Đại Nhĩ Tam tạng không dò ra được. Quốc sư liền quát lên: Đồ dã hồ tinh, tha tâm

thông ở đâu?

Đại Nhĩ Tam tạng chẳng đáp được.

Sau có vị tăng hỏi Thiên sư Ngưỡng Sơn:

- Vì sao Đại Nhĩ Tam tạng lần thứ ba thì không thấy được Quốc sư?

Ngưỡng Sơn đáp: Hai lần trước là tâm giao xen với cảnh, sau khi nhập vào tự thọ dụng tam-muội rồi Đại Nhĩ Tam tạng tìm không thấy được nữa.

Lại có vị tăng hỏi thiền sư Huyền Sa chuyện đó. Huyền Sa đáp: Ông nói hai lần trước là thấy được chăng?

Huyền Giác nói: Hai lần trước thì thấy, lần sau tại sao chẳng thấy? Hãy nói lợi hại ở tại chỗ nào?

Lại có vị tăng hỏi thiền sư Triệu Châu: Đại Nhĩ Tam tạng lần thứ ba không thấy Quốc sư, chẳng rõ Quốc sư tại chỗ nào?

Triệu Châu đáp: Ở trên lỗ mũi của Đại Nhĩ Tam tạng.

Sau có vị tăng hỏi thiền sư Huyền Sa: Đã ở trên lỗ mũi của Đại Nhĩ Tam tạng, sao ông ta không thấy?

Huyền Sa trả lời: Chỉ vì quá gần.

Thiên Đồng niệm rằng: Đại Nhĩ Tam tạng không thấy Quốc sư bèn bỏ đi, ông nói Quốc sư tự biết mình rơi vào chỗ nào? Nếu nói tự biết, thì trăm chim dăng hoa, chur thiên cúng dường chẳng có ngày dứt. Hãy nói chính lúc đó, Quốc sư ở chỗ nào?

Xưa khi Đức Sơn đến Phong Dương, trên đường đi gặp một bà lão bán bánh, nhân đó nghỉ lại, mua bánh điếm tâm. Bà lão chỉ vào hành lý, hỏi: Trong đó chứa những thứ chữ nghĩa gì?

Đức Sơn trả lời: Thanh Long Sớ sao.

Bà lão hỏi: Giảng kinh nào?

Đức Sơn trả lời: Kinh Kim Cang.

Bà lão nói: Tôi có một câu hỏi, nếu ngài trả lời được, tôi xin tặng trà bánh để ngài dùng. Còn nếu không nói được xin mời đi nơi khác. Kinh Kim Cang nói: Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc, chẳng hay Thượng toạ muốn điềm tâm nào?

Đức Sơn chẳng đáp được, bèn đi đến Long Đàm. Sau khi thấy được sự việc rồi, bèn đem bộ số sao ra chát đồng trước tiền đường và nói:

–Tận cùng các biện luận huyền đàm, đều như mảy lông đặt trong hư không. Cùng tột ách yếu trên đời, đều như giọt nước rơi trong sông bể lớn.

Nói xong liền nổi lửa đốt.

Nên biết rõ rằng không thể nắm bắt được tâm. Như Quốc Sư Huệ Trung, Thiên sư



Đức Sơn, có thể nói là những người có đủ Phật nhãn.

## **16. Đoạn trừ mọi nghi chư Phật không thấy các pháp.**

Mọi nghi này do văn trước nói tâm trụ trên điên đảo. Như Lai tấy biết chúng sinh có bao nhiêu tâm niệm, cùng tất biết chúng sinh thành tựu vô lượng phước đức. Tâm đã lưu chuyển, đó là tánh hư vọng; nếu có được phước, cũng đều là hư giả. Đã là hư vọng rồi, tức đồng như điên đảo. Sao gọi là thiện pháp? Tu hành các thiện pháp có rơi vào không chãng? Để khiến trừ mọi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！於意云何？若有人滿三千大千

世界七寶以用布施，是人以是因緣，得福多不？」「如是，世尊！此人以是因緣，得福甚多。」「須菩提！若福德有實，如來不說得福德多，以福德無故，如來說得福德多。」

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người dùng bảy món báu đây trong cõi ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí. Do nhân duyên ấy, được phước nhiều chăng?”*

*“Bạch Thế Tôn, quả đúng như vậy. Người ấy do nhân duyên bố thí, được phước rất nhiều.”*

*“Tu-bồ-đề! Nếu phước đức có thật, Như Lai chẳng nói là được nhiều phước đức. Vì phước đức không, nên Như Lai nói là được nhiều phước đức.*

Tự tại Lực Vương Như Lai giải nói rằng:

Đây tuy gọi là bồ thí, nhưng chỉ là thứ châu báu chất ngại, chẳng phải là công đức vô vi thanh tịnh. Do vậy nên Như Lai không cho đó là nhiều.

Nếu có vị Bồ-tát nào ngay trong bảy phẩm bồ-đề, từ thân của Đức Phật Lô-xá-na mà tu hạnh thành tựu, lễ bái, cúng dường tán thán. Theo tâm chứng của Đức Phật, sẽ được công đức hoá sinh, chẳng sinh chẳng diệt, cứng chắc như Kim cang, sẽ nường theo mây hương hoa báu, trải vào khắp mọi nơi, thành đài quang minh cúng dường mười phương chư Phật. Đây chính là công đức bồ thí vô vi kiến tánh, sẽ hóa thành quả bồ-đề.

Tụng rằng:

*Quảng tương thất bảo trì vi thí*

*Như Lai bất thuyết phước điền đa.*

*Nhược dụng tâm đặng cúng dường*

*Uy quang đấng chiếu mãn ta-bà.*

Tạm dịch::

*Thường đem bảy báu ra bố thí  
 Như Lai chẳng nói phước điền lớn.  
 Dùng tâm sáng suốt để cúng dường  
 Uy quang chiếu khắp cõi ta-bà.*

Thông rằng:

Trước Tu-bồ-đề có nói rằng phước đức ấy tức chẳng phải tánh phước đức, nên Như Lai nói đó là phước đức nhiều. Do vì tánh phước đức không nằm trong số lượng, nên chẳng phải là nhiều ít để luận bàn. Nói phước nhiều, là chỉ đề cập đến phước đức thế gian. Tu-bồ-đề lấy chân đế để so với tục đế, nên thấy rằng cái nhiều của phước đức thế gian cũng chỉ như là không. Thế tôn thì thấy chân đế cũng như tục đế, chỉ thấy phước đức vốn là không, nên nói đó là nhiều. Và lại phước đức có thể tánh của

nó, tức là phước đức thật có. Trên phương diện thật tánh rốt ráo thì nó là không, chẳng trụ ở chân, chẳng trụ ở tục. Chính là để hiển bày lý trung đạo chắc thật.

San định ký nói rằng:

Tâm lưu chuyển là do nơi vọng, nên gọi là phước tụ. Nhưng thể chẳng phải là hư vọng, như lấy bố thí làm nhân, lấy bảy báu làm duyên, bố thí khắp đại thiên thế giới, tức phước phải lớn như đại thiên thế giới. Chẳng nhiều hay sao! Nhưng nếu không hành trì theo trí huệ chánh giác, thì thành ra nhân hữu lậu. Được phước đức tuy nhiều, tuy có được thật tánh phước đức, nhưng Như Lai không cho đó là nhiều. Do vì trụ tướng mà bố thí, đó là việc điên đảo. Nếu chẳng trụ tướng mà bố thí, đó là hành trì theo trí huệ chánh giác, tất sẽ thành tựu nhân vô lậu. Tuy chẳng có được phước đức, nhưng nhờ thật tánh phước đức nên

được rất nhiều không thể tính kể, nên Như Lai nói được phước đức rất nhiều. Do trong đệ nhất nghĩa chẳng có các thủ uẩn, nên vốn chẳng thật. Nếu y theo tục đế thì có ngôn thuyết, nên gọi là nhiều. Đó tức là hành trì theo trí huệ, chẳng phải theo điên đảo.

Văn trước có nói tâm chúng sinh trụ nơi các tướng, nên gọi là điên đảo, tức trái với thể tánh vắng lặng từ xưa nay. Bồ thì này chẳng trụ nơi tướng, nên chẳng phải là điên đảo, là do thuận với thể tánh vắng lặng xưa nay.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Phật trí huệ căn bản*

*Phi điên đảo công đức*

*Dĩ thị phước đức tướng*

*Cổ trùng thuyết thí dụ.*

Tạm dịch:

*Căn bản trí huệ Phật  
Phi công đức điên đảo  
Do tướng của phước đức  
Nên nói lại thí dụ.*

Do cái thấy từ ngũ nhãn như vậy, nên đều là cảnh giới vô sở đắc, đều là cảnh giới Phật. Do đó nên biết rằng ngoài tướng thanh tịnh của nhân, thì chẳng có cảnh giới để sở đắc. Nên người thông đạt pháp vô ngã, thì chẳng biết gì cả, nhưng chẳng có gì không biết.<sup>89[89]</sup> Chẳng thấy gì cả, nhưng chẳng có gì không thấy. Thiên sư Đức Sơn thượng đường dạy chúng: Nếu tự các ông đã vô sự, thì chẳng vọng cầu. Vọng cầu mà được, thì cái được ấy cũng chẳng thật. Chỉ cần các ông vô sự trong tâm. Tâm vô sự thì hư mà linh, rỗng rang mà màu nhiệm. Nếu nói có gốc ngọn chỉ đầu mảy lông,

<sup>89[89]</sup> Rút ý từ Triệu Luận: *Bát-nhã vô tri, nhi vô sở bất tri.*

đều là tự dối rồi. Sao vậy? Khởi niệm máy may đều là tạo nghiệp nhân trong ba đường. Bất chợt sanh tình thì vạn kiếp bị giam kín. Tên thánh, hiệu phạm đều là tiếng rỗng. Tướng to hình nhỏ đều là sắc giả. Các ông muốn cầu các thứ ấy, chẳng lụy hay sao? Các ông có chán ghét nó, cũng thành bệnh lớn. Rốt ráo đều là vô ích.

## 17. Đoạn trừ mỗi nghi có tướng tốt chẳng?

Mỗi nghi này do văn trước nói rằng Như Lai có nghĩa là chứng pháp *như như*. Nghĩa *như như* là *như như* chẳng động, tức là pháp vô vi. Nói vô vi nghĩa là pháp thân tức Phật. Sao lại còn nói thành tựu tướng tốt mới được gọi là Phật? Đây là đứng trên phương diện pháp thân để nhìn sắc thân.



Nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！於意云何？佛可以具足色身見不？」 「不也，世尊！如來不應以具足色身見。何以故？如來說具足色身，即非具足色身，是名具足色身。」 「須菩提！於意云何？如來可以具足諸相見不？」 「不也，世尊！如來不應以具足諸相見。何以故？如來說諸相具足，即非具足，是名諸相具足。

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Bát thập tùy hình hảo*

*Tướng phân tam thập nhị*

*Ứng vật vạn ban hình*

*Lí trung phi nhất dị  
 Nhân pháp lưỡng câu khiên  
 Sắc, tâm tề nhất khí  
 Sở dĩ chứng bồ-đề,  
 Thật do chư tướng li.*

Tạm dịch:

*Tám mươi vẻ đẹp phụ  
 Ba mươi hai tướng tốt  
 Ứng vật vô số hình  
 Lý vốn chẳng đồng, khác  
 Nhân, pháp đều khiến trừ,  
 Sắc, tâm đều bỏ hết  
 Mới gọi chứng bồ-đề.  
 Thật do lià các tướng.*

Thông viết:

Phó Đại sĩ vốn là hoá thân của Bồ-tát Di-lặc, đáp ứng cho căn cơ chúng sinh ở cõi ta

bà này mà nói ra nghĩa Kim cang Bát-nhã thậm thâm, thật là máu chốt<sup>90[90]</sup> của kinh này. Yếu chỉ của kinh ‘Các tướng chẳng phải là tướng’ chẳng những lập lại ba lần, mà lại rất nhiều lần, há không có ý gì hay sao? Do Tu-bồ-đề đã chứng đắc nhân không, nên 32 tướng tức chẳng phải tướng. Để nói rõ ngoài việc chứng pháp thân. Đến đây lại chứng được pháp không, nên biết chẳng phải tướng mới gọi là tướng, để nói rõ việc hướng thượng khi chứng đắc pháp thân. Nên nói rằng phải khiến trừ cả nhân không và pháp không. Nói rõ chẳng có tướng, là đã trừ được sắc rồi vậy. Nói rõ được chẳng phải phi tướng, tức là đã trừ được tâm rồi! Nên nói sắc tâm đều trừ một lúc. Nhân pháp đều không, sắc tâm đều trừ, đó gọi là chứng bồ-đề. Chẳng phải không chẳng phải sắc, chẳng nhất chẳng

---

<sup>90[90]</sup> quyết thực 鑄鑰 .

khác, nói pháp thân chẳng phải là sắc thân, mà sắc thân chưa từng chẳng phải là pháp thân. Pháp thân còn chẳng thể dùng tướng để thấy, mà cũng chẳng thể liả tướng mà thấy. Tướng mà vô tướng, vô tướng mà là tướng. Điều ấy vi diệu lắm thay!

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói rằng: Pháp thân rốt ráo chẳng phải là sắc thân, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp đều là sắc thân. Pháp thân rốt ráo chẳng phải là phi pháp tướng. Như có đầy đủ tám vạn bốn ngàn tướng tốt, có đầy đủ 10 thân linh tướng, đều chẳng phải là pháp thân.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Pháp thân tất cánh thể*

*Phi bỉ tướng hảo thân*

*Dĩ phi tướng thành tựu*

*Phi bỉ pháp thân cố.*

Tạm dịch::

*Pháp thân rớt ráo là thể  
 Chẳng phải thân tướng hảo  
 Chẳng do tướng mà thành  
 Đó chẳng phải pháp thân.*

Do vậy nên kinh nói: Không nên lấy ý niệm có đầy đủ sắc thân để thấy Như Lai, Không nên lấy ý niệm có đầy đủ các tướng để thấy Như Lai. Nhưng hai loại tướng tốt này, cũng chẳng phải không là Phật. Cả hai tướng này đều chẳng lìa pháp thân. Như vàng rớt ráo chẳng phải là sư tử, nhưng do sư tử vốn chẳng lìa vàng mà có, nên chẳng phải là không có vàng.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Bất li ư pháp thân,  
 Bĩ nhị phi bất Phật.  
 Cố trùng thuyết thành tựu,  
 Diệc vô nhị cập hữu.*

Tạm dịch::

*Chẳng là nơi pháp thân*

*Cả hai, là, chẳng là*

*Chẳng phải không là Phật*

*Nên nói sự thành tựu*

*Cũng chính là chẳng hai.*

Do vậy nên kinh nói: Đó gọi là đầy đủ sắc thân, gọi là viên mãn các tướng. Nếu y theo đệ nhất nghĩa, không thể dùng sắc tướng để thấy được pháp thân, cho nên nói là chẳng phải thân. Nếu theo ngôn thuyết của thế đế, tức là nương nơi sắc tướng để thấy được pháp thân, nên gọi là đầy đủ sắc thân. Nói không cũng được, nói có cũng được, nên nói đều không cả hai và đều có cả hai là vậy. Không mà chẳng không, đó nghĩa là chân thật không. Có mà chẳng có, đó nghĩa là diệu hữu. Nếu chẳng phải trí huệ Bát-nhã thậm thâm, thật khó rõ điều

này.

Thiền sư Hoàng Bá nói: Mười phương chư Phật, thật chẳng có một pháp gọi là A-nậu-bồ-đề để chúng đắc. Chỉ là nhất tâm, chẳng có tướng khác. Cũng chẳng phải ánh sáng rực rỡ, cũng chẳng hơn kém, chẳng thù thắng nên chẳng có tướng Phật, chẳng sai kém nên chẳng có tướng chúng sinh.

Có vị tăng hỏi: Tâm đã không có tướng, há phải được 32 tướng, 80 vẻ đẹp mới hoá độ chúng sinh?

Hoàng Bá đáp: 32 tướng đầy đủ, phàm là có tướng, đều là hư vọng. 80 vẻ đẹp với sắc đầy đủ. Nếu nhìn Như Lai bằng sắc tướng ấy, thì đó là thực hành tà đạo, không thể thấy được Như Lai.

Lời này của Hoàng Bá chỉ tỏ rõ câu nói *chẳng phải* (phủ định), khiến cho người ngay đó được kiến tánh. Có vị tăng hỏi

Thiền sư Động Sơn: Thế nào là Phật?

Động Sơn đáp: Ba cân gai.

Tuyệt Đâu tụng rằng:

*Kim ô cấp*

*Ngọc thố tóc*

*Thiện ứng hà tăng hữu khinh xúc*

*Triển sự đầu cơ kiến Động Sơn*

*Ba miết manh quy nhập không cốc*

*Hoa thốc thốc*

*Cầm thốc thốc*

*Nam địa trúc hề, Bắc địa mộc.*

*Nhân tư Trường Khánh Lục đại phu*

*Giải đạo hợp tiểu bất hợp khắp.*

*Di!* <sup>91[91]</sup>

Tạm dịch::

*Mặt trời gấp*

<sup>91[91]</sup> Bích Nham Lục, Tắc 12 T48; –Động Sơn ma tam cân.



*Mặt trăng nhanh*

*Khéo ứng xử chưa từng gặp khinh xúc.*

*Bày chuyện đầu cơ gặp Động Sơn*

*Trạnh què rùa chột vào hang trống*

*Hoa từng chùm.*

*Gấm từng cụm.*

*Miền nam trồng trúc, đất Bắc trồng  
cây.*

*Nhân nhớ Trường Khánh Lục đại phu*

*Hiếu đạo cùng cười chẳng cùng khóc.*

*Ôi chao!*

Có vị tăng hỏi Thiền sư Trí Môn: Động Sơn trả lời ‘ba cân gai.’ Ý nghĩa như thế nào?

Trí Môn đáp: Hoa từng chùm. Gấm từng cụm. Hiếu chẳng?

Tăng đáp: Chẳng hiếu.

Trí Môn hỏi: Miền nam trồng trúc, đất Bắc trồng cây.

Tăng trở lại hỏi Động Sơn tương tự như vậy.

Động Sơn nói: Ta chẳng nói cho ông. Ta nói cho toàn đại chúng.

Rồi Sư thượng đường nói: Ta chẳng bày việc, ta chẳng đầu cơ, theo lời là mất mạng, trệ ngôn cú là mê.

Lục Hoàn Đại Phu<sup>92[92]</sup> đến tham vấn Thiền sư Nam Tuyên. Nam Tuyên viên tịch, Đại Phu vào chùa lễ tế xong liền cười ha hả. Viện chủ hỏi: Đại phu cùng Tiên sư vốn có nghĩa thầy trò, sao chẳng khóc?

Lục Hoàn Đại Phu trả lời: Nói được thì ta khóc!

Viện chủ không nói được.

Lục Hoàn Đại Phu khóc to, nói: Trời

<sup>92[92]</sup> Nguyên bản 陸喙大夫. Ngũ Đẳng Hội Nguyên ghi là 陸互大夫 Lục Cẩng Đại Phu

xanh! Trời xanh! Tiên sư rời bỏ thế gian quá xa.

Đời sau Trường Khánh nghe như vậy. Bèn nói: Đại phu nên cười chẳng nên<sup>93[93]</sup> khóc.

Tuyết Đậu đem hộp thành bài tụng, sau đó hạ thêm chữ *Ôi chao!* tức đã cùng Động Sơn gặp nhau. Đến đây đã được rõ, mới biết *Ba cân gai* có nghĩa là gì, là tướng hay chẳng phải tướng. Là thấy được Phật hay chẳng thấy được Phật, nên phân biệt với chỉ có một con mắt.

## 18.Đoạn mỗi nghi không có thân làm sao thuyết pháp?

Mỗi nghi này do từ đoạn trên nói rằng không thể thấy được Như Lai bằng thân

<sup>93[93]</sup> 大夫合笑不令 (編者註:「令」疑是「合」) 哭.

Người biên soạn (TPN) nghi là chữ 令 trong câu trên là chữ 合. Nếu đúng như vậy, câu trên sẽ được dịch là *Đại phu cùng cười chứ chẳng cùng khóc.*

tướng. Nếu đứng trên đệ nhất nghĩa tức cảnh giới Phật, thì không thể bằng thân tướng mà thấy được Như Lai. Như Lai cũng li thân tướng để thuyết pháp. Âm thanh tự nó chưa phải là âm thanh, phải nhờ vào sắc mà phát ra tiếng. Đã không nương vào sắc, làm sao nương vào thanh? Để khiến trừ mọi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！汝勿謂如來作是念：我當有所說法。莫作是念，何以故？若人言如來有所說法，即為謗佛，不能解我所說故。須菩提！說法者，無法可說，是名說法。」（下段魏譯）爾時，慧命須菩提白佛言：「世尊！頗有眾生，於未來世，聞說是法，生信心不？」佛言：「須

菩提！彼非眾生，非不眾生。何以故？  
 須菩提！眾生眾生者，如來說非眾生，  
 是名眾生

*Tu-bồ-đề! Ông đừng cho rằng Như Lai có ý nghĩ rằng Như Lai đang nói pháp.' Chớ nghĩ như thế. Vì sao ? Nếu có người nói Như Lai có nói pháp, tức là hủy báng Phật, tức không hiểu được điều Như Lai thuyết dạy.*

*Tu-bồ-đề! Người thuyết pháp, không có pháp để thuyết, gọi là thuyết pháp.*

*Bấy giờ, Huệ Mạng Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Liệu có chúng sanh nào ở đời vị lai nghe thuyết pháp này sanh lòng tin theo chăng?*

*Phật dạy: Tu-bồ-đề! Người nói đó chẳng phải là chúng sanh, chẳng phải không là chúng sanh.*

*Vì sao vậy? Tu-bồ-đề! Chúng sanh, Như Lai nói chúng sanh chẳng phải chúng sanh, gọi là chúng sanh.* <sup>94[94]</sup>

Niên hiệu Trường Khánh thư hai, đời Đường. Thích Linh U 釋靈幽 bạo bệnh chết. Gặp vua Diêm la, hỏi Linh U rằng: Đã tích tập những nghiệp gì? Linh U đáp: Thường trì tụng Kinh Kim Cang Bát-nhã. Vua Diêm-la cung kính chấp tay mời ngồi. Thích Linh U lớn tiếng tụng một biến.

Vua Diêm-la nói: Tôi nhớ trong kinh này thiếu mất một đoạn, cũng như tràng hoa mà không liền nhau. Bản kinh gốc hiện còn trên thạch bia trong chùa Chung Ly tại Hào Châu. Ông có thể đến đó để xem lại rồi phổ biến rộng trong nhân gian. Linh U được trở về lại nước Ngụy, tâu lại việc đã

<sup>94[94]</sup>Đoạn này theo bản dịch Bồ-đề Lưu-chi đời Nguyên Ngụy.

nghe, nên nhập thêm đoạn này vào trong kinh.

Thông rằng:

Không thể bằng thân tướng mà thấy được Như Lai, cũng Không thể lìa thân tướng mà thấy được Như Lai. Chẳng phải thân chính là thân, đó là thân vi diệu. Phật pháp cũng như vậy. Phật pháp không thể nhờ vào ngôn thuyết mà hiển bày, cũng chẳng phải do lìa ngôn thuyết mà hiển bày. Chẳng thuyết chính là thuyết, đó chính là diệu thuyết. Văn trước đã có nói chẳng phải có pháp nhất định mà Như Lai giảng nói. Nói pháp là vô định pháp, do vì trệ ở pháp; nói thuyết mà không nhất định thuyết, là do trệ ở thuyết. Không thể là không nói, sao lại không có thân được? Nếu chẳng có thân, lấy ai mà thuyết pháp? Đã đến mức một pháp cũng chẳng có, nên vốn là chẳng thể nói. Thân chính là thân

của cái chẳng phải thân. Thuyết tức là thuyết của chẳng phải thuyết. Chẳng phải thiên tư của bậc thánh, thật là khó tin điều này.

San định ký nói rằng:

*Ông đừng cho là Như Lai có ý nghĩ rằng Như Lai có nói pháp. Pháp thân vô vi, thật chẳng có pháp để thuyết. Như tiếng vang trong hang trống, thật chẳng có tiếng đáp dội lại. Phạm có pháp để thuyết, tất trước hết phải khởi niệm này. Đức Phật tuy nói pháp, nhưng chẳng khởi niệm nói pháp, cũng như hang trống, tuy vọng lại tiếng vang, nhưng chẳng có niệm phải vọng lại tiếng vang. Hai thứ năng thuyết sở thuyết đều sai biệt, đều là chẳng có.*

*Ông đừng nghĩ rằng Như Lai có pháp để nói. Do nghĩa nào mà nói đừng khởi niệm như vậy? Bản tế của Như Lai vốn chẳng*



lìa pháp giới. Pháp giới vốn bình đẳng. Nói tức im lặng. Im lặng tức nói năng. Nói chẳng có tự tướng, tức vốn là chẳng nói. Nếu bảo Như Lai có pháp để nói tức là phỉ báng Phật. Chẳng hiểu được Như Lai nói cái chẳng nói. Nói pháp, phải như pháp mà nói, gọi là chân thật thuyết pháp. Pháp vốn lìa xa hết thấy danh tướng phân biệt, chẳng thấy có phần nào thể tánh chân thật mới có thể nói được. Thuyết đã là vô thể, thì lấy cái gì để nói? Nếu gọi đây là nói, thì phải như pháp mà nói, mới gọi là thuyết pháp.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Như Phật pháp diệt nhiên*

*Sở thuyết nhị sai biệt*

*Bất ly u pháp giới*

*Thuyết pháp vô tự tướng.*

Tạm dịch:

*Như Phật pháp cũng vậy*

*Đôi với pháp sở thuyết  
Cả hai đều sai biệt  
Chẳng là nơi pháp giới  
Mới chính là thuyết pháp  
Vốn chẳng có tự tướng.*

Pháp thân đã không là pháp giới. Pháp được nói đó cũng phải không là pháp thân, nên thành ra chẳng có. Thuyết pháp như vậy, thì đã từng thuyết pháp đâu?

Tu-bồ-đề là bậc giải không đệ nhất, lấy trí huệ làm sinh mạng. Nghe thuyết pháp như vậy mà tín tâm chẳng trái, còn e rằng chưa trọn đủ. Nên hỏi rằng chúng sinh đời sau, ngày càng xa với chính pháp, nếu có nghe được lời này, có sinh được tín tâm chẳng? Thế tôn tất xem chúng sinh chẳng nhất định là chúng sinh. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, sao biết họ không thể tin? Nên nói đó chẳng phải là chúng sinh, cũng

chẳng phải là phi chúng sinh. Nói họ có thể tin, là vốn họ có thể tánh của bậc thánh. Tức đó chẳng phải là chúng sinh. Nhưng khi chưa lìa được phạm tính phàm phu, thì đó chẳng phải là phi chúng sinh. Có phải do nghĩa ấy nên nói chẳng phải chúng sinh mới được gọi là chúng sinh chẳng? Nói chúng sinh chúng sinh, Như Lai nói chẳng phải chúng sinh. Do trong đệ nhất nghĩa, tức ngũ uẩn khác ngũ uẩn, suy cầu thể của nó ắt là chẳng thể được, nên nói là chẳng phải chúng sinh. Sao nói chẳng phải chúng sinh? Do ngôn thuyết trong tục đế. Nương vào nghiệp quả ngũ uẩn tương ưng mà lập bày, nên nói đó gọi là chúng sinh. Đó chính là gọi chúng sinh mà thật là chẳng phải chúng sinh. Chúng sinh có đủ thể tánh của bậc thánh, mới có thể lấy niềm tin làm căn bản, lo gì họ không tin vào pháp giới thậm thâm này?

Di-lặc BỒ-tát có kệ rằng:

*Sở thuyết thuyết giả thâm*

*Phi vô năng tín giả*

*Phi chúng sinh chúng sinh*

*Phi thánh phi bất thánh.*

Tạm dịch:

*Thuyết, sở thuyết đều sâu*

*Chẳng phải không người tin*

*Chúng sinh phi chúng sinh*

*Chẳng thánh, chẳng phi thánh.*

Nói chúng sinh chính là chẳng phải chúng sinh, cũng không thể nói là thánh, nhưng chưa từng chẳng phải là thánh. Nếu thường quán sát như vậy ở chúng sinh, tức là chúng sinh mà là chúng sinh, còn nghi gì ở chỗ không thuyết mà là thuyết?

Tôn giả Tu-bồ-đề ngồi yên trong núi vắng, chư thiên rải hoa trời như mưa để tán thán.

Tôn giả nói: Trong không rãi hoa tán thán, đó là người nào? Vì sao tán thán?

Chư thiên đáp: Tôi là Phạm thiên, kính ngưỡng Tôn giả đã khéo giảng nói Bát-nhã.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói: Trong Bát-nhã tôi chưa từng nói một chữ. Tại sao ngài lại tán thán?

Phạm thiên đáp: Đúng vậy. Tôn giả chẳng nói, tôi cũng chẳng nghe. Chẳng thuyết chẳng nghe, đó chính thực là thuyết Bát-nhã.

Lại nữa, Duy-ma-cật hỏi Văn-thù-sư-lợi: Thế nào là Bồ-tát thể nhập pháp môn bất nhị?

Văn-thù-sư-lợi đáp: Nơi tất cả các pháp chẳng nói chẳng thuyết, chẳng chỉ bày, chẳng biết, lìa mọi hỏi đáp, đó là thể nhập pháp môn bất nhị.

Lúc đó Văn-thù-sư-lợi hỏi Duy-ma-cật:  
 Tôi đã tự nói rồi, nay xin ngài hãy nói thế  
 nào là Bồ-tát thể nhập pháp môn bất nhị?

Duy-ma-cật chỉ im lặng.

Thiên Đồng tụng rằng:

*Mạn-thù vấn tặc lão Tì-da*

*Bất nhị môn khai khán tác gia*

*Mãn biểu tuý trung thùy thường giám*

*Vong tiền thất hậu mạc tư ta.*

*Khu khu đầu phác hệ Sở đình tân sĩ.*

*Xán xán báo châu hệ Tuỳ thành đoạn  
 xà.*

*Hưu điếm phá*

*Tuyệt tì hà.*

*Tục khí hồn vô khước giáo ta.*

Tạm dịch:

*Văn-thù thăm bệnh lão Duy-ma*

*Bày môn bất nhị, gặp tác gia.*

*Ngoài tiêu, trong tinh túy, ai thường thấy.*

*Quên trước, mất sau chẳng thở than.*

*Bận rộn việc ném ngọc, hề, chặt đầu  
gối trước sân nước Sở.*

*Chói lợi việc đèn châu, hề, trảm rắn  
dưới thành nhà Tuy.*

*Thôi điểm phá*

*Dứt dấu vết*

*Khí tục đều chẳng chút khá hơn.*

## **19. Đoạn trừ mối nghi chẳng có pháp làm sao tu chứng.**

Mối nghi này do từ đoạn thứ 12 và 13 ở trên, về nghĩa tại sao không có pháp để chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miêu tam-bồ-

đề.

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói rằng: Nếu cảnh giới Phật độ nhất nghĩa, sắc thân, ngôn thuyết thân đều bất khả đắc, từng chưa có pháp nào là đối tượng của sự chứng biết, thì làm sao mà lìa thấy biết chân chánh theo thứ lớp mà gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác được? Pháp đã chẳng có thực thể, làm sao đề tu chứng? Để khiến trừ mối này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提白佛言：「世尊！佛得阿耨多羅三藐三菩提，為無所得耶？」佛言：「如是，如是。須菩提！我於阿耨多羅三藐三菩提，乃至無有少法可得，是名阿耨多羅三藐三菩提。」



復次，須菩提！是法平等，無有高下，是名阿耨多羅三藐三菩提。以無我、無人、無眾生、無壽者，修一切善法，即得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提！所言善法者，如來說，即非善法，是名善法。

。

*Tu-bồ-đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Phật được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là không có chỗ được sao?”*

*Phật nói: “Đúng vậy, đúng vậy. Tu-bồ-đề! Ta đối với quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng có lấy một phần nhỏ pháp có thể được, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

*Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp này bình đẳng không có cao thấp, gọi tên là Vô thượng*

*Chánh đấng Chánh giác. Trừ bỏ các tướng  
ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả mà tu hết  
thấy pháp lành, tức thành Vô thượng  
Chánh đấng Chánh giác.*

*“Tu-bồ-đề! Chỗ nói là pháp lành, Như Lai  
dạy rằng chẳng phải pháp lành, gọi là  
pháp lành.*

❀ Bản dịch của Ngài Huyền Trang đời  
Đường:

復次善現，是法平等，於其中間無不平等，故名無上正等菩提，以無我性，無有情性，無命者性，無士夫性，無補特伽羅等性，平等故名無上正等菩提。一切善法無不現證，一切善法無不妙覺，善現，善法善法者，如來一切說為非法，

是故如來說名善法善法。

*Lại nữa, Thiện Hiện, pháp ấy bình đẳng, trong đó chẳng có gì là không bình đẳng, nên gọi là Vô thượng chánh đẳng bồ-đề, do vô ngã tánh, vô hữu tình tánh, vô sĩ phu tánh, vô Bồ-đặc-già-la; do bình đẳng tánh, nên gọi là Vô thượng chánh đẳng bồ-đề. Tất cả các thiện pháp, không có pháp nào mà chẳng hiện chứng. Tất cả các thiện pháp, không có pháp nào mà chẳng diệu giác. Vì sao? Thiện Hiện, thiện pháp được Như Lai dạy dưới tên thiện pháp chính là phi pháp, thế mới được gọi là thiện pháp.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Thủy lục đồng chân tế.*

*Phi hành thể nhất như*

*Pháp trung hà bỉ thử*

*Lí thượng khởi thân sơ.  
 Tự tha phân biệt khiến  
 Cao hạ thức tình trừ  
 Liễu tư bình đẳng tánh  
 Hàm cộng nhập vô dư.*

Tạm dịch:

*Các loài thủy lục đều cùng một chân  
 tế.*

*Thể tánh các loài phi hành là đồng  
 nhau.*

*Trong pháp đâu có phân biệt.*

*Trên phương diện lý thể thì chẳng có  
 thân sơ.*

*Phân biệt ta, người đều trừ sạch.*

*Thức tình cao thấp đều không còn.*

*Nhận rõ được tánh bình đẳng này,*

*Đều thể nhập vô dư niết-bàn.*

## Thông rãng:

Trong mỗi nghi ở đoạn 12 và 13, Như Lai nói rằng thật chẳng có pháp để chứng đắc Vô thượng bồ-đề. Tu-bồ-đề há không tin điều ấy là chẳng thật. Nhưng sợ cho chúng sinh đời sau, lấy cái chẳng có thân, chẳng có thuyết mà cho rằng tất cả đều là không, rồi nói rằng pháp thân cũng không, nên Tu-bồ-đề mới hỏi Đức Phật là đắc Vô thượng bồ-đề là chẳng chứng đắc chẳng? Đức Phật đã trả lời đúng là chẳng có chứng đắc, chẳng phải ngài muốn nói không chứng đắc là không có Vô thượng bồ-đề. Nên khi nói đó gọi là Vô thượng chánh đẳng bồ-đề, là trong đó có pháp, có cao có thấp, tuy một pháp cũng chẳng có, cho nên tất cả các pháp đều bình đẳng. Do tất cả các pháp đều bình đẳng nên phạm thánh đều cùng một thể. Do sự tự chứng này, mà chẳng có thân tướng để chứng đắc. Do đây

nên việc độ sanh cũng chẳng có tướng ngôn thuyết để chứng đắc. Điều khiến cho nhất thiết chúng sinh đều nhập được vô dư niết-bàn, mà thật chẳng có chúng sinh nào được diệt độ là do ở nghĩa này.

Bản dịch của Cưu-ma-la-thập:

修一切善法，則得阿耨多羅三藐三菩提

。

*Tu hết thảy các pháp lành, tất sẽ chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề.*

Văn trước đã nói: *Chẳng có một pháp nào*, đây nói *Tu hết thảy các pháp lành*; trước nói: *chẳng chứng đắc*; nay nói: *có chứng đắc*. Biết ý trong ngôn ngữ có phần trái nhau.

Bản dịch của Huyền Trang:

以平等故名無上正等菩提，一切善法無

不現證，一切善法無不妙覺，此於菩提，但言名而不言得，一切善法，但言證而不言修。」

*Do bình đẳng tánh, nên gọi là Vô thượng chánh đẳng bồ-đề. Tất cả các thiện pháp, không có pháp nào mà chẳng hiện chứng. Tất cả các thiện pháp, không có pháp nào mà chẳng diệu giác. Những pháp này trong bồ-đề, chỉ là ngôn thuyết danh tự mà không thể nói là chứng đắc. Tất cả các thiện pháp, chỉ là nói đến chứng đắc chứ không nói đến việc tu tập.*

Cùng một ý như văn trước, lại càng khẩn thiết hơn.

San định ký nói rằng: trong văn trước đều nói chẳng có pháp chứng đắc bồ-đề, nếu Như Lai chẳng chứng đắc một pháp nào, làm sao chuyển hoá và xả bỏ được hai thứ

chương? Làm sao đạt được hai thứ quả?  
 Nếu đã chuyển hoá và chứng đắc bồ-đề, há  
 chẳng chứng đắc một pháp nào cả hay sao?  
 Đức Phật trả lời ba dạng:

Thứ nhất, chẳng có pháp để chứng đắc là  
 giác ngộ chân chánh.

Thứ hai, bình đẳng là chánh giác.

Thứ ba, chính để trợ lực cho tu hành các  
 thiện pháp là chánh giác.

Câu trả lời đầu tiên như có thể hiểu được  
 qua văn tự, vốn chẳng có một pháp nào để  
 được, tức là nơi chốn giác ngộ (bồ-đề xứ).  
 Nói chẳng có một pháp nào để chứng, tức  
 là chẳng có một pháp để vượt qua, cho nên  
 gọi là Vô thượng. Đây là lấy chẳng có  
 pháp làm chính giác. *Lại nữa, Tu-bồ-đề* và  
 4 câu sau, là lấy bình đẳng làm chánh giác.  
 Pháp thân thanh tịnh của Như Lai vốn là  
 bình đẳng vô sai biệt, pháp ấy vốn chưa



từng không đồng đẳng, chẳng chút nào tăng, nên gọi là Vô thượng. Pháp ấy ở nơi bậc thánh cũng chẳng tăng nên gọi là chẳng cao, nơi kẻ phàm không giảm nên gọi là chẳng thấp. Tất cả các pháp đều bình đẳng, làm sao còn có chỗ để chứng đắc?

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Bỉ xứ vô thiếu pháp  
Tri bồ-đề vô thượng  
Pháp giới bất tăng giảm  
Tịnh bình đẳng tự tướng.*

Tạm dịch:

*Nơi đó không một pháp  
Biết bồ-đề vô thượng  
Pháp giới không tăng giảm  
Tự tướng đều bình đẳng.*

Tuy là chẳng có một pháp, tuy là bình

đẳng; nhưng không thể nói rằng chẳng do tu hành mà thành chánh giác. Lại nữa pháp ấy là chẳng có các tướng ngã nhân, xa lìa hẳn các tướng, tức là bình đẳng. Lại nữa, pháp ấy là vô ngã, tự thể chân thật, lại chẳng có một pháp để được, nên gọi là vô thượng. Lại nữa đối với các phương tiện, pháp ấy cũng là vô thượng, dù có các thiện pháp cũng đều là viên mãn, nên gọi là vô thượng. Sao nói các thiện pháp có tự thể để được chứng đắc, mà không thể nào chứng được lý sở đắc? Vì pháp chẳng giống nhau được là thành cái nhân hay sao? Nói thiện pháp, Như Lai nói là chẳng phải pháp, do tánh hữu lậu không thể trì giữ được, nên gọi là chẳng phải thiện. Do tánh vô lậu quyết định có thể trì giữ được, nên đó là tánh thiện. Tánh lậu ấy chẳng phải là pháp thanh tịnh, ở đây là xa các pháp lậu hoặc, tức là pháp thanh tịnh, nên gọi là các pháp

kia. Nếu còn có các pháp hữu lậu, tức là chẳng phải thiện pháp. Do chẳng còn các pháp hữu lậu, nên gọi là thiện pháp, dứt khỏi đó là thiện pháp vô lậu. Nên nói là người quân tử cùng với người quân tử đó vậy.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Hữu vô thượng phương tiện,*

*Cập ly u lậu pháp*

*Thị cố phi tịnh pháp*

*Tức thị thanh tịnh pháp.*

Tạm dịch:

*Có, không còn là phương tiện*

*Phải là pháp vô lậu*

*Nên chẳng phải tịnh pháp*

*Mới là pháp thanh tịnh.*

Nên tu chứng tánh bình đẳng, tuy chẳng phải pháp thanh tịnh, nhưng tu mà chẳng

tu, chúng mà chẳng chúng, tức là chẳng có một pháp để chúng đắc. Nên gọi là thanh tịnh.

Thiền sư Quy Sơn một hôm chỉ vào đám ruộng rồi hỏi Nguỡng Sơn: Thửa ruộng này đầu nào cao, đầu nào thấp?

Nguỡng Sơn đáp: Đồi lại là đầu kia cao, đầu này thấp.

Quy Sơn nói: Ông nếu không tin, hãy ra đứng giữa rồi nhìn cả hai đầu.

Nguỡng Sơn đáp: Không cần phải đứng ở giữa, cũng chẳng trụ ở hai đầu.

Quy Sơn nói: Nếu được như vậy, khi thấy nước, nước làm bằng phẳng mọi thứ.

Nguỡng Sơn đáp: Nước cũng vô định, chỗ cao thì thành ra cao, chỗ thấp thì thành ra thấp.

Quy Sơn không nói nữa. Chúng được lý bình đẳng thật là khó. Trụ ở hai đầu tức

chẳng là bình đẳng, đứng ở giữa cũng chẳng là bình đẳng, chỉ có nước là có thể bình đẳng. Nhưng vật thì không thể bình đẳng, cho đến chẳng có một pháp ất là được bình đẳng. Cao cũng bình đẳng, mà thấp cũng bình đẳng, chỉ có như vậy mới thấy có chúng đặc, mới đủ để biết mình và người đều là cùng trong biển tánh niết-bàn.

**20. Đoạn trừ mọi nghi điều sở thuyết là vô ký chẳng phải nhân.**

Mọi nghi này do nghĩa văn trước nói về việc tu tập các thiện pháp. Như nói tu tất cả các thiện pháp tất sẽ chúng bồ-đề. Đó là nhiếp vào thiện pháp, chẳng phải nhiếp vào vô ký, như văn trước nói rằng nếu thọ trì đọc tụng bốn câu kệ, chỉ là nhiếp vào tánh vô ký của ba thứ danh ngôn, văn tự và

cú nghĩa. Trong thể tánh của pháp vô kí vốn không có nhân quả, làm sao có lý chúng đắc bồ-đề? Để khiến trừ mọi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！若三千大千世界中所有諸須彌山王，如是等七寶聚，有人持用布施；若人以此般若波羅蜜經，乃至四句偈等，受持、讀誦、為他人說，於前福德百分不及一，千萬億分，乃至算數譬喻所不能及。

*Tu-bồ-đề! Như trong ba ngàn đại thiên thế giới có các núi chúa Tu-di, có người dùng bảy món báu tích tụ nhiều như các núi ấy mà bố thí. Lại có người lấy kinh Bát-nhã*

*Ba-la-mật này, thậm chí chỉ bốn câu kệ, thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói. Phước đức của người bố thí, so với người trì kinh thật trăm phần chẳng bì được một, trăm ngàn vạn ức phần, cho đến tính toán, thí dụ cũng chẳng thể so được.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Thí bảo như sa số  
 Duy thành hữu lậu nhân  
 Bất như vô ngã quán  
 Liễu vọng nãi danh chân  
 Dục chứng vô sinh nhẫn  
 Yếu giả ly tham sân  
 Nhân pháp tri vô ngã  
 Tiêu dao xuất lục trần.*

Tạm dịch:

*Đem trần bảo bố thí  
 Nhiều như cát sông Hằng*

Chẳng bằng quán vô ngã,  
 Rõ vọng mới được chân.  
 Muốn chứng vô sinh nhẫn  
 Cần phải lìa tham sân  
 Nhân pháp đều vô ngã  
 Thông dong thoát sáu trần.

Thông rằng:

Tại sao lại đem so sánh việc bố thí đến ba lần, mà đây lại đưa ra lần nữa? Là để phá trừ mọi nghi vô ký chẳng có nhân. Có nghĩa là tu tất cả thiện pháp, mà không dính mắc ở tướng, tức đó là nhân bồ-đề. Cố nhiên, pháp mà Đức Phật nói đều lưu xuất từ trong tánh thiện pháp vô lậu. Pháp ấy lìa hẳn tướng ngôn thuyết, nhưng vẫn giữ ngôn thuyết, thật là có thể hiển bày nhân bồ-đề, đây có thể thấy được cái diệu của Bát-nhã.



Không chỉ tất cả các thiện pháp do lìa các tướng mà chúng được bồ-đề, tuy vẫn tự là pháp thuộc tánh vô ký, cũng do vô tướng mà chúng được bồ-đề. Điều này há dùng bảy báu nhiều như cát mà bố thí, thành nhân hữu lậu là có thể bì kịp hay sao? Cho nên Đức Phật mới đưa ra ba ngàn đại thiên thế giới, trong một thế giới có một núi chúa Tu-di, cao rộng vô lượng, gom chứa bảy báu cũng bằng như vậy. Nếu có người đem những thứ này ra bố thí, phước có thể nói là nhiều thay!

Nếu có người đem nghĩa vô tướng vô trụ trong kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa này, cho đến bốn câu kệ mà thọ trì, đó là tự lợi. Rồi đem nghĩa kinh trên rộng nói cho người khác nghe, tức là làm lợi ích cho người khác. Thuyên giải nghĩa lý trong kinh này, nhân chỗ được ngộ giải mà phát tâm tu hành và thú hưởng bồ-đề. Do không lìa

nguyện này mà chúng được bồ-đề, nên biết phải nhờ vào tánh bồ-đề này mới khế hợp được. Nên việc tuyên nói pháp bảo thật là lớn đồng như hư không, không thể nghĩ bàn. So với phước đức đem vô số trân bảo ra bố thí, chẳng khác gấp trăm ngàn vạn ức, dùng toán số thí dụ đều không thể tính được.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Tuy ngôn vô kí pháp  
 Nhi thuyết thị bỉ nhân  
 Thị cố nhất pháp bảo  
 Thắng vô lượng trân bảo  
 Số lực vô tợ thắng  
 Vô tợ nhân diệt nhiên  
 Nhất thiết thế gian pháp  
 Bất khả đắc vi dụ.*

Tạm dịch:

*Tuy nói pháp vô kí  
 Là để chỉ nhân kia  
 Cho nên với pháp bảo  
 Hơn vô lượng trên bảo  
 Số đếm chẳng bì kịp  
 Cũng chẳng bì kịp nhân  
 Tất cả thế gian pháp  
 Bất khả đắc là dụ.*

Có nghĩa là dùng bốn thứ sai biệt: *toán số, thế lực, loại, nhân*, chẳng có dụ nào trong đó có thể so sánh được.

Một là *số thắng*, cho đến dùng toán số để tính đếm cũng không hết được.

Hai là *thế thắng*, như lực yếu mạnh cũng đều không xứng hợp.

Ba là *loại thắng*, như sang hèn cũng đều không xứng hợp.

Bốn là *nhân thắng*, nghĩa là không thể lấy

những điều này làm nhân.

Nếu công đức thọ trì đọc tụng kinh được đến như vậy, há chẳng khiến cho tâm tiến bộ, tinh tấn và dũng mãnh sao!

Xưa Hương Chí Vương cúng dường bảo châu vô giá cho Tổ thứ 27 là Bát-nhã-đa-la Tôn giả. Tổ đem viên bảo châu được dâng cúng hỏi ba vị Vương tử: Bảo châu này tròn sáng, có vật nào sánh bằng không?

Wang tử thứ nhất và thứ nhì đều đáp rằng: Bảo châu này là quý nhất trong các loại báu, nên chẳng có gì sánh bằng. Chẳng phải là người có đạo lực như Tôn giả thì không thể giữ được.

Wang tử thứ ba nói: Đây là vật trân quý ở thế gian, chưa đủ để xem là tôn quý. Trong các thứ châu báu, pháp bảo là tối thượng. Ánh sáng từ châu báu này là thuộc thế gian, chưa đủ để xem là tôn quý. Trong các

thứ ánh sáng, sự sáng suốt của bản tâm là quý nhất. Ánh sáng của viên bảo châu này, chẳng thể tự chiếu soi được, phải nhờ vào ánh sáng của trí huệ mới soi chiếu rõ nó được. Khi ánh sáng của trí huệ đã soi thấu nó rồi, thì mới biết châu báu ấy. Đã biết châu báu ấy, tức thấy rõ sự quý báu của nó. Nếu biết rõ sự quý báu của nó, thì tính chất quý báu chẳng phải tự nó có. Nếu biết rõ bảo châu ấy, thì châu báu tức chẳng phải là châu báu. Châu báu đã chẳng phải là châu báu, tức là phải nhờ vào châu báu trí huệ mà biện rõ châu báu thế gian. Tính chất quý báu chẳng phải tự nó có, cần phải nhờ trí huệ quý báu để hiển rõ pháp bảo. Nhưng Sư đã có được đạo ấy, nên châu báu viên mãn ấy tức hiện bày. Nếu chúng sinh đạt được đạo ấy, thì châu báu trong tâm họ cũng được tỏ bày.

Tổ Bát-nhã-đà-la tán thán sự biện giải sáng

suốt ấy, lại hỏi: Trong các vật, cái gì chẳng có hình tướng?

Vương tử thứ ba nói: Trong các vật, không khởi niệm là chẳng có hình tướng?

Tổ Bát-nhã-đà-la lại hỏi tiếp: Trong các vật, cái gì lớn nhất? Trong các vật, pháp tánh là lớn nhất.

Tổ Bát-nhã-đà-la biết đây là sẽ người kế thừa đạo nghiệp, bèn đem chánh pháp nhãn phó chúc cho Vương tử. Về sau, Lục tổ cũng có nói:

*Thừa ban vĩnh thế cầu châu,  
Bất tri thân thị thất bảo.*

Nghĩa là:

*Theo dòng thế tục tìm châu báu  
Không hay bảy báu chính thân mình.*

Cả hai vị Tổ sư đều hiển bày tính thâm diệu của pháp bảo, châu báu thế gian

chẳng thể nào bì kịp.

## 21. Đoạn trừ mỗi nghi bình đẳng làm sao mà độ sanh?

Mỗi nghi này do từ mỗi nghi về các pháp bình đẳng. trong đoạn 19.

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói rằng:

Pháp tánh bình đẳng, chẳng có cao thấp, tức chẳng có chúng sinh được độ, nếu Như Lai nói chẳng phải chúng sinh, không trái với các lời dạy khác hay sao? Như kinh nói: Vô lượng chúng sinh do nhận Như Lai làm bậc thiện tri thức, nên nếu có phát sinh các thứ khổ đều được giải thoát. Đã nói có độ thoát chúng sinh, tức có cao thấp, sao gọi là bình đẳng. Để khiến trừ mỗi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！於意云何？汝等勿謂如來作是念：我當度眾生。須菩提！莫作是念，何以故？實無有眾生如來度者。若有眾生如來度者，如來則有我人眾生壽者。須菩提！如來說：有我者，即非有我，而凡夫之人以為有我。須菩提！凡夫者，如來說即非凡夫，是名凡夫。

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Các ông đừng cho rằng Như Lai có ý nghĩ này: ‘Ta đang độ chúng sanh.’*

*“Tu-bồ-đề! Chớ nghĩ như thế. Vì sao vậy? Thật không có chúng sanh nào được Như Lai độ. Nếu có chúng sanh được Như Lai độ, Như Lai tất có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.*



*Tu-bồ-đê! Như Lai dạy rằng có ngã, tức chẳng phải có ngã, nhưng phàm phu cho là có ngã.*

*“Tu-bồ-đê! Phàm phu, Như Lai dạy rằng chẳng phải phàm phu.*

*Thông rằng:*

Mỗi nghi này tuy lấy bình đẳng mà nghi việc độ sinh, thật do độ sinh mà hiển bày tính bình đẳng.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Bình đẳng chân pháp giới  
Phật bất độ chúng sinh  
Dĩ danh cộng bỉ ẩm  
Bất li ư pháp giới.*

Tạm dịch:

*Chân pháp giới bình đẳng  
Phật chẳng độ chúng sinh  
Do tên cùng các ẩm*

## *Chẳng là nơi pháp giới.*

Thường trong pháp giới nhất chân, ngũ uẩn đều là không. Tên thánh, hiệu phàm, hết thảy đều chẳng có. Chúng sinh do trì giữ các uẩn mà thành, tức có nghĩa là chẳng phải chúng sinh. Tên gọi chúng sinh đã là không, thì lấy ai để độ? Nên thật chẳng có chúng sinh được độ thoát. Đó thật là thể chúng pháp giới tánh bình đẳng. San định ký nói rằng: Năm câu sau câu hỏi *Ý ông nghĩ sao?* là để ngăn ngừa sự hiểu lầm. Sao không dùng hai câu để chỉ bày chánh kiến? Để tỏ bày ý rằng: Do nghĩa nào mà chẳng khởi niệm này? Giải thích rằng: Do thật chẳng có chúng sinh được Như Lai độ thoát. Bốn nguyên nhất chân pháp giới vốn tự bình đẳng. Phật là người đã chứng đắc rốt ráo, đã toàn là pháp giới. Chúng sinh tuy chưa được chứng đắc, nhưng duyên vào chúng sinh vốn chẳng có tự thể, nên

cũng đồng như pháp giới, nên nói chẳng có chúng sinh nào được Phật độ thoát. Nếu thật có chúng sinh khác với loài đã được Phật độ thoát, thì loài này tất chẳng phải là pháp giới, chẳng rốt ráo do duyên sinh, vẫn còn các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Phiền não chưa sạch, gọi là chấp ngã, Như Lai chẳng phải làm việc như vậy.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Thủ ngã độ vi quá  
 Dĩ thủ bỉ pháp thị  
 Thủ độ chúng sinh cố  
 Bất thủ bỉ ưng tri.*

Tạm dịch:

*Chấp ngã độ là sai  
 Do chấp pháp ấy đúng  
 Chấp có độ chúng sinh  
 Nên biết chẳng chấp thủ.*

*Bỉ-pháp* ấy, tức là chỉ cho bốn tướng. Như Lai tại sao nói vô ngã? Như Lai có nói về hữu ngã, có nghĩa là vô thể tánh, tức là chẳng phải ngã. Vốn tự là vô ngã, sao còn có cái để chấp giữ? Nên chẳng có các tướng ngã nhân, chúng sinh thọ giả, tất cả đều chẳng phải là thể tánh để chúng đắc. Nếu Như Lai cho rằng có chúng sinh, đó tức là sai lầm do chấp tướng, do chấp rằng ngũ âm là chúng sinh, tức giống như sai lầm về ngã chấp. Muốn khiến cho chúng sinh được giải thoát, có được tướng như vậy, thì chẳng nên chấp trước. Đã không còn ngã chấp, sao còn dùng lời nói chẳng thủ chấp làm gì? Do hàng phàm phu điên đảo các hư vọng, chấp là có ngã, nên chẳng được giải thoát. Cho nên khi nói vọng chấp có ngã, tức đó là hàng phàm phu, chẳng phải là bậc thánh, chẳng thể phát sinh pháp của bậc thánh, nên gọi là

phàm phu. Tên gọi phàm phu ấy là phong cho cái ngã, do sai biệt mà có, gọi là phàm phu sinh. Nhưng trong lý đệ nhất nghĩa, cũng chẳng có phàm phu để được. Đó chỉ là lời nói của thế gian, là phát sinh từ tên gọi phàm phu mà thôi! Do văn trên để suy ra, có nghĩa là Như Lai xưa nay vốn là vô ngã, chỉ có phàm phu mới chấp làm ngã, nên nói chẳng có ngã pháp là đệ độ hàng phàm phu, rốt ráo phàm phu cũng vốn là vô ngã. Không chỉ là vô ngã, mà còn chẳng là phàm phu. Như người nằm mơ thấy hổ, hổ và người nằm mộng đều chẳng có. Làm sao còn có chúng sinh đệ độ?

Trước sau bốn lĩnh vực, đều nói độ mà chẳng độ, trước hết là khiến cho lìa ý niệm có ta đang độ chúng sinh. Mỗi nghi thứ 11 rằng người có thể độ thoát chúng sinh là ta. Mỗi nghi ở đoạn thứ 14 là đã vô ngã rồi thì ai độ? Mỗi nghi này là nhất chân pháp giới

bình đẳng, chẳng bao hàm việc độ sanh, cho đến phát minh điều thật chẳng có chúng sinh nào được độ thoát, rất rõ ràng và tường tận!

Quy Sơn đói bụng, đi ăn cơm, trở về gặp Ngưỡng Sơn. Sư nói: Ngày nay vì nó mà mỗi ngày phải đến trai đường một lần.

Ngưỡng Sơn nói: Con cũng nhờ lệ đó mà được nghe.

Quy Sơn nói: Ta chỉ nói vì nó mà mỗi ngày phải đến trai đường một lần.

Ngưỡng Sơn nói: Thân làm thân chịu, chim thước đói chim thước kêu.

Quy Sơn nói: Làm sao biết sắc thanh?

Ngưỡng Sơn đáp: Hoà thượng vừa rồi nói cái gì?

Quy Sơn nói: Ta chỉ nói vì nó mà mỗi ngày phải đến trai đường một lần.

Ngưỡng Sơn hỏi: Lấy gì làm thanh sắc?

Quy Sơn đáp: Tuy vậy, xét kỹ thì chẳng có gì phương ngại.

Ngưỡng Sơn đáp: Đại sự nhân duyên do đâu sanh?

Quy Sơn đưa nắm tay lên.

Ngưỡng Sơn nói: Rất cục là chỉ đông nói tây.

Quy Sơn nói: Ông vừa hỏi những gì?

Ngưỡng Sơn đáp: Hỏi Hoà thượng về Đại sự nhân duyên

Quy Sơn nói: Sao lại nói chỉ đông nói tây?

Ngưỡng Sơn đáp: Vì dính mắc vào thanh sắc, nên con mới hỏi qua.

Quy Sơn nói: Điều chưa rõ việc này.

Ngưỡng Sơn hỏi lại: Thế nào là rõ được việc này?

Quy Sơn đáp: Huệ Tịch là thanh sắc, lão

tăng qua lại.

Ngưỡng Sơn nói: Một ánh trăng hiện ở ngàn sông, ánh sáng chưa từng vơi bớt.

Quy Sơn nói: Nên tu tập như thế nào mới được?

Ngưỡng Sơn đáp: Như vàng với vàng, chẳng có màu khác, sao có tên riêng?

Quy Sơn nói: Thế nào là nghĩa của tên riêng?

Ngưỡng Sơn đáp: Bình, khay, thoa, xuyên khoán vu bồn—bằng chứng (cũng chính) là cái chậu.

Quy Sơn nói: Huệ Tịch nói thiên, như sự tử rỗng, kinh động cả loài chồn hoang lang sói.

Qua đây mới thấy rõ được rằng chẳng có tên gọi gì khác để gọi nghĩa trên, mới biết chỉ có danh xưng và năm âm. Chẳng là pháp giới, đó là nghĩa tối thượng đệ nhất.



## 22. Đoạn trừ mỗi nghi lấy tướng để so sánh với cái biết chân chính về Phật.

Mỗi nghi này do từ đoạn 17, nói rằng không thể dùng các tướng trong sắc thân mà thấy được Như Lai.

Văn trước đã nói rằng Tức chẳng phải *cụ tức sắc thân*, lại nói đó chính là *cụ tức sắc thân*. Đã nói tức chẳng phải chư tướng *cụ tức*, lại nói đó chính là *chư tướng cụ tức*. Ý trong đó nghĩa là: Pháp thân rốt ráo chẳng phải là 32 tướng tốt. 32 tướng tốt cũng chẳng phải là không phải Phật, do chẳng phải tướng nên mới hiển bày tướng, nên tướng chẳng lìa pháp thân. Nên có mỗi nghi rằng: Đã là vô tướng mới hiển bày tướng, nên ắt phải thấy được tướng mới biết là vô tướng. Pháp thân vốn đã không lìa sắc tướng, tất biết rằng pháp thân do phước tướng mà thành tựu, như so sánh các thứ khác mà biết. Để khiến trừ mỗi

nghe này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！於意云何？可以三十二相觀如來不？」須菩提言：「如是，如是。以三十二相觀如來。」佛言：「須菩提！若以三十二相觀如來者，轉輪聖王則是如來。」須菩提白佛言：「世尊！如我解佛所說義，不應以三十二相觀如來。」爾時，世尊而說偈言：「若以色見我，以音聲求我；是人行邪道，不能見如來。」

*Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể lấy ba mươi hai tướng mà quán thì thấy Như Lai chăng?*

*Tu-bồ-đề thưa: “Đúng vậy, đúng vậy. Lấy ba mươi hai tướng mà quán, sẽ thấy được Như Lai.*

*Phật bảo Tu-bồ-đề: “Nếu lấy ba mươi hai tướng mà quán đó là Như Lai, vậy Chuyển Luân Thánh Vương tức là Như Lai.*

*Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo như chỗ con hiểu nghĩa Phật thuyết dạy, chẳng nên lấy ba mươi hai tướng để thấy Như Lai.*

*Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:*

*“Nếu dùng sắc thấy Ta,  
Dùng âm thanh cầu Ta.  
Là người hành tà đạo,  
Chẳng thấy được Như Lai.*

*Huyền Trang dịch:*

*Đức Phật bảo Thiện Hiện: Ý ông nghĩ sao? Có thể theo các tướng đầy đủ để quán sát Như Lai chăng?* <sup>95[95]</sup>

*Thiện Hiện trả lời rằng: Như con hiểu nghĩa Phật nói: Không nên theo các tướng đầy đủ để thấy Như Lai. Đức Phật nói: Thiện Hiện! Lành thay! Lành thay! Đúng vậy! Như ông vừa nói, Không thể nào theo các tướng đầy đủ để thấy Như Lai. Thiện Hiện! Nếu theo các tướng đầy đủ để thấy Như Lai, thì Chuyển luân thánh vương lẽ ra cũng là Như Lai. Cho nên không thể theo các tướng đầy đủ để thấy Như Lai. Thế nên chẳng phải theo các tướng đầy đủ để thấy Như Lai.*

*Lúc ấy Thế tôn nói kệ rằng:*

*Chư dĩ sắc quán ngã,*

---

<sup>95[95]</sup>Nguyên bản Sanskrit: *tat kim manyase subhūte lakṣaṇasampadā tathāgato draṣṭavyah* | Tu-bồ-đề, Ông nghĩ như thế nào? Như Lai có thể được thấy qua sự toàn vẹn của các tướng hay không?

*Dĩ âm thanh tâm ngã,  
Bỉ y phú tà đạo,  
Bất năng đương kiến ngã.*<sup>96[96]</sup>

*Ứng quán Phật pháp thân  
Tức đạo sư pháp thân  
Pháp tánh phi sở thức  
Cố bỉ bất năng liễu.*<sup>97[97]</sup>

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Niết-bàn hàm tứ đức  
Duy ngã khế chân thường  
Tê danh nhập tự tại*

<sup>96[96]</sup>Nguyên bản Sanskrit:

*ye mām rūpeṇa cādrākṣurye mām ghoṣeṇa cānvayuh |  
mithyāprahāṇaprasṛtā na mām drakṣyanti te janāḥ*

Ai thấy ta qua thân sắc, quy y ta vì thanh âm, những người ấy vướng vào tà đạo, họ sẽ không thấy được ta.

諸以色觀我，以音聲尋我；彼生履邪斷，不能當見我

<sup>97[97]</sup>Ngài Huyền Trang dịch thêm từ Nguyên bản Sanskrit:

*dharmato buddhā draṣṭavyā dharmakāyā hi nāyakāḥ |  
dharmatā ca na vijñeyā na sā śakyā vijānitum*

Nên quán sát chư Phật tương ứng (tuỳ thuận) Pháp, Pháp thân là Đạo sư. Pháp tính không thể được nhận thức, mà cũng không có khả năng nhận thức.

應觀佛法性，即導師法身，法性非所識，故彼不能了。

*Độc ngã tối linh trường  
Phi sắc phi thanh tướng  
Tâm thức khởi năng lương?  
Khán thời bất khả kiến  
Ngộ lý tất hình chương.*

Tạm dịch:

*Niết-bàn gồm bốn đức <sup>98[98]</sup>  
Ngã, khế hợp chân thường,  
Đều gọi: nhập tự tại  
Là ngã rất linh trường  
Chẳng phải tướng sắc thanh  
Tâm thức sao suy lường?  
Nhìn, thì chẳng thấy được  
Ngộ lý, thể sáng trong.*

Thông rằng:

---

<sup>98[98]</sup>Chân thường, chân lạc, chân ngã, chân tịnh.

Văn trên nói pháp giới bình đẳng, là nói chẳng có pháp giới, chẳng có chúng sinh. Như Lai nói phàm phu tức chẳng phải phàm phu. Đã chẳng có tướng chúng sinh để được, chẳng có chúng sinh, há chẳng có Như Lai hay sao! Tuy nhiên, các tướng là cảnh giới sở hiện của Như Lai, nên đó được gọi là chẳng phải tướng tức là tướng. Đã có thể dùng vô tướng để hiển bày các tướng, thì cũng có thể dùng các tướng để hiển bày vô tướng. Tương tự như vậy mà quán sát, cũng như có thể theo tướng để biết được Phật. Không rõ rằng các tướng vốn là vô tánh, vốn là pháp thể chẳng thực có, nên không thể nào xem là tương tự. Pháp tánh chân thật không chỉ lìa thanh sắc mà còn lìa hẳn cả tri kiến, thì nương vào đâu mà thấy quán? Nên biết nói về ngã, tức là chân ngã trong bốn đức của niết-bàn, vốn chẳng phải là chỗ để phân biệt. Cái

biết phân biệt đã không thể thấy được, làm sao biết được nó có? Ở đây trừ bỏ cái ngã thấy mình có độ chúng sinh, và có chúng sinh để độ.

Nghĩa bốn câu kệ do Cưu-ma-la-thập dịch chỉ nói đến cái ngã lìa thanh sắc. Ngài Huyền Trang dịch thêm bốn câu kệ sau (chú thích (1), trang 269), là lìa luôn cái tri kiến về pháp thân.

Kết hợp lại hai bài kệ sẽ thấy nghĩa rất đầy đủ.

Lại nữa Tu-bồ-đề đáp rằng: “*Đúng vậy, đúng vậy. Có thể lấy ba mươi hai tướng mà quán, sẽ thấy được Như Lai.*” So cùng với lời đáp ở trước sẽ không tương hợp nhau. Không đúng như bản dịch của Cưu-ma-la-thập đã tinh lược bớt đi vậy.

San định ký nói rằng: Hai câu *Ý ông nghĩ sao...?*, có nghĩa là, có thể theo các tướng



như là pháp thân vô tướng để quán sát Như Lai được không? Ba câu Tu-bồ-đề trả lời là, từ pháp thân đã lưu xuất thành thân tướng, tức là có thể do nơi tướng lưu xuất này mà biết được Đức Phật đã chứng đắc được vô tướng pháp thân. Trong ba câu mà Đức Phật trả lời, tuy chẳng phân biệt phạm thánh, có nghĩa là Chuyển luân thánh vương<sup>99[99]</sup> cũng có các tướng này, thì đó cũng là Như Lai, tức là thân tướng không thể ví như Như Lai được! Và lại sắc tướng của Chuyển luân thánh vương và Phật tuy đồng, nhưng mỗi bên đều khác nhau. Tướng Phật là do thể hiện từ pháp thân, tướng Chuyển luân thánh vương là theo nghiệp nhân mà có. Phạm thánh như mây và bùn, so sánh vậy sao chuẩn xác được. Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

<sup>99[99]</sup>Chuyển luân vương 轉輪王; S: cakravartin, cakravartī-rāja;  
Là một vị vua quay bánh xe. Có bốn thứ bánh xe: bánh xe bằng vàng, bạc, đồng, sắt. Danh hiệu Chuyển luân vương cũng được dành để chỉ một vị Phật, người chuyên pháp luân với giáo pháp toàn triệt, tuyệt đối.

*Phi thị sắc thân tướng  
 Hà tử tri Như Lai  
 Chư Phật duy pháp thân  
 Chuyển luân vương phi Phật  
 Phi tướng hảo quả báo  
 Y phước đức thành tựu  
 Nhi đắc chân pháp thân  
 Phương tiện dị tương cố.*

Tạm dịch:

*Chẳng phải tướng sắc thân  
 Sao so với Như Lai?  
 Phật chính là pháp thân  
 Chuyển luân chẳng phải Phật  
 Chẳng phải tướng quả báo  
 Do phước đức thành tựu  
 Chứng pháp thân chân thật  
 Phương tiện đều khác nhau.*

Qua nghĩa bốn câu Tu-bồ-đề bạch Phật, Tu-bồ-đề đã ngộ ra rằng không thể dùng các tướng mà thấy được Như Lai. Ý là, nhờ vào thấy nghe là từ cái chân thật mà hiện bày ra cái giả, giả chẳng lìa chân. Sao lại từ giả mà cầu chân! Chân chẳng có từ cái giả được. Tướng Chuyển luân thánh vương là do phước đức mà thành tựu, đó là thân quả báo, chẳng phải là pháp thân. Do đó, lực phước đức chỉ được thành tựu các tướng, mà lực phước đức không thành tựu được đại bồ-đề. Nên Phật cũng không thể nào dùng các tướng để thấy được.

Năm câu từ *Lúc ấy Thế tôn....*tức là dùng kiến văn cũng không thể thấy được Như Lai. Chân như pháp thân chẳng phải là cảnh giới của thức phân biệt, vốn lìa các tướng và nói năng, chỉ là cảnh giới của trí huệ chân thực mới có thể chứng biết được. Nên kệ nói, nếu dùng âm thanh sắc tướng

đề mong thấy Như Lai thì chẳng biết được Phật.

Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: \*\*\*

*Sắc thân phị thị Phật*

*Âm thanh diệc phục nhiên.*

Nghĩa: *Sắc thân chẳng phải Phật,*

*Âm thanh cũng như vậy.*

Lại nói:

*Bất liễu bỉ chân tánh*

*Thị nhân bất kiến Phật.*

Nghĩa: *Không rõ tánh chân thật*

*Người ấy chẳng thấy Phật.*

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Duy kiến sắc văn thanh*

*Thị nhân bất tri Phật*

*Dĩ chân như pháp thân*

*Phi thị thức cảnh cố.*

Tạm dịch::

*Chỉ thấy sắc nghe thanh  
Người ấy chưa biết Phật.*

*Do pháp thân như thật  
Chẳng phải thức phân biệt.*

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói rằng:

Lấy sắc để thấy Như Lai, nghĩa ấy là sao? Nghĩa là có thấy được tướng tốt quang minh mà cho đó là Phật. Cùng với nghe kinh, thọ trì ghi nhớ câu chữ, rồi nói rằng nhờ đó mà thấy được Như Lai; thì người ấy là do nơi thân tướng đẹp, cùng thân tướng qua lời nói mà tu tập phan duyên. Để trừ kiến chấp này nên nói là người ấy tu hành theo tà đạo, không thể thấy được Như Lai. Tính chất của văn tự và sắc tướng vốn không có thực thể, thủ chấp những cái ấy, đúng là tà đạo. Tu tập theo lối đó, làm sao thấy được Phật?

Kinh nói:

*Như Lai pháp vi thân*

*Đản ưng quán sát pháp giới tánh*

Nghĩa: Như Lai lấy pháp làm thân, nên chỉ cần quán sát pháp giới tánh.

Pháp tánh là, còn gọi là Không tánh, Vô tự tánh, Vô sanh tánh. Đây là thân đệ nhất nghĩa của chư Phật. Nếu thấy được điểm này, mới gọi là thấy Phật. Phan duyên pháp tánh mà là chẳng thủ trước, đem tâm trí huệ thanh tịnh, rõ biết, pháp tánh. Pháp tánh há là cái để liễu tri chẳng? Nên kinh nói:

*Pháp tánh phi sở kiến,*

*Bỉ diệt bất năng tri.*

Nghĩa: Pháp tánh chẳng phải là đối tượng để thấy, cũng không thể biết đến nó được.

Lại có kinh nói: Hết thấy pháp tánh, do

đồng như hư không, làm chỗ sở y cho các vật thể, mà thể tánh của pháp lại chẳng phải là vật. Ở trong thể các pháp là vắng lặng, vô tri, gọi là rõ biết. Nên gọi là biết, chỉ tùy theo ngôn thuyết thế gian mà thôi.

Công Đức Thi Bồ-tát Luận giải thích bốn câu sau rất tường tận. Nên nghiên ngẫm kỹ ý vị của nó.

Xưa khi Mã Tổ thường vào núi Hoành Nhạc sơn<sup>100[100]</sup> để tập tọa thiền. Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng biết đây là bậc pháp khí. Có hôm Nam Nhạc đến hỏi Mã Tổ: Đại đức ngồi thiền, nhằm để làm gì?

Mã Tổ đáp: Mong làm Phật.

Nam Nhạc bèn lấy viên ngói, ngồi mài trước am của Mã Tổ. Sư hỏi: Mài ngói để làm gì?

Nam Nhạc nói: Để làm gương soi.

---

<sup>100[100]</sup> Các bản khác có ghi rõ thêm : Truyền Pháp Viện.

Mã Tô nói: Mài ngói làm sao thành gương soi được?

Nam Nhạc nói: Mài ngói chẳng thành gương soi, ngồi thiền thành Phật được sao?

Mã Tô hỏi: Vậy phải làm sao?

Nam Nhạc nói: Ví như người đánh xe, xe không chạy, nên đánh vào xe hay đánh vào bò?

Mã Tô không trả lời được.

Nam Nhạc nói tiếp: Ông học ngồi như vậy là để đạt thiền hay để thành Phật? Nếu để đạt thiền thì thiền không phải là ngồi hay nằm. Nếu để thành Phật thì Phật không có hình tướng nhất định. Vì đó là tướng vô trụ, chẳng nắm bắt, chẳng xả bỏ. Ông học ngồi để thành Phật tức là giết Phật. Hễ ông còn chấp vào tướng ngồi thì chẳng bao giờ thể nhập diệu lí

Mã Tô nghe lời dạy như vậy, như uống



được đề hồ. Lễ bái và hỏi: Vậy con phải dụng tâm như thế nào để khế hợp với vô tướng tam-muội?

Nam Nhạc nói: Ông học pháp môn tâm địa, như gieo hạt giống; còn ta nói pháp yếu, ví như mưa thấm. Nếu duyên của ông khế hợp, sẽ thấy được đạo.

Mã Tổ lại hỏi: Chẳng phải sắc tướng, làm sao thấy được?

Nam Nhạc nói: Pháp nhãn của tâm địa thấy được đạo. Vô tướng tam-muội cũng như thế.

Mã Tổ lại hỏi: Có thành hoại chăng?

Nam Nhạc đáp: Nếu lấy thành hoại tu tán mà thành được đạo thì đó chẳng phải là thấy đạo. Hãy nghe kệ của ta:

*Tâm địa hàm chư chủng  
Ngộ trạch tất giai manh*

*Tam-muội hoa vô tướng  
Hà hoại phục hà thành?*

Tạm dịch::

*Đất tâm ươm hạt giống  
Gặp mưa tất nảy mầm.  
Hoa tam-muội không tướng  
Chẳng hoại, có đâu thành?*

Mã Tô liền khai ngộ, tâm ý được siêu nhiên.

Thiền sư Vân Môn có lời thùy thị:

Cổ nhân nói rằng:

Mỗi người đều vốn có trong chính mình đức tánh quang minh, nhưng khi nhìn thì không thấy, chỉ một màn tối đen. Cái gì là quang minh?

Sư tự trả lời thay đại chúng: Nhà bếp, công tam quan.

Sư nói tiếp: Việc tốt chẳng bằng như

không có gì cả.

Tuyết Đậu có bài tụng rằng:

*Tự chiếu liệt cô minh*

*Vị quân thông nhất tuyến*

*Hoa tạ thọ vô ảnh*

*Khán thời thủy bất kiến*

*Kiến bất kiến*

*Đảo kị ngư hệ nhập Phật điện.*

Tạm dịch::

*Tự soi bày sáng riêng*

*Vì anh thông một đường*

*Hoa rơi, cây không bóng*

*Khi xem thì chẳng thấy*

*Thấy không thấy*

*Cỡi ngược trâu, chừ vào điện Phật.*

Kết hợp hai tác trên để thấy, vô tướng tam-muội tuy là chỉ bằng tâm địa pháp nhãn

mới thấy được, nhưng thấy là chẳng thấy, như *Cõi ngược trâu* mới mong thấy được Như Lai.

### **23. Đoạn trừ mỗi nghi Phật quả chẳng can hệ gì đến phước tướng.**

Mỗi nghi do từ văn trước nói rằng, không nên dùng sắc tướng để thấy Như Lai. Không thể đồng nhất Như Lai với 32 tướng. Tướng ấy Ở Đức Phật tức gọi là Phật quả, ở nơi Chuyển luân thánh vương thì gọi là phước tướng. Quả vị đã không đồng, chỉ là do tu huệ, không phải tu do từ tu phước. Giống như không thể có đủ tướng trượng phu mà chứng được bồ-đề. Như vậy tu tập các hạnh Bồ-tát ắt là mất công đức, mất quả báo. Để khiến trừ mỗi nghi này, nên kinh nói:

## Kinh văn:

須菩提！汝若作是念：如來不以具足相故，得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提！莫作是念：如來不以具足相故，得阿耨多羅三藐三菩提。須菩提！汝若作是念，發阿耨多羅三藐三菩提心者，說諸法斷滅。莫作是念，何以故？發阿耨多羅三藐三菩提心者，於法不說斷滅相。須菩提！若菩薩以滿恒河沙等世界七寶持用布施，若復有人知一切法無我，得成於忍，此菩薩勝前菩薩所得功德。何以故？須菩提！以諸菩薩不受福德故。」

須菩提白佛言：「世尊！云何菩薩不受

福德？」 「須菩提！菩薩所作福德，不應貪著，是故說不受福德。

*Tu-bồ-đề! Nếu ông khởi ý nghĩ rằng: ‘Như Lai chẳng dùng các tướng đầy đủ mà được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.’ Tu-bồ-đề! Chớ nghĩ như thế. Chớ nghĩ rằng Như Lai chẳng dùng các tướng đầy đủ mà được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

*“Tu-bồ-đề! Nếu ông khởi ý nghĩ rằng: ‘Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thuyết giảng tướng đoạn diệt của các pháp.’ Chớ nghĩ như thế. Vì sao vậy? Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với pháp chẳng thuyết tướng đoạn diệt.*

*Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát dùng bảy báu đầy trong những thế giới nhiều như cát sông*

*Hằng mang ra bố thí. Lại có người hiểu biết hết thấy các pháp là vô ngã nên thành tựu được hạnh nhẫn. Công đức của người này vượt hơn vị Bồ-tát làm việc bố thí.*

*“Vì sao vậy? Tu-bồ-đề! Là vì các vị Bồ-tát chẳng thọ nhận phước đức.”*

*Tu-bồ-đề bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát chẳng thọ nhận phước đức?”*

*“Tu-bồ-đề! Bồ-tát có làm việc phước đức đều chẳng nên tham trước. Nên nói là chẳng thọ nhận phước đức. Thông rằng:*

*Tu-bồ-đề chỉ một chiều hiểu về lý không, một chiều nói rằng không thể bằng 32 tướng mà thấy Như Lai được. Đức Phật xác nhận ý này và nói: Nếu nhờ vào tướng mà thấy được Như Lai, thì Chuyển luân thánh vương cũng là Phật. Rồi ngài liền nói kệ: Đem sắc thân, âm thanh mà cầu Như Lai, đó là hành tà đạo.*

Đó là đề phá trừ đàm thuyết về tướng, có thể nói là tuyệt cùng! Nếu chấp trước sự phá tướng là thật, tức cũng giống gnhư chấp không, tức đi đến chỗ đoạn diệt nhân quả. Nếu phát bồ-đề tâm, thì từ bi, trí huệ phải cùng vận hành song song với nhau. Nếu không được như vậy, tuy không nhờ vào phước đức mà chứng bồ-đề, nhưng cũng không mất phước mà mê mờ nhân quả. Chỉ là phước đức do không thủ trước! Chỉ có nhưng chẳng thọ. Nhân là nhân thanh tịnh, quả là quả thanh tịnh. Có được 32 tướng, phước tướng của Phật cùng Chuyển luân thánh vương chẳng giống nhau.

San định ký nói rằng:

Tám câu từ *Nếu ông khởi ý nghĩ rằng...*, là đề ngăn ngừa ý niệm huỷ bỏ các tướng. Ý nói rằng: Nếu ông cho rằng Như Lai do không cần phải có đủ sắc tướng mới chứng đắc bồ-đề. Chớ suy nghĩ như vậy. Thế vẫn



như là trùng lặp, nhưng ý thật là chẳng trùng, chỉ là trước thì nêu ra đề sau ngăn ngừa.

Năm câu từ *Nếu ông khởi ý nghĩ rằng...*, là đề trừ sai lầm do phá bỏ tướng. Vì nếu nói xác định là có, ắt là chấp vào thường. Nói xác định là không, ắt là chấp vào đoạn. Nay nếu khởi kiến giải vô tướng, tức chính là đoạn kiến. Tức là trên phương diện quả báo sẽ bị tổn mất phước đức trang nghiêm, trên phương diện nhân sẽ tổn giảm năm hạnh trong lục độ, sẽ phá hoại tục đế. Chủ trương các pháp đoạn diệt, đó là kiến giải chấp không của hàng Nhị thừa, chẳng có Bồ-tát nào cho các pháp là đoạn diệt. Sao vậy? Vì có sinh tức có đoạn. Tánh của tất cả các pháp là vô sanh, nên lìa xa hai cực đoạn thường, đoạn. Đã lìa xa được hai cực đoạn ấy, đó là tướng của pháp giới. Nên phát bồ-đề tâm là cần phải tương ưng

cùng pháp giới, tức phải nương vào hạnh nguyện từ bi và trí huệ, hạnh làm lợi ích cho chúng sinh, nên không nói tướng của các pháp là đoạn diệt. Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Bất thất công đức nhân  
Cập bỉ thắng quả báo.*

Tạm dịch::

*Không mất nhân công đức  
Cùng quả báo thù thắng.*

Do các pháp không thể đoạn diệt, nên trí huệ trang nghiêm, công đức trang nghiêm, đều có được sự thành tựu. Sao lại nói rõ việc được quả báo thù thắng? Nếu Bồ-tát đem bảy báu nhiều như thế giới trong cát sông Hằng ra bố thí, thì sẽ được phước đức thế gian không thể suy lường được. Nếu có người biết được các pháp đều vô ngã, tức chẳng có các tướng vô ngã, sẽ được thành

tự hạnh nhân. Vô ngã là nhân vô ngã và pháp vô ngã. Đạt được hai ý niệm nhân không và pháp không, lại chẳng để sinh trở lại, tức gọi là nhân. Đã đạt được Vô sinh pháp nhân mà tu tập phước đức thanh tịnh không cầu nhiễm, sẽ thấy được việc bố thí trụ nơi tướng kia là sẽ rơi vào chỗ hữu lậu, chẳng qua là gấp trăm ngàn vạn ức phước ấy mà thôi. Nên luận nói: Hơn hẳn công đức Bồ-tát đã đem của báu ra bố thí ở trước.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Đắc thắng nhân bất thất  
Dĩ đắc vô cầu quả.*

Tạm dịch::

*Nhân thù thắng không mất  
Do được quả vô nhiễm.*

Chỉ có vô ngã mới có ý hướng đến Vô thượng bồ-đề, nên gọi là thù thắng. Nếu tất

cả các pháp đều là vô sinh, nếu có phước đức ắt phải là có lúc đoạn hết, làm sao nói có phước đức sinh ra? Do các Bồ-tát không thọ phước đức, nên nói rõ chẳng thọ nên không mất phước đức. Nhưng không thọ, có nghĩa là không dính mắc vào sinh tử. Nếu trụ vào sinh tử, tức là thọ phước đức, tức chẳng phải là có phước đức trong nghĩa trung đạo.

Vì sao Bồ-tát không thọ phước đức? Giải thích ý nghĩa rằng: Bồ-tát tu phước, nếu sinh tham trước, tất trong nhân ấy đã là hữu lậu, nên quả báo cũng là hữu lậu. Mỗi khi chiêu tập quả báo, là điều đáng lo nghĩ. Nên biết sự thủ chấp ấy là siêu việt các thứ chấp thủ. Đây đúng là nhân quả đều mất, nên thành mối nghi trên.

Nay có tu phước nhưng chẳng tham trước, tất nhân ấy là vô lậu, quả cũng vô lậu. Phước đức này không có quả báo, tức

không có quả báo hữu lậu. Thủ đắc như vậy, chẳng phải là cái sở đắc siêu việt. Sao lại nghi đó là mất nhân và quả?

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Thị thắng phước đức tướng*

*Thị cố thuyết thí dụ*

*Thị phước đức vô báo*

*Như thị thọ bất thủ.*

Tạm dịch::

*Tướng phước đức thù thắng*

*Nên nói đến thí dụ*

*Phước đức không quả báo*

*Nên thọ mà chẳng thủ.*

Phước đức chưa có khi nào mà chẳng tu, đó từ phương diện tục đế mà nói. Đã tu rồi thì chẳng còn tham trước, đó từ phương diện đệ nhất nghĩa đế mà nói. Cho nên các pháp không thể đoạn diệt. Thế nên Phật

quả và tướng phước đức, sao còn nghi là chẳng có?

Có vị tăng hỏi Thiền sư Vân Nham Đàm Thạnh: Hai mươi năm thân cận Bá Trượng, tại sao không được truyền trao tâm đặng?

Vân Nham đáp: Trên đầu đội mũ hoa báu.

Tăng hỏi: Trên đầu đội mũ hoa báu, Ý chỉ như thế nào?

Vân Nham đáp: Đại Đường Thiên tử và vua Diêm-la

Tăng hỏi Thiền sư Cửu Phong Kiên:<sup>101[101]</sup>

Đại Đường Thiên tử và vua Diêm-la. Ý chỉ như thế nào?

Cửu Phong đáp: Bỏ qua những lời ghi nhớ rỗng tuếch.

*Thiền sư Đan Hà có bài tụng rằng:*

*Ngọc tiên cao cử kích kim môn*

---

<sup>101[101]</sup>Cửu Phong Đạo Kiên Thiền Sư. Ở Đao Châu. Sinh quán Phước Châu. Là thị giả của ngài Thạch Sưông. Một trong bảy thứ báu

*Dẫn xuất san hô<sup>102[102]</sup> giá mạc luận.*

*Huỳnh cô luân vương toàn ý khí*

Bất chương bảo ấn tự nhiên tôn.

Tạm dịch::

*Roi ngọc đưa cao gõ cửa vàng*

*Bày ra san hô giá miễn bàn*

*Xa chuyển luân vương, nguyên ý chí*

*Ấn quý không màng, quý tự nhiên.*

Có tăng lại hỏi Thiên sư Trường Sa: Xưa nay mọi người đều thành Phật chăng?

Trường Sa đáp: Ông nói vua Đường đi cắt cỏ ngải và rau lữ đó chăng?

Thiên sư Đầu Tử có bài tụng rằng:

*Đài điện trùng trùng tử khí thâm*

*Tinh phân thân vị chính càn khôn*

*Kim luân bất ngự Diêm-phù cảnh*

<sup>102[102]</sup> S: Pravāḍa. Phiên âm là Bát-tra-bà-phú-la. Một trong bảy thứ châu báu. Hán dịch là San hô 珊瑚.

*Khởi tịnh chư hầu bảo ấn tôn.*

Tạm dịch::

*Rêu phong điện các dày sắc tía.*

*Sao chia ngôi vị chính càn khôn*

*Kim luân chẳng ngự cảnh Diêm-phù*

*Há các sao đều được trọng chãng?*

Qua hai tác trên mà quán sát, phước đức của Chuyển luân thánh vương đã vượt xa hẳn phước đức của các vua chư hầu, huống gì phước đức của Như Lai sẽ vượt xa phước đức của Chuyển luân thánh vương như thế nào? Đã là vô ngã, đã thành tựu ở vô sanh pháp nhẫn, tự mình chẳng phải là vua Đường đi cắt cỏ ngải và rau lữ, nên nói không thọ phước đức là phước chí tôn vậy.

**24. Đoạn trừ mỗi nghi hoá thân hiển bày**



## đề thọ phước.

Mỗi nghi này do từ văn trước nói rằng chẳng thọ phước đức.

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói rằng: Nếu trong đệ nhất nghĩa chẳng có một pháp đề thủ đắc, sao các kinh khác lại nói như thế này:

*Như Lai phước trí tư lương viên mãn,  
Toạ bồ-đề toà thú ư niết-bàn.*

Nghĩa là: Với Phước đức trí huệ của Như Lai tròn đầy làm tư lương, nên ngồi toà bồ-đề để giáo hoá chúng sinh thú hướng niết-bàn.

Để khiến trừ mỗi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！若有人言：如來若來若去、若

坐若臥，是人不解我所說義，何以故？  
如來者，無所從來，亦無所去，故名如來。

*Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: Như Lai có đến, hoặc có đi, hoặc có ngồi, hoặc có nằm. Người ấy thật chẳng hiểu nghĩa ta thuyết dạy. Vì sao vậy? Như Lai đó, chẳng từ đâu mà đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai.*

Thông rằng:

Như Lai đã không do từ các sắc tướng mà thấy được, cũng không thể nói rằng đó là đoạn diệt, là chẳng trụ sinh tử, chẳng trụ niết-bàn, thường từ chân như mà đến để cứu độ chúng sinh. Nhưng niết-bàn chẳng phải là một nơi chốn thực hữu. Nhưng để đến được nơi đó, tạm gọi là *khứ*; sinh tử cũng chẳng phải là một nơi chốn thực hữu.

Nhưng đề thoát ra khỏi chôn đó, tạm gọi là *lai*. Chẳng đến chẳng đi, đó là nghĩa của Như Lai. Nên chấp tướng mà cầu Như Lai thì chẳng thể nào được. Nên biết hoá thân biểu hiện. Hiện mà chưa từng xuất hiện. Trong quả vốn chẳng có thọ dụng, trong nhân há có thọ chấp hay sao?

San định ký nói rằng: Nếu như có người nói rằng Như Lai do sự xuất hiện mà đến, nhập diệt gọi là đi (khứ), trụ ở thế gian, khi ngồi khi nằm, là đều không hiểu được nghĩa Như Lai nói. Do nghĩa nào mà gọi đó là Như Lai? Do Phật từ xưa nay vốn chẳng đến chẳng đi. Đến đi là hoá thân Phật. Như Lai là pháp thân, xưa nay vốn chẳng diêu động, nếu Như Lai có sự sai biệt đến đi, tức chẳng được gọi là thường trú như vậy, thường như thị trụ, thường chẳng biến đổi, chẳng sai khác.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Khứ lai hoá thân Phật  
Như Lai thường bất động.*

Tạm dịch:

*Hoá thân Phật đến đi.  
Như Lai thường chẳng động.  
Đây là chẳng khác mà lại khác.*

Có người hỏi rằng: Đã chẳng có Phật đến đi, sao lại xuất hiện để thọ phước? Là vì chúng sinh để thọ dụng hay sao?

Đáp rằng: Đây là do nước tâm của chúng sinh thanh tịnh, tức thấy Phật đến (lai), đến chẳng từ đâu đến. Khi nước tâm cấu bẩn, thì thấy Phật đi (khứ), đi nhưng chẳng đi về đâu. Đó là Phật chỉ theo tâm chúng sinh mà thị hiện chứ vốn là vô tâm, chỉ tùy theo tâm lượng chúng sinh mà ứng hiện! Vốn chẳng có Phật nào xuất hiện, sao lại có việc thọ nhận phước đức?

Di-lặc BỒ-tát có kệ rằng:

*Thị phước đức ứng báo  
 Vi hoá chư chúng sinh  
 Tự nhiên như thị nghiệp  
 Chư Phật hiện thập phương.*

Tạm dịch:

*Phước đức ứng báo thân  
 Vì giáo hoá chúng sinh  
 Nghiệp tự nhiên như vậy  
 Chư Phật hiện mười phương.*

Như kinh nói:

Ứng vật hiện hình, như trăng trong nước.

Hình ảnh trong nước có đến đi, mà trăng thường chẳng động.

Lục Hoàn Đại phu hỏi Thiền sư Nam Tuyền:

Trong nhà đệ tử có một phiến đá, có khi

ngồi, có khi nằm trên đó, nay muốn tạc tượng Phật trên đó có được chăng?

Nam Tuyên đáp: Được!

Lục Hoàn Đại phu hỏi tiếp: Chẳng phải là không được hay sao?

Nam Tuyên đáp: Không được!

Thiền sư Vân Nham nói: Ngồi tất là Phật, chẳng ngồi tất chẳng phải Phật.

Động Sơn nói: Chẳng ngồi tất là Phật, ngồi tất chẳng phải Phật.

Thiền sư Thiên Đồng niệm rằng:

*Chuyển công thành vị,*

*Chuyển vị thành công,*

*Rõng rang đầu gậy?*

Cây trượng, hãy nói ý Nam Tuyên như thế nào? Cho dù khám nghiệm thấy chưa được.

Ngũ tổ Diễm<sup>103[103]</sup> nói:

Đại chúng! Phạm là bậc thiện tri thức, phải nên quyết trạch sáng suốt. Vì sao mà người khác nói được, mình cũng nói được, người khác nói không được, mình cũng nói không được? Có biết Nam Tuyền rơi vào chỗ nào chẳng? Hoà thượng Bạch Vân đã không tiếc lông mi, đã giải thích giúp cho ta phá trừ. Nói được thì do từ đâu mà được? Nói không được thì do đâu mà không được? Nếu các ông vẫn chưa hiểu, thì đêm nay lão tăng sẽ vì các ông mà làm thứ ấy.

Nói xong Sư đưa nắm tay lên rồi nói: Hãy đem ba cỗi, hai mươi tám cảnh trời làm đầu của Phật, đem kim luân thuỷ sát làm chân Phật, bốn đại thần châu làm thân Phật. Tuy nhiên, làm được ông Phật con

---

<sup>103[103]</sup> Ngũ tổ Pháp Diễm Thiền sư. Ở Tân Châu. Gia đình họ Đặng ở Tuyên Châu. Năm 35 tuổi mới xuất gia. Nối pháp của Hoà thượng Bạch Vân Đoan.

này rồi, thì các ông đứng tại chỗ nào mà an thân lập mệnh? Đại chúng hiểu hết chưa?

Lão tăng nói cách thứ hai: Đông thắng thân châu<sup>104[104]</sup> làm một vị Phật, Nam Thiêm-bộ châu làm một vị Phật, Tây Ngưu hoá châu<sup>105[105]</sup> làm một vị Phật, Bắc Uất-đan-việt làm một vị Phật. Cây cỏ lùm rừng là Phật, nhuyễn động hàm linh là Phật. Đã như vậy, còn gọi ai là chúng sinh? Đã hiểu được chưa? Chẳng như Đông thắng thân châu vẫn là Đông thắng thân châu; Nam Thiêm-bộ châu<sup>106[106]</sup> vẫn là Nam Thiêm-bộ châu; Tây Ngưu hoá châu vẫn là Tây Ngưu hoá châu; Bắc Uất-đan-việt<sup>107[107]</sup> vẫn là Bắc Uất-đan-việt. Cây cỏ lùm rừng vẫn là cây cỏ lùm rừng; nhuyễn động hàm linh vẫn là nhuyễn động hàm linh. Nên nói Pháp trụ, Pháp vị ấy, là tướng thường trụ ở

<sup>104[104]</sup>S: Pūrva-Videha. Phiên âm: Phất-vu-đai 東弗于逮. Tức Đông Thắng thân châu

<sup>105[105]</sup>S: Godāniya 瞿耶尼. Tức Tây Ngưu hoá châu.

<sup>106[106]</sup>S: Jambudvīpa 閻浮提 Diêm-phù-đề. Tức Nam Thiêm-bộ châu 瞻部洲.

<sup>107[107]</sup>S: Uttara-kuru 北俱盧洲 Bắc câu-lô-châu.



thế gian.<sup>108[108]</sup> Nếu như vậy, ông lấy cái gì làm Phật? Nhận ra được chưa?

Bồinger nhiên có một vị bước ra nói:

“Bạch Vân hãy thôi nói mớ, đại chúng đã biết được chuyện ngữ này rồi.”

Các bậc tôn túc từ xưa nay, nơi bản nguyên tự tánh thiên chân Phật, các vị đều hiện bày tay mắt mình, hồ dụng nghiền phá. Nếu tham thấu chỗ này, mới được gọi

---

<sup>108[108]</sup>Pháp trụ, Pháp vị:

*Phật chủng tùng duyên khởi,*

*Thị cố thuyết Nhất Thừa.*

*Thị pháp trụ pháp vị,*

*Thế gian tướng thường trú.*

Tạm dịch: *Hạt giống của giác ngộ,*

*Cũng sinh khởi do duyên,*

*Vì vậy nói Nhất Thừa.*

*Thế của pháp thường trú,*

*Tính của pháp nguyên vị.*

*Nên tướng của thế gian,*

*Cũng thường trú vắng lặng.*

(Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương tiện, Cưu-ma-la-thập dịch. Taishō 9 )

là thầy Như Lai.

## 25. Đoạn trừ mỗi nghi pháp thân và hoá thân đồng nhất hay khác biệt.

Mỗi nghi này do từ văn trên nói rằng pháp thân không đoạn diệt. Pháp thân đến từ chỗ chẳng đến đi.

Công Đức Thi Bồ-tát Luận nói rằng: Nếu sinh tử Bát-nhã đều bất khả đắc, nên chẳng có đến đi. Như Lai há chẳng như núi chúa Tu-di tích tụ thành một thể để an trụ nơi đó chẳng? Để khiến trừ ý niệm đồng nhất, ý niệm thường hằng trong này, chẳng có phân biệt nhưng có phân biệt, *thấy hợp nhất một thể*. Nói rằng vi trần là nhiều, để khiến trừ chẳng phải *cái thấy hợp nhất một thể*. Nói chẳng phải vi trần là nhiều, là để khiến trừ *cái thấy hợp nhất một thể*.

Đó gọi vi trần là nhiều. Ngã chẳng phải là vật thể phân chia ra được rồi cho là nhiều. Lại nữa, để khiến trừ ý niệm về sự tích tụ. Nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！若善男子、善女人，以三千大千世界碎為微塵，於意云何？是微塵眾寧為多不？」 「甚多，世尊！何以故？若是微塵眾實有者，佛則不說是微塵眾，所以者何？佛說：微塵眾、即非微塵眾，是名微塵眾。世尊！如來所說三千大千世界，即非世界，是名世界。何以故？若世界實有者，則是一合相。如來說：一合相即非一合相，是名一合相。

」 「須菩提！一合相者，即是不可說，  
但凡夫之人貪著其事。

*Tu-bồ-đề! Nếu có những thiện nam tín nữ đem ba ngàn đại thiên thế giới nghiền nát thành vi trần. Ý ông nghĩ sao? Số vi trần ấy là nhiều chăng?*

*Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao vậy? Nếu những vi trần này là thật có, thì Như Lai chẳng nói là vi trần. Vì sao vậy? Như Lai nói vi trần, tức chẳng phải vi trần, nên gọi là vi trần.*

*Thế Tôn! Như Lai nói ba ngàn đại thiên thế giới, tức chẳng phải thế giới, nên gọi là thế giới.*

*Vì sao vậy? Nếu thế giới là có thật, tức là một tướng hòa hợp.<sup>109[109]</sup> Như Lai nói*

<sup>109[109]</sup>sacedbhagavan lokadhāturabhaviṣyat sa *eva* *pīṇagrāho*'bhaviṣyat yaścaiva pīṇagrāhastathāgatena bhāṣito 'grāhaḥ sa tathāgatena bhāṣitaḥ | tenocyate pīṇagrāha iti |  
*Vì sao? Thưa Thế Tôn, nếu đã có một thế giới thì đã có nhất hợp chấp và cái được Như Lai dạy là nất hợp chấp đó chính là cái phi chấp được Như Lai dạy. Thế nên nó được gọi là nhất hợp*

*rằng một tướng hòa hợp tức chẳng phải một tướng hòa hợp, nên gọi là một tướng hòa hợp.”*

*“Tu-bồ-đề! Một tướng hòa hợp tức là chẳng thể nói ra. Chỉ vì kẻ phàm phu tham chấp nơi sự việc.*

Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:

*Giới trần hà nhất dị.*

*Báo ứng diệt đồng nhiên*

*Phi nhân diệt phi quả.*

*Thùy hậu phục thùy tiên?*

*Sự trung thông nhất hợp*

*Lí tắc lưỡng câu quyên*

*Dục đạt vô sinh lộ.*

*chấp.*

Bản dịch Huyền Trang:

何以故。世尊。若世界是實有者即為一合。如來說一合執即為非執故名一合執。

Bản dịch Chân Đế dùng chữ *Tụ nhất chấp.*

何以故。世尊若執世界為實有者。是聚一執。

此聚一執如來說非執故。說聚一執。

*Ứng dương thức bốn nguyên.*

Tạm dịch:

*Thế giới và vi trần  
 Đâu đồng nhất dị biệt?  
 Báo thân và Ứng thân  
 Cũng đều giống như vậy.  
 Cái gì sau, gì trước?  
 Trong cảnh giới của sự  
 Điều dung thông một thể  
 Lý tức trừ hai bên  
 Muốn nhập vô sanh lộ  
 Nên biết được bốn nguyên.*

*Thông rằng:*

Không nên theo hình tướng để thấy Như Lai, tợ như cùng với hoá thân là khác. Trên phương diện pháp thân thì không nói đến tướng đoạn diệt, đó là tợ như đồng nhất

với hoá thân. Hoá thân có đến đi, pháp thân thường chẳng động. Trong đó thật chẳng có tướng đồng nhất hay dị biệt, nên Đức Phật mới dùng ý niệm pháp giới để làm sáng tỏ. Việc đi đứng nằm ngồi, tức là các tướng vi trần. Đi đứng nằm ngồi mà chẳng lìa pháp thân; như vi trần chẳng lìa pháp giới. Từ pháp thân thị hiện các tướng đi đứng nằm ngồi, cũng như thế giới nghiền ra thành vi trần, nên không thể nói là khác nhau được. Hết phiền não thì chứng được pháp thân, như nghiền nát vi trần thì thành hư không, chẳng thể nói đó là đồng nhất được. Bầu thái hư kia, chẳng phải là do hoà hợp các vi trần bị nghiền nát kia mà thành, chẳng phải là nó có tánh đồng nhất. Vi trần ấy, chẳng phải do nghiền nát nó ra sau đó nó mới hiển lộ, đó là chẳng phải nó có tánh dị biệt. Như Lai đã xa lìa các thứ phiền não chướng, trụ ở

pháp kia mà chẳng phải trụ ở cảnh giới đồng nhất, cũng chẳng trụ ở cảnh giới dị biệt. Đó là bất khả tư nghì của cảnh giới bất khả tư nghì. Há có thể dùng ngôn thuyết diễn tả được chăng? Chỉ có hàng phàm phu chấp trước sự tướng, nghĩa là có sự phân chia, hoà hợp để sở đắc. Nếu thấy được thật tướng, tức pháp giới nhất chân bình đẳng vốn là vô tự tánh, thì có ai đến đi? Ai là bất động? Chỉ có thể nói đó chính là Như Lai mà thôi!

San định ký nói rằng: Từ câu đầu *Tu-bồ-đề* cho đến câu *kẻ phàm phu tham chấp nơi sự việc*, là đứng về thế giới trần cảnh mà phá trừ quan niệm đồng nhất và dị biệt. Năm câu *ba ngàn đại thiên thế giới* là nêu thế giới trần cảnh đồng nhất và dị biệt để hiển bày lý thể vô tánh. Nói thế giới là dụ cho pháp thân. Nói vi trần là dụ cho Ứng thân. Thế giới là đồng nhất, vi trần là dị biệt.



Nghiền nát thể giới thành vi trần, tức là vi trần vốn chẳng có tánh dị biệt. Hợp vi trần lại thành thể giới, tức là thể giới vốn chẳng có tánh đồng nhất.

*Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:*

*Khử lai hoá thân Phật,*

*Như Lai thường bất động*

*Ư thị pháp giới xứ*

*Phi nhất diệt phi dị.*

Tạm dịch::

*Hoá thân Phật đến đi*

*Như Lai thường bất động*

*Ở trong pháp giới tánh*

*Chẳng đống nhất, dị biệt.*

Từ câu *Vì sao vậy?... đến... nên gọi là vi trần*. Đây lấy vi trần dụ cho Ứng thân không có tánh dị biệt. Nếu biết nghiền nát thể giới ra thành vi trần, thì vi trần đều là

thế giới, ắt vi trần là vô thật tánh, nên gọi là chẳng phải vi trần, chẳng phải thật là vi trần. Lìa hẳn tánh kế chấp mà nói vi trần, thì đó là không vi trần, nên gọi là vi trần. Dù này là hoàn toàn từ pháp thân khởi nên Ứng thân. Ứng thân tức là Pháp thân, làm sao còn có tánh dị biệt?

Từ câu *Thế Tôn!* ... đến...*phàm phu tham chấp nơi sự việc*. Đây giải thích thế giới, dụ cho pháp thân chẳng phải là tánh đồng nhất. Nếu biết vi trần là thế giới, chẳng phải tuy từ đó mà khởi vi trần, đó là không vi trần, mà còn có thể khởi nên cả thế giới, đó là không thế giới. Khi thế giới toàn là vi trần, thì thế giới chẳng có thật tánh, nên gọi là phi thế giới. Lìa hẳn tánh kế chấp mà nói thế giới, thì đó là không vi trần, nên gọi là thế giới. Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Thế giới tác vi trần*

*Thử dụ thị bỉ nghĩa  
 Vi trần toái vi mạt  
 Thị hiện phiền não tận  
 Phi tụ tập cố tập  
 Phi duy thị nhất dụ  
 Tụ tập xứ phi bỉ  
 Phi thị sai biệt dụ.*

Tạm dịch::

*Thế giới làm vi trần  
 Dụ này chỉ nghĩa ấy.  
 Vi trần nghiền thành bột  
 Chỉ cho phiền não sạch  
 Chẳng tụ tập mà tụ  
 Chẳng phải dụ đồng nhất  
 Chỗ tụ tập chẳng phải.  
 Chẳng là dụ sai biệt.*

Chẳng phải vi trần có tánh hoà hợp mà

thành ra thế giới, nên gọi là chẳng phải đồng nhất. Chẳng phải thế giới có tánh tán hoại mà thành ra vi trần nên gọi là chẳng phải dị biệt. Cho thấy rằng: Do nghĩa nào mà gọi là thế giới? Giải thích ý rằng: Thế giới nếu như thật có, tắc phải là Nay nói *nhất hợp tướng*, có nghĩa là một mà chẳng phải hai. Hoà hợp mà chẳng phân chia, là các vi trần hoà hợp mà thành thế giới. Khởi nên cái thấy này tức là chẳng thấy. Trong cái chẳng có mà vọng thấy đó thôi. Nên Như Lai nói chẳng phải *nhất hợp tướng*. Đó là không mà chẳng lìa tánh. Gọi là *nhất hợp*, chỉ là trên phương diện tục đế mà nói. Chẳng phải thật có, nên gọi nó với tên là *nhất hợp tướng*. *Nhất hợp tướng* này, là chẳng có thể tánh để nói, trong đệ nhất nghĩa, bốn tánh của các pháp là vô sanh. Do vô sanh nên bất khả đắc, do bất khả đắc nên lìa hẳn ngôn thuyết. Chỉ vì hàng phàm

phu chẳng hiểu được, chấp đó là thật nên tham trước vào tướng ấy. Trong vọng chấp đó, giống như trẻ con chấp vào đồ vật.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Đản tùy ư âm thanh*

*Phàm phu thủ điên đảo*

Tạm dịch::

*Chỉ theo nơi âm thanh*

*Phàm phu chấp điên đảo.*

Nếu chẳng thủ trước, tức chẳng rơi vào sự tướng. Dụ này là toàn Ứng thân tức Pháp thân, Pháp thân chẳng lìa Ứng thân. Sao còn nói tánh đồng nhất làm gì? Pháp thân đã không lìa Ứng thân, Ứng thân đã không lìa Pháp thân, nên biết Như Lai chẳng trụ trong ý niệm đồng nhất, cũng chẳng trụ trong ý niệm dị biệt.

Kim Hải Quang Như Lai giải nói rằng:

Thế giới, chính Như Lai nói đó là thế giới ba ngàn đại thiên cõi nước mà Đức Phật Lô-xá-na trú trì, trên thân ngài hoá sinh ra các cây bồ-đề, gọi là Liên hoa tạng thế giới, mà không gọi đó là thế giới chất ngại. *Nhất hợp tướng* là, hết thấy thân chúng sinh trong Phật tánh cùng pháp thân của Đức Phật Lô-xá-na là *nhất hợp tướng* .

Tụng rằng:

*Như Lai tự thuyết Liên hoa tạng  
Phụ hà tam thiên hoàn đại thiên  
Bồ-tát liễu không quy nhất hợp  
Phàm phu tham trước bị ma triền.*

Tạm dịch::

*Chính Như Lai nói Liên hoa tạng  
Gánh vác tam thiên thành đại thiên  
Bồ-tát chứng không, nhất hợp tướng  
Phàm phu tham trước, lạc cảnh ma.*

Giải thích này cũng đã góp phần làm rõ nghĩa thêm cho việc phiên dịch khá thú vị.

Tần Bạt-đà-la Thiên sư <sup>110[110]</sup> hỏi Sinh Thiên sư: Giảng kinh luận nào?

Sinh Thiên sư đáp: Kinh Đại Bát-nhã.

Bạt-đà-la Thiên sư nói: Trong đó nói nghĩa sắc, không thế nào?

Sinh Thiên sư đáp: Nhiều vi trần tụ lại gọi là sắc, tụ tánh của vi trần gọi là không.

Bạt-đà-la Thiên sư hỏi: Nghiền các vi trần ra gọi là gì?

Sinh Thiên sư mờ mịt, chẳng đáp được.

Bạt-đà-la Thiên sư lại hỏi: Ngoài ra còn giảng kinh gì nữa không?

Sinh Thiên sư đáp: Kinh Đại Niết-bàn.

Bạt-đà-la Thiên sư hỏi: Nghĩa của Kinh Đại Niết-bàn là gì?

---

<sup>110[110]</sup>Ngũ đăng Hội Nguyên

Sinh Thiên sư đáp: Niết mà chẳng sinh;  
Bàn mà chẳng diệt. Nên gọi là Bát-nhã.

Bạt-đà-la Thiên sư hỏi: Đó là niết-bàn của  
N hư Lai, còn niết-bàn của pháp sư thì sao?

Sinh Thiên sư đáp: Nghĩa của niết-bàn, há  
có hai chẳng? Tôi chỉ biết có như vậy.  
Chẳng biết Thiên sư nói niết-bàn như thế  
nào?

Bạt-đà-la Thiên sư đưa cây gậy như ý lên,  
nói: Ông thấy không?

Sinh Thiên sư đáp: Thấy!

Bạt-đà-la Thiên sư hỏi: Ông thấy cái gì?

Sinh Thiên sư đáp:

Bạt-đà-la Thiên sư động mạnh cây gậy  
xuống đất, hỏi: Có thấy không?

Sinh Thiên sư đáp: Thấy!

Bạt-đà-la Thiên sư hỏi: Ông thấy cái gì?

Sinh Thiên sư đáp: Thấy cây gậy như ý



trong tay của Thiên sư động mạnh xuống đất.

Bạt-đà-la Thiên sư chê: Xem kiến giải của ông, biết là chưa ra khỏi chỗ tầm thường. Sao được gọi là huyền náo vũ trụ?

Nói rồi phát tay áo bỏ đi. Sinh Thiên sư ôm lòng nghi, bèn đuổi theo Sư nài hỏi: Thầy con nói sắc không trong Kinh Niết-bàn có điều gì không khế hội? Xin thỉnh thiên sư nói nghĩa sắc không như thế nào?

Bạt-đà-la Thiên sư nói: Chẳng phải thầy ông nói không được. Thầy ông chỉ nói sắc không trên phương diện quả, mà chẳng nói được sắc không trên phương diện nhân.

Sinh Thiên sư hỏi tiếp: Thế nào là sắc không trên phương diện nhân?

Bạt-đà-la Thiên sư nói: Một hạt vi trần là không thì các vi trần đều là không. Trong

một vi trần có vô số vi trần.

Lời dạy rôt ráo thay. Nên do đây mà thấu nhập mới có thể tin và hiểu được pháp giới bình đẳng. Chẳng đồng nhất chẳng dị biệt là cảnh giới tột cùng chân thật.

Kinh văn:

須菩提！若人言：佛說我見人見眾生見壽者見。須菩提！於意云何？是人解我所說義不？」「不也，世尊！是不解如來所說義。何以故？世尊說我見人見眾生見壽者見，即非我見人見眾生見壽者見，是名我見人見眾生見壽者見。」

「須菩提！發阿耨多羅三藐三菩提心者，於一切法，應如是知，如是見，如是

信解，不生法相。須菩提！所言法相者，如來說即非法相，是名法相。」

*Tu-bồ-đề! những kiến giải ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy có hiểu được nghĩa ta thuyết dạy chăng?*

*Bạch Thế Tôn, người ấy chẳng hiểu được nghĩa Như Lai thuyết dạy. Vì sao vậy? Thế Tôn nói rằng kiến giải ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, chẳng phải là những kiến giải ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, gọi là kiến giải ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.*

*Tu-bồ-đề! Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với hết thấy các pháp, nên thấy biết như thế này, tin hiểu như thế này, chẳng sanh khởi pháp tướng.*

*“Tu-bồ-đề! Chỗ nói là pháp tướng, Như*

*Lại dạy rằng chẳng phải pháp tướng, gọi là pháp tướng.*

Thông rằng:

Văn trước Tu-bồ-đề có nói ngã tướng tức chẳng phải ngã tướng, cho đến chúng sinh tướng, nhân tướng, thọ giả tướng. Là tất cả các tướng tức gọi là chư Phật. Thế tôn đã ấn khả điều này. Sao lại còn dặn đi dặn lại như vậy?

Trước đây chỉ mới phá trừ tướng, nay mới phá trừ kiến chấp. Kiến và tướng lược nói có sâu cạn, nên cùng phá một lần. Có chúng ngộ biết rõ bốn tướng ấy như trong kinh Viên Giác đã nói, cũng chưa từng là bốn cái thấy này. Chỉ cần không khởi niệm đó là kiến, do vì đó là cái thấy pháp tướng. Khi người còn có tướng ngã nhân, thì đó chẳng phải là Bồ-tát. Có thông đạt pháp vô ngã, mới được gọi là Bồ-tát. Do chỗ khiến

trừ ngã kiến, nay mới tra cứu ra bốn kiến chấp đó vốn là không, thì lấy cái gì để khiến trừ? Đây chính là Bát-nhã tối thượng, không thể chẳng tin theo tín giải tri kiến này. Biết như vậy, nghĩa là biết mà chẳng lìa chân như; Thấy như vậy, nghĩa là thấy mà chẳng lìa chân như. Nhất chân bình đẳng, chẳng sanh phân biệt, há chẳng những tướng của thế giới và vi trần đồng nhất hay dị biệt đều bất khả đắc, tức thể pháp tướng vi tế nhỏ nhiệm cũng vốn là bất sinh, mà là vô trụ nơi chân tế hay sao?

San định ký nói rằng: Từ câu *Nếu có người nói Phật thuyết* trở đi, là để khiến trừ ngã pháp nhằm hiển bày bản tánh không tịch. Ý nói: Trước nói *dophàm phu tham chấp nơi sự tướng*, là duyên vào cảnh giới đồng nhất và dị biệt, đó có tâm năng duyên kiến chấp về ngã và pháp. Tâm kiến chấp chưa phá trừ, cảnh giới đồng nhất và dị biệt

chưa trừ, nên nay phải phá các thứ ấy. Trừ sạch các khái niệm phân biệt để thể nhập thánh đạo. Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Phi vô nhị đắc đạo*

*Viễn ly u ngã pháp.*

Có nghĩa là khi chưa có hai thứ trí thấy được nhân và pháp đều không mà muốn đắc đạo, thì phải nên xa lìa các bốn tướng: ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, rồi sau đó mới chứng đắc được. Đoạn *Thế Tôn* nói rằng *kiến giải ngã, nhân...* đến câu gọi là *kiến giải ngã, nhân,*

Một là, làm sáng tỏ việc lìa ngã kiến. Nếu có người nói rằng Đức Phật nói thật có kiến chấp bốn tướng, ngã nhân..., thì đó ắt là kiến giải sai lầm. Nên nói rằng *người ấy chẳng hiểu được nghĩa Như Lai nói.* Do nghĩa nào mà nói *chẳng hiểu được nghĩa Như Lai thuyết?* Đức Phật nói bốn kiến

chấp ngã nhân..., là chẳng phải bốn kiến chấp ngã nhân..., đó chỉ là giả danh về bốn kiến chấp ngã nhân, chúng sinh, thọ giả. Trong thể tánh chân thật, vốn chẳng có các kiến chấp ấy. Đức Phật vốn muốn hiển bày tính chân thật của vô kiến, nên mới nói về bốn kiến chấp ngã nhân, chúng sinh, thọ giả, là để nói rõ các thứ ấy vốn đều là không, là chẳng thật. Do chúng sinh chẳng thấy được chân như mà vọng phân biệt cái thấy đó.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Kiến ngã tức bất kiến*

*Vô thật hư vọng kiến.*

Nghĩa là, thấy có ngã tức chẳng thấy chân như, nếu thấy được chân như tức là lìa hẳn cái thấy hư vọng.

Hai là, từ câu *Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác* trở xuống. Hiển rõ là

hẳn kiến chấp về pháp. Ý là: Như Lai thuyết pháp chủ yếu là để chúng sinh tu hành khế hợp chân lý. Nên nói phát bồ-đề tâm tức là thấy chân như. Đối với tất cả các pháp nên như vậy mà biết, nên như vậy mà thấy, nên như vậy mà tin hiểu. Ba tên gọi đó, phương tiện y chỉ không đồng:

- Biết: theo xa-ma-tha,<sup>111[111]</sup> tức là định, do định nên có cái biết.

- Thấy: theo tỳ-bát-xá-na,<sup>112[112]</sup> tức là huệ, do huệ nên có phát ra cái thấy.

- Tin hiểu: theo tam-ma-đề,<sup>113[113]</sup> tức định huệ đẳng trì, tức là thấy biết thắng giải tăng thượng. Thường duyên với chân như, đây tức là phương tiện tam-muội. Do lực tam-muội này, mà không sinh khởi pháp tướng. Nói không sinh khởi pháp tướng,

<sup>111[111]</sup>S: Śamatha; e: calm abiding. Hán dịch: Chỉ 止, Tịch tĩnh 寂靜

<sup>112[112]</sup>S: vipaśyanā; e: analytical meditation; observing meditation. Hán dịch: Quán 觀.

<sup>113[113]</sup>S: Samādhi; Cựu dịch Tam-muội, tam-ma-đề. Tân dịch: Định, Đẳng trì, Chánh định, Chánh thọ, Tam-ma-địa.



tức là chẳng nơi pháp và phi pháp mà phát sinh thủ trước, nên trừ được kiến chấp phân biệt.

Chấp trước vào chứng ngộ rõ biết tức là ngã tướng. Chẳng chấp trước vào chứng ngộ rõ biết tức là pháp tướng. Từ câu *Chỗ nói là pháp tướng* trở xuống, để hiển rõ ý xưa nay vốn không tịch. Nói pháp tướng, tức chẳng thật có pháp tướng, tức vốn chẳng có pháp tướng. Trong thẳng nghĩa để vốn chẳng dung chứa những thứ khác, là tánh là tướng, vốn chẳng hoà hợp, chỉ theo tục đế nên gọi là pháp tướng. Tánh khởi thành tướng, nên tướng chẳng là tánh. Như trước có dụ rằng trong vàng chẳng có vật tượng, nhưng vật tượng chẳng là vàng mà có.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Nhị trí cập tam-muội*

*Như thị đắc viên ly.*

*Nhị trí là nhân vô ngã và pháp vô ngã. Tam-muội tức là biết, thấy và tin hiểu. Như thế cho đến lìa xa cả bốn thứ kiến chấp ngã nhân chúng sinh thọ giả, chẳng sinh khởi pháp tướng. Đoạn văn này tuy giải thích chính là lìa hẳn câu sinh pháp chấp, mà cũng chính là tổng kết chính hạnh hàng phục. Do mở đầu kinh văn Tu-bồ-đề đã thưa hỏi: *Nếu có người phát tâm Vô thượng bồ-đề, làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm?* Như Lai đáp rằng: *Nên như vậy mà an trụ, như vậy mà hàng phục tâm.**

Nay để tổng kết lại, nên nói rằng: Nên như vậy mà biết, như vậy mà thấy, như vậy mà tin hiểu như chẳng sanh khởi pháp tướng. Đây chính là hàng phục, chính là an trụ tâm đó vậy.

Phó Đại sĩ một hôm mang áo nẹp, đội mũ, mang giày đi gặp Lương Võ Đế. Vua hỏi: Là tăng hay sao? Phó Đại sĩ lấy tay chỉ lên nón.

Vua hỏi: Là đạo sĩ hay sao? Phó Đại sĩ lấy tay chỉ xuống giày.

Vua hỏi: Là tục nhân hay sao? Phó Đại sĩ lấy tay chỉ nẹp y.

Cổ đức có bài tụng rằng: Đạo sĩ là mũ nón. Nho sĩ là giày. Thích tử là nẹp y. Gom ba nhà thành một, quên mất đường lên trời Đâu-suất, trở lại hai cội cây chời hội Long hoa.

Thân hồn hậu (kín đáo) này đều là dụng của Bát-nhã, rốt ráo chẳng có pháp tướng để nắm bắt, tông chỉ chân thật là vô trụ. Chỉ có sự bộc lộ của Phó Đại sĩ là cùng tột nhất.

**26. Đoạn trừ mọi nghi hoá thân thuyết**

## **pháp chẳng có phước đức.**

Mỗi nghi này từ dụ trên về hoá thân chân thật vốn chẳng là đồng nhất hay dị biệt. Ý là: nếu là chẳng đồng nhất, thì hoá thân chỉ là hư giả; nếu là chẳng dị biệt, chỉ âm thầm hoà hợp quy về một pháp thân, tức rốt ráo hoá thân vốn chẳng có tự thể. Nếu như vậy, ắt lời chư Phật năng thuyết là hư vọng, thì giáo pháp sở thuyết làm sao mà chân thật? Tu trì theo giáo pháp chẳng thật, làm sao có được phước đức? Để khiến trừ mỗi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

須菩提！若有人以滿無量阿僧祇世界七寶持用布施，若有善男子、善女人，發菩薩心者，持於此經，乃至四句偈等，受持讀誦，為人演說，其福勝彼。云何

為人演說？不取於相，如如不動。

*Tu-bồ-đề! Nếu có người dùng bảy món báu đầy khắp trong vô số a-tăng-kỳ thế giới mà bố thí. Lại có những kẻ nam người nữ lòng lành phát tâm Bồ-đề, giữ lấy kinh này, thậm chí chỉ được bốn câu kệ, thọ trì đọc tụng, vì người diễn thuyết, phước đức này hơn phước bố thí kia.*

*Thế nào là vì người diễn thuyết? Chẳng chấp giữ nơi tướng, như như chẳng động.*

Thông viết:

Đem công đức bố thí để so sánh với công đức trì kinh, đó là cái thấy của hàng phàm phu. Chẳng phải là không trùng với nghĩa hiển rõ ý nên không chỗ trụ mà làm việc bố thí. Biết bố thí mà chẳng biết Bát-nhã, tức là trụ nơi tướng. Thường trì kinh mà không trụ nơi tướng tức là chân thật bố thí. Mới gọi là đem bảy báu ra bố thí không

bằng được đến bảo sở của việc trì kinh. Đã đem hết thân mạng ra bố thí, không bằng chúng được pháp thân do việc trì kinh. Đã cúng dường chư Phật, không bằng thành Phật do việc trì kinh. Thành tựu được hạnh nhân nhục, là được cái nhân thành Phật, thì cái nhân bố thí làm sao sánh bằng cái nhân trước đó được? Nhiều lần tán thán, ý mỗi lần đều khác nhau.

Trì kinh rồi vì giảng nói sâu rộng cho nhiều người tin hiểu, đó là pháp thí. Không thủ tướng, như chân như trạm nhiên bất động. Thuyết pháp là *như*, truyền pháp là *như*, khiến cho mọi chúng sinh đều chúng được pháp thân, thì công đức thù thắng vô cùng.

San định ký nói rằng: Từ câu *Nếu có người...* đến câu *hơn phước bố thí kia...* là nói rõ công đức giảng pháp. Phát tâm Bồ-đề là Bồ-tát có tâm nguyện làm lợi ích cho

chúng sinh và cứu độ muôn loài, nên thường ngay nơi tâm này mà thọ trì, và thường nói tâm này mà giảng nói sâu rộng cho nhiều chúng sinh. Kinh văn chỉ nói rõ công đức thọ trì giảng nói kinh, nay luận nói rằng hoá thân Phật thuyết pháp, thì có được công đức vô lượng chăng? Vì hoá thân Phật là bậc giáo chủ thuyết pháp, thọ trì đọc tụng là người là cho kinh điển lan truyền sâu rộng ra, việc hoằng truyền kinh điển sâu rộng, đó là điều Đức Phật giảng nói. Điều Phật nói vốn là hỷ tướng ngôn thuyết nên công đức vô lượng. Người hoằng truyền kinh điển sâu rộng, nếu được là hỷ các tướng ngôn thuyết, thì phước đức ấy thù thắng hơn hỷ công đức do đem vô lượng vô số trân bảo bố thí kia.

Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Hoá thân thị hiện phước*

*Phi vô vô tận phước.*

Nghĩa là, người trì kinh, cũng tức là thị hiện của hoá thân Phật, nên có được phước đức vô lượng. Sao nói giảng nói kinh điển sâu rộng sẽ được công đức như vậy? Vì chẳng phải giảng nói, đó chính là giảng nói. Di-lặc Bồ-tát có kệ rằng:

*Chư Phật thuyết pháp thời,  
Bất ngôn thị hoá thân  
Dĩ bất như thị thuyết  
Thị cố bỉ thuyết chính.*

Tạm dịch::

*Khi chư Phật thuyết pháp  
Không nói là hóa thân  
Do chẳng nói như vậy  
Nên đó chính là nói.*

Trên phương diện đệ nhất nghĩa, chẳng có pháp thế gian hoặc pháp xuất thế gian,



hoặc là pháp hoặc là vật, nếu có một pháp nhỏ để nói, thì trong ấy đều là nghĩa như thật. Trên đã nói, *như* là giống như, văn dưới nói rằng *như* tức là *chân như*. Đồng như chân như, nên kinh gọi là *như như*. Nghĩa là Đức Phật dù có nói chẳng? Thì đó đều là như như chân thật. Người thuyết pháp cũng như là chân như kia, chẳng có gì phân biệt. Chẳng chấp giữ tướng năng thuyết sở thuyết. Chẳng nói ngã là hoá thân, chẳng nói ngã là người thuyết pháp, ắt sẽ chẳng biết ai là người thuyết pháp, ai là hoá thân, ai là năng thuyết, cái gì là sở thuyết? Nói pháp như vậy, công đức lớn đồng thái hư, đạt được phước đức chẳng tận cùng khó có thể so sánh được.

Phó Đại sĩ một hôm sau khi giảng kinh xong, Lương Võ Đế đến, đại chúng đều đứng dậy, duy chỉ có Phó Đại sĩ vẫn ngồi bất động. Viên cận thần đến báo: Thánh

giá đến đây, sao chẳng đứng dậy?

Phó Đại sĩ đáp: Đất pháp nếu động, mọi xứ chẳng an.

Đây có thể nói là như như bất động. Chẳng phải là lời nói vô ích, là chỗ thực hành chân thật đó vậy.

Phật Giám<sup>114[114]</sup> Hoà thượng dạy chúng, nêu ra lời một vị tăng hỏi Thiền sư Triệu Châu:

Thế nào là nghĩa chẳng biến đổi?

Triệu Châu dùng tay ra hiệu như nước đang chảy. Vị tăng nhận ra.

Lại có vị tăng hỏi thiền sư Pháp Nhãn: Không thủ nơi tướng, như như bất động. Thế nào là không thủ nơi tướng để thấy như như bất động?

Pháp Nhãn nói: Mặt trời sáng mọc ở

---

<sup>114[114]</sup> Huệ Càn Phật Giám Thiền sư 佛鑑禪師 (1059-1117) Thiền tăng đời Tống, họ Giang, tự Phật Giám, người xứ Thư Châu (nay là huyện Tiềm Sơn, tỉnh An Huy) Trung Quốc; nổi pháp Thiền sư Ngũ Tổ Pháp Diễn, tông Lâm Tế đời thứ 11. Sư trụ chùa Hưng Quốc ở núi Thái Bình.

phương Đông, chiều lặn ở phương Tây. Vị tăng cũng nhận ra được.

Nếu ở nơi đây mà thấy được, mới hay đạo như gió tỳ lam<sup>115[115]</sup> nép mình dưới núi, xưa nay vốn thường thanh tịnh, như sông suối tuôn tràn mà vốn chẳng hề chảy. Nếu như chưa từng như vậy, không thể tránh được phải nhiều lời. Trời do tại xoay vần, đất do ở chuyển biến. Từ xưa đến nay trải qua biết bao biến thiên, mặt trời lên, mặt trăng lặn, vừa ra khỏi cửa biển, liền rơi xuống núi xanh. Sóng ngàn sông mờ mịt, sóng sông Hoài sông Tể mênh mông, chỉ là nhập vào dòng chảy đêm ngày ở biển khơi. Rồi Sư gọi lớn: Các thiên đức, có thấy được như như bất động chẳng? Nếu ngay nơi lời nói của các ngài, biết có chỗ động, thì hãy biết cái bất động. Sao còn nghi hoá

<sup>115[115]</sup> Tỳ-lam phong; s: Vairambhaka. Ý dịch Tấn mãnh phong, Hằng khởi phong, Tuyền phong. Chi cho khi ban đầu hình thành vũ trụ vũ trụ.

thân chẳng phải là pháp thân?

## **27. Đoạn trừ mỗi nghi nhập vào chốn tịch diệt rồi làm sao nói pháp?**

Mỗi nghi này do từ đoạn trước nói về thuyết pháp và bất động. Đã nói chẳng thủ nơi tướng, như như bất động, ắt Đức Phật phải thường trụ ở thế gian để vì chúng sinh thuyết pháp. Sao phải còn có tướng nhập diệt? Khi chưa nhập diệt, thì còn có thể thuyết pháp, Nhưng khi đã nhập diệt rồi, làm sao thuyết pháp? Nói rằng chẳng có pháp để thuyết, tức thành đoạn diệt. Nói pháp thân thuyết pháp. Sao lại nhập diệt? Không biết rằng trí huệ Bát-nhã thậm thâm cũng không bằng quán sát được như vậy. Để khiến trừ mỗi nghi này, nên kinh nói:

Kinh văn:

何以故？一切有為法，如夢幻泡影；如露亦如電，應作如是觀。」

Vì sao vậy?

*“Hết thấy pháp hữu vi,  
Như mộng ảo, bọt nước,  
Như sương sa, điện chớp.  
Nên quán sát như vậy.”*

Ngài Huyền Trang dịch rằng:

復次，善現！若菩薩摩訶薩，以無量無數世界盛滿七寶，奉施如來應正等覺；若善男子或善女人，於此般若波羅蜜多經中，乃至四句伽陀，受持讀誦，究竟通利，如理作意，及廣為他宣說開示。

由此因緣所生福聚，甚多於前無量無數。云何為他宣說開示？如不為他宣說開示，故名為他宣說開示。」爾時世尊而說頌曰：「諸和合所為，如星翳燈幻；露泡夢電雲，應作如是觀。」

*Lại nữa, Thiện Hiện, nếu có Bồ-tát ma-ha-tát, đem vô số bảy báu nhiều như vô lượng vô số thế giới để bố thí cúng dường cho bậc Như Lai ứng chánh đẳng giác; nếu có thiện nam tín nữ ngay nơi kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa này, cho đến chỉ bốn câu kệ, thọ trì đọc tụng rất ráo thông đạt, như lý mà hành xử. Rồi khai thị, giảng nói rộng rãi cho người khác nghe, do nhân duyên này mà tích tụ được phước rất nhiều, hơn cả phước đức của người trước vô lượng vô số. Thế nào là khai thị, giảng nói rộng rãi*

*cho người khác? Là chẳng phải khai thị, giảng nói rộng rãi cho người khác, đó chính là khai thị, giảng nói rộng rãi cho người khác.*

*Lúc đó Thế tôn nói lời kệ rằng:*

*Chư hoà hợp sở vi  
Như tinh ế đặng huyễn  
Lộ bào mộng điển vân  
Ứng tác như thị quán.*

*Nghĩa là:*

*Các pháp hoà hợp thành,  
Như sao, nhặm, đèn, huyễn,  
Sương, bọt, mộng, điện, mây  
Nên quán sát như vậy. <sup>116</sup>[116]*

*Phó Đại sĩ có bài tụng rằng:*

---

<sup>116</sup>[116] *tārakā timiraṃ dīpo māyāvaśyāyabudbudam |  
supinaṃ vidyudabhraṃ ca | evaṃ draṣṭavyaṃ saṃskṛtaṃ |*

*Như sao đêm, như mắt loạn, như ngọn đèn, như huyễn thuật, như sương mai, như bọt nước, như cơn mộng, như ánh chớp, như đám mây – những gì hữu vi nên được quán chiếu như vậy.*

*Như tinh ể đấng huyễn  
 Giai vị dụ vô thường.  
 Lậu thức tu nhân quả,  
 Thùy ngôn đắc cứu trường,  
 Nguy thúy đồng bào lộ  
 Như vân ảnh điện quang  
 Nhiêu kinh bát vạn kiếp,  
 Chung thị lạc không vong.*

Tạm dịch::

*Như sao, nhậm, đèn, huyễn,  
 Đều để dụ vô thường  
 Nhiệm thức tu nhân quả,  
 Làm sao được lâu dài  
 Nguy thúy như sương, bọt  
 Như mây ảnh điện quang  
 Dù qua tám vạn kiếp,  
 Rốt ráo lạc vào không.*



Thông rằng:

Kinh này gọi là Kim cang Bát-nhã, 10 dụ thậm thâm trên chính là ý chỉ căn bản của kinh này. Nên nói quán sát tất cả nghiệp như là huyễn, tất cả pháp như là sóng nắng, tất cả tánh như là trắng trong nước, sắc đẹp như không, âm thanh hay như tiếng vang, quán sát cõi nước chư Phật như thành càn-thát-bà.<sup>117[117]</sup> Quán sát Phật sự như mộng, pháp thân như ảnh, báo thân như tượng, pháp thân như huyễn hoá. Chỉ trừ dụ âm thanh hay như tiếng vang, còn lại liệt vào chín ví dụ. Tuy danh tướng có chút bất đồng, nhưng phần lớn là dùng tâm ý để lĩnh hội. Trí huệ quán sát Bát-nhã thậm thâm này tuy thấy Phật sự như mộng, tuy thấy Phật thân như ảnh, chính là đạt đến thấy các nghiệp đều như huyễn. Từ 37

<sup>117[117]</sup>Gandharva; gandhabba, 藏 dri-za. Thành càn-thát-bà s: Gandharva-nagara 乾闥婆城 .

phẩm trợ đạo cho đến bồ-đề niết-bàn, hết  
thảy đều như huyễn, vốn chính là tông chỉ  
phá trừ các tướng của trí huệ đại Bát-nhã.

Trì kinh thuyết pháp, hiểu sâu nghĩa lý.  
Giảng nói cho người khác nghe, không thủ  
chấp tướng, như như bất động, đó là khéo  
quán sát tất cả các pháp hữu vi. Như mộng  
như huyễn có nghĩa là không có thật tánh,  
chớp nhoáng sanh, chớp nhoáng diệt.  
Người ngu thấy đó cho rằng có sự sinh  
diệt. Người trí quán sát thấy nguyên vốn  
chẳng động, vốn chưa từng sinh, vốn chưa  
từng diệt. Đã là vô sinh diệt, tức là chẳng  
đến đi. Từ đó mà chư Phật nhập niết-bàn.  
Chẳng trụ vào trong pháp hữu vi, cũng  
không trụ vào pháp vô vi. Đã không trụ  
vào sinh tử niết-bàn nên thường tự như  
như, nói trần nói sát, vốn chẳng dính trong

đó.<sup>118[118]</sup> Sao còn có tướng bùn dơ nhập  
vào chỗ rỗng lặng được?

Di-lặc BỒ-tát có kệ rằng:

*Phi hữu vi phi ly*

*Chư Như Lai niết-bàn*

*Cửu trùng hữu vi pháp*

*Diệu trí chính quán cố*

*Kiến tướng cập ư thức*

*Khí thân thọ dụng sự*

*Quá khứ hiện tại pháp*

*Diệc quán vị lai thế*

*Quán tướng cập thọ dụng*

*Quán ư tam thế sự*

*Ư hữu vi pháp trung*

*Đắc vô cấu tự tại.*

Tạm dịch:

<sup>118[118]</sup>Chú thích của người biên tập (Tăng Phụng Nghi): Nghi rằng chữ gian 間 là chép nhầm của chữ Nhĩ 聞.

*Niết-bàn của Như Lai  
 Chẳng phải là hữu vi  
 Cũng chẳng là hữu vi.  
 Chín tầng pháp hữu vi  
 Dùng diệu trí chánh quán  
 Kiến, tướng phân và thức  
 Căn thân cùng khí giới,  
 Và những tướng thọ dụng  
 Pháp quá khứ hiện tại  
 Cùng quán đời vị lai  
 Tướng trạng và thọ dụng  
 Quán việc trong ba đời  
 Ở trong pháp hữu vi  
 Được thanh tịnh tự tại.*

Bài kệ này giải thích rõ cảnh giới niết-bàn của chư Phật, đó vốn chẳng phải là pháp hữu vi, cũng chẳng là pháp hữu vi. Cũng

chẳng trụ niết-bàn, cũng không trụ ở thế gian, chỉ thị hiện thuận theo thế gian, vì lợi ích thế gian mà hiện hành. Không trụ vào các pháp hữu vi là do nhờ vào trí huệ vi diệu quán sát được chín tầng pháp hữu vi này. Chín lớp đó là gì?

Quán cái thấy như tinh tú, thấy được tâm pháp, đâu chẳng soi tỏ, mặt trời chánh trí chói lợi, tức ẩn chẳng hiện.

Quán các tướng như mắt nhắm, các cảnh sở duyên đều là vọng hiện, như cảnh giới trên đầu sợi lông, vốn chẳng thật có.

Quán thức như ngọn đèn, chỉ nương vào tham ái mà có, chẳng phải là không chiếu liễu, nhưng niệm niệm dời đổi tương tục không thôi.

Quán thế giới như huyễn, thế gian từng lớp, từ vọng duyên mà sinh ra, do lực của giả huyễn mà vọng khởi, vốn chẳng có thật

thể.

Quán thân như sương móc, tạm thời dùng trụ, mặt trời lên liền khô, một khi gặp vô thường, liền theo đó mà tàn tạ.

Quán sự thọ dụng như là bọt bóng, do ba thứ căn cảnh và thức hoà hợp, mà có thọ dụng khổ hoặc vui, khi thành tựu, khi tan rời.

Quán quá khứ như là mộng, đã có tập hợp tạo thành, đều như cảnh trong mộng, do nhớ tưởng mà sinh ra, vốn chẳng có thực sự.

Quán hiện tại như là điện chớp, sinh ra liền diệt, sát na chẳng dừng, tuy tạm thời có, thoáng chốc liền mất.

Quán vị lai như là mây, thức chứa các chủng tử như trong mây có mưa. Thường có trong nó các yếu tố căn bản để phát sinh thứ khác.

Nếu có thể dùng trí Kim cương Bát-nhã vi diệu để quán chín pháp này thì:

1. Quán sát cái thấy, cảnh giới và thức, tức là quán sát được sự tích tập và tạo thành các pháp hữu vi.
2. Quán sát thể giới cùng thân căn thọ dụng, dùng trụ ở nơi nào, do đâu có thân, thọ dụng những thứ gì, tức là quán sát các pháp thọ dụng trước mắt.
3. Quán sát ba thời sai biệt, đó là các việc hữu vi, tức là quán sát sự dời đổi không dùng trụ các pháp.

Do đây mà quán sát, liền có thể ở trong các pháp hữu vi mà được sự không chướng ngại, tùy ý tự tại. Do đây dù có ở trong trần lao sinh tử, trí quán chiếu ấy cũng không bị ô nhiễm. Dù có thể chứng viên tịch đến như tro lạnh, tâm bi này cũng không mê muội. Nên được sự không cầu nhiễm và

thường tự tại, tức là như như bất động, vốn chẳng có tướng nhập diệt. Nếu thường có được cái thấy như vậy, tức là đã không còn trụ nơi pháp hữu vi mà chấp thủ các tướng, cũng không trụ vào vô vi mà lìa các tướng. Dùng cái thấy này mà tự độ thoát cho mình, tức cũng để độ thoát cho người, cũng là để hộ niệm và phó chúc cho các Bồ-tát. Tuy chỉ là một bài kệ, nhưng vô cùng khẩn thiết. Há có thể đem cái thấy nông cạn để đo lường được sao?

Xưa vua Lương Võ Đế thỉnh Phó Đại sĩ giảng Kinh Kim Cang. Phó Đại sĩ liền thẳng toà, dùng cây thước gõ mạnh xuống bàn rồi bái toà. Lương Võ Đế rất ngạc nhiên.

Thiền sư Chí Công hỏi: Bộ hạ có hiểu không?

Lương Võ Đế trả lời: Chẳng hiểu.



Thiền sư Chí Công nói: Phó Đại sĩ giảng kinh xong rồi.

Tuyệt Đâu có bài tụng: <sup>119</sup>[119]

*Bát hương song lâm ký thử thân  
Khước u Lương độ nhạ ai trần  
Đương thời bất đắc Chí Công lão  
Dã thị tê tê khứ quốc nhân.*

Tạm dịch::

*Chẳng ở Song lâm gửi thân này  
Lại đến nước Lương dính bụi trần  
Bảy giờ nếu chẳng gặp Chí Công  
Cũng phải bôn ba đến nước người.*

Gỗ thước mạnh xuống bàn một cái là dụ cho như điện, như huyễn, theo đại ý Kinh Kim Cang, đó là phá sạch trong khoảnh khắc gảy móng tay. Chẳng phải là diệu trí của Thiền sư Chí Công, mấy ai nhận ra

<sup>119</sup>[119] Bích Nham Lục, Tắc 67 T48; Phó Đại sĩ giảng kinh xong.

được?

Lại nữa, Thiền sư Trường Sa Cảnh Sầm nhân lúc có vị tăng vừa viên tịch, Sư khoác tay rồi nói: Đại chúng! Vị tăng này chân thật đã vì các ông đề xướng thương lượng. Hiểu chăng?

Rồi sư nói kệ rằng:

*Tiền nhật vô nhất pháp  
Đương nhật diệt vô nhân  
Đãng đãng Kim cương thể  
Phi vọng diệt phi chân.*

Tạm dịch::

*Hôm trước chẳng một pháp  
Ngày nay chẳng một người  
Rỗng rang Kim cương thể  
Không vọng, cũng không chân.*

Có vị tăng hỏi: Sau khi vị tăng ấy chết, ông ta đi về đâu?

Thiền sư Trường Sa đáp:

*Bất thức Kim cang thể  
Khước hoán tác chúng sinh  
Thập phương chân tịch diệt  
Thùy tại phục thùy hình.*

Tạm dịch::

*Không rõ Kim cang thể  
Trở lại làm chúng sinh  
Mười phương chân tịch diệt  
Ai người mất kẻ còn?*

Thiền sư Tuyết Phong cũng nhân thấy một vị tăng vừa viên tịch, Sư nói kệ rằng:

*Đê đầu bất kiến địa  
Ngưỡng diện bất kiến thiên  
Dục thức Kim Cang thể  
Đãn khán độc lâu tiên.*

Tạm dịch::

*Cúi xuống chẳng thấy đất  
Nhìn lên chẳng thấy trời  
Muốn biết Kim Cang thể  
Hãy xem sọ xương tàn.*

Lại có vị tăng đến hỏi Thiền sư Pháp Nhân: Vị tăng ấy chết, ông ta đi về đâu?

Thiền sư Pháp Nhân đáp: Vị tăng ấy đã từng chết đâu?

Tăng lại hỏi: Thế nay con phải làm sao?

Pháp Nhân đáp: Ông chẳng biết vị tăng ấy.

Đây là cách các bậc tôn túc đã phát minh được thể Kim Cang. Vốn là chẳng hề có sinh diệt, chẳng có đến đi. Như như bất động, đó là cách thức thuyết pháp xưa nay.

## 27a. Sạch các mối nghi

## Kinh văn:

佛說是經已，長老須菩提及諸比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、一切世間天人阿脩羅，聞佛所說，皆大歡喜，信受奉行。

*Phật thuyết kinh này rồi, Trưởng lão Tu-bồ-đề cùng các vị tỳ-khưu, tỳ-khưu ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hết thảy thế gian, trời, người, a-tu-la, nghe Phật thuyết dạy đều hết sức hoan hỷ, tin nhận, làm theo lời dạy.*

San định ký nói rằng:

Đức Phật đã nói xong kinh này rồi. Vốn do Không Sinh (Tu-bồ-đề) hết lòng hỏi, nên Đức Phật mới trả lời về hàng phục tâm, an trụ tâm và phát tâm tu hành. Hỏi đáp đã

xong, là cũng hoàn tất thời thuyết kinh. Nhưng do vết tích xen vào mà khởi nghi, nên liên hoàn có đến 27 đoạn. Cơ hồ với văn này, những niệm nghi nan được giải thích như băng tan. Nếu Thiên Cát (Tu-bồ-đề) đã không hỏi, thì Đức Phật đã không nói rõ. Trong một quyển kinh tuy chỉ gồm có thầy trò, đã là sự thành tựu to lớn rồi, nên chỉ nói là Đức Phật thuyết, mọi người đều vô cùng hoan hỷ, *tin nhận, làm theo lời dạy*. Hoan hỷ làm theo lời dạy: Điều này có 3 nghĩa:

1. Người nói thanh tịnh: không bị nhiễm ô bởi sự thủ trước lợi dưỡng.
2. Giáo thuyết thanh tịnh: Dùng pháp thể như thật trí để nói, nói lý như lý, nói sự như sự.
3. Được quả thanh tịnh, ngay chỗ hiểu mà thực hành, đặc được quả vô

lậu.

Trong hội chúng gồm Tỷ-khuru, Tỷ-khuru ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, gọi là thường tuỳ bốn chúng. Nghe kinh này rồi, tín tâm chẳng nghịch, chẳng có luận bàn gì nữa. Nếu tất cả chúng sinh ở cõi trờiim cõi người, a-tu-la, cho đến chư thiên ở cõi vô sắc, cõi sắc giới, gọi là hữu sắc vô sắc, hữu tướng vô tướng, phi hữu tướng phi vô tướng, đều có trong giới này. Chỉ đề cập đến loài trời, loài người, a-tu-la đều có trong này! Tất cả đều tin nhận làm theo. Kinh nói rằng đều khiến cho họ được nhập vào vô dư niết-bàn, là đã quá rõ ràng và có căn cứ. Do vậy nên Thế tôn mới phó chúc và hộ niệm cho hàng Bồ-tát, ngoài ý nghĩa này đâu có gì khác!

Xưa Thiên sư Cổ Linh Thần Tán được gặp thiên sư Bá Trượng mà được khai ngộ. Trở về muốn báo đáp ân đức thọ nghiệp.

Thầy Bôn sư của Linh Tán hỏi: Con rời ta đi tham học đã lâu, đã được sự nghiệp gì?

Linh Tán đáp: Chẳng có sự nghiệp gì.

Bèn sai làm việc hầu thầy như trước.

Một hôm nhân tắm rửa cho thầy, khi kỳ lưng cho thầy, Linh Tán nói: Đẹp như điện Phật, nhưng Phật chẳng linh thiêng.

Thầy Bôn sư quay đầu nhìn ông.

Linh Tán nói tiếp: Tuy Phật chẳng linh thiêng, nhưng lại phóng quang.

Thầy Bôn sư một hôm ngồi xem kinh bên cửa sổ. Có con ong muốn xoi thủng cửa giấy để chui ra, Linh Tán nhân đó nói bịa: Thế giới rộng lớn như vậy mà không chịu ra, dù mài trong thứ giấy cũ nát ấy làm gì, đến năm con lừa mới hòng ra được.

Rồi nói bài kệ rằng:

*Không môn bất khảng xuất*



*Đầu song đã thái si  
Bách niên toàn cố chỉ  
Hà nhật xuất đầu thời.*

Tạm dịch::

*Cửa không, chẳng chịu ra  
Xoi cửa, thật si mê  
Trăm năm dùi giấy mực  
Biết ngày nào được ra?*

Thầy Bôn sư đang xem kinh, nghe vậy liền hỏi: Con đi hành cước đã gặp được người nào? Ta lâu nay nghe con nói toàn những điều khác lạ?

Linh Tán nói: Con nhờ gặp được Hoà thượng Bá Trượng chỉ cho con chỗ dừng bặt ấy. Nay con chỉ muốn báo đáp ân đức từ bi của thầy!

Thầy Bôn sư bảo đại chúng đến giờ thọ trai, thỉnh Linh Tán thuyết pháp. Linh Tán

liền thẳng toà. Cử xướng môn phong của  
Thiền sư Bá Trượng:

*Linh quang độc diệu  
Huýnh thoát căn trần  
Thể lộ chân thường  
Bất câu văn tự  
Tâm tánh vô nhiễm  
Bốn tự viên thành  
Đản li vọng duyên  
Đản như như Phật.*

Tạm dịch::

*Sáng suốt vi diệu  
Vượt thoát căn trần  
Hiện bày chân thường  
Chẳng vướng văn tự  
Tâm tánh không nhiễm  
Vốn tự viên thành*

*Chỉ là vọng duyên*

*Tức Phật như như.*

Bốn sư ngay lời đó cảm ngộ. Nói rằng:  
Nào ngờ lão tăng được nghe việc cùng tột  
như thế này.

Vài lời của Bá Trượng như vậy, đủ để khái  
quát yếu chỉ của Kinh Kim Cang. Mong  
sao người đọc tỉnh giác cảm ngộ, để khỏi  
phải hướng vào giấy cũ xoi thủng tìm cầu.  
Đâu còn nói đến 500 sau mới có người  
sinh tín tâm. Thật khó thay!

KIM CANG KINH TÔNG THÔNG  
CHUNG

Tịnh Thất Từ Nghiêm

Thích Nhuận Châu

Dịch sang tiếng Việt

# Tháng 7. Bính Tuất

## Hạ an cư-pl.2550